SỬ ĐỊA

DO MỘT NHÓM GIÁO SƯ, SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM SÀI-GÒN CHỦ TRƯƠNG

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ BẢO TRỢ

22

1971

*TẬP SAN * SƯU TẦM * KHẢO CỨU * GIÁO KHOA*

BAN CHỦ BIÊN:

NGUYỄN THẾ ANH — BỬU CẦM — PHAN KHOANG — LÂM THANH LIÊM—PHẠM VĂN SƠN — THÁI VIỆT ĐIỂU — PHẠM CAO DƯƠNG — PHÙ LANG — ĐẶNG PHƯƠNG NGHI — QUÁCH THANH TÂM — TRẦN ĐĂNG ĐẠI — PHẠM ĐÌNH TIẾU — NGUYỄN KHẮC NGỮ — NGUYỄN HUY — TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG — PHẠM LONG ĐIỀN — TRẦN ANH TUẤN — NGUYỄN THÁI AN — TRẦN QUỐC GIÁM — NGUYỄN SAO MAI — MAI CHƯỞNG ĐỨC.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA:

HOÀNG XUÂN HÃN — CHEN CHING HO — THÍCH THIỆN ÂN — LÊ VĂN HẢO — NGUYỄN VĂN HẦU — TẠ TRỌNG HIỆP — NGUYỄN TRẦN HUÂN — NGUYỄN NGỌC CƯ — PHẠM VĂN DIÊU — BỬU KẾ — NGUYỄN KHẮC KHAM — TRƯƠNG BỬU LÂM — LÊ HỮU MỤC — NGUYỄN PHƯƠNG — HỒ HỮU TƯỜNG — LÊ THỌ XUÂN — ƯNG TRÌNH — NGHIÊM THẨM — TÔ NAM — BÙI QUANG TUNG.

BAN TRỊ SỰ:

nguyễnnhã - nguyễnnhựttấn - phạmthịhồngliên - nguyễnngọc trác - trầnđìnhthọ - nguyễnhữuphước - phạmthịkimcúc - trần ngọcban - phạmvănquảng - phạmđứcliên

LIÊN LẠC *Thư từ, bài vở, ngân chi phiếu, xin đề :* NGUYỄN NHÃ

TRÌNH BÀY NGUYỄN NHỰT TẤN

TRƯƠNG MỤC TẬP SAN SỬ ĐỊA *Sài-gòn T/M 2763 Chánh Trung Khu chi phiếu — Sài-gòn*

TÒA SOẠN *221, Cộng Hòa, Sài-gòn B.P : 380*

lá thư tòa soạn

Ngày 28 tháng 2 vừa qua, Tập San Sử Địa đã đầy năm tuổi chẵn. Dịp này, nhiều thân hữu, những người cộng tác với Tập San đã có mặt, khuyến khích và cầu chúc Tập San này được trường tồn để tiếp tục và tiến mạnh trên con đường đã vạch sẵn. Cảm động nhất là một vị giáo sư tại Đại Học Văn Khoa Sài gòn đã phát biểu ý kiến rằng thật không ngờ khi thấy thành quả của Sử Địa và rất lấy làm tiếc trước đây đã phê bình quá sớm về Tập San này.

Thành quả tốt đẹp nếu có của Tập San Sử Địa cũng là do sự góp sức lớn lao của mọi người, nhất là sự cộng tác của học giới và sự ủng hộ của quí bạn đọc. Sử Địa xin chân thành cảm tạ sự góp sức và lòng quí mến ấy.

Tập San Sử Địa nguyện sẽ tiếp tục cố gắng hơn nữa để đáp lại kỳ vọng của mọi người.

Sử Địa số kế tiếp sẽ là số đặc khảo về Đà Lạt, một số báo đầu tiên đặc biệt chú trọng địa lý. Chúng tôi hy vọng rằng quí bạn đọc sẽ ưa chuộng số báo đặc khảo này vì các công trình nghiên cứu giá trị của các chuyên viên cũng như những bổ ích về phương diện du lịch tại nước ta.

Cùng theo chiều hướng này, Sử Địa sẽ cố gắng thực hiện nhiều số báo đặc khảo về Sài gòn xưa và nay. Chúng tôi cũng đang sửa soạn thực hiện một chương trình du khảo tất cả các di tích xưa ở Sài gòn.

Chúng tôi kêu gọi sự tiếp tay của quí vị xa gần để thực hiện các số báo có giá trị về Sài gòn xưa và nay. Tất cả những hình ảnh, bản đồ, các văn liệu cổ nào quí giá mà quí bạn đọc biết, chúng tôi xin quí bạn đọc cho Sử Địa mượn xử dụng hay mách giúp cho Sử Địa. Trong các số đặc khảo về Sài gòn này, chúng tôi sẽ dành sẵn mục « MÁCH GIÚP TÀI LIỆU » để đăng tải tất cả những lời giới thiệu, mách giúp tài liệu của quí bạn đọc.

Tập San Sử Địa rất mong đợi sự hợp tác của quí bạn đọc.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»

(...tiếp theo Sử Địa số 21)

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

5. YẾN-ĐÔ VƯƠNG TRÁNH TỚI BẠC-TRẠCH

91 Đỉnh Long-sơn toan ngăn một dải
Bỗng đạo Nam có khải phụng nghinh
93 Gảy chèo trống giục tiến hành
Kìa gềnh nọ lạch uốn quanh lần lần
95 Qua cửa Lân, ngang sang Bác-trạch
Chú Lân-dương rước xách vào doanh

CHÚ THÍCH

91 *Long-sơn:* ng.ch. núi Cửu-long giáp với núi Đồ. Nghĩa: chúa toan dùng núi Cửu-long để bảo vệ một vùng tự lập đóng quân.

92 *Đạo Nam:* xứ Sơn-nam (hạ). *Khải:* tờ trình chúa. Đây trỏ nhóm kháng Chỉnh ở Sơn-nam viết tờ mời chúa về vùng dưới vì nghi Đình Tích-Nhưỡng.

93 *Gảy chèo:* nôm viết chữ *Cải*, có thể đọc gảy, nghĩa là kéo đẩy cây chèo. Cũng có thể đó là tiếng *cạy*, nghĩa là áp mái chèo vào mạn thuyền mà kéo để thuyền quay sang bên trái. Nghĩa rộng là lái thuyền. Trong *Mai-đình mộng kí* có: *Mảng vui sào gảy mái phê.* Nhưng âm cạy thường viết bằng chữ Kĩ.

95 *Cửu Lân:* chỗ một sông nhánh nhỏ chảy ra bể ở phía bắc cửa Ba-lạt, thuộc huyện Tiền-hải (ở bản-đồ phụ-trương, chỗ đề cửa Lân, thật ra là cửa Ba-lát. Cửa Lân ở trên một ít.

96 *Chú Lân-dương:* xem nghĩa tiếng chú ở vế 82. Lân-dương hầu là Phạm-Tôn-Lân. Ở đây viết chữ Dương là bể lớn. HLNTC viết chữ Dương đối với Âm. N. c: «là con đại-vương Bác-trạch trước (Đại-vương nầy là Phạm Tôn-Sĩ một võ-tướng giúp chúa Minh Trịnh Doanh). Năm Mậu-thân (1788) lại theo hộ giá vào nội-địa».

97 Cảm ơn đâu chẳng thâu thành
Cần vương há những Thái-bình một khu
99 Vừng đông ngu hận xưa chưa vợi
Bóng ngã cành gãy giận vì ai
101 Chênh chênh gặp bước truân lôi
Hồi loan bánh chiếc, tị đài mé xa

CHI TIẾT THỜI-SỰ

Vụ Bác-Trạch.— Ngoài mặt, chúa Yến-đô tán-dương Đinh Tích-Nhưỡng, nhưng trong lòng không yên. May bấy giờ trong các huyện Đông-quan, Chân-định ở ven bể phía nam Đồ-sơn, có nhiều nhóm chống Tây-sơn và Chỉnh muốn mời chúa xuống vùng ấy. Trong đó có *Lân-dương hầu* họ Phạm người làng Bác-trạch, huyện Chân-định (nay Trực-định). HLNTC viết chữ *Dương* 洋 là bể, còn các sách khác như LQKS và LTN đều viết chữ 陽 nghĩa là khí dương. HLNTC lại cho biết rõ tên hầu là TÔN-LÂN, cha tên TÔN-SĨ, một đại-tướng đầu đời chúa Trịnh Doanh đã được phong tước đại vương sau khi mất. Tôn-Lân bấy giờ đứng đầu các hào-mục vùng Sơn-nam-hạ (HLNTC). Y gửi khải mời chúa về đóng tại nhà mình.

LQKS chép: «Lân-dương hầu người Sơn-nam tới Đồ-sơn đón. Chúa bèn phát thủy-sư tiến đóng tại Bác-trạch thuộc Sơn-nam. Người

---

CHÚ THÍCH

97 *Thâu thành:* hiến lòng thành mà xử.

98 *Cần vương:* hết sức giúp rập vua trong cơn hoạn nạn. N. c: «Thái-bình là một tên phủ». Nay là tỉnh. Ý vế nầy muốn nói không những vùng Thái-bình (Bác-trạch thuộc vùng nầy) cần vương mà thôi. Hình như Huy-Dao muốn nói lóng việc gì? Hoặc y không theo chúa tới Bác-trạch chăng?

99 *Đông-ngu:* người xưa tưởng rằng mặt trời mọc tại một chỗ nhất-định trên bể, và đặt tên chốn ấy là Đông-ngu (góc đông). Đây *vừng Đông-ngu* nghĩa là mặt trời và trỏ vua Lê. *Vợi:* cạn, tiêu mòn. Ý vế nầy là lòng vua giận chúa chưa hết.

100 *Bóng ngã cành:* có lẽ phải đọc *bỗng*.... N. c: «đánh nhau ở sông Bác-trạch, lại bị thua» Ý vế nầy là trách Nguyễn Hữu-Chỉnh, hoặc trách Đinh Tích-Nhưỡng? Nên để ý đến chữ vần đứng thứ tư trong vế *thất*, tương-tự như trong vế 6 chữ vần ở thứ năm trong vế *bát*.

101 *Truân lôi*: gian-nan.

102 Nghĩa vế nầy: chúa trở lại xứ Đông lẻ-loi, tránh nạn ở chốn xa xôi. Nên để ý đến lối văn khá cầu-kì, không rõ ràng, cố ý không nói rõ, của tác-giả.

miền biển theo nhiều.» Ta không chắc gì về sự Tôn-Lân thân-hành tới đón ở Đồ-sơn. HLNTC chỉ chép rằng «khi chúa đến huyện Chân-định, có Phạm Tôn-Lân lên thuyền yết-kiến» mà thôi. Còn Lê Huy-Dao, người chứng-kiến việc nầy, cũng chỉ ghi:

«Bỗng đạo Nam có khải phụng nghinh...
Qua cửa Lân, ngang sang Bác-trạch
Chú Lân-dương rước xách vào doanh»

Theo những chứng trên, tôi tin rằng Tôn-Lân đã sai người ra Đồ-sơn mời và đón chúa xuống Bác-trạch để tránh sự có thể bất-trắc của Đinh Tích-Nhượng. Về việc nầy, sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bắt đầu soạn vào năm 1856 và dùng những tài-liệu cũ, đã chép tên Phạm Đình-Thiện là người đón Yên-đô vương. Đó chỉ là một tên khác của Tôn-Lân. Sách ĐNNTC (tỉnh Nam-định) lại chép: Phạm Trần-Thiện, con Viêm quận-công Phạm Đình-Sĩ. Đích xác cũng là Tôn-Lân.

Dẫu sao, vào khoảng tháng hai, tháng ba năm ấy (Đinh mùi 1787), chúa được yên thân. Tích-Nhưỡng cũng liền rượt theo Chúa, xin gặp mặt để phân-trần. Theo HLNTC, Chúa hỏi ý Tôn-Lân, thì y khuyên Chúa nên tiếp, để dùng thanh-thế thủy-quân còn mạnh như quận Nhưỡng (Hồi 10). Nhờ vậy, hai nhóm hợp tác, truyền hịch khắp ba phủ thuộc Sơn-nam hạ: Thái-bình, Kiến-xương và Thiên-trường; hẹn nhau dấy quân đánh Chỉnh. «Trong khoảng mươi ngày, kẻ theo về có tới vài vạn. Hẹn ngày cùng tiến: thuyền chèo đầy sông... Con em các cố-gia như *Đoàn Nguyễn-Tuấn, Phạm Giáp, Nhữ Công-Liêu, Đào Nhữ-Toản* cũng đều mộ hương-binh tới hội» (HLNTC 10).

Tham-vọng của đảng-nhân là kéo về đánh Thăng-long. Nhưng một chướng ngại rất lớn là thủy-quân của phe Chỉnh đóng ở trấn Sơn-nam, do trấn-thủ *Hoàng Viết-Tuyền* điều quản; mà Viết-Tuyền là một tay kiệt-hiệt. Theo HLNTC, có du-khách từ Kinh-sư đến yết Chúa, mách các chuyện, có nói rằng Chỉnh kiêu-lộng, lòng người li-bạn, Vua cũng ghét sợ; y khuyên chúa gấp tiến binh về đánh. Thuyết-khách ấy là ai, và ai đã phái về? Theo ý tôi, có thể đó là người của đồng-bình-chương *Trương Đăng-Quĩ*. Đăng-Quĩ là một trong rất ít đại-thần cũ còn trung-thành tích-cực đối với vua Lê. Y lại có quê ở xã Thanh-nê cạnh Bác-trạch là nơi Chúa trú. Ta cũng đã thấy rằng Chúa đã từng nhờ Đăng-Quĩ xin hộ vua cho chúa trở về chầu, và vua đã từng sung Đăng-Quĩ việc đi đón Chúa. Đăng-Quĩ bấy giờ đứng bực hai, ba ở triều nhưng chắc ghét sợ Chỉnh.

Một mặt khác, đối với sĩ-phu chống Chỉnh, thì quan triều là vào phe Chỉnh; cho nên Đăng-Quĩ không dám về quê nhà đón Chúa. HLNTC chép rằng: «Đăng-Quĩ phụng mệnh đón Chúa. Đi đến phủ Tiên-hưng, vì đường bị ngăn, không qua lọt nên trở về». Sau nầy, khi Vũ Văn-Nhậm ra đánh Chỉnh, Đăng-Quĩ cũng sẽ chạy cùng vua lên vùng Kinh-bắc và sau nhà y ở Thanh-nê là một căn-cứ của Chiêu-thống trong thời-kì chống quân Tây-sơn của Văn-Nhậm rồi của Phan Văn-Lân.

Yến-đô vương mới bắt liên-lạc với gia-thần cũ, *Bùi Thì-Nhuận*, hiện làm đề-trấn, cầm quân Kim-ngô, tức là quân cảnh-sát ở Thăng-long. Thì-Nhuận vốn xưa làm trấn-thủ Thái-nguyên. Sau lúc quân Tây-sơn rời bỏ Thăng-long, y theo phái chúa, đã từng theo lời xui của Trọng-Tế, đem quân uy-hiếp cung vua để bắt đảng chống Yến-đô. Rồi mấy tháng sau, khi quân Hữu-Chỉnh sắp kéo đến Thăng-long, những tướng lớn như Phùng-Cơ, Tích-Nhưỡng đều bỏ chức, thì Yến-đô cho Thì-Nhuận coi việc quân. Xem đó, ta không khỏi ngạc-nhiên thấy Thì-Nhuận được an-toàn giữ chức cốt-yếu cho trị-an ở Kinh, bảo-vệ hai địch-nhân cũ là Chiêu-thống với Hữu-Chỉnh. Tôi nghĩ rằng đó là vì bụng Chỉnh muốn chiêu-dụ người Bắc-hà mà dùng Thì-Nhuận cũng như đã cố mời dùng quan Ngự-sử Nguyễn Đình-Giản như HLNTC đã kể chuyện tường-tận trong hồi bảy. Biết đâu rằng Trương Đăng-Quĩ đã không che-chở Thì-Nhuận để kéo bè.

HLNTC chép: «*Nhuận* bèn mưu với các người thân, đổi hết các lính canh tuần tại các cửa ô. Con Chỉnh là Bái-đình hầu rình biết tình ý, lập tức sai quân bắt Nhuận.» SKTB ghi rằng chúa sai người bảo Bùi Thì-Nhuận làm nội-ứng. Sự lộ. Chỉnh tâu vua xin giết Nhuận và vài mươi người đồng-đảng. LQKS chỉ nói qua rằng Nhuận mưu đánh Chỉnh. Sự lộ. Bèn chết.»

Sự nầy xảy ra vào tháng ba (năm Đinh-mùi 1787) đúng như SKTB chép. Liền sau đó, Chỉnh sai trấn-thủ Sơn-nam Hoàng Viết-Tuyển đem quân xuống Bác-trạch đánh Yến-đô vương. Vì Đinh Tích-Nhưỡng chỉ-huy bất-lực, cho nên toàn thủy-quân phe Trịnh đã tan trong một trận mà thôi. Cả hai nguồn tin còn lại, LQKS và HLNTC, đều có ghi nhiều tiểu-tiết về trận nầy. Tuy đại-cương tương-tự, nhưng chi-tiết khác nhau: địa-điểm hơi khác nhau mà về thời-điểm thì không sách nào trỏ chính-xác.

Nguyễn Bảo, tác-giả LQKS chép rằng:

«Thủy-quân Nhưỡng khi mới tới Bác-trạch, lòng dân hăng-hái, thế

quân dấy trở lại. Nhưng Nhưỡng kềm giữ quân không chịu tiến, đi đòi lương-thực về ngồi ăn, không chịu mưu sự đánh giặc. Các hào-kiệt mỗi người giữ đạo quân mình, tự-lập, cho mình là hơn. Quân không thống-nhiếp.

« Viết-Tuyền từ trấn Sơn-nam (Hiến, tức là Hưng-yên) đem một trăm thuyền bề qua đánh. Y sai *Nguyễn Trọng-Khang* làm tiên-phong, đem mười chiếc tiến thẳng tới *cửa sông Bác-trạch* (con sông nhỏ chảy từ hạ-lưu Nhị-hà gần bề ra cửa Lân và qua phía nam làng Bác-trạch). Tích-Nhưỡng sai *Ba Bá* đem tiền-bộ nghinh địch thuyền bề của Khang. Nhân có gió, Nhưỡng bảo quân *Liên* và Bá (hai tướng nguyên chiếm vùng Yên-quảng. Bản chữ Hán của Toyo Bunko viết Bồng và Bá, nhưng chắc đó là chữ Liên 蓮 là sen mà lầm ra Bồng 蓬 vì tự-dạng và hội ý hợp) lượn qua lại mà bắn trả. Tuyền tự dẫn quân thủy theo sông cả (nhánh Bắc hạ-lưu Hồng-hà chảy ra cửa Ba-lạt) đi vành rồi theo hạ-lưu sông Bác-trạch mà đánh phía sau quân Nhưỡng. *Liên* tự dẫn bản bộ chắn ngang sông đón đánh. Hai trận (mặt trước và mặt sau) gò nhau khá lâu chưa rõ ai thắng.

« Nhưỡng ở khoảng giữa, trông xa thấy vậy, bèn hăng lên, nói rằng : (Ta là đối-thủ với Chỉnh ; còn bọn Tuyền sao đủ phải nói đến ! Ta nên đem thuyền nhẹ tự đi bắt Tuyền.)

« Nhưỡng bèn bảo các đàn bà con gái trong thuyền phải lên bờ sông. Quân trong các thuyền khác từ xa thấy vậy, đều sợ hãi. Chúng nói với nhau rằng Trung-quân đã trốn rồi ! Rồi các quân đều tự tan, tranh nhau lên bờ. Tuyền thừa thế đánh riết. Nhưỡng không thể kềm giữ quân lại ; bèn cùng chúa Trịnh chạy mỗi người một đàng... »

Theo thoại trên, trận thủy-chiến nầy xảy ra trên *sông Lân* một chi nhánh nhỏ của hạ-lưu Hồng-hà rất gần bề và cạnh hành-doanh của chúa đóng ở Bác-trạch. Những chi-tiết đặc-sắc, chính xác hữu lí khiến ta tin được. Còn như sách HLNTC thì chép rõ ràng về tiểu-tiết nhưng lại không hề nói đến sự quân Tuyền đánh vành sau trận quân Nhưỡng. Và tuy không nói rõ, nhưng tác-giả hình như đặt trận thủy-chiến nầy trên mặt sông Hồng. Lời HLNTC như sau :

« ... Thủy-quân Viết-Tuyền đến sông *Ngô-đồng* (làng Ngô đồng thuộc huyện Giao-thủy, cạnh nam-ngạn sông Hồng bên cửa sông nhỏ, tên là sông Ngô-đồng chảy ra cửa Hà-lãn. Hai chỗ phân-lưu của hai sông Ngô-đồng và Bác-trạch chỉ cách nhau chừng năm cây số), mà bộ-binh

chưa qua đò ở cửa sông *Đại-hoàng* (khúc sông Hồng-hà ở gần phía bắc Nam-định). Lính canh về báo tin. Nhưỡng đem 200 chiếc tàu bè rất lớn dàn ngang sông, thành hàng *chữ nhất*. Súng đặt đầu thuyền, trông từ xa thấy như đặt trên thành. Quân Tuyền đến giao chiến; nhưng vì thuyền nhỏ, không địch nổi, bị *súng Bảo-Long* bắn chìm trên sông. Tuyền sợ, muốn lui giữ Hoàng-giang (tức sông Đại-hoàng) để cùng bộ-binh bảo-vệ nhau.

« Gặp lúc bấy giờ gió Đông-nam nổi. Nhưỡng sai tàu bè áp vào hai bờ, buộc thuyền, lên bộ; rồi ra hiệu cho quân chạy lên bờ, theo chiều gió mà bắn xuống thuyền quân Tuyền. Nhưng các tướng của y là ô-hợp, đi, đứng, tiến, lùi, chưa quen hiệu-lịnh; lại do-dự dật-dờ, không ý chiến đấu. Lúc chúng lên bờ, bộ ngũ mất hết thứ-tự. Tuyền trên sông thấy thế, hô lớn lên rằng: Quân Nhưỡng đã thua rồi! Rồi quân Nhưỡng sợ hãi, tan-tác, tranh đường mà chạy, dày xéo lẫn nhau, không thể kìm hảm được. Các thuyền, tàu, đều bỏ lại bên sông; hết thảy đều bị quân Tuyền bắt.

« Quân *Lân* (Phạm Tôn-Lân) ở phía sau, từ xa trông thấy bại-binh tan-tác, đều bảo nhau rằng Nhưỡng đã bị giặc giết rồi. Chúng đều sợ hãi tay chân run cầm-cập. Lân cũng thể kìm giữ chúng. Đồng thời chúng đều tan... »

Thật ra, hai thoại ấy có thể coi như là bổ-túc nhau và đều chứng thật sự hoàn toàn tiêu tán những binh-lực chính-qui chống chế-độ Hữu-Chỉnh. Đinh Tích-Nhưỡng chạy tháo thân về ẩn ở Hải-dương. Kiềm Liên và Ba Bá cỡi thuyền con rút về Yên-quảng, gắng gây lại một đội thủy-quân, nhưng sau nầy sẽ bị Nguyễn Trọng-Khang tới đánh bại (tháng 10) theo LQKS. Còn Phạm Tôn-Lân, thì hộ Chúa đi thuyền chạy thẳng sang phủ Thái-bình, rồi lên huyện Thanh-quan, ở cạnh về phía Bắc.

Vụ Đông-hồ.— bấy giờ ở vùng nầy, các thổ-hào đã nhiều kẻ hưởng ứng lời kêu gọi cần-vương, phần để chống với phe đảng Tây-sơn, phần để bảo an địa-hạt. Đương-thời đã tôn gọi những kẻ cầm đầu ấy là *Thái-bình thập bát tướng* (LQKS), trong đó người có danh nhất là *Bùi Khuông*. HLNTC chép tên Trần Mạnh-Khuông; SKTB cũng chép như thế, nhưng sách nầy thường theo sát sách kia, cho nên không làm ta tin thêm rằng HLNTC đã chép đúng. LQKS chép tên Bùi Khuông, lại cho biết rõ ràng y là cháu quan tiến-triều Bùi Thuyên, người huyện Đông-quan. Tôi tin rằng thoại LQKS là đúng. LQKS thêm rằng: « Khuông ít

học nhưng có tài lược. Lúc nhỏ từng giết người rồi bỏ trốn. Đến khi loạn, lại trở về làng gọi dân các tổng xã đoàn-kết dân đinh bốn tổng trong vùng Đông-hồ. Đắp lũy dài dọc sông để tự thủ, rồi dấy quân; lấy tiếng là để đánh Chỉnh, cùng với Nhưỡng làm thanh-viện cho nhau. Cả phủ Thái-bình tôn Khuông làm đầu. Ngoài Khuông ra, các kẻ khác đều tầm-thường.» Kì thật sách ấy còn ghi lại tên một vài tướng khác trong nhóm ấy: *hầu Đắc-vũ, cai cơ Biêu* và em Khuông là *tiền Nhị*.

Cơ-sở trung-ương đóng ở làng *Bái-hạ* (HLNTC, SKTB). Vùng nầy ở gần bể khoảng giữa hai cửa Trà-lí và Gia-hộ (Diêm hộ) là một khoảnh đất mới bồi, rất ủng nước, nhiều khe ngòi, chung quanh có sông lớn bọc.

Cuối tháng ba (Đinh-mùi 1787), sau trận Bác trạch, Phạm Tôn-Lân đưa Yến-đô chạy sang vùng nầy, được Khuông đón về đóng ở Bái-hạ. Chúa cho Lân làm quân-phủ trưởng lại, Khuông làm hành doanh sứ (HL NTC). Sách nầy có chép lời Khuông giới-thiệu đất mình, rằng: «Trước mặt có sông lớn ngăn, (sông Trà-lí ?); ra vào làng chỉ có một đường; lại có khe nhỏ quanh-co thông với sông lớn, có thể vận lương. Năm trước binh loạn, đất nầy là chỗ sung-yếu ở Đông-nam, tôi đã kinh-lí một lần, hào lũy đã chắc...»

Quả vậy, lúc mới trở lại Thăng-long, khi vừa mới giết Trọng-Tế nhưng chưa đánh Quế-ổ, Chỉnh từng đã cho quân lần đầu đánh Đông-hồ (LQKS). Sách ấy chép rằng: «Chỉnh sai con là *thủ hiệu Bái-đình hầu* (Hữu-Du) đuổi giặc, đánh lũy Đông-hồ. *Đắc-vũ* hết sức chống giữ, bắn chết *Khánh-đức hầu* thuộc đạo Vũ-thành. Bái-đình hầu bị thương ở cổ, phải lui. Đại đội quân của *thống-suất Thái-lĩnh hầu* (Nguyễn Như-Thái) tiếp đến. Đắc-vũ một mình không có viện, đạn dược hết. Ba mặt quân Thái đánh gấp. Lũy Đông-hồ bèn bị phá.» Trận nầy có thể coi là lớn; sao HLNTC không nói đến ? Đắc-vũ là ai ? Phải chăng cũng là Bùi Khuông? Hoặc giả lại có lũy Đông-hồ khác ở vùng Kinh-bắc chăng ? Dẫu sao, theo chỗ chép trong LQKS thì trận ấy có lẽ xảy ra vào cuối tháng chạp năm trước.

Vào đầu tháng tư, khởi sự chiến-dịch Đông-hồ lần thứ hai và sẽ kéo dài trong bốn tháng. LQKS là sách đã kể lại khá tường-tận các trận nầy. NAK cho biết thêm ít điểm làm tăng giá-trị xác-thực của LQKS. Sách nầy chép rằng:

«Đã thắng ở Bác-trạch, Tuyển mưu bình-định miền duyên-hải xứ-

Sơn-nam. Bèn dẫn thủy-quân vào cửa bể Gia-hộ (Diêm-hộ thuộc huyện Đông-quan). Chỉnh lại riêng sai hầu *Tư-trung* (Nguyễn Đình-Viện), hầu *Tải-vũ* (?) đem quân đi đường bộ đánh dẹp đất các phủ Tiên-hưng và Thái-bình, rồi cùng thủy-quân của Tuyên vây Đông-hồ.

« *Khuông* và Viên trước coi cơ Đằng-trung, tên *Biêu*, đem dân đinh bốn tổng Đông-hồ đóng chặt cửa lũy để tự-thủ. Bọn Tuyển đánh hơn một tháng không thắng.... Khuông thường sai quân đang đêm lẻn ra ngoài, tập-kích quân Tuyển, từng thắng-lợi chút ít. Chỉnh bèn phát quân Thăng-long xuống; sai *Thái* làm tướng tới giúp đánh.... »

Thế là hầu hết các hùng-binh đại-tướng của Chỉnh đều giồn về Đông-hồ. Thế mà sau ba tháng vây chặt để triệt lương, mà dân chúng cũng không chịu hàng. Vua Chiêu-thống lại phải em ruột mình đem thêm quân và đốc chiến. Việc nầy xảy ra vào tháng bảy. Lời LQKS chép nối rằng:

« Quan-quân đánh Đông-hồ đã vài tháng mà không hạ nổi. Quân mệt, của hết. Quân-khí rất sút. Thỉnh-thoảng Khuông cho quân cảm-tử ra đánh quấy. Xét thấy quan-quân lão nhược, nhiều tên bị chết, có lắm kẻ bàn nên hãy để mặc Khuông ở đó, rồi sau sẽ tính đến. Nhưng Tự-hoàng (tiếng xưng-hô Chiêu-thống) và Chỉnh bàn với nhau rằng: (Dẹp trừ nạn lớn, bọn tiếm-ngạnh đã bình. Một mình Khuông cố giữ cô-lũy, dám tự cho mình là kiệt-hiệt. Nhân-tình các trấn đều nhìn ngóng vào y để xem ai hơn ai kém. Nếu không phá được Đông-hồ thì lấy gì để chế phục thiên-hạ)... Bèn sai em vua là *Lê-Duy-Lưu* (chữ gồm bộ Thị và chữ Do, 祐 đó là cổ-dạng chữ Lưu gồm bộ Thị và chữ Lưu là ở lại. Lưu nghĩa là cầu chữa bệnh. Các bản dịch HLNTC đã lầm ra chữ Tụ là ống tay áo gồm bộ Y dễ lẫn với bộ Thị) đem cấm-vệ thân-binh đi thu mộ nghĩa-quân rồi thân đem đi coi việc đánh dẹp... »

HLNTC có nói đến các quân của Viết-Tuyển và của Như-Thái trong việc đánh Đông-hồ, nhưng không hề nói đến quân của Đình-Viện và nhất là đến quân của vị hoàng-đệ nầy. Thế mà sự Duy-Lưu được phái đi đốc chiến rất chắc-chắn vì nó liên-quan đến đời tư của *Bùi Dương-Lịch*, cho nên được y chép lại khá chính-xác trong NAK. Nguyên là, khi Chỉnh mở vụ *cử hiền lương phương chính* vào tháng giêng (HLNTC), Dương-Lịch được sung chức cung-phụng ở viện nội-hàn (thư-kí riêng của vua), mỗi ngày vào giảng sách cho vua nghe. « Khi xong ra, thì hoàng-nhị-độ *Điển quận-công* đòi về nhà mình để giảng kinh-nghĩa. Bấy giờ viên xuất-nạp là hương-cống người huyện Chân-định,

Trương Đình-Thụ (con trai đầu quan bình-chương Trương Đình-Quĩ) thấy Lịch được yêu, thì ghen ghét, đem lời mách với vua rằng hoàng-nhị-đệ có ý kết-nạp bầy tôi. Nhưng vua lại đem lời Đăng-Thụ mách lại cho em. Bấy giờ bốn phương đã yên. Chỉ còn Đông-quan chưa phá được. Các tướng hay trương đại thế giặc để đòi công to; cho nên vây đã lâu ngày (mà không phá). *Tháng bảy*, vua sai hoàng-nhị-đệ Điền quận-công qua đốc chiến; cho Lịch tùy hành nhung-vụ. Điền quận cầm đầu các đạo quân đánh, bèn dẹp yên. Khi thắng về, vua cho Lịch hai trăm (phương) lúa và hai mươi (quan) tiền...» (NAK quyển 2, trang 83b).

LQKS cho biết thêm một vài tiểu-tiết: «Duy-Lứu thân chinh đốc-chiến; đóng quân ở *Thọ-Cao* (một làng ở huyện Thanh-quan ở phía tây cách Đông-hồ chừng mười lăm cây số). Bấy giờ các quân đạo Vũ-thành (của các tướng phe Chỉnh) đều cậy có công nên biếng đánh giặc. Khi tiến đánh lại không lập được công-trạng. Đến khi nghe Lứu đã đem quân đến, lại sợ rằng thành công sẽ không bởi nhờ mình. Chúng bèn mới họp quân lại tiến đánh. Quân Thái tự *Đông-bình*, quân Tuyền tự *Gia-hộ*, ba mặt đánh giồn lại... Khuông dẫn quân đêm ngày ra sức đánh. Thành côi, viện tuyệt, thế rất quẫn bách. Bọn Tuyền lại mộ được thổ-nhân làm hướng-đạo, gấp rút chia đường, cùng tiến tới, trèo thành thẳng lên. Em Khuông, tên là *tiền Nhị* (tiền là tiếng gọi tắt chức-vụ hoặc huy-hàm; hoặc y giữ nhiệm-vụ tướng tiền phong?) hết sức chống, rồi bị bắt. Lũy bèn bị phá tan. Khuông qua con sông (có lẽ sông Hóa ở phía nam huyện Vĩnh-bảo) trốn sang Hải-dương. Dân chúng còn lại bỏ chạy tan tành. Bọn Tuyền thả binh đốt cướp, không trừ lại một ngạn cỏ.»

LQKS không hề nói đến hành-vi của Phạm Tôn-Lân và chúa Yến-đô trong trận nầy. HLNTC tả cuộc phá vây của tướng Đông-hồ một cách linh-hoạt hơn, nhưng cũng hơi khác với LQKS. Lời rằng: «Tuyền và Thái từ phía trước phía sau đánh ập lại. Trong đồn, giữ chỗ hiểm mà cầm-cự. Hơn mươi ngày, không phá nổi, Tuyền bèn dựng rào vây để tuyệt đường vận lương địch. Quân nhà chúa hết miếng ăn, đến đỗi phải đào củ chuối và rễ cây để ăn. Thế rất khốn quẫn. Lân và Khuông lật-đật gọi các thủ-hạ lại bảo rằng: (Đối với sự sẽ làm ma đói ở Bái-hạ, thì sao chẳng quyết tử-chiến một trận để giết vài trăm giặc cho khoái đã? Chúng bay ai có thể cùng ta thả hết tâm lực, để ta khỏi phụ Chúa và chúng bay cũng khỏi phụ ta? Nếu bị chết thì không phải làm ma mất trung mất nghĩa. Nếu khỏi chết thì huân-nghiệp về sau không thể lường được!) Chúng đều cảm-khích. Có hơn trăm người xin theo.

« Sau khi các người định tâm rồi, tất cả đều cỡi thuyền nan theo đường khe đi ra. Nhân khi Tuyền và Thái bất-ý, chúng vứt lửa đốt doanh địch. Hai người nầy thảng-thốt không thể cự chiến. Lân và Khuông bèn phá vây, đem chúa ra lọt, cướp thuyền nhắm cửa bể mà đi về phía đông. Tuyền dẫn quân đuổi không kịp. Thái thả binh vào Bái-hạ, tha hồ giết-gióc. Trai gái già trẻ, không sót một người. Từ khi việc binh dấy lên, không đâu không bị binh-đao ; mà cái thảm trạng bị chém giết thì chưa đâu như chỗ nầy. » (HLNTC hồi 10).

Muốn biết dư-luận đang thời đối với việc kháng địch oanh-liệt của Bùi Khuông và đám dân-quân Đông-hồ, ta hãy nghe lời tóm-tắt và phê-bình của Nguyễn Bảo tác-giả LQKS :

« Sau khi loạn (Tây-sơn), dân chúng bốn tổng Đông-hồ suy-tôn Bùi Khuông làm trưởng. Dọc bờ sông bao bốn mặt, đắp lũy dài. Các xã thôn tán-mát ở trong. Chia nhau các cửa sông mà giữ một người một nơi. Khuông và Biêu đều chọn người tinh-anh mạnh khỏe được vài trăm, để làm thân-binh. Qua lại đốc thúc đánh. Mỗi trận thì tùy phương tiếp ứng. Nhiều lần đẩy lui đại-đội địch. Chúng không dám phạm đến. Bấy giờ, bọn Tuyền thừa thắng đến cướp đất. Đi tới đâu như gió cuốn. Chỉ có Khuông một mình cầm chống *từ đầu tháng tư* đến *cuối tháng tám*... Khuông lấy vài nghìn dân nông-thôn chống lại vài vạn quân của bọn Tuyền, mà giữ được ngoài trăm ngày mới thua. Có thể gọi Khuông là một chàng mạnh đó ! »

Quả thật vậy, chống Nguyễn Hữu-Chỉnh có biết bao người. Nào đại-tướng quận Thạc Hoàng Phùng-Cơ, nào thủy-soái quận Liễn Đinh Tích-Nhưỡng, nào đa-mưu như tiến-sĩ Dương Trọng-Tế, nào dũng-cảm như tạo-sĩ Nguyễn Đình-Mãi, cho đến đề-lĩnh Bùi Thế-Nhuận cầm quân cảnh-vệ giữa Kinh-đô. Thế mà mới đụng với quân Chỉnh một trận đã tan, hoặc mới mống mưu đã bị giết. Chỉ có Khuông, một tên áo vải, tựa vào lòng dũng-cảm của nông-dân, biết dung-hòa nghĩa cần-vương với sự an-toàn cho thôn-ấp, mới chống nổi với đại quân, gồm những kẻ tuy gốc cũng nông-dân, nhưng đã biến thành người của triều-đình chỉ chực lập công lĩnh thưởng.

Sau thắng trận Đông-hồ, Hữu-Chỉnh được thăng tước *nhất tự công* : Bằng công. Ba đại tướng người Nghệ-an tay chân của Chỉnh đều được phong quận-công : Viết-Tuyền thành quận Quang, Như-Thái thành quận Thái, Viết-Khang (hoặc Trọng-Khang) thành quận Chính. Bấy giờ vào đầu tháng chín năm Đinh-mùi (1787).

Những kẻ bại trận ở Sơn-nam hạ đều chạy lên phương bắc. Đinh Tích-Nhưỡng trở về vùng quê-quán Hàm-giang. Kiềm Liên và Ba Bá trốn về Đồ-sơn rồi quay về sào-huyệt cũ ở Yên-quảng, rồi vào tháng 10, bị thủy-quân Nguyễn Viết-Khang đánh lấy hết thuyền mành, phải chạy vào Thanh-hóa theo tướng Tây-sơn Vũ Văn-Nhậm (LQKS). Theo HLNTC thì «Chúa chạy về Hải-dương, rồi với bọn Lân cùng vượt bể đi *Yên-quảng*, giả xưng là khách buôn, phân tán trọ ở nhà dân châu *Vạn-ninh* (Mông-cáy). Chưa được bao lâu, vì việc nhà Lân từ-giã về. Theo chúa chỉ còn Mạnh-Khuông (tức là Bùi Khuông) mà thôi. Hơn tháng, Khuông mắc bệnh mà chết...»

Sau nầy ta sẽ theo dõi đời tị-nạn của chúa Yến-đô. Về Phạm Tôn-Lân, thì sau theo Chiêu-thống, làm đề-lĩnh khi vua được tái lập, rồi tòng vong sang Thanh và cuối cùng được trở về nước năm 1805 (ĐNNTC). Riêng về Bùi Khuông, thì chắc rằng HLNTC đã chép lầm, vì LQKS kể chuyện rõ rằng một tháng sau (tháng 10), khi Vũ Văn-Nhậm kéo quân Tây-sơn ra đến Thanh-hoa, Bùi Khuông về hàng với Viết-Tuyền. Lời rằng: «Từ lúc thua trận Đông-hồ, Khuông trốn nấp ở huyện Tứ-kì (thuộc Hải-dương gần Đông-quan). Đến lúc này, tới Sơn-nam hàng với Tuyền. Tuyền bảo đi Thăng-long gặp Chỉnh. Thấy Khuông, Chỉnh rất mừng, lấy lễ tiếp khách mà đãi, hậu thưởng Khuông và khiến gọi bộ-khúc cũ để theo quan-quân hiệu dụng.» Sự nầy cho ta thấy rằng Khuông thật là một anh-hùng tuy đã đối-địch kịch-liệt với bọn Tuyền Chỉnh, nhưng rất được các người nầy phục trọng, và Chỉnh là một kẻ biết dùng người.

Vụ Thanh Nghệ.— Vào tháng 9 năm Đinh-mùi, thế Hữu-Chỉnh và triều-đình vua Lê hầu như đã khá định. Nhưng cái mối lo to nhất vẫn sờ-sờ: binh-lực Tây-sơn đã tăng cường ở Nghệ-an sau khi sứ-bộ Trần Công-Xán không những thất-bại mà lại còn bị gìm xuống bể.

Những sự-kiện lớn trong giao-thiệp giữa hai triều Nam Bắc trong năm Đinh-mùi (1787) nầy, các kí-tải đều chép như nhau: Hữu-Chỉnh mật mưu với tướng Tây-sơn tên Duệ đóng ở Nghệ-an, sự lộ, Duệ trốn về Qui-nhân; Huệ đòi đất Nghệ-an và muốn gọi Hữu-Chỉnh về Phú-xuân; Chiêu-thống sai Trần Công-Xán vào biện-bạch lẽ muốn giữ Nghệ-an; Huệ sai Vũ Văn-Nhậm ra chiếm Nghệ-an rồi ra Thăng-long bắt Hữu-Chỉnh. Nhưng ngoài việc quân Văn-Nhậm kéo ra Bắc, những việc trên không được đặt vào thời-điểm nào cho chính-xác. Sau đây tôi sẽ cố gắng xác-định một vài điểm.

Về phái-bộ Trần Công-Xán, HLNTC có chép rõ tháng khi về và ngày bị đánh đắm thuyền. Phái đoàn được thả giam rồi đem ra cửa bể Tư-dung. « *Tháng ba* mùa xuân năm Đinh-mùi, thuyền từ cửa Tư-dung trương buồm ra đi, không mấy ngày đã đến cửa bể *Đan-nhai* thuộc Nghệ-an... *Nguyệt* (tướng Tây-Sơn bạn-tống sứ) cùng các sứ-thần ghé thuyền vào bờ rồi cũng lên bộ... Sau đó, cả bọn lại lên thuyền ra bể. Vừa ra đến ngoài khơi, Nguyệt bèn sai bọn lái thuyền đục thuyền cho nước vào, làm đắm cả các sứ-thần xuống bể. Hôm ấy đúng ngày *11 tháng 4 mùa hè năm Đinh-mùi* (27-5-1787) » (HLNTC hồi 12). Trong bức thư của giáo-sĩ Doussin viết ngày mồng 6 tháng 6 1787 (21 tháng 4 lịch Lê) có nói « Mới đây có một sứ-thần ngoài Bắc vào Nam-hà ; người ta không rõ lí-do của sứ-mạng » (SĐ số 9-10 trang 233). Câu nầy khiến ta tin những thời-điểm mà HLNTC đã cho biết, nếu LQKS không cho một thoại khác về năm mất của phái-đoàn (xem sau). Nhưng ở điểm nầy, HLNTC có phần đúng lí.

Từ đó suy ra thì cuối tháng ba, sứ-bộ ra về. Ta lại biết rằng phái-bộ vào biện-bác với Nguyễn Huệ sự đất Nghệ-an vốn không hứa cho Huệ. Huệ giận, đã sai giam các sứ-thần, và sai bọn Trần Chánh-Kỉ dỗ để dùng Trần Công-Xán (HLNTC). Sứ-bộ ở lại Phú-xuân bao nhiêu ngày ? Không đâu chép. Lấy lí phỏng đoán thì có lẽ chừng nửa tháng đến một tháng, nghĩa là sứ-bộ đã tới Phú-xuân chừng đầu tháng ba. Ta lại biết rằng hành-trình từ Thăng-long đến Phú-xuân mất từ 21 ngày đến 31 ngày tùy theo lối đi thường hay đi việc quân (*Giao châu chí*). Trong một bức thư của giáo-sĩ La Bartette viết ngày 23-7-1788 có nói đến chuyện Nguyễn Huệ từ Thăng-long cấp tốc về Phú-xuân « Đường đi thường mất 20 ngày... » (SĐ số 9-10 trang 234). Suy từ những số ấy, ta thấy rằng sứ-bộ ra đi vào khoảng thượng-tuần tháng hai năm Đinh-mùi, thời-điểm khá phù-hợp với sách LQKS chép vào tháng giêng, bởi vì đây có thể chỉ là lúc bàn định mà thôi. Sách SKTB biên vào tháng 3, e là chậm quá.

Lí-do sự giết sứ, theo HLNTC, là vì không muốn cho về kể rõ chuyện anh em Nhạc Huệ đang đánh nhau bấy giờ. Sự ấy hợp lí và hợp tính Huệ chú trọng về bí-mật quân sự. Vậy những thời-điểm liên-quan đến sự anh em Tây-sơn đánh nhau năm Đinh-mùi nầy là quan-trọng cho sự hiểu rõ các sự-kiện khác. Các sử sách tôi được xem không đâu chép rõ ràng, trừ bức thư của giám-mục Veren viết ngày 30-6-1788 (SĐ số 9-10 trang 237) đã cho biết rằng cuộc chiến-tranh bắt đầu từ

tháng giêng âm-lịch và chấm dứt vào tháng năm. Ấy cũng khẳng-định những thời điểm chép trong HLNTC và LQKS về sứ-bộ.

Một sự kiện khác cũng phải được đặt đúng trong thời-gian, ấy là sự tướng Tây-sơn là *Nguyễn Duệ*, trấn thủ Nghệ-an, đã bỏ doanh-đồn để trốn về Qui-nhân, sau khi đã thầm mưu với Hữu-Chỉnh để chống Huệ. Không đâu chép rõ thời-điểm nầy. HLNTC chép chuyện theo lối *bản mạt* (nghĩa là phép *đầu đuôi*: mỗi chuyện được chép suốt từ đầu đến cuối mà không xen chuyện khác vào tuy theo thời-gian đáng phải xen) đã kể rằng: vì Vũ Văn-Nhậm ra Nghệ-an bắt Duệ, nên Duệ đã trốn trước, rồi Văn-Nhậm viết thư trách và dọa Chỉnh làm cho Bắc-hà nhốn-nháo; vì lẽ ấy Chỉnh bàn với vua sai sứ bộ vào Phú-xuân. Theo thoại ấy thì sự Duệ trốn là nguyên-nhân, xảy ra trước, và sự sai sứ là kết-quả xảy ra sau. Sách LQKS chép theo lối *cương-mục* (tóm tắt trước rồi trương-bài sau) và theo lối *trường biên* (theo thời-gian chung cho mọi việc, cho nên chép nhân và quả rời nhau). Nhưng khốn nỗi, sách ấy chỉ thỉnh-thoảng mới ghi tháng: ví-dụ vào năm Đinh-mùi 1787 nầy, chỉ ghi tháng 2 và tháng 10 mà thôi.Sách ấy chép chuyện sai sứ trước tháng 2, và chuyện Duệ trốn sau tháng 2 và sau cả chuyện *thi Cát-Sĩ* mà ta biết chắc là vào tháng 3; còn việc Văn-Nhậm ra đóng quân ở Nghệ-an (Phù-thạch) thì chép vào tháng 10. Lại theo sách ấy, duyên cớ sự sai sứ là Huệ đã sai người ra đòi đất. Không phải rằng thứ-tự thời-gian chép trong LQKS là đáng tin cả, nhưng phải chú ý đến chỗ nầy, sách ấy chép chuyện Chiêu-thống sai em đốc-chiến Đông-hồ xen vào khoảng giữa sự thi cát-sĩ và sự sai sứ, tuy rằng ta biết chắc (xem đoạn trên) rằng sự ấy xảy ra vào tháng 7. Cứ theo thoại cuối nầy thì chuyện Duệ trốn xảy ra sau tháng bảy và trước tháng mười nghĩa là sáu, bảy tháng sau thời-điểm hiểu theo thoại trên. Ta phải nhận bên nào gần sự thực ? Ấy mà tôi cố ý đã không kể những thoại hiểu theo các sách ĐNTL (chính-biên quyển 2 kỉ 1) hoặc ĐNLT (quyển 30) làm kẻ đọc hiểu rằng sự xung-đột võ-trang giữa anh em Tây-sơn hoàn toàn xảy ra trước năm Đinh-mùi.

Ta hãy tạm gác việc Duệ trốn, để trở lại chính-sách của Hữu-Chỉnh đối với biên-thùy miền nam, tức là đối với Tây-sơn. Nói tóm-tắt thì Chỉnh muốn tranh-thủ đất Thanh Nghệ, nhưng sợ binh-lực Huệ và e-dè vì vợ con mình và của các tướng quan-trọng còn ở trong vòng Tây-sơn.

Khi Hữu-Chỉnh đem quân Tây-sơn ra Thăng-long, dân chúng Nghệ-an không phản ứng vì bất ngờ. Nhưng đến khi Nhạc Huệ trở về, thì

nhiều tổ-chức vũ-trang lẻ-tẻ chặn đường phản-kháng. LQKS còn ghi những vụ: đánh Nguyễn Như-Thái ở Yên-lưu (Quỳnh-lưu), Bích-vũ (ĐNNTC chép tên Nguyễn Tri-Tiến) người xã Hoàng-trường (Đông-thành) chẹn đánh Nhạc ở cầu Tiên-lí, bị giết; dân tổng Nộn-liễu (Nam-đường) đánh úp Nhạc ở núi Đại-huệ (Hưng-nguyên), bị giết tám chín phần mười; Tiến-vũ (ĐNNTC chép tên là Nguyễn Đình-Tài) người huyện Thạch-hà rình đâm Nhạc trên đường núi Kì-hoa.

Khi rút quân về Đàng trong, Huệ để *Nguyễn Duệ* (hoặc Văn-Duệ, LQKS viết 裔 các sách khác viết 睿) ở doanh *Nghệ-an* (có lẽ Vĩnh), Chiêu-viễn tức là *Vũ Văn-Dũng* ở *Hà-hoa* (nam Hà-tĩnh bây giờ) và tả quân *Vũ Văn-Nhậm* ở *Động-hải*. Nhưng sau đó rút Chiêu-viễn về đóng ở *Thổ-ngõa* ở phía bắc sông Gianh và rút Duệ về đóng ở Hà-hoa. Có lẽ bấy giờ mưu của Huệ là để Chỉnh cô-lập ở phía bắc sông Lam, dễ làm mồi cho dân chúng Nghệ-an trừ-khử. Vì vậy Chỉnh ban đầu không dám ra khỏi làng mình, là *Đông-hải* ở huyện Chân-phúc (Nghi-lộc ngày nay). Các sự-kiện trên phần lớn rút từ HLNTC và tên đồn Thổ-ngõa thấy chép ở LQKS. Chính-quyền Lê Trịnh hình như thiếu mặt ở Thanh-hoa và Nghệ-an. Đến tháng 10 (Bính-ngọ 1786), khi thế Chỉnh khá mạnh ở Nghệ-an chúa Trịnh đặt những kẻ địa-phương làm trấn-thủ: *Bùi Thế-Toại* trấn-thủ Nghệ-an, *Lê Trung-Nghĩa* (quận Mãn) trấn-thủ Thanh-hoa. Nhưng khi Chỉnh kéo quân ra Bắc (tháng 11), Thế-Toại trốn và Trung-Nghĩa tử trận.

Thấy Hữu-Chỉnh thế-lực phồng lên, Huệ phản-ứng liền. Bùi Dương-Lịch trong NAK kể chuyện rằng: «Khi binh Nghệ-an vào hộ-vệ, Tây-sơn sai tướng Nguyễn Duệ ra chiếm Nghệ-an (Vĩnh-doanh), và tướng *Nguyễn Đĩnh* theo Chỉnh cùng đi Thanh-hoa. Tướng-sĩ của Chỉnh tức giận khôn xiết, hăng lên muốn đọ sức thề sống chết đánh quân Tây-sơn. Ban đầu, quân Chỉnh còn mượn dùng quân-sắc Tây-sơn; bấy giờ lại đổi theo chế-độ cũ để tỏ quyết-tâm. Vì vợ con mình còn ở Thuận-hóa, vả vì việc mình làm chưa được nửa phần, Chỉnh lo xảy sự bất-trắc, bèn ủy-khúc hòa giải cả hai bên». Khi ra đi, Chỉnh để *Nguyễn Như-Thái* ở lại trấn Nghệ-an. Thấy Duệ ra, Chỉnh cũng thầm gọi Như-Thái theo ra, chỉ để lại người đại-diện là *Nguyễn Viện* để cộng-tác với Duệ (NAK quyển 2 trang 82b và 84b). Dương-Lịch kết: «Bởi vậy Nguyễn Đĩnh lưu lại Thanh-hoa. Chỉnh được yên để đi tới Kinh hộ-vệ vua. Nhưng mà hai xứ lại vào tay Tây-sơn.»

(xem tiếp trang 213)

GIAO-CHÂU THỜI LỤC-TRIỀU

▽ BỬU-CẦM

Nhìn chung sự thống trị của Lục-triều [1] đối với Giao-châu, ta thấy hai triều Ngô và Tấn có góp phần khai phát cho xứ này. Nhưng sau đó, lực lượng thống trị của chính quyền trung ương đối với Giao-châu dần dần yếu kém, thế lực địa phương càng ngày càng mạnh và nhân tài cũng xuất hiện nhiều ; cho nên dưới các triều Tống, Tề, Lương, các cuộc vận động độc lập của nhân sĩ xứ ta kế tiếp phát sinh ; đến triều Trần thì xứ ta đã thoát ly sự thống trị của chính quyền trung ương để xây dựng nền tự chủ.

Sau đây xin thuật rõ những diễn biến của Giao-châu về thời Lục-triều.

Trong thời Tam-quốc, nước Ngô vì phương diện địa lý thuận tiện nên chiếm lĩnh Giao-châu. Nhà Ngô quyết ý lấy Giao-châu sau trận Xích-bích. Năm Kiến-an thứ 15 (210), Tôn Quyền sai Bộ Chất làm thứ sử Giao-châu. Năm sau, Bộ Chất đáo nhiệm ; lúc bấy giờ Giao-châu mới thực sự thuộc về nước Ngô. Tuy nhiên vì uy tín và thế lực của Sĩ Nhiếp ở Giao-châu rất lớn, cho nên từ năm Kiến-an thứ 16 của Hán Hiến-đế đến năm Hoàng-vũ thứ 5 của nhà Ngô (tức là từ năm 211 đến 226), trong thời gian 15 năm đó, nhà Ngô chỉ áp dụng một chính sách thống trị gián tiếp đối với Giao-châu, vì quyền cai trị trực tiếp xứ này vẫn ở trong tay anh em Sĩ Nhiếp.

Năm 220 (năm 25 hiệu Kiến-an), Lữ Đại thay Bộ Chất làm thứ sử Giao-châu. Trong lúc đó ở Uất-lâm và Nam-hải có loạn, Lữ Đại dẹp yên, vì thế Ngô chúa Tôn Quyền mới phong cho Lữ Đại làm An-nam tướng quân, tước Đô-hương hầu. Danh xưng An-nam bắt đầu xuất hiện từ đó.

Năm Hoàng-vũ thứ năm (226), Sĩ Nhiếp mất. Ngô chúa, theo đề nghị của Lữ Đại, chia Giao-châu ra làm hai là Giao-châu và Quảng-châu, cho Lữ Đại làm thứ sử Quảng-châu, Đới Lương làm thứ sử

1. Lục-triều là sáu triều đại Ngô, Tấn Tống, Tề, Lương, Trần kế tiếp nhau từ năm 221 đến năm 588.

Giao-châu. Sau vì Sĩ Huy chống lại mệnh lệnh của nhà Ngô, Lữ Đại phụng chiếu kéo 3.000 quân sang đánh, và dẹp yên đảng của Sĩ Huy. Tôn Quyền phong cho Lữ Đại làm Phiên-ngung hầu, lĩnh chức thứ sử Giao-châu, triệt tiêu Quảng-châu, nghĩa là Giao-châu lại gồm cả đất đai bảy quận như cũ.

Sau khi bình định Giao-châu, Lữ Đại sai bọn Chu Ứng và Khang Thái đi chiêu phủ các nước ở phía Nam Giao-châu. Do đó quốc vương các nước Lâm-ấp (nay là Trung-bộ Việt-nam), Phù-nam (nay là đất Nam-bộ Việt-nam và Cao-miên), Đường-minh (nay là đất Ai-lao) đều sai sứ mang cống phẩm sang ra mắt Ngô chúa [1].

Theo *Lương thư*, quyển 54, *Chư di truyện*, thì Chu Ứng và Khang Thái đã đi qua trên một trăm nước, và những điều nghe thấy trong cuộc hành trình đều được ghi chép lại. Chu Ứng có soạn sách *Phù-nam dị vật chí*; Khang Thái có soạn những sách *Ngô thời ngoại quốc truyện, Phù-nam thổ tục, Phù-nam ký*, v.v... Nhưng đáng tiếc là những sách ấy ngày nay không còn nguyên vẹn. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, phần *Phù-nam truyện* trong *Tấn thư* và *Lương thư* đều chép theo tài liệu trong các tác phẩm của Chu Ứng và Khang Thái. Vả lại, những sách do Khang Thái soạn, tuy nay không còn nguyên vẹn, nhưng có thể còn tản mác trong những bộ sách khác như *Thái-bình ngự lãm, Nghệ văn loại tụ, Thủy-kinh chú, Thông điển*, v.v...

Năm 226, có một lái buôn người La-mã (sách Trung-hoa gọi La-mã là Đại Tần quốc) đến Giao-chỉ và được thái thú quận ấy đưa sang Kiến-nghiệp để yết kiến Ngô vương Tôn Quyền. Đời Hán Hoàn-đế, năm Diên-hy thứ 5 (166), vua La-mã [2] đã sai sứ dọ đường biển sang Nhật-nam, rồi từ đó sang Hán triều yết kiến Hán đế [3]. Như vậy là trong khoảng 60 năm, người La-mã đã đến Giao-châu hai lần.

Lữ Đại ở Giao-châu 12 năm (220-231) thì được Ngô chúa triệu về chỉ huy quân đội đồn trú tại Trường-sa để trấn áp Ngũ-khê-man ở Vũ-lăng (huyện thuộc tỉnh Hồ-nam). Tiết Tông [4] lo sợ kẻ thay thế Lữ Đại không đủ tài năng để đảm nhiệm trọng trách, mới dâng thư lên Tôn Quyền

1. Xem *Tam-quốc chí, Ngô chí, Lữ Đại truyện.*

2. Vua La-mã thời đó là Marc-Aurèle (trị vì từ 61 đến 180).

3. Xem *Hậu-Hán thư*, quyển 118, *Tây-vực truyện, Đại Tần quốc.*

4. Tiết Tông đã làm thái thú Giao-chỉ và Hợp-phố, lại đã từng theo Lữ Đại nam chinh.

bàn luận rõ về lịch sử, phong thổ, tính tình của người Giao-châu, lại đề cập đến việc bổ dụng thứ sử của châu đó phải nên như thế nào[1].

Năm 235, các quận Thương-ngô và Uất-lâm thuộc Giao-châu cùng quận Linh-lăng ở Kinh-châu phát sinh loạn lạc. Lúc bấy giờ Lữ Đại lãnh chức ở Kinh-châu, đóng tại Vũ-xương (tên một huyện ở Hồ-bắc), dâng biểu xin Ngô chúa cho đem quân đi đánh; Tôn Quyền sai sứ phong cho Lữ Đại làm Giao-châu mục. Đại đem quân đi đánh dẹp hơn một năm mới yên, rồi trở về Vũ-xương.

Năm Xích-ô thứ 11 của nhà Ngô (248), ở các quận Giao-chỉ và Cửu-chân lại có loạn. Bà Triệu khởi nghĩa ở Cửu-chân, kéo quân đi đánh chiếm các thành ấp, làm cho châu quận chấn động. Sách *Thủy kinh chú* chép: « Bà Triệu là một cô gái rất hùng dũng, đã lãnh đạo quân khởi nghĩa ở Cửu-chân, mỗi lần ra trận mặc áo vàng, đi guốc gỗ, cưỡi voi, vú dài ba thước phải vắt ra sau lưng, người rất cao lớn, thường có danh hiệu là Nhị-Kiều tướng quân, lâm trận chiến đấu rất hăng, địch quân phải kiêng dè ». Nhà Ngô phải dùng Lục Dận làm Giao-châu thứ sử, An-nam hiệu úy để dẹp loạn. Dận vào Giao-châu, trước hết chiêu hàng thủ lãnh đảng Cao-lương (ở quận Hợp-phố) là Hoàng Ngô, rồi dẫn quân tiến về phương Nam, dùng một chính sách khôn khéo để chiêu dụ dân chúng, làm cho Giao-châu lại được yên ổn. Do đó Lục Dận được gia phong chức An-nam tướng quân. Lục Dận làm thứ sử Giao-châu 11 năm và được Ngô chúa Tôn Hưu triệu hoàn vào năm Vĩnh-an nguyên niên (258).

Năm Vĩnh-an thứ 6 (263), thái thú Giao-chỉ là Tôn Tư làm nhiều điều tham bạo, bị dân chúng oán ghét. Viên thuộc lại trong quận là Lữ Hưng đã cùng một nhóm người nổi lên giết Tôn Tư, rồi sai sứ sang nhà Ngụy xin gửi thái thú và quân đội sang Giao-châu. Lúc đó nước Ngụy đã diệt nước Thục, cho nên mới thừa cơ hội thuận tiện ấy mà thâu cả ba quận Giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam. Qua năm sau, nhà Ngụy cho Lữ Hưng làm An-nam tướng quân, coi việc quân ở Giao-châu, lại cho Trung-nam tướng quân là Hoắc Dực ở xa mà lĩnh chức Giao-châu thứ sử. Hoắc Dực dâng biểu xin cho Thoán Cốc làm Giao-chỉ thái thú; Thoán Cốc đem bọn thuộc hạ sang Giao-châu, nhưng đi chưa đến nơi thì bên này Lữ Hưng đã bị bộ hạ giết chết. Lúc bọn

1. Bức thư này được chép trong *Tam-quốc chí, Ngô chí, Tiết Tông truyện*.

Thoán Cốc đến Giao-chỉ (265) thì nhà Tấn đã thay thế nhà Ngụy, và Giao-châu đương nhiên thuộc về nhà Tấn.

Nhà Ngô, sau khi Lữ Hưng làm phản, lại chia Giao-châu làm hai là Giao-châu và Quảng-châu vào năm 264, vì có ý định sẽ lấy Quảng-châu làm căn cứ để mong khôi phục Giao-châu. Từ đó Giao-châu và Quảng-châu trở nên hai châu riêng biệt, không hợp lại nữa.

Ngô chúa Tôn Hạo sai tướng sang đánh Giao-chỉ vào năm 268 (niên hiệu Bảo-đỉnh năm thứ ba). Quân Tấn từ đất Thục kéo sang tiếp viện và phá được quân Ngô. Nhà Ngô lại sai giám quân Ngu Phiếm, Uy-nam tướng quân Tiết Hủ và Thương-ngô thái thú Đào Hoàng đem binh sang đánh, rốt cuộc khắc phục Giao-chỉ vào năm 271; Cửu-chân và Nhật-nam cũng hàng Ngô. Tôn Hạo dùng Đào Hoàng làm Giao-châu mục.

Thân phụ của Đào Hoàng là Đào Cơ đã từng làm Giao-châu thứ sử, cho nên Đào Hoàng đối với tình hình Giao-châu không có gì bỡ ngỡ. Vì thế Đào Hoàng có nhiều công trong thời gian trấn thủ Giao-châu. Lúc bấy giờ Lâm-ấp quật cường, thường xua quân sang cướp phá Giao-châu, dân ở biên cương lấy làm lo sợ; Đào Hoàng đã đốc suất quân lính phòng thủ và đánh dẹp, giữ yên được bờ cõi. Tôn Hạo đã có lần dùng Đào Hoàng làm đô đốc Vũ-xương và cho thái thú Hợp-phố là Tu Doãn thay thế Đào Hoàng ở Giao-châu, nhưng người Giao-châu đã xin cho Đào Hoàng được lưu nhiệm, nên Tôn Hạo phải để Đào Hoàng trở lại nhiệm sở cũ.

Năm 280, nhà Tấn diệt nhà Ngô. Lúc ấy Đào Hoàng vẫn giữ Giao-châu. Tôn Hạo viết thư khuyên Đào Hoàng quy thuận nhà Tấn. Hoàng rơi nước mắt, sai sứ mang ấn sang Lạc-dương tỏ ý chịu tuân theo mệnh lệnh của nhà Tấn. Do đó, Tấn Vũ-đế ban chiếu cho Đào Hoàng giữ chức cũ và phong làm Uyển-lăng hầu.

Sau khi nhà Tấn thống nhất Trung-quốc, Đào Hoàng vẫn trấn thủ Giao-châu. Tấn Vũ-đế hạ lệnh bãi bỏ quân đồn trú ở các châu quận; Đào Hoàng dâng biểu xin giữ lại ngạch số binh lính ở Giao-châu như cũ và được chính quyền trung ương tạm thời chấp thuận.

Đào Hoàng ở Giao-châu trước sau được 30 năm và mất tại chức.

Người kế theo Đào Hoàng là đô đốc kiêm thứ sử Giao-châu Ngô Ngạn. Khi Đào Hoàng mới mất, thú binh ở Cửu-chân làm loạn, đánh đuổi viên thái thú; thủ lãnh của loạn quân là Triệu Chỉ đốc suất bọn bộ

hạ, kéo đến vây quận thành, nhưng Ngô Ngạn ra sức dẹp yên. Ngô Ngạn ở Giao-châu được 12 năm.

Sau đó, Cố Bí thay thế Ngô Ngạn. Cố Bí là người ôn hòa, được dân trong châu thương mến, nhưng nhiệm chức chẳng bao lâu thì mất. Con của Cố Bí là Cố Sâm tạm thời thay thế cha để lo việc trong châu. Nhưng chẳng bao lâu Cố Sâm cũng mất; em của Sâm là Cố Thọ thay anh. Cố Thọ muốn làm oai với người trong châu, vì thấy họ không ủng hộ mình, nên đã giết viên trưởng lại Hồ Triệu, lại định giết viên đốc quân dưới trướng là Lương Thạc, chạy thoát và khởi binh đánh bắt được Cố Thọ đem giết đi.

Trừ được Cố Thọ rồi, Lương Thạc chuyên quyền ở Giao-châu, nhưng sợ lòng dân không phục mình, nên phải đón con của Đào Hoàng là Đào Uy, lúc bấy giờ đang làm thái thú quận Thương-ngô, để yêu cầu Uy nhận chức Giao-châu thứ sử. Đào Uy nhận lời và nhiệm chức trong một thời gian ngắn thì mất. Sau đó em của Đào Uy là Đào Thục và con của Uy là Đào Tuy nối tiếp nhau làm thứ sử Giao-châu.

Lương Thạc, sau khi lập Đào Uy làm Giao-châu thứ sử, tự mình làm thái thú quận Tân-xương. Đào Thục và Đào Tuy cũng do Lương Thạc lập nên. Lương Thạc tuy làm thái thú, nhưng có quyền hơn thứ sử.

Trong thời gian Lương Thạc làm mưa làm gió ở Giao-châu, chính là lúc nhà Tấn có nhiều loạn lạc. Đến khi nhà Đông-Tấn trung hưng, nguyên súy Vương Đôn vì có công nên được phong là Trấn-đông đại tướng quân, đô đốc quân sự cả sáu châu là Giang, Dương, Kinh, Tương, Giao, Quảng. Lúc bấy giờ Tấn triều mới chú ý đến Giao-châu.

Vương Cơ, người quận Trường-sa, con của cố thứ sử Quảng-châu Vương Nghị, tự nghĩ mình am hiểu tình hình Quảng-châu, nên vận động với Vương Đôn xin được làm thứ sử châu ấy, nhưng Vương Đôn không thuận. Lúc đó người Quảng-châu oán ghét thứ sử Quách Nột, nên nổi lên làm phản, Vương Cơ liền đem hơn 1000 môn sinh, gia khách và nô bộc sang Quảng-châu; một viên tướng trong châu là Ôn Thiệu đem quân lính thuộc quyền mình ra nghênh đón Vương Cơ và ủng hộ ông này làm thứ sử. Nhưng sau đó Vương Cơ lo sợ Vương Đôn cất binh sang đánh, nên muốn xin với Tấn triều chính thức phong cho làm thứ sử Giao-châu. Khi ấy, bọn Đỗ Hoàng, dư đảng của Đỗ Thao, chạy sang phương Nam, hối lộ cho Vương Cơ và xin đi đánh giặc ở Quế-lâm để chuộc tội;

Vương Cơ chuyển lời thỉnh cầu ấy về trung ương và được Tấn triều chấp thuận. Vương Đôn nghĩ rằng khó chế ngự được Vương Cơ, lại muốn dùng Cơ để đánh Lương Thạc, nên lấy cớ Vương Cơ đã có công chiêu hàng được Đỗ Hoàng, mới cho Vương Cơ làm Giao-châu thứ sử. Vương Cơ đến Giao-châu nhiệm chức, nhưng bị Lương Thạc chống cự, nên phải chạy sang Quế-lâm. Đỗ Hoàng vừa phá được bọn giặc ở Quế-lâm trở về, gặp Vương Cơ giữa đường, Cơ khuyên Hoàng hãy chiếm lấy Giao-châu, còn mình thì mưu đồ lấy Quảng-châu, hai người sẽ giúp đỡ lẫn nhau để chiếm đất tự lập, mỗi người làm bá chủ một phương. Như vậy là Vương Cơ và Đỗ Hoàng muốn lập ra hai quốc gia tự trị ở miền Nam Trung-quốc.

Năm 317, Đỗ Hoàng cùng Ôn Thiệu và viên tú tài ở Giao-châu là Lưu Trầm nổi lên chống lại chánh quyền trung ương (tức là nhà Tấn), thì vừa lúc vị thứ sử mới của Quảng-châu là Đào Khản đáo nhiệm, Khản liền đánh bọn Ôn Thiệu và bắt giết cả đi, lại sai bộ tướng đánh Vương Cơ làm cho Cơ phải thua chạy và mắc bệnh chết ở giữa đường. Thế là mối họa Vương Cơ chấm dứt.

Năm sau (318), Tấn triều xét Đào Khản có công dẹp loạn nên gia thêm chức hiệu là Bình-nam tướng quân, đô đốc Giao-châu quân sự.

Mối loạn Vương Cơ tuy đã dẹp yên, nhưng Lương Thạc vẫn chuyên quyền ở Giao-châu như cũ. Lương Thạc sau khi chống lại Vương Cơ thì tự lãnh chức thái thú Giao-chỉ, rồi đón Tu Trạm (con của vị thứ sử Giao-châu trước kia là Tu Trắc) về xử lý việc trong châu.

Năm 322, Vương Đôn sai Vương Lượng, sang làm thứ sử Giao-châu. Vương Lượng đến nhiệm sở bắt được Tu Trạm chém đi, vì thế Lương Thạc liền nổi loạn.

Qua năm sau, quân Lương Thạc đánh lấy châu thành Long-biên. Vương Lượng chết trong vụ ấy.

Lương Thạc chiếm giữ Giao-châu, thi hành một chính sách hung bạo, bị nhân dân oán ghét. Thừa cơ hội ấy, thứ sử Quảng-châu là Đào Khản sai viên tham quân Cao Bảo đánh dẹp Lương Thạc. Tấn triều cho Đào Khản kiêm chức thứ sử Giao-châu và gia phong là Chinh-nam đại tướng quân.

Năm 325, Tấn Minh-đế thăng hà, Tấn Thành-đế đương còn nhỏ tuổi nối ngôi, Dũ Lượng làm phụ chính. Lúc bấy giờ em họ của Nguyễn

Tịch [1] là Nguyễn Phóng xin làm thứ sử Giao-châu và được triều đình ưng thuận. Nguyễn Phóng đi đến Hợp-phố, gặp bọ tướng của Đào Khản là Cao Bảo đi đánh dẹp Lương Thạc từ Giao-châu trở về; Nguyễn Phóng giả vờ thân thiện với Cao Bảo rồi cho phục binh giết đi. Quân của Cao Bảo thấy chủ tướng bị giết liền tấn công Nguyễn Phóng; Phóng thua chạy đến Giao-châu, chẳng bao lâu bị bệnh chết.

Phó Vịnh được bổ làm thứ sử Giao-châu vào năm 330.

Thời Tấn Mục-đế (345-361), Giao-châu luôn luôn bị Lâm-ấp đe dọa. Từ khi trở thành một nước độc lập do vị anh hùng dân tộc Khu Liên khai sáng, Lâm-ấp càng ngày càng lớn mạnh. Trong niên hiệu Vĩnh-hòa (345-356), Lâm-ấp luôn luôn xâm phạm Giao-châu. Thái thú quận Nhật-nam là Hạ-hầu Lãm và đốc hộ Lưu Hùng đã tử trận trong hai cuộc xung đột với người Lâm-ấp vào năm Vĩnh-hòa thứ 3 (347). Tuy có những cuộc chinh phạt liên tiếp của Nhật-nam đốc hộ Đặng Tuấn vào năm Vĩnh-hòa thứ 5 (349), của Giao-châu thứ sử Dương Bình vào năm Vĩnh-hòa thứ 7 (351), của Giao-châu thứ sử Nguyễn Phu vào năm Vĩnh-hòa thứ 9 (353), nhưng không thể làm cho Lâm-ấp chịu hàng phục.

Trong niên hiệu Thăng-bình (357-361), Giao-châu thứ sử là Ôn Phóng-Chi và Quảng-châu thứ sử Đặng Hàm đã hai lần đánh Lâm-ấp, giữ cho châu quận được tạm yên hơn 10 năm, cho nên trong khoảng niên hiệu Ninh-khang (373-375) Lâm-ấp có thông sứ với Trung-quốc.

Năm 380 (Tấn Hiếu-vũ-đế, niên hiệu Thái-nguyên thứ 5), lại có cuộc biến loạn do thái thú Cửu-chân là Lý Tốn chủ xướng. Lý Tốn là một người tráng dũng, từ khi giữ chức thái thú Cửu-chân thì uy thế của Lý có thể khống chế được toàn cõi Giao-châu. Nghe thứ sử Đặng Độn-Chi sắp đáo nhiệm, Lý Tốn liền sai hai con đem binh trấn đóng những nơi hiểm yếu về đường thủy và đường bộ, rồi chiếm cứ Giao-châu chống lại Tấn triều.

Qua năm sau, thái thú Giao-chỉ là Đỗ Viện dẹp được loạn Lý Tốn. Do đó Đỗ Viện được tiến phong Long-nhương tướng quân.

Lâm-ấp, thừa dịp Giao-chỉ có loạn, kéo binh sang quấy nhiễu. Thứ sử Giao-châu là Đặng Độn-Chi phải vất vả với quân Lâm-ấp hơn 10 năm.

---

1. Nguyễn Tịch (2 0-263) là một trong Trúc-lâm thất hiền, chịu ảnh hưởng Lão Trang, chủ trương phóng nhiệm.

Năm 399 (Tấn An-đế, hiệu Long-an thứ 3), Đằng Độn-Chi trở về Trung-quốc. Lâm-ấp đánh chiếm luôn ba quận Nhật-nam, Cửu-đức (Hà-tĩnh) và Cửu-chân, rồi tiến ra vây thành Giao-châu. Đỗ Viện đánh lui được quân địch. Tấn triều cho Viện làm Giao-châu thứ sử.

Năm 410 (Tấn An-đế, hiệu Nghĩa-hy thứ 6), Đỗ Viện mất. Triều đình cho em của Đỗ Viện là Đỗ Tuệ-Độ làm thứ sử Giao-châu.

Chiếu thư chưa đến thì bọn Lư Tuần đã đánh phá Hợp-phố, rồi kéo tới đánh Giao-châu và được dư đảng của Lý Tốn hưởng ứng. Đỗ Tuệ-Độ đem hết của cải trong họ hàng ra để khao thưởng quân sĩ, rồi kéo binh ra đánh một trận thắng được quân địch làm cho Lư Tuần phải nhảy xuống sông mà chết.

Ba năm sau (413), người Lâm-ấp lại vào quấy nhiễu Giao-châu nhưng bị Đỗ Tuệ-Độ đánh đuổi.

Năm Nguyên-hy thứ 2 đời Tấn Cung-đế (420), Lưu Dụ soán Tấn lên ngôi, tức là Tống Vũ-đế, cải nguyên Vĩnh-sơ. Đỗ Tuệ-Độ được tiến hiệu là Phụ-quốc tướng quân, nhưng vẫn lãnh chức thứ sử Giao-châu như cũ. Mùa thu năm đó, Đỗ Tuệ-Độ phá được quân Lâm-ấp và giữ bờ cõi của Giao-châu được yên ổn về phương Nam. Lúc bấy giờ Đỗ Tuệ-Độ mới rảnh tay mà lo tu chỉnh việc chính trị trong châu.

Tống thư [1], quyển 92, truyện Đỗ Tuệ-Độ, đã chép về Tuệ-Độ như sau : « Tuệ-Độ mặc áo vải, ăn rau, kiệm ước, chất phác, biết cấm đoán việc thờ phụng nhảm nhí có vẻ mê tín dị đoan, thiết lập nhiều trường học, mỗi lần gặp năm mất mùa đói kém thì lấy bổng lộc của mình để chẩn cấp cho dân ; cai trị một châu mà cẩn thận kỹ lưỡng như thu xếp việc nhà, nhờ thế nên uy tín và ân huệ lan khắp, trộm cắp không xuất hiện, ban đêm không cần đóng cửa thành nữa... »

Những lời khen đó có thể quá đáng, nhưng chúng ta cũng thừa nhận Đỗ Tuệ-Độ là một công chức tốt của nhà Tấn, đã biết áp dụng chánh sách cai trị khôn khéo, mềm dẻo trong thời gian làm thứ sử Giao-châu.

Đỗ Tuệ-Độ mất năm 423 (Tống Thiếu-đế, Cảnh-bình nguyên niên). Con của ông là Đỗ Hoằng-Văn kế theo cha làm Giao-châu thứ sử và cũng biết dùng sự khoan hòa mà cai trị. Bốn năm sau (427, Tống Văn-

1. *Tống thư* là sử của nhà Lưu Tống (420 — 478) do Lưu Dụ khai sáng. Bộ sử này gồm có 100 quyển, (*Kỷ* 10 quyển, *Chí* 30 quyển, *Liệt-truyện* 60 quyển) do Thẩm Ước biên soạn.

đế, hiệu Nguyên-gia năm thứ tư), Tống-triều triệu Hoằng-Văn đến kinh đô; lúc đó Hoằng-Văn đang bệnh nhưng vẫn lên đường, mặc dù có người ngăn cản bảo đợi lành bệnh rồi hãy đi, song Hoằng-Văn không nghe, vì thế đi đến Quảng-châu thì mất.

Vương Huy-Chi (có sách chép là Vương Huy) kế Đỗ Hoằng-Van làm thứ sử Giao-châu, rồi sau đó Nguyễn Di-Chi thay thế Vương Huy-Chi. Năm 431, Nguyễn Di-Chi đem binh đi đánh Lâm-ấp, không thắng phải rút về. Ba năm sau (434), Tống triều cho Giao-chỉ thái thú là Lý Đam-Chi thăng chức Giao-châu thứ sử. Năm sau, Tống-triều dùng Cầu Lý-Đạo thay Lý Đam-Chi. Năm 437, Từ Hành-Chi thay Cầu Lý-Đạo. Năm 443, Đàn Hòa-Chi làm Giao-châu thứ sử. Năm 446, Đàn Hòa-Chi kéo binh đánh Lâm-ấp, viên tướng tiền phong của Hòa-Chi là Tông Xác phá được kinh đô nước Lâm-ấp; quân của Đàn Hòa-Chi toàn thắng trong trận đó. Từ đấy, Lâm-ấp suy nhược, không đủ sức xâm phạm Giao-châu nữa.

Sau khi Đàn Hòa-Chi trở về Trung-quốc, Tiêu Cảnh-Hiến được cử sang làm thứ sử Giao-châu; và đến năm 455, Viên Hoành được bổ nhiệm chức ấy, nhưng Viên Hoành chỉ làm thứ sử Giao-châu từ tháng 5 đến tháng chạp thì Tiêu Cảnh-Hiến trở lại thay Viên Hoành.

Qua năm sau (456), Tống triều dùng Phí Yêm làm Giao-châu thứ sử. Nhưng hai năm sau Phí Yêm được đổi làm Quảng-châu thứ sử, còn chức thứ sử Giao-châu giao cho Viên Lãng (nguyên là thái thú quận Nam-hải).

Tống Hiếu-vũ-đế là một ông vua có học vấn rộng rãi, song lại có tính xa xỉ vô độ, cho nên các vị thứ sử, thái thú thường mang những sản vật địa phương hiến dâng cho nhà vua. Viên Lãng ở chức thái thú Nam-hải thăng lên thứ sử Giao-châu đã trở nên giàu có lớn, hiến dâng cho nhà vua rất nhiều bảo vật. Như thế cũng đủ biết Viên Lãng là một vị quan không thanh liêm.

Năm 462, Đàn Dực-Chi được cử làm Giao-châu thứ sử. Kế Đàn Dực-Chi là Lưu Mục, nhưng Lưu Mục chỉ làm thứ sử Giao-châu được mấy năm thì chết tại nhiệm sở vào tháng ba năm Thái-thủy thứ tư đời Tống Minh-đế (468). Người kế Lưu Mục là Tôn Phụng-Bá, nhưng Phụng-Bá chưa đến nhiệm sở thì bên này người Giao-chỉ là Lý Trường-Nhân đã giết bọn thuộc hạ của Lưu Mục, rồi chiếm lấy Giao-châu, tự xưng thứ sử. Tháng tám năm đó, Tống triều cử Lưu Bột làm thứ sử Giao-châu,

nhưng khi Lưu đáo nhiệm thì gặp phải sức kháng cự của Lý Trường-Nhân, và chẳng bao lâu Lưu mắc bệnh mà chết. Tháng 11 năm đó, Lý Trường-Nhân sai sứ sang xin với vua Tống cho ông ta xử lý việc Giao-châu nhưng không xưng thứ sử và được Tống triều thuận cho.

Từ năm Thái-thủy thứ 5 của Tống Minh-đế (469) đến năm Thăng-minh thứ 2 của Tống Thuận-đế (478), những vị thứ sử do Tống triều tuyển chọn gửi sang Giao-châu có Trần Bá-Thiệu, Thẩm Cảnh-Đức, Triệu Siêu-Dân, song không người nào ở yên nơi địa vị của mình, vì Lý Trường-Nhân chống lại mệnh lệnh của Tống triều và chuyên quyền ở Giao-châu. Lý Trường-Nhân tuy không mang danh thứ sử nhưng có thực quyền của một vị thứ sử.

Sau khi Lý Trường-Nhân chết, người em con nhà chú là Lý Thúc-Hiến thay thế anh xử lý việc Giao-châu, rồi sai sứ sang nhà Tống xin lãnh chức thứ sử. Tống triều dùng thái thú quận Nam-hải là Thẩm Hoán làm thứ sử Giao-châu, cho Lý Thúc-Hiến làm tư mã quận Ninh-viễn kiêm thái thú hai quận Vũ-bình và Tân-xương. Thúc-Hiến khi đã nhận được mệnh lệnh của nhà Tống và được nhân tâm phục tùng rồi, liền đưa quân đi giữ những chỗ hiểm yếu, không cho Thẩm Hoán đến nhiệm sở. Thẩm Hoán phải lưu lại Uất-lâm rồi mắc bệnh mà chết. Do đó, Lý Thúc-Hiến nắm trọn quyền ở Giao-châu.

Các sử gia Trung-quốc cho rằng hai anh em Lý Trường-Nhân và Lý Thúc-Hiến là người Giao-châu đã nổi lên chiếm đất và chống lại mệnh lệnh của Tống triều, mở đầu cuộc mưu đồ độc lập của các nhân sĩ nước ta.

Năm 479 (niên hiệu Thăng-minh thứ 3 của Tống Thuận-đế), Tiêu Đạo-Thành soán Tống và đổi niên hiệu là Kiến-nguyên. Tiêu Đạo-Thành (Tề Cao-đế) ra lệnh cho quần thần được bàn về chính sự đắc thất. Lưu Thiện-Minh, thái thú hai quận Hoài-nam và Tuyên-thành, xin với Cao-đế nên phủ an Giao-châu. Lời điều trần của Thiện-Minh đại khái như sau: «Giao-châu là nơi xa xôi hiểm yếu, cuối đời Tống chính trị hà khắc đã làm cho dân ở đó oán giận. Nay một triều đại mới bắt đầu, nên dùng ân đức mà cải hóa dân Giao-châu. Vả lại thổ sản ở đó là châu báu, nhưng châu báu không phải là những vật mà thánh triều cần dùng gấp, bởi vậy không nên đem quân sang chinh phạt Giao-châu» (9). Tề Cao-đế khen lời điều trần xác thiết của Lưu Thiện-Minh, liền thừa nhận Lý Thúc-Hiến làm Giao-châu thứ sử.

Sau khi nhận mệnh lệnh của nhà Tề chẳng bao lâu, Lý Thúc Hiến cắt đứt việc giao hảo giữa các nước phương Nam với nhà Tề. Do đó, năm 485, Tề Vũ-đế dùng chức đại tư nông là Lưu Khải làm thứ sử Giao-châu, đồng thời đưa binh ở các quận Nam-khang, Lư-lăng và Thủy-hưng sang đánh Thúc-Hiến. Nghe tin đó, Thúc-Hiến lo sợ bị Lưu Khải đánh úp cho nên phải đích thân sang triều yết vua Tề, rồi bị giữ luôn bên đó. Lưu Khải nhờ thế mới vào được Giao-châu. Từ khi Lý Trường-Nhân chiếm giữ Giao-châu cho đến lúc Lý Thúc-Hiến sang chầu vua Tề, anh em họ Lý đã cát cứ Giao-châu được 18 năm (468-485).

Năm Vĩnh-minh thứ 6 (488), Tề Vũ-đế dùng Phòng Pháp-Thừa (nguyên là thái thú quận Thủy-hưng) thay Lưu Khải làm Giao-châu thứ sử. Sau khi đến nhiệm chức, Pháp-Thừa chỉ thích đọc sách và thường mượn cớ có bệnh không chăm lo về chính sự. Do đó chức trưởng lại ở trong châu là Phục Đăng-Chi chuyên quyền thay đổi các viên chức văn võ mà không cần trình cho Pháp-Thừa biết.

Tháng 10 năm Vĩnh-minh thứ 8 (490), viên lục sự Phòng Quý-Văn đem việc Phục Đăng-Chi chuyên quyền báo cáo với Phòng Pháp-Thừa. Nghe chuyện ấy, Pháp-Thừa giận lắm, bắt Đăng-Chi giam vào ngục. Đăng-Chi ở trong ngục hơn 10 ngày, bảo người nhà hối lộ cho em rể Pháp-Thừa để được phóng thích, rồi suất lĩnh bọn thuộc hạ đến vây đánh châu thành, bắt Pháp-Thừa, và nói rằng: «Sứ quân có bệnh, không nên làm việc phiền phức khó nhọc». Nói xong, đưa Pháp-Thừa giam vào một ngôi nhà riêng. Ở trong nhà giam, Pháp-Thừa không có việc gì để tiêu khiển nên yêu cầu Đăng-Chi cho mượn sách để đọc, nhưng Đăng-Chi không cho và bảo rằng: «Sứ quân yên nghỉ còn sợ bệnh không thuyên giảm nữa, huống là đọc sách». Đăng-Chi lại tâu về triều rằng Pháp-Thừa bị bệnh đau tim không thể làm việc được. Tháng 11 năm đó, triều đình cho Phục Đăng-Chi làm Giao-châu thứ sử, triệu Phòng Pháp-Thừa về. Pháp-Thừa đi đến núi Đại-dữ thì chết.

Năm 494, nhà Tề dùng Tống Từ-Minh (nguyên là thái thú quận Cửu-chân) làm Giao-châu thứ sử. Người kế theo Tống Từ-Minh là Lý Khải, nhưng chưa rõ Lý Khải nhiệm chức Giao-châu thứ sử vào tháng năm nào.

---

1. Xem *Nam-Tề thư*, quyển 28, *Lưu Thiện-Minh truyện*.

Năm Trung-hưng thứ 2 đời Tề Hòa-đế (502), Tiêu Diễn soán Tề và lập nên nhà Lương rồi cải nguyên là Thiên-giám.

Niên hiệu Thiên-giám năm thứ 4 (505), Giao-châu thứ sử Lý Khải làm phản. Viên trưởng sử Lý Tắc dẹp được bọn Lý Khải. Lương Vũ-đế dùng Lý Tắc làm Giao-châu thứ sử.

Năm Thiên-giám thứ 15, Lý Tắc chém kẻ nổi loạn ở Giao-châu là Nguyễn Tông-Hiếu và gửi đầu Tông-Hiếu về kinh đô nhà Lương.

Năm Đại-đồng thứ 7 đời Lương Vũ-đế (541), ở Giao-châu có cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (Lý Bôn). Sử Trung-hoa cho rằng đây là «một cuộc mưu đồ độc lập tối đại quy mô» của nhân sĩ Giao-châu sau cuộc khởi nghĩa của hai chị em bà Trưng.

Tổ tiên của Lý Bí vốn là người Trung-nguyên, cuối đời Tây-Hán tránh loạn sang ở phương Nam, truyền bảy đời đến Lý Bí thành người Giao-chỉ. Lý Bí xuất thân thế gia, có tài kiêm văn võ, lúc đầu ra làm quan với nhà Lương, nhưng sau thấy rõ cái dã tâm của Lương triều đối với xứ sở, lại gặp Tinh Thiều là người đồng quận cũng giỏi văn học, nhưng bị quan lại nhà Lương chèn ép, nên hai người cùng nhau kết làm bạn đồng chí và cùng trở về quê hương để mưu khởi sự.

Lúc bấy giờ, Giao-châu thứ sử là Tiêu Tư, tông thất nhà Lương, đã áp dụng một chính sách hà khắc, bạo ngược, thất nhân tâm. Bởi vậy, Lý Bí mới thừa cơ hội thuận tiện liên kết với những trang hào kiệt trong châu để phất cờ khởi nghĩa.

Tiêu Tư được tin chẳng lành, vội chạy về Quảng-châu. Nhân đó Lý Bí chiếm cứ châu thành Long-biên (nay ở huyện Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh). Lương Vũ-đế sai thứ sử Giao-châu là Tôn Quýnh và thứ sử Tân-châu là Lư Tử-Hùng đem quân sang đánh Lý Bí. Năm 542, quân nhà Lương đi đến Hợp-phố thì bị bệnh chết quá nửa, số còn lại phải quay trở về, nên chưa đánh đã tan.

Hai năm sau (544), Lý Bí tự xưng là Nam-Việt đế, đặt quốc hiệu là Vạn-xuân, lấy niên hiệu là Thiên-đức [1], đặt các chức tướng văn, tướng võ và bách quan, có đủ quy mô của một nước độc lập.

1. Thiên-đức là niên hiệu đầu tiên của nước ta. Niên hiệu đầu tiên của Trung-quốc là Kiến-nguyên đời Hán Vũ-đế (140 trước Tây-lịch).

Năm sau, nhà Lương dùng Dương Phiêu làm Giao-châu thứ sử, Trần Bá-Tiên làm tư mã, kéo quân sang đánh Lý Bí. Nam-Việt đế suất lĩnh ba vạn quân chống nhau với địch, nhưng bị thua ở quận Chu-diên và ở cửa sông Tô-lịch, nên phải rút vào thành Gia-ninh. Quân Lương vây thành. Tháng giêng năm sau (546), quân Lương chiếm được thành Gia-ninh, Lý Bí phải lánh sang đất Lào ; nhưng chỉ mấy tháng sau, họ Lý lại chỉ huy hai vạn quân đóng đồn ở hồ Điền-triệt và làm rất nhiều chiến thuyền. Quân Lương thấy thế khiếp sợ không dám tiến đánh. Sau đó, Trần Bá-Tiên đem thủy quân thừa cơ tới đánh quân của Lý Bí một trận, quân của họ Lý lại thua, Nam-Việt đế phải chạy vào động Khuất-liêu.

Trần Bá-Tiên kéo quân về Quảng-châu vào năm 549.

Năm 550 (Lương Giản-văn-đế, hiệu Đại-bảo nguyên niên) tướng của Lý Bí là Triệu Quang-Phục lại chiếm cứ Long-biên và xưng là Triệu Việt-vương. Anh của Lý Bí là Lý Thiên-Bảo ở trong đất Lào cũng xưng là Đào-lang-vương.

Sau khi đi đánh Giao-châu về, Trần Bá-Tiên cậy có công nên nắm trọn quyền trong triều. Năm 557, Bá-Tiên soán ngôi nhà Lương, tức là Trần Vũ đế, cải nguyên là Vĩnh-định.

Lúc bấy giờ trong nước có nhiều biến loạn, Trần Vũ-đế cũng chỉ trị vì được 4 năm, sau đó quốc thế càng ngày càng suy vi, cương thổ càng ngày càng thu hẹp, cho nên uy lực nhà Trần không lan đến Giao-châu là đất ở nơi biên viễn. Bởi vậy, ở nước ta thủa đó, sau khi Đào-lang-vương Lý Thiên-Bảo mất, Lý Phật-Tử được dân chúng tôn lên kế vị ; đến năm 571, Lý Phật-Tử diệt luôn Triệu Quang-Phục, nhưng vẫn giữ xưng hiệu Nam-Việt đế, đóng đô ở Phong-châu.

Lý Phật-Tử kiến quốc xưng đế được 32 năm, từ năm 571 đến năm 602, thì hàng nhà Tùy. Nước ta lại chuyển sang một giai đoạn lịch sử khác. Nhưng lúc nào dân tộc ta cũng tiếp tục tranh đấu để giành lại quyền tự chủ.

* * *

QUẬN HUYỆN CỦA GIAO-CHÂU THỜI LỤC-TRIỀU

GIAO-CHÂU THỜI NGÔ (221-280)

Tên quận	Đặt ra thời nào	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Hợp-phố	Hán	Hợp-phố, Châu-lư, Châu-quan, Nam-bình, Độc-chất.	*Tam quốc quận huyện biểu ; Bổ tam quốc cương vực chí*, qu. hạ.	không thuộc lãnh-thổ Việt-nam ngày nay
Châu-nhai	nt	Châu-nhai, Từ-văn	nt	nt
Giao-chỉ	nt	Long-biên, Cầu-lậu, Luy-lâu, Vọng-hải, Tây-vu, Chu-diên, Khúc-dương, Bắc-đới, Kê-từ, An-định, Vũ-ninh, Ngô-hưng, Vũ-an, Quân-bình.	nt *Thái-bình hoàn vũ ký*, qu. 171.	
Tân-hưng	Ngô	Mê-linh, Gia-ninh, Ngô-định, Phong-sơn.	*Tam quốc quận huyện biểu.*	
Vũ-bình	nt	Vũ-bình Phong-khê, Bình-đạo, Vũ-hưng, Tiêu-sơn, Căn-ninh, An-vũ, Phù-an.	*Tống thư*, quyển 38; *Thông điển*, qu.184; *Nguyên-hòa quận huyện chí*, qu. 38.	
Cửu-chân	Hán	Tư-phố, Đô-bàng (lung), Di-phong, Kiến-sơ, Thường-lạc, Phù-lạc.	*Tống thư*, qu. 38; *Nguyên-hòa quận huyện chí*, qu. 38.	
Cửu-đức	Ngô	Hàm-hoan, Cửu-đức, Dương-thành, Việt-thường, Phù-linh.	*Tấn thư*, qu. 15; *Bổ tam quốc cương vực chí*, qu. hạ.	
Nhật-nam	Hán	Chu-ngôn, Lư-dung, Tỵ-ảnh, Tượng-lâm, Khu-túc (xưa là Tây-quyển).	*Thủy-kinh chú*, qu. 36; *Bổ tam quốc cương vực chí*, qu. hạ.	

GIAO-CHÂU THỜI TẤN (265-419)

(Quận Châu-nhai sáp nhập quận Hợp-phố; vì thế Giao-châu đời Tấn gồm có 7 quận, 65 huyện)

Tên quận	Đặt ra thời nào	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Hợp-phố	Hán	Hợp-phố, Nam-bình, Độc-chất, Châu-quan (4 huyện cũ), Từ Văn (huyện này sáp nhập quận Hợp-phố sau khi bỏ quận Châu-nhai), Đãng-xương (chia huyện Hợp-phố ra mà lập nên huyện này).	*Tấn thư*, qu. 15, *Địa-lý chí.*	Không thuộc lãnh-thổ Việt-nam ngày nay
Giao-chỉ	Hán	Long-biên, Cẩu-lậu, Vọng-hải, Luy-lâu, Tây-vu, Vũ-ninh, Chu-diên, Khúc-dương, Bắc-đới, Kê-từ, Định-an (các huyện ấy vốn có từ trước), Giao-hưng (có lẽ là Ngô-hưng đời Ngô), Hải-Bình (Quân-bình đời Ngô), Nam-định (Vũ-an đời Ngô).	*Tấn thư*, qu. 15, *Địa-lý chí; Tống thư*, qu. 38, *Châu quận chí; Tấn thư Địa-lý chí tân bổ chính*, qu. 5.	
Tân-xương (nguyên là quận Tân-hưng đời Ngô)	Ngô	Mê-linh, Gia-ninh, Ngô-định, Phong-sơn (4 huyện cũ), Lâm-tây và Tây-đạo (do nhà Tấn đặt ra).	*Tấn thư*, qu. 15, *Địa-lý chí.*	
Vũ-bình	Ngô	Vũ-ninh, Vũ-hưng, Tiến-Sơn, Căn-ninh, An-vũ, Phù-an, Phong-khê (đều là huyện cũ).	nt	
Cửu-chân	Hán	Tư-phố, Di-phong, Kiến-sơ, Thường-lạc, Phù-lạc (5 huyện cũ), Tân-ngô và Tùng-nguyên (do nhà Tấn lập ra)	*Tấn thư*, qu. 15, *Địa-lý chí; Tống thư*, qu. 38, *Châu quận chí.*	

Tên quận	Đặt ra thời nào	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Cửu-đức	Ngô	Cửu-đức, Hàm-hoan, Phù-linh, Khúc-tư, Dương-toại (nguyên là Dương-thành và các huyện ấy đều là huyện cũ), Nam-lăng, Khố-dương, Đô-hào (3 quận này do nhà Tấn lập ra).	*Tấn thư*, qu. 15, *Địa lý chí*; *Tống thư*, qu. 38, *Châu-quận chí*; *Độc sử phương dư kỷ yếu*, qu. 112.	
Nhật-nam	Hán	Tượng-lâm, Lư-dung, Chu-ngô, Tây-quyển, Tỵ-cảnh (5 huyện cũ), Thọ-lãnh và Vô-lao (do nhà Tấn lập ra).	*Tấn thư*, nt; *Tống thư*, nt; *Thủy-kinh chú*, qu. 36.	Bị Lâm-ấp xâm chiếm, cho nên danh tuy còn nhưng thực đã mất.

GIAO-CHÂU THỜI LƯU-TỐNG (420-478)

Đời Lưu-Tống, quận huyện ở Giao-châu có thay đổi. Tống Minh-đế, năm Thái-thủy thứ 7 (471), chia cắt quận Hợp-phố để lập ra Việt-châu. Từ đó cho đến cuối đời Lưu-Tống, Giao-châu có 6 quận, khu-vực so với trước nhỏ hẹp hơn vì chỉ thuộc lãnh-thổ Việt-nam ngày nay mà thôi. Thiên *Địa-lý chí* trong *Tấn thư*, và thiên *Châu quận chí* trong *Nam-tề thư* đều có chép tên quận Tân-xương, nhưng thiên *Châu quận chí* trong *Tống thư* không chép tên quận ấy, có lẽ vì sơ sót chăng. Nếu quả thực có quận Tân-xương thì Giao-châu cuối đời Lưu-Tống phải gồm 7 quận.

Tên quận	Đặt ra thời nào	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Giao-chỉ	Hán	Long-biên, Cầu-lậu, Chu-diên, Ngô-hưng, Tây-vu, Định-an, Vọng-hải, Hải-bình, Vũ-ninh, Luy-lâu, Khúc-dương, Nam-định (đều là huyện cũ).	*Tống thư* qu. 38, *Châu quận chí*.	
Vũ-bình	Ngô	Ngô-định, Tân-đạo, Tấn-hóa, (còn có 3 huyện không được chép vào).	nt	Theo *Nam-Tề thư, Châu quận chí*, 3 huyện Ngô-định, Tân-đạo và Tấn-hóa đều thuộc quận Tân-xương.
Cửu-chân	Hán	Tư-phố Di-phong, Tùng-nguyên, Kiến-sơ, Thường-lạc, Đô-bàng, Tân-ngô (đó là các huyện cũ), Cao-an, Quân-an, Vũ-ninh, Ninh-di (do nhà Tấn lập ra).	nt	
Cửu-đức	Ngô	Cửu-đức, Hàm-hoan, Phố-dương, Dương-viễn, Đô-thải (Đô-hào), Nam-lăng, Việt-thường (đó là các huyện cũ), Tây-an Tống-thái, Tống-xương, Hy bình (lập ra cuối đời Lưu-Tống).	nt	
Nhật-nam	Hán	Tây-quyền, Lư-dung, Tượng-lâm, Thọ-lãnh, Chu-ngô, Vô-lao, Tỷ-cảnh (đều là huyện cũ).	nt	
Tống-bình	Tống	Tống-bình (nhà Lưu-Tống chia cắt huyện Long-biên của quận Giao-chỉ lập ra huyện Tống-bình rồi đổi làm quận).	nt *Độc sử phương dư kỷ yếu*, qu. 112.	*Tống thư, châu quận chí* chép : « Chia cắt quận Nhật-nam lập ra huyện Tống-bình ». Nhưng Cố Tổ-vũ khảo chứng cho là sai. Nay theo thuyết của họ Cố.
Tân-xương (?)	Ngô		*Tấn thư*, qu. 15, *Địa-lý chí*. *Nam-tề thư*, qu. 14, *Châu quận chí*.	

GIAO-CHÂU THỜI TỀ (479-501)

Các quận huyện ở Giao-châu về đời Tề cũng có thay đổi. Năm Kiến-nguyên thứ 2 (480), Tề Cao-đế cắt quận Tống-thọ của Việt-châu quy hoàn Giao-châu, lại lập ra quận Tề-long. Năm Vĩnh-thái nguyên-niên (498) đời Tề Minh-đế, quận Tề-long lại thuộc về Quan-châu. Năm Vĩnh-nguyên thứ 2 (500) đời Tề Đông-hôn hầu, quận Nghĩa-xương được lập ra. Từ đó về sau, Giao-châu có 9 quận.

Tên quận	Đặt ra thời nào	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Giao-chỉ	Hán	Long-biên, Cầu-lậu, Chu-diên, Ngô-hưng, Tây-vu, Định-an, Vọng-hải, Hải-bình, Vũ-ninh, Luy-lâu, Khúc-dương, Nam-định, (đều là huyện cũ).	*Nam-Tề thư*, qu. 14, *Châu quận chí.*	
Cửu-chân	nt	Tư-phố, Di-phong, Tùng-nguyên, Kiến-sơ, Thường-lạc, Cát-bàng (Đô-bàng), Tân-ngô, Cao-an, Quân-an, Vũ-ninh (đều là huyện cũ).	nt	
Vũ-bình	Ngô	Phong-khê, Bình-đạo, Vũ-hưng, Căn-ninh (huyện cũ của nhà Ngô), Vũ-định (tức huyện Vũ-bình của Ngô), Nam-di (do Tề lập ra).	nt *Thông-điển*, qu. 184, *An-nam phú.*	
Tân-xương	nt	Gia-ninh, Phong-sơn, Tây-đạo, Lâm-tây, Ngô-định (huyện cũ của nhà Tấn), Tân-đạo, Tấn-hóa (thuộc quận Vũ-bình thời Lưu-Tống), Phạm-tín (do Tề lập ra)		
Cửu-đức	nt	Cửu-đức, Hàm-hoan, Việt-thường, Phố-dương, Nam-lăng, Đô-hào, Tây-an (đều là huyện cũ).	*Nam Tề thư*, qu. 14, *Châu quận chí.*	
Nhật-nam	Hán	Tượng-lâm, Lư-dung, Chu-ngô, Tây-quyền, Tỷ-cảnh, Thọ-lãnh, Vô-lao (đều là huyện cũ).	nt	
Tống-bình	Tống	Xương-quốc, Nghĩa-hoài, Tuy-ninh (do Tề lập ra).	nt	
Tống-thọ	Tề	Không rõ.	nt	Không thuộc lãnh-thổ Việt-nam ngày nay.
Nghĩa-xương	nt	Không rõ.	nt	

GIAO CHÂU THỜI LƯƠNG (502-556)

Đời Lương, kể từ năm Thiên-giám thứ 8 (509) về trước, đại đề các châu quận cũng giống như thời Tống và Tề. Về sau, việc thay đổi các địa danh rất nhiều, không thể kể hết. Riêng ở Giao-châu thì có chia ra và đặt thêm các châu mới là Hưng-châu, Ái-châu. Lợi-châu, Minh-châu, Đức-châu, An-châu, Hoàng-châu. Vì thế đất đai của một châu trở nên nhỏ hẹp, có châu không bằng một quận thời trước.

Tên châu	Hạt quận	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Giao-chỉ	Giao-chỉ	Long-biên, Vũ-ninh, Vọng-hải, Cẩu-lậu, Ngô-hưng, Tây-vu, Chu-diên, Nam-định, Khúc-dương, Hải-bình, Luy-lâu (đều là huyện cũ).	*Độc sử phương dư kỷ yếu*, qu. 112.	
	Tống-bình	Xương-quốc, Nghĩa-hoài, Tuy-ninh (đều là huyện cũ).		
	Vũ-bình	Vũ-định, Vũ-hưng, Căn-ninh, Nam-di (đều là huyện cũ).		
Hưng-châu	Tân-xương	Gia-ninh, Phong-sơn, Tây-đạo, Lâm-tây, Ngô-định, Tân-đạo, Tấn-hóa, Phạm-tín (đều là huyện cũ).	nt	Đặt luôn Hưng-châu ở quận Tân-xương.
Ái-châu	Cửu-chân	Tư-phố, Di-phong, Tùng-nguyên, Kiến-sơ, Thường-lạc, Cát-bàng, Tân-ngô, Cao-an Quân-an, Vũ-ninh (đều là huyện cũ), Cửu-chân, Nhật-nam (do nhà Lương đặt ra).	*Lương thư* qu. 3. *Vũ-đế, bản kỷ ; Tùy thư*, qu. 31, *Địa-lý chí.*	
Lợi-châu	Không khảo cứu được	Không khảo cứu được	*Trần thư*, qu. 9, *Âu-dương Quỹ truyện ; Tùy thư*, qu. 31, *Địa-lý chí ; Đông Tấn, Nam, Bắc triều dư địa biểu*, qu. 7 ; *Độc sử phương dư kỷ yếu*, qu. 112.	

Tên châu	Hạt quận	Hạt huyện	Sử liệu xuất xứ	Phụ chú
Minh - châu	vô - khảo	Vô khảo	nt	
Đức-châu	Cửu -đức	Cửu-đức, Hàm-hoan, Việt - thường, Phố-dương, Nam-lăng, Đô-hào, Tây - an (huyện cũ), An - viễn (do nhà Lương đặt ra).	*Đông Tấn, Nam Bắc triều dư địa biểu*, qu. 7	
	Nhật-nam	Tượng-lâm, Lư-dung, Chu-ngô, Tây-quyền, Tỷ-cảnh, Thọ-lãnh Vô-lao (đều là huyện cũ).		
An-châu	An - kinh	(Chia Thọ - quận của nhà Lưu-Tống mà lập ra quận An-kinh).	nt	Không thuộc lãnh-thổ V. N. ngày nay
Hoàng-châu	Ninh-hải	An-bình	*Nguyên - hòa quận huyện chí*, qu. 38; *Độc sử phương dư kỷ yếu*, qu. 104.	nt

GIAO-CHÂU THỜI TRẦN (557-558)

Chế-độ đời Trần phần nhiều phỏng theo chế độ đời Lương, tuy châu quận có thay đổi nhiều, song việc kiến lập các quận huyện ở Giao-châu không được sử sách chép thật rõ ràng đầy đủ.

Theo *Trần thư, Âu-dương Quỹ truyện*, thì năm Vĩnh-định thứ 2 (558), Trần Vũ-đế vẫn dùng Âu-dương Quỹ làm thứ sử Quảng-châu, coi cả việc quân của 19 châu ; 19 châu đó gồm có Giao-châu, Nam-tân châu, Ái-châu, Đức-châu, Lợi-châu, Minh-châu, An-châu, Hoàng-châu, v.v... Nam-tân châu do Trần Vũ-đế lập ra vào năm 559 ở quận Tân-xương tức là đất Hưng-châu của nhà Lương. Còn các châu quận khác dưới triều Trần cũng gần giống như dưới triều Lương. Nhưng trên thực-tế, Giao-châu thời Trần bị Lý Phật-Tử cát cứ, dựng nước xưng đế hiệu, cho nên thế-lực chính-trị của nhà Trần không đến được Giao-châu. Bởi thế, việc nhà Trần kiến trí quận huyện ở Giao-châu tuy có cũng như không, vì chỉ có danh chứ không có thực.

BỬU-CẦM

(tiếp theo Sử Địa số 17 và 18)

THỦY-TRÌNH ĐƯỜNG GHE TỪ HUẾ (THỪA-THIÊN) RA NAM-ĐỊNH

▽ BÙI QUANG TUNG *thâu chép*

1.— Kể từ Thuận-Hóa kể ra,
2.— Kể tới Cửa-Việt kể qua Cửa Tùng,
3.— Quảng-trị địa thế vô cùng,
4.— Đông thời Hòn Cỏ tây thời Lang-giang,
5.— Tỉnh thời cầu sắt bắc sang,
6.— Có đường xe hỏa xóm làng lao xao,
7.— Mũi Lài không thấp không cao,
8.— Các lái ra vào tránh lố Khơi-khơi,
9.— Hòn Cỏ còn ngoài khơi,
10.— Các lái lỡi vời tăm tối phải coi,
11.— Ngó lên bãi cát còn dài,
12.— Chạy khỏi Mũi Lài đã đến Dừa Đôi.
13.— Ngó vô trong núi Như-Ngôi,
14.— Đầu bồ Tục đệ phải coi làm chừng,
15.— Quảng-bình phố xá tưng bừng,
16.— Đông thời Bãi-Độ tây thời Diêm-la,
17.— Thương thuyền các lái đi ra,
18.— Ghé cửa Nhật-lệ vậy mà nghỉ ngơi,
19.— Anh em ghé lại mà chơi,
20.— Đi chợ Trầu-thất nghỉ ngơi bàng hoàng,
21.— Dinh Cô làm lễ sẵn sàng,
22.— Các lái băng ngàn Phú-địa thẳng nơi,
23.— Hòn Hiên vốn thiệt có vơi,

24.— Trong vịnh ngoài vời cửa Vọ luôn qua,
25.— Chạy lên một đỗi xa xa,
26.— Khỏi mũi Đá-nhảy Lý-hòa quản bao,
27.— Trên thời nhà ngói lao xao,
28.— Dưới sông ghe đậu như bàu lạnh tanh,
29.— Chạy lên đến cửa Sông Gianh,
30.— Cửa sâu thăm thẳm nước xanh như chàm,
31.— Phú-đường là chốn dinh làm,
32.— Ba-đồn phiên tụ cảnh còn thêm mê,
33.— Cảnh Giang nhà cửa ê hề,
34.— Vốn nhà Tuần pháp làm nghề tam canh,
35.— Cửa Ròn bên bãi bên gành,
36.— Ngoài thời có rạn ăn quanh lên chùa,
37.— Vũng chùa gió bấc khó neo,
38.— Hòn Giò còn ở cheo leo một mình,
39.— Mũi La hai cụm hai kinh,
40.— Nam nồm ghe dựa không hình không nghiêng,
41.— Bãi Bò nam thổi thường xuyên,
42.— Các lái thương thuyền phải ngó mà đi,
43.— Sơn dương cách núi dị kỳ,
44.— Tam-Sơn nằm đó trong thì ghe xuôi,
45.— Ngó vô cửa Khẩu thêm vui,
46.— Nam lò Mũi Án là nơi tục truyền,
47.— Hà-tịnh núi bãi liên miên,
48.— Chạy đã gần miền Cửa Nhượng là đây,
49.— Hòn Yến còn ở ngoài nầy,
50.— Khe Gà có rạn ăn giây ngang dài,
51.— Dù nam cũng phải chạy ngoài,
52.— Chạy lên nửa bãi Mặt-tài lộng khơi,
53.— Ngó vô Cửa Sót chơi vơi,
54.— Ngoài thời có mũi có nơi neo nằm,
55.— Ngó lên Hòn Mắt thẳng dăng,
56.— Hòn De Hòn Chén rạn ăn ở trầm,
57.— Hòn Ngư Kiều ngựa núi quèn
58.— Dù nam neo dựa cũng bằng trong kinh,
59.— Ngó vô cửa Nghệ thêm xinh,
60.— Các lái đẹp tình ghé lại bán buôn.

61.— Lạch-Quèn còn ở phía trên,
62.— Có ngôi đá nổi đặt tên Rạn-Bà,
63.— Nhắm chừng bãi cát bát ra,
64.— Lạch Là chạy khỏi Nhà-bà là đây,
65.— Khen cho địa cuộc khéo xây,
66.— Trong thời có cửa ngoài thời gia dăng,
67.— Đông hội có rạn ăn de,
68.— Có kinh Vũng Ngọc đề te ra vào,
69.— Mũi Biện không thấp không cao,
70.— Các lái ra vào đề dựa nước non,
71.— Hòn Mê còn ở chon von,
72.— Có năm bảy hòn xúm xít như mô,
73.— Dù ai lên xuống ra vô,
74.— Chạy ngoài phải giữ Tàu-ô cướp chừng,
75.— Trời định vận số vô cùng,
76.— Anh em hiệp lực đánh cùng Tàu-ô,
77.— Đánh rồi bắt mồ lấy gan.
78.— Đề làm cuộc rượu thưởng chàng có công,
79.— Nam thời khiến lái thẳng xông,
80.— Chạy khỏi Cửa Bạn Hòn Gầm là đây,
81.— Hòn Gầm lầu sắt khéo xây,
82.— Có tòa có sứ có tây canh tuần,
83.— Đêm thời đèn điện sáng tưng,
84.— Ban ngày xem thấy như từng màn sao,
85.— Lạch-Tàu thôi đã tới nơi,
86.— Tới tỉnh Thanh-hóa xem chơi giá hàng.
87.— Tỉnh thời cầu sắt bắc ngang,
88.— Hai bên cách núi như hang bịt bùng,
89.— Khen cho nhà nước có công,
90.— Cầu bắc Hàm-rồng thiên hạ vô song,
91.— Ai ai giữ lấy làm lòng,
92.— Trừ-minh gạo gấm có đông coi chừng,
93.— Ngó ra sóng dợn tưng bừng,
94.— Ai cũng coi chừng Hòn Mệ là đây,
95.— Lạch-trường còn ở ngoài nầy,
96.— Hòn Bò nằm đó vậy thời mồ côi,
97.— Chiều rồi ghé Vệ nghỉ ngơi,

98.— Sáng ngày đánh nước ra khơi bắt bầu,
99.— Thần-phù núi kết liễu châu,
100.— Bắt cho đặng bầu Cửa Cồng mới xuôi,
101.— Ngó vô Phước-diện ngùi ngùi,
102.— Chạy lên đến đó mới vui nỗi thuyền,
103.— Diêm-sơn gạo gấm thường xuyên,
104.— Chạy khỏi khúc vịnh gần miền là vui,
105.— Ba vua hồi trước tích lương,
106.— Để cho tàu chở cụp lường các nơi,
107.— Chợ Xanh neo lại mà chơi.
108.— Đi chợ Trầu-thất nghỉ ngơi rượu trà,
109.— Chạy lên đến khúc ngã ba,
110.— Ai về Phú-liệu ai qua Ninh-bình,
111.— Ninh-bình hạt gạo quá xinh,
112.— Các lái đẹp tình ghé lại bán buôn,
113.— Đông-cô nhà cửa tưng bừng,
114.— Có ông quan phủ luôn từng dạy dân,
115.— Hải-lạng ta đã kể lần,
116.— Có nhà lò gạch ở gần đâu đây,
117.— Tỉnh Nam địa cuộc khéo xây,
118.— Bến đò nằm đó bến đây ghe đình,
119.— Chợ Trầu chợ Gạo thêm xinh,
120.— Chợ Che nằm đó đẹp tình ý ai,
121.— Nhà ngang phố dọc dãy dài,
122.— Trong thời có tỉnh ngoài thời tàu neo,
123.— Kể xe người ngựa như bèo,
124.— Có nhà mỹ-tửu lại đào phố sang,
125.— Có thầy Bạch-thái giàu sang,
126.— Nhiều bạc nhiều vàng nhà cửa dễ coi,
127.— Tàu thời thầy sắm cũng nhiều,
128.— Cầm đồ tiền góp bao nhiêu cũng màn,
129.— Rủ nhau đi chợ Quy-hoàn,
130.— Đi cho tới chợ lại thèm bành dây,
131.— Tuy là chốn ấy vui vầy,
132.— Thưa lại cùng thầy Hà-nội vui hơn,
133.— Ba xu tàu nước còn chầy,
134.— Rủ tớ rủ thầy bảy giác lên xe,

135.— Mười giờ xe lửa tới nơi,
136.— Tới tỉnh Hà-nội thăm chơi giá hàng,
137.— Tỉnh thời có sứ có tòa.
138.— Đồng đen Ông Thánh ở mà đâu đây,
139.— Cửa ô Mười tám khéo xây,
140.— Đồng-xuân tự thị đông đầy người ta,
141.— Đường thời đèn khí sáng lòa,
142.— Bàn cờ phố ở ai mà không mê,
143.— Phố thời trăm vật ê hề,
144.— Anh hùng đệ mục vui mê sự tình,
145.— Ngó qua thấy tỉnh Bắc-ninh,
146.— Có cầu trăm nhịp khác tình lại qua,
147.— Cảnh giàu người khéo như hoa,
148.— Lời ăn tiếng nói ai mà không mê,
149.— Ngồi buồn chép mấy lời quê,
150.— Ai ai tham đọc chớ chê chớ cười,

Đông giang có kẻ đi ghe,
Tên là Ba Ngõ đặt vè đi Nam,
Sức làm còn hãy lam nham,
Thỉnh người tài tử lại thêm đôi vần,
Nhật trình kể cả ân cần,
Kể từ Gia-định kể lần ra kinh.

BÙI QUANG TUNG

HÃNG BÔNG
COBOVINA
BẠCH TUYẾT
SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC,
148/1 NGUYỄN MINH CHIẾU TÂN SƠN NHỨT

VÀI TÀI LIỆU PHÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH TẠI GÒ CÔNG

▽ NGUYỄN NGỌC CƯ *dịch*

L. T. S.: Tài liệu là những công văn (documents officiels) tàng trữ tại Bộ Ngoại Giao (Ministère des affaires Etrangères), Bộ Hải Quân (Ministère de la Marine) tại Pháp do Ông Bùi Quang Tung sao lục gửi từ Kisangani về đăng trên Sử Địa, chúng tôi đã nhờ Giáo Sư Nguyễn Ngọc Cư dịch và đăng phần nguyên văn tiếng Pháp ở phần phụ lục trong số báo này.

Các tài liệu này đem lại cho chúng ta một vài tia sáng về vai trò cuộc khởi nghĩa này vì thái độ của Phan Thanh Giản là tiêu biểu lập trường của Triều đình Huế sau khi ba tỉnh miền đông Nam-kỳ đã lọt vào tay người Pháp.

LỜI NGƯỜI DỊCH:

Những trang sử-liệu trích dịch dưới đây rọi thêm một vài tia sáng vào việc nghiên-cứu một khúc quanh của lịch-sử cận-đại nước nhà: chính-sách đế-quốc của Pháp nhằm thôn-tính Việt-Nam đã biểu-lộ rõ rệt trong hạ-bán thế-kỷ XIX. Lệnh cấm đạo và làm tội giáo-sĩ do triều-đình Huế ban-hành chỉ là cớ phụ mà Pháp đã mượn để biện-minh cho việc dùng binh-lực. Nhất là sau hòa-ước mà Thanh-triều ký với Anh và Pháp ngày 25-10-1860 để hai bên bãi chiến thì chính-phủ Pháp được rảnh tay bèn dồn nỗ-lực vào cuộc đánh chiếm Nam-kỳ. Kế hoạch này nhằm hai mục-đích: xoa dịu niềm bất-mãn của các tín-đồ Thiên-chúa giáo ở Pháp đang náo-động vì dư-luận báo-chí mô-tả thảm-trạng của các giáo-sĩ đang truyền đạo ở nước ta, người thì bị giết (như các vị linh-mục Pháp Bonard, Charbonnier, Matheron và Giám-mục Tây-ban-nha Diaz), người còn sống thì phải đào hầm hố mà trú ẩn hoặc phải trốn-tránh trong vùng rừng núi để giảng đạo; nhưng mục-đích chính-yếu của Pháp là chặn-đứng chí-vọng của Anh-quốc mưu-toan lập căn-

cứ tại Saigon theo thỉnh-cầu tha-thiết của các thương-gia Anh ở Hương-cảng và Tân-gia-ba.

Tại Pháp, chính-sách xâm-lược do Trung-tướng Rigault de Genouilly khởi-xướng được tân Thượng-thư Bộ Hải-quân Chasseloup-Laubat thực-hiện. Chính-quyền Pháp nhận thấy Saigon có thể trở thành một địa-bàn hữu ích cho việc bành-trướng ảnh-hưởng của Pháp tại miền Cực-Đông và đồng-thời là một trung-tâm thương-mãi có triển-vọng nhờ công-dụng của sông Cửu-long là đường thủy giao thông mà Pháp có thể xử-dụng để tiếp xúc với trị trường Trung-Hoa.

Trương-Định là một chiến-sĩ lỗi-lạc của hàng ngũ chống Pháp thời ấy. Ông được gọi là Trương-công (Ông Trương) do người đời tôn xưng để tỏ lòng kính-phục. Còn danh-xưng Trương-công-Định là tiếng mà người đời gọi ông theo cách tôn-xưng nhưng hài danh cho rõ nghĩa ông sinh tại Quảng-nam năm 1820, vốn làm quan võ tới chức Phó Quản-cơ ; do đó người Pháp gọi ông là Quản-Định. Năm 1860, ông phục-vụ tại đại đồn Kỳ-hòa (Gia-định) dưới quyền Nguyễn-tri-Phương. Sau khi đồn Kỳ-hòa thất-thủ và chủ-tướng đã rút về Biên-hòa, ông vẫn tiếp-tục chiến-đấu, được triều-đình thăng chức Lãnh-binh. Ông thu-thập tàn-quân, rút về Gò-công kháng Pháp. Quân Pháp đã bị thiệt-hại nặng nề trong một trận phục-kích khi đánh chiếm Gò-công nên phải xin viện-binh từ Saigon mới chiếm được Gò-công ngày 14-12-1861. Chiến-thuật du-kích lợi hại của họ Trương khiến Pháp không đặt được bộ máy hành-chính ở thôn-quê. Triều-đình Huế đặt rất nhiều hy-vọng vào ông nên đã ngấm ngầm khắc ấn « Bình Tây Đại Nguyên-soái » gửi vào phong cho ông. Thanh-thế của ông vang dội, nhất là sau trận đánh úp quân Pháp bằng địa đạo vào tháng 3 năm 1862, chiếm lại Gò-công rồi phóng ra mấy cuộc công-hãm và giành lại các thị-trấn lân-cận như Chợ-gạo, Cái-bè, Tân-an.

Nhưng Hòa-ước Nhâm-tuất (5-6-1862) đã ký kết xong nên, trước áp-lực của Pháp, triều-đình phải sai Phan-thanh Giản vào Nam khuyên họ Trương hạ khí giới. Vì ông một mực từ chối, triều-đình buộc lòng tước hết chức tước của ông để lấy lòng người Pháp.

Nhưng tại triều-đình phe chủ-chiến của Trương-đăng-Quế còn duy-trì ảnh-hưởng. Trương-đăng-Quế sinh tại huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi, đỗ hương-cống từ đời vua Gia-Long, có công dẹp giặc Trấn-tây nên được triều-đình trọng vọng. Ông giữ chức Phụ-chính dưới hai đời vua : Thiệu-trị và Tự-Đức. Trước cuộc xâm-lăng của Pháp, ông cương-quyết chủ-chiến. Với uy-danh cơ hữu và chính-nghĩa bảo vệ quốc-gia, ông lấn át phe chủ hòa

do Phan-thanh-Giản cầm đầu có chủ-trương thực-thi Hòa-ước Nhâm-tuất. Dù gặp hoàn-cảnh khó-khăn, phe chủ-chiến không thể bỏ rơi Trương-Định và tiếp-tục nâng đỡ ngấm ngầm.

Ở vào lợi thế, Pháp nhất-định hoàn-thành chương-trình xâm-lăng đã hoạch-định. Một mặt dụ Trương-Định, một mặt huy-động quân-lực và viện-binh để bao vây Gò-công (26-2-1863), dùng đại-bác bắn phá thành-trì, đốt hết nhà cửa dinh-thự. Trong trận này, Trương-Định đã phải cùng cảm-tử quân đánh ráp lá-cà mới thoát khỏi vòng vây, rút về chiến-khu mới ở Cái-bè, Tân-an, Hóc-môn, Bà-Điểm và cuối cùng về làng Lý-nhơn thuộc tỉnh Biên-hòa. Với chiến-thuật du-kích, nghĩa-quân đã gây khá nhiều tổn-thất cho quân Pháp.

Về sau, Trương-Định lại thiết-lập một chiến-khu mới khá lớn ở Gò-công và phóng ra những cuộc tấn-công lẻ tẻ các đồn Pháp khiến cho các cơ-quan hành-chính do Pháp gây dựng bị triệt-hạ.

Nhưng rốt cuộc, ngày 19-8-1864, Trương-Định rơi vào vòng bao vây của Đội Tấn. Tên này chính là Huỳnh-công-Tấn trước kia đã theo Trương-Định đánh Pháp nhưng lại bỏ hàng ngũ kháng-chiến để theo Pháp. Tên phản tướng muốn bắt sống ông để lập công lớn nhưng Trương-Định liều tử chiến nên bị bắn gãy xương sống, chết tại trận.

Cái chết của Trương-Định là một mất mát lớn cho phe Trương-đăng-Quế hay đúng hơn là cho triều-đình Huế, đúng như Hải-quân Thiếu-tướng De La Grandière đã nhận-định trong văn-thư gửi cho Ngoại-giao bộ Thượng-thư ngày 26-8-1864.

Tài-liệu đặc-biệt nhất, cho tới nay chưa được công bố, là bức mật văn đề ngày 7-2-1863 do Tổng-đốc Vĩnh-long Phan-thanh-Giản gửi Trung-tướng Bonard. Sử-liệu này minh-định lập-trường của Phan-thanh-Giản cầm đầu phe chủ-hòa và đã được Trung-tướng kể là một « nhân-vật thức-thời ».

* * *

TRÍCH VĂN-THƯ CỦA HẢI-QUÂN TRUNG-TƯỚNG BONARD GỬI NGOẠI-GIAO BỘ THƯỢNG-THƯ

Sài-gòn, ngày 14-1-1863

« .... Sau khi tước-đoạt của Quốc-vương An-nam những thành-trì quan-yếu, làm tan-rã quân-đội chính-qui và đưa tới việc ký-kết một

hòa-ước, chiến-dịch cuối cùng năm 1861 đã thay đổi hoàn-toàn bộ mặt của chiến-tranh vì chẳng nên che đậy chuyện triều đình Huế không hề thi-hành trung-thực hòa-ước đã ký.

Nhận thấy không thể đương đầu với một chiến-cuộc chính-thức, chính-phủ Annam đã tổ-chức công-khai trước khi ký-kết, nhưng ẩn-bí và âm-thầm sau ngày ấy, một cuộc khởi-nghĩa thường-xuyên trên khắp lãnh thổ Nam-kỳ. Cuộc khởi-nghĩa này đã bị đẩy lui tại khắp nơi nhưng bất cứ ở đâu, ta cũng không rập tắt nổi vì thiếu phương tiện: mầm loạn như một ngọn lửa âm-ỉ trong đống tro chỉ chờ dịp bùng cháy; đó là một nguyên-nhân gây đổ nát nhãn tiền nếu người ta cứ tiếp-tục xử-dụng những biện-pháp nửa vời để chế-ngự tình-thế.

«.... Có hai dư-luận đối-lập chi-phối đại-sự ở Huế, giữa các dòng họ và những nhân-vật có thế-lực: một phe gồm những người thức thời, nhận-định rằng nếu chiến-tranh cứ tiếp-diễn thì chỉ tổ gây đổ-nát và phá-hoại trật-tự ở Nam-kỳ, ngay cả ở miền Tây còn thuộc quyền triều-đình Huế; đứng đầu phe này là Phan-thanh-Giản, một trong các sứ-giả khi nghị-hòa và ký-kết, đã chịu hy-sinh để tái-lập trật-tự và nền thịnh-vượng tại phần đất còn lại của vương-quốc An-nam.

Phe khác, bị mê hoặc vì sẵn lòng thù-ghét người Âu-tây, lệ-thuộc Trương-đăng-Quế, đương-kim thượng-thư Bộ thương-mãi phụ-trách việc giao-thiệp với người ngoại-quốc; phe này chẳng chịu cân-nhắc những tai-họa gây ra bởi một chiến-cuộc kéo dài; họ hy-vọng việc tiếp-tục gây hấn sẽ làm cho chúng ta mệt mỏi mà chẳng điếm xỉa gì tới các tổn-thất và hy-sinh.

Hiện thời, phe họ Trương có vẻ lấn át phe kia. Tính-mạng của Phan-thanh-Giản bị đe-dọa kịch-liệt; dù ông ta còn làm kinh lược các tỉnh miền Nam, tôi cũng sẽ không lấy làm ngạc-nhiên nếu thấy ông phải xin lánh-nạn trong khu-vực của chúng ta.

Phe thù-nghịch với Pháp chia ra nhiều nhóm đã bắt đầu biểu thị rõ ràng xu-hướng bằng những hành-động và tuyên-ngôn.

Họ đồng-tình chống lại chúng ta, nếu không vì mục-đích đã hoạch định thì ít ra cũng để buộc chúng ta phải rời bỏ đất Nam-kỳ.

Quản-Định cầm đầu cuộc khởi-nghĩa Gò-công. Mặc dầu vị Kinh-lược ở Vĩnh-long đã công-khai không thừa nhận việc y hành-động và nhiều phen khuyến-cáo y rút lui để có thể thi-hành hòa-ước y đã khăng-

khăng cự tuyệt. Như vậy là bề ngoài y ở vào thế phản-loạn, chống lại cả triều-đình Huế và không tuân những lệnh chỉ đã công-khai ban ra, nhưng y vẫn được cổ-vũ ngấm ngầm và cung-cấp khí-giới, quân-nhu, cả chức-tước và ấn-tín nữa.

«... Những người cầm đầu các trung-tâm của phong-trào khởi-nghĩa ở tỉnh Biên-hòa đã đưa ra bản tuyên-ngôn đính kèm văn-thư này và hiển-nhiên là họ theo quan-điểm của phe do Thượng-thư Trương-đăng-Quế lãnh đạo...

Trích Á-châu (Asie) tập 28.
Văn khố Bộ Ngoại Giao, Paris.

TRÍCH VĂN-THƯ CỦA HẢI-QUÂN TRUNG-TƯỚNG BONARD GỬI NGOẠI-GIAO BỘ THƯỢNG-THƯ NGÀY 27-1-1863

Kính gửi Quan Thượng-thư Bộ Ngoại-giao
Tổng Hành-dinh ở Saigon, ngày 27-1-1863.

Do văn-thư cáo-tri kính gửi dưới số 772 ngày 14 tháng này, tôi đã tường-trình Ngoại-giao Thượng-thư Các hạ về trạng-huống cuộc khởi-nghĩa và những ám-kế của một số triều-thần ở Huế.

Bản tuyên-ngôn do Quản-Định, người cầm đầu cuộc bạo-động ở Gò-công mới gửi tới tệ doanh dường như hoàn-toàn xác-nhận những xét-định mà bản chức đã đệ trình Các-hạ. Triều-đình Huế và quân khởi-nghĩa cùng nhằm chung mục-đích buộc chúng ta phải rời bỏ đất Nam-kỳ; thường hoạt-động ngầm và ẩn bí, tất nhiên chính-phủ Annam điều-khiển cuộc khởi-nghĩa ở Biên-hòa nhằm thu hồi toàn-vẹn Nam-kỳ. Cũng như triều-đình Huế, Quản-Định muốn buộc chúng ta phải triệt-thoái khỏi các tỉnh mới chiếm được để y tự tạo một vương-quốc riêng: trong bản tuyên-ngôn, y đã công-khai tuyên-bố sẽ không tuân lệnh vua Tự-Đức dù nhà vua có ý muốn thực-thi hòa-ước nhượng cho chúng ta ba tỉnh.

Cho tới nay, chúng ta đã có thể đẩy lui tại khắp nơi những cuộc công-kích nhưng thật khó mà dẹp hẳn được cuộc nổi dậy của toàn dân. Các bộ-lạc người Mọi (sống tại những vùng tiếp biên-giới hai tỉnh Biên-hòa và Bà-rịa) trước đây chưa tham-gia chiến-cuộc, hiện nay là thành phần đại đa số và ghê gớm nhất trong phong-trào bạo-động ở Biên-hòa...»

Trích Á-châu (Asie) tập 28.
Văn khố Bộ Ngoại Giao, Paris.

BẢN SAO TUYÊN-NGÔN CỦA QUẢN-ĐỊNH PHỤ-BẢN VĂN-THƯ CỦA HẢI-QUÂN TRUNG-TƯỚNG BONARD GỬI THƯỢNG-THƯ BỘ NGOẠI-GIAO NGÀY 23-2-1863

« Tổng Tư-lệnh nghĩa-quân dũng-cảm, Bình-tây Đại Nguyên-soái, Thống-tướng Trương-Định và Bình-tây Phó-súy cùng chư tướng chỉ-huy.

Tuyên-cáo với Quan-lại tỉnh Vĩnh-long:

« Từ năm thứ 12 triều vua Tự-Đức (1858), bọn man-di Tây-phương đã xâm nhập xứ này: chúng tiếp-tục gây hấn và lần-lượt chiếm-cứ ba tỉnh Gia-định, Định-tường và Biên-hòa. Dân ba tỉnh này đã nếm trải mọi tai-ương; lời than-trách của họ vô-hiệu và cảnh-huống của họ chẳng hề được cải-thiện vì họ luôn luôn bại-trận.

« Sau đó một hòa-ước đã được ký kết với Nguyễn-triều và hòa-ước này chỉ gay thêm lòng phẫn-nộ và niềm thất-vọng của nhân-dân ba-tỉnh.

« Chúng tôi bèn kêu gọi tất cả cựu quan-chức gia-nhập hàng ngũ chúng tôi và hô-hào ai nấy mộ binh trong khắp các địa-phương; nhờ vậy đã tập-hợp được dân-chúng thành một đạo dân-quân nhiều ngàn người và số tiền tự ý quyên-trợ nhiều tới bạc triệu. Khắp nơi ai nấy rất hoan hỉ được góp phần hoặc bằng của cải, hoặc bằng công-nhân vào việc diệt giặc. Mỗi lần đụng độ với giặc, cả hai bên đều có quân chết và bị thương, vì vậy chúng ta chẳng sợ địch.

« Từ khi hai vị đại-thần Annam [1] theo lệnh nhà vua, đã ký-kết hòa-ước nhượng ba tỉnh cho giặc, nhân dân ba tỉnh này tha thiết muốn khôi-phục địa-vị cũ bèn tôn chúng tôi tên làm lãnh-tụ. Vậy chúng tôi không thể đừng làm điều mà chúng tôi đang làm; cho nên chúng tôi sẵn sàng chiến đấu và, ở miền Đông cũng như ở miền Tây, chúng tôi sẽ đề kháng, chúng tôi sẽ xông-pha và sẽ phá tan lực-lượng của địch.

« Dân ba tỉnh thường tâm-sự với nhau rằng nếu giặc muốn ta phải chuộc lại ba tỉnh thì cứ việc cho biết là đòi bao nhiêu ngàn bạc rồi ta sẽ trả; nhược bằng ba tỉnh ấy nhất quyết phải tách lìa khỏi vương-quốc thì, như lời dân-chúng đã nói « chúng ta chết chứ không chịu làm tôi tớ cho giặc ».

1. Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Tiếp.

« Nếu do đường giao-liên của các trạm, có sứ-giả từ kinh-thành tới hoặc là quý vị có gửi thông-tín báo việc quy-hoàn ba tỉnh thì chúng tôi sẽ cho phép giao-thông. Nhưng nếu quý vị ngỏ ý duy-trì sự đã rồi bằng cách nhượng một phần đất nước và giúp đỡ quân giặc thì chúng tôi sẽ chống lại lệnh chính-phủ và chắc chắn sẽ chẳng còn có hòa-giải hoặc hưu-chiến giữa quý vị và chúng tôi ; trong trường-hợp này, quý vị chớ lấy làm ngạc-nhiên về các biến-cố sẽ xảy ra.

Nhằm mục-đích ấy, chúng gửi tới quý vị bản tuyên-ngôn này. »

Năm thứ 15 triều vua Tự-Đức, ngày 28 tháng 11 (17. 1. 1863)

Bình-Tây Đại Nguyên-soái cùng Bình Tây Phó soái đồng ấn ký.

Sao y chánh bản
Hải-quân Trung-tướng, Thống-đốc kiêm Tư-lệnh.
Ký tên : Bonard.

Trích Á-châu (Asie) tập 29.
Văn khố Bộ Ngoại Giao, Paris.

BẢN SAO MỘT MẬT-VĂN CỦA « TỔNG-ĐỐC VĨNH-LONG » PHAN-THANH-GIẢN GỬI TRUNG-TƯỚNG HẢI-QUÂN, THỐNG-ĐỐC KIÊM TƯ-LỆNH

Phụ-bản thứ hai của Văn-thư ngày 23-2-1863 do Hải-quân Trung-tướng Bonard gửi Thượng-thư Bộ Ngoại-giao...

Vĩnh-long, ngày 7-2-1863

« Tên Trương-Định đã đóng quân vi-pháp trên đất Tân-hòa (Gò công). Tại đây, y đã tự đặt vào vị-thế chống lại chính-phủ An-nam, tuyển-mộ quân-lính ; vì đã từ lâu y không có liên-lạc nào với tôi nên tôi không thể đoán trước rằng ngày 18 tháng này (5-2-1863) có tên Quang do y sai đem tới một văn-thư và yêu-cầu tôi tường lãm.

« Tôi đã thấy Trương-Định tự xưng là Tổng Tư-lệnh nghĩa-quân dũng-cảm ; về hòa-ước cắt nhượng ba tỉnh Gia-định, Định-tường và Biên-hòa, y nói rằng dân ba tỉnh ấy do lòng thiết-tha mong muốn trở lại địa-vị cũ, đã tôn y lên nắm quyền điều-khiển họ hầu mộ binh và chỉ-huy các cuộc hành-quân khi cần ; y có nói thêm rằng nếu do đường giao liên của các trạm có sứ-giả từ Kinh-thành tới hoặc là chính chúng

tôi gửi thông-tin liên-hệ tới việc quy-hoàn ba tỉnh, thì y sẽ cho phép giao-thông ; nhược bằng chúng tôi muốn duy-trì việc nhượng địa và như vậy để giúp quân-đội thuộc quyền ngài, thì y sẽ phản kháng những lệnh của triều-đình và chắc chắn sẽ chẳng còn hưu-chiến, yên bình giữa y và chúng tôi.

« Trước kia, Trương-Định đã lừa phỉnh để triều-đình lầm tưởng rằng y tận-lực phục-vụ ; về sau y đã tập hợp và tuyển-mộ nhiều quân lính vì vẫn âm-thầm mưu-đồ bất-chính. Y đã dám lợi-dụng thời-cơ để làm giàu trên dân chúng ; y tự-phụ rằng các quản và đội đã ép buộc y cầm đầu họ. Y còn dám tự hào rằng hành-động như vậy là đã tuân lệnh triều-đình ; y đã đi khắp nơi để mộ quân và, từ lâu, đã gây cho dân-chúng nhiều nhũng nhiễu, phiền muộn và khổ-cực.

« Đọc bản tuyên-ngôn đính theo đây, tôi đã nhận thấy sự kiêu-hãnh và ngạo-mạn cao độ của con người dám phủ-nhận cả đương triều.

« Quân-đội thuộc quyền Các-hạ mà còn chưa diệt-trừ được tên ấy thì lòng kiêu-hãnh của y cứ gia-tăng ; nếu không giết và tru-diệt ngay y thì y sẽ được sự ủng-hộ tại khắp nơi vì danh-vọng của y ngày thêm lớn : những hư-ngôn và ngón gian-quyệt của y ngày càng nhiều và dân-chúng còn chịu tai-ách không biết đến bao giờ. Vậy cần phải bắt y đền tội lỗi nhưng tôi nghĩ rằng từ lâu hẳn Các-hạ đã có dự-định ấy.

« Tôi đã cho bắt giữ tên Quang do Trương-Định sai tới và giam giữ ngặt để đưa ra xét xử.

« Vì những lý-do ấy, tôi trân-trọng gửi Các-hạ bức mật văn này và cũng là để thỉnh cầu ngài cấp thời bình-định đất Gò-công : kẻ phiến-loạn bại-trận sẽ không thể tập-hợp đồ đảng tùy tòng và như thế dân-chúng được sớm thấy dứt mối đau khổ, đó là điều tôi thiết-tha mong mỏi trong thâm tâm.

« Tôi xin đính theo mật-văn này bản tuyên-ngôn đã nhận được để Các-hạ tri tường.

« Đây là mật-văn của tôi. »

Năm thứ 15 triều vua Tự-Đức, ngày 20 tháng 12

Sao y chính bản :

Hải-quân Trung-tướng, Thống-đốc kiêm Tư lệnh.

ký tên : Bonard

Trích : Á-châu (Asie) tập 29.
Văn khố Bộ Ngoại-Giao, Paris.

TRÍCH MỘT VĂN-THƯ CỦA HẢI-QUÂN THIẾU-TƯỚNG THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ GỬI NGOẠI-GIAO BỘ THƯỢNG-THƯ

VỀ CÁI CHẾT CỦA QUẢN-ĐỊNH

Saigon, ngày 26-8-1864.

Kính bẩm Thượng-thư,

Nhiều phen tôi đã trân-trọng trình Các-hạ về các cuộc toan-tính vô-hiệu nhằm tóm bắt lãnh-tụ loạn quân là Trương Định mà sự hiện-diện tại các tỉnh thuộc quyền chúng ta kiểm soát đã gieo khủng-bố thường-xuyên giữa dân-chúng.

... Hôm nay bản-chức lấy làm hân-hoan trình Các-hạ tường rằng Quản-Định mới bị giết trong một chiến-dịch truy-nã đặt dưới quyền điều-khiển của Hải-quân Đại-uý Gougard. Ngày 19 vừa qua, được mật báo rằng Quản-Định đã rời Phước-lộc để tới đóng trong quận Tân-hòa, tại làng Tân-phước, vị sĩ quan Hải-quân vội vàng tổ-chức một đội gồm toàn du kích quân và lính mã-tà tuyển chọn trong những phần-tử đáng tin cậy nhất ; quyền chỉ-huy đội quân này được giao Đội Tấn là người đã được thưởng quân-công huy-chương nhờ binh-nghiệp. Đội quân chia ra ba toán và ngay đêm sau tới bao vây ngôi nhà có loạn tướng đang trú cùng với hai mươi lăm đồ-đảng. Tảng sáng hôm sau, cuộc tấn-công khởi-diễn. Quản-Định đã lọt được ra khỏi vòng vây và Đội Tấn, hết hy-vọng bắt sống, bèn bắn một phát súng vào lưng khiến cho y chết liền. Bốn đầu-lãnh thuộc địa-hạt Phước-lộc cũng bị giết; tên thứ năm thuộc địa-hạt Tân-hòa mà người ta đồn là một yếu-nhân, bị thương nặng và dẫn giải.

Biến-cố ấy đã gieo một niềm hân-hoan thực sự giữa dân chúng An-nam; họ đã kéo nhau rất đông đến Gò-công để kiểm chứng cái chết của vị Quản cơ ghê gớm. Biến-cố ấy triệt mất của Triều-đình Huế một cán-bộ thật khó mà tìm được người thay thế.

Ký tên: De la Grandière

Trích: Á-châu (Asie) tập 29.
Văn khố Bộ Ngoại-Giao, Paris.

NGUYỄN QUYỀN

(THỜI-GIAN BỊ AN-TRÍ Ở BẾN-TRE)

▽ *của* NGUYỄN DUY

I. TRƯỚC KHI BỊ AN-TRÍ Ở BẾN-TRE

Sinh năm 1869 và mất năm 1941, Nguyễn Quyền là người tỉnh Bắc-ninh, phủ Thuận-thành, tổng Thượng-mão, làng Thượng-trì, tục gọi làng Đìa.

Ông đỗ tú-tài Hán-học. Em là Nguyễn Kiểm đỗ cử-nhân Hán rồi sang Pháp với Hoàng Trọng Phu. Nhờ sự cố gắng chăm-chỉ, Nguyễn Kiểm sau này cũng đỗ cử-nhân Tây-học.

Ít lâu sau khi đỗ tú-tài, Nguyễn-Quyền được bổ nhậm huấn-đạo tỉnh Lạng-sơn [2].

Năm 1906, Phan Châu Trinh sang Tàu gặp Phan Sào Nam bàn về việc thành lập Quốc-dân-đảng, rồi qua Nhựt, lại trở về nước đề xướng mở trường Đông-kinh nghĩa-thục.

Năm 1907, tại Hà-nội, số 4 phố Hàng Đào, trường này được thành lập. Nguyễn Quyền xin từ chức huấn-đạo tỉnh Lạng-sơn rồi gia-nhập vào ban giảng-huấn nghĩa-thục.

Lương Văn Can thục-trưởng

Nguyễn Quyền giám-học

Ngô Đức Kế, Dương Bá Trạc, Đào Nguyên Phổ, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hải Thần... và các nhà tân học quan trọng như Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học là những nhân-vật sáng lập và điều khiển nghĩa-thục.

---

1. Về Ông Nguyễn Quyền, chúng tôi *chỉ nhấn mạnh khoảng thời gian từ năm 1910 đến 1939*, tức là lúc ông bị an-trí ở tỉnh Bến-tre, mà sách báo chưa viết đến.

2. Vì thế người ta thường gọi ông là huấn Quyền.

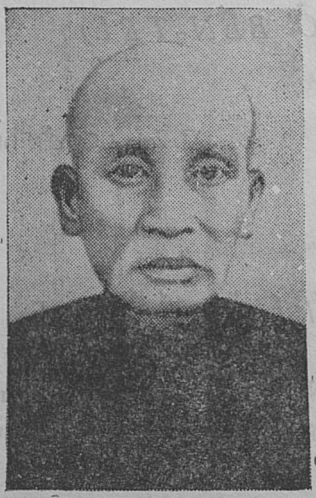

Di-ảnh của Nguyễn Quyền (hiện giữ tại nhà con ông là Nguyễn Văn Hồng ở Kiến-hòa).

Chín tháng sau ngày mở cửa trường, người Pháp khám phá được sự hoạt-động chính trị của nhóm Đông-kinh nghĩa-thục: tranh đấu bằng văn-hóa trong lúc phong-trào võ trang lần lần thất bại. Trong thời gian này, ông làm nhiều bài thơ ái-quốc như Cắt tóc, Chiêu-hồn nước... để giảng dạy tại nghĩa-thục.

Ít lâu, viên Thống-sứ Bắc-kỳ buộc ông trở lại ty giáo-huấn với chức giáo-thọ [1] nhưng không được trở lại Lạng-sơn mà phải về phủ nhỏ ở Phú-thọ. [2]

Nguyễn Quyền vâng lịnh chánh-phủ Pháp đi tựu chức ở Phù-ninh. Một tháng sau, đang làm việc, ông bị bắt giải về Hà-nội. Sau 9 tháng ở Hỏa-lò, ông bị ra hội-đồng đề-hình (commission criminelle). Hội-đồng này ghép ông vào án « Trảm giam hậu rồi đổi thành án khổ sai chung thân ngoài Côn-đảo năm 1909 [3].

* * *

Cảm-động trước án năm chí-sĩ bị đày Côn-đảo này, một tác-giả vô danh có viết bài « Nam thiên phong vân » như sau:

Xin trích đoạn thơ nói về Nguyễn Quyền:

Nguyễn Quyền [4]

Người tỉnh Bắc, Nguyễn Quyền là một,
Cơn nhiệt-thành lửa đốt buồng gan

---

1. Thăng chức ông.

2. « Cũng lúc ấy, Lương Trúc Đàm và Dương Bá Trạc, vì đậu cử nhân được bổ tri-huyện, nhưng cả hai đều từ chối ». NGUYỄN HIẾN-LÊ *Đông-kinh nghĩa-thục*, Lá Bối, Sài gòn, 1968, tr. 117.

3. ĐÀO TRINH NHỨT, *Nguyễn Quyền*, Mai, số 43, ngày 16-1-1937 trang 5.

4. Trích trong « Nam Thiên Phong Vân Truyện » hay là năm người

(Xem tiếp trang 53)

Đùng đùng gió cuốn mây tan,
Lạng-thành giáo-chức từ quan cáo về.
Mở tân giới, xoay nghề tân học,
Đón tân trào, dựng cuộc tân dân,
Tân thư, tân báo, tân văn,
Chưn đi miệng nói xa gần thiếu đâu!
Trường Nghĩa-thục đứng đầu dạy dỗ,
Khắp ba mươi sáu phố Hà-thành.
Gái trai nô-nức học-hành,
Giáo-sư mấy lớp, học-sanh mấy ngàn.
Kỳ diễn-thuyết người xem như hội.
Buổi bình văn khách tới như mưa,
Nôm quốc ngữ, chữ Hán thư,
Bài ca yêu nước, câu thơ hiệp đoàn.
Trong chín tháng sóng tràn gió dập,
Tiếng Đông-kinh lừng khắp Đông-dương,
Khắp đâu đâu cũng học trường,
Cùng nhau đua bước lên đường văn-minh.
Học càng thấy người mình, càng ghét,
Càng bảo nhau đè nẹt càng già.
Than ôi! Ấu trĩ san hà,
Nước chưa lặng sóng, gió đà rung cây.
Trong sóng gió nhưng tay vẫn vững.
Bế học rồi ra đứng khai thương,
Rủ nhau một họ Hồng-Bàng,
«Hồng tân hưng» mở ngôi hàng buôn chung.
Đồ nam-hóa bá-công kỹ-xảo,
Khách Bắc-hà thập hiệu vãng lai,
Sửa sang trong cái khuôn trời,
Mở mang trí-não cho người nước ta.

. . .
ra sức duy tân buổi đầu. – Tác giả: vô danh, viết vào năm 1910, sau khi các cuộc hoạt-động nhà nho bị thất bại và bị Hội-đồng đề hình xử đày ra Côn-đảo. «Nam thiên phong vân» nghĩa là mây gió trời nam. Năm chí-sĩ ấy là: Lê Đại, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí. *Mai* số 9, Saigon 25 Avril 1936, trang 5.

Trời đang buổi nắng mưa tầm-tã,
Dấn thân mình đứng giữa cơn giông,
Cả gan cho biết anh-hùng,
Hỏi xem mấy mặt trong vòng trần ai?

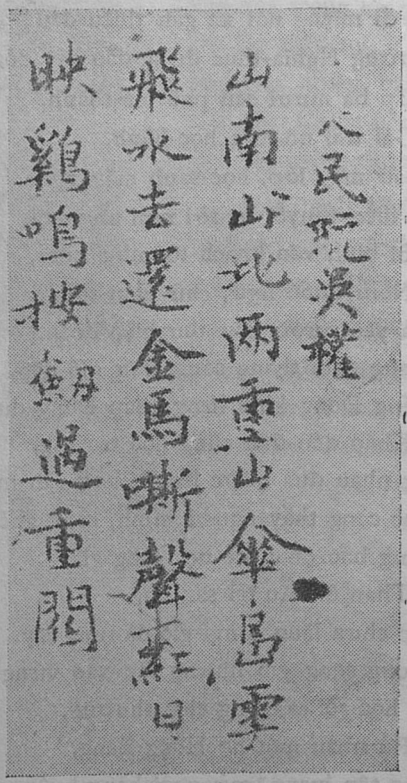

Bút tích của Nguyễn Quyền

II. NGUYỄN QUYỀN BỊ AN-TRÍ Ở BẾN-TRE (*từ 1910 đến 1939*).

Năm 1910, Nguyễn Quyền được ân-xá và bị an-trí ở tỉnh-lỵ Bến-tre, Dương-Bá Trạc ở Long-xuyên, Võ Hoành ở Sa-đéc, Hoàng Tăng Bí ở Huế, Phan Chu Trinh ở Mỹ-tho.

Tính ra, sau 22 tháng ở Côn-đảo, Nguyễn Quyền được coi là «Cứu xét vô can.» (Xét ra không can phạm tội gì). Các chí-sĩ từ Côn-đảo về

hầu hết không được trở lại nguyên quán. Có lẽ đây là cái kế « Điệu hổ ly sơn » tức là dìu con cọp xa rừng núi để kiềm-chế dò xét. Ở Bến-tre, ông Chánh tham-biện vỗ về ông:

— Xin ông cứ yên ổn làm ăn, chánh-phủ sẽ để cho thong-thả và muốn gì thì chánh-phủ sẽ giúp. Đừng đi đâu xa và nếu có việc thật cần phải đi thì cho bổn-chức hay trước. Khách xa lại, đừng nên tiếp là hơn. » [1]

Trước nhứt, Nguyễn Quyền tạm trú tại tiệm thuốc bắc Tư Bình Đường [2].

Khoảng thời gian này, các nhà hảo tâm và chí-sĩ ở trong tỉnh như ở Nam-kỳ hoặc công khai hoặc âm thầm ủng-hộ ông về tiền bạc.

Tại tỉnh-lỵ có đông-y-sĩ Nguyễn Thiện Kế bí danh Tư Cu, ông phán Nguyễn Khắc Xương, ông huyện Nguyễn Dư Hoài, ông Lê Hoán. [3]

Mỗi tháng, chánh-phủ Sài-gòn gửi Nguyễn Quyền một chi-phiếu tám đồng bạc (8$oo) gọi là để chu-cấp. Ban đầu, vì thiếu hụt, ông có nhận, nhưng thời gian sau, nhờ các đồng-chí và nhà hảo tâm giúp đỡ, ông đủ sống và không nhận trợ cấp này nữa. Theo ông Nguyễn Văn Hồng, thân sinh ông không nhận nữa vì lẽ:

— Đã có đồng-chí và các vị hảo tâm giúp.

— Biết làm nghề đông-y-sĩ và xem địa-lý.

— Thân mẫu của ông Hồng có ruộng đất. [4]

---

1. NGUYỄN HIẾN LÊ, *Đông-kinh nghĩa-thục*, Lá Bối, Sài-gòn 1968 trang 130.

2. Từ đây về sau của bài này là do theo lời ông Nguyễn Văn Hồng con trai người vợ thứ của Nguyễn Quyền. Ông Hồng ở tại đường Lê Lợi (Clémenceau cũ) LG. 23/5 và ông Oanh năm 1914. Theo Nguyễn Hiến Lê sđd. tr. 101 tiệm này « là của một nhà nho khuyết danh ở Quảng-bình ». Sự thật, theo ông Hồng, nhà nho ấy tên là Trần Trọng Phan ở Quảng-bình. Cái tên « Tư Bình » là nhớ đến tỉnh Quảng-bình.

3. Ông Lê Hoán là con của ngự-sử Lê Đình Lượng.

4. Ông Nguyễn Quyền cưới bà Trần thị Dựa, người quận Thạnh-phú, được chia gia tài 15 mẫu ruộng.

Theo Đào Trinh Nhứt, Mai số 43, ngày 16 Janvier 1937, trang 5 và 6 thì chánh-phủ Pháp không phát 8$ nữa. Ông Hồng quả quyết rằng thân-phụ ông sau này đã từ chối không lãnh tiền trợ cấp hàng tháng cho đến đỗi Chánh tham-biện có mời đến để yêu cầu Nguyễn Quyền nhận mà Nguyễn Quyền vẫn từ chối nói: Nếu tôi muốn giàu, tôi ở Hà-Nội cũng có tiền cần chi phải chịu vất-vả. Xin quan lớn hoàn những chi phiếu ấy về thượng cấp ».

Năm 1937, báo chí Sài-gòn tỏ ra bực-tức với việc an-trí ông Nguyễn Quyền tại Bến-tre.

ĐÀO TRINH NHỨT, Mai, số 43, ngày 16-1-1937, viết:

«... một người đang làm viên chức phục vụ nhà nước bỗng dưng bị bắt hạ ngục 9 tháng, bị ra hội-đồng đề hình, bị đày Côn-nôn 22 tháng, rồi bỗng dưng được nhìn nhận là « Cứu xét vô can ». Theo luật nước Pháp, đó là vụ « án xử lầm ». (erreur judiciaire). Bên Âu Mỹ cũng xảy ra trường hợp gọi là Vụ án xử lầm.

Những người bị oan uổng thiệt thòi như thế, nhà nước phải bồi thường cho họ. Mới đây, chánh-phủ Huê-kỳ xử lầm một người Pháp bị giam từ 27 năm. Bây giờ nhìn nhận ra, người ấy vô tội. Chánh phủ Huê-kỳ thả ra về Pháp và bồi thường cho 720 ngàn quan...».

Năm 1913, ông hội-đồng Nguyễn Hữu Ngãi [1] ở Thạnh-phú làm mai gả đứa cháu gái cho Nguyễn Quyền, tuy biết Quyền đã có vợ và con ở Hà-nội [2].

Về Thạnh-phú, xuống Ba-tri, qua Cồn Ngao, rồi đi Rạch-giá.

Sau khi cưới bà Trương Thị Dựa, Nguyễn Quyền về ở Thạnh-phú (cù-lao Minh). Khoảng thời gian này ông vui sống với việc ruộng nương, gần gũi giới nông-dân. Tuy nhiên, ông vẫn còn giao thiệp với các nhà ái-quốc trong và ngoài nước như Lâm Quang Thời ở Trà vinh, huyện Chấn ở Ba-động, hội-đồng Phan Văn Phu ở Cao-Lãnh.

Rồi ông trở về Ba-tri (cù-lao Bảo). Ít lâu ông qua Trà-Vinh làm nghề nước mắm ở Cồn Ngao. Hai năm sau, điền-chủ Phú mời ông về Rạch-giá, giúp ông 10 mẫu ruộng để canh-tác, nhưng rồi ông lại trở về *Bến-tre* nơi quê hương của người vợ thứ.

Trở lại Bến-tre.

Nguyễn Quyền đem vợ là bà *Trương Thị Dựa từ Thạnh-phú* về tỉnh-lỵ Bến-tre, làng *An-hội* [3].

Năm 1914, bà Dựa sanh ông *Nguyễn Văn Hồng*.

---

1. Ông Phan Văn Tươi, nguyên tỉnh-trưởng Bến-tre từ tháng 9 năm 1949 đến tháng 9 năm 1950 là con nuôi ông hội-đồng Ngãi.

2. Theo ông Nguyễn Văn Hồng, vợ chánh của Nguyễn Quyền ở Hà-nội có người con trai tên Nguyễn Côn và người con gái tên Nguyễn Thị Tuấn. Thỉnh thoảng 2 người này có đến Bến-tre thăm cha.

3. Ở căn phố khích bên nhà bà tư Quới. Năm 1969 là tư thất của ông *Trần Văn Tín*, đường *Nguyễn Đình Chiểu*, sau dời về phố bà *Vệ Ninh*.

Năm 1916, bà sinh một gái tên *Nguyễn Thị Lan* [1]. Trong thời gian này, ông bị Sở Mật-thám *Sài-gòn* mời. Nguyên nhân như sau:

Kỳ-ngoại-hầu *Cường Để* có sai một thanh-niên tên *Đỗ Ngọc Nhị* về nước để liên lạc với Nguyễn Quyền. Hắn trao cho Quyền bức thư của Cường Để trong ấy có dạn mộ một số nghĩa quân để dự bị một cuộc khởi nghĩa sau này. Lúc ấy ông hội-đồng *Nguyễn Thế Hiền ở Sốc-Sãi* giới thiệu với Nguyễn Quyền tên *Ba Trần* sắp đem tiền và thanh quế qua *Nhựt* trao Cường Để. Quyền bèn viết bức thư trao Ba Trần để Trần mang đi Nhựt. Không hiểu vì sao, Trần bị bắt trước khi xuống tàu xuất ngoại [2]».

Khi ông Nguyễn Quyền được Sở Mật-thám Sài-gòn thả về thì anh em đồng-chí đến mừng ông thoát nạn.

Năm 1924, *Huỳnh Thúc Kháng* có đến thăm ông. Trong buổi tiệc trà thân mật, ông Huỳnh có đọc bốn câu thơ cho ông chép.

Âm (a)

Sơn nam, sơn bắc, lưỡng trùng sơn,
Tản Đảo vân phi, thủy khứ hoàn.
Kim mã tê thanh, hồng nhựt ánh,
Kê minh án kiếm quá trùng quan.

Dịch [3]

Núi nam, núi bắc, núi hai trùng,
Tản Đảo mây bay, nước chảy vòng.
Tuốt kiếm quá quan, gà gáy giục,
Thét vang ngựa sắt, ánh dương hồng.

Bửu Cầm

---

1. Cô này mất năm 194.

2. Theo ông Hồng thì đại ý bức thư trả lời rằng « chưa thể được hãy chờ... » Ba Trần tên thật *Trần Chánh.*

a) Xin xem phần Hán văn sau bài này.

3. Ông Nguyễn Văn Hồng, con của Nguyễn Quyền, cũng khá chữ Hán nhưng không hiểu rõ câu này. Chúng tôi nhờ giáo-sư BỬU CẦM giải thích: « Có lẽ Huỳnh Thúc Kháng muốn ví Nguyễn Quyền với Ngô Quyền vì hai người cùng tên Quyền. Ngô Quyền là người huyện Đường-lâm, tỉnh Sơn-tây. Tỉnh này có núi Tản, sông Đà. Chữ Tản trong câu thứ hai chỉ núi Tản-viên. Chữ Đảo có thể là núi Tam-Đảo, một ngọn núi thuộc tỉnh Vĩnh-yên gần tỉnh Sơn-tây. Còn câu 3 và 4 ý nói hành động anh hùng của người chiến-sĩ (giáo-sư BỬU CẦM còn dè dặt thêm rằng đó là ý-kiến của riêng ông).

Năm 1925, ông Tú mở tiệm may âu phục tại đường Clémenceau (nay là đường Lê Lợi LG 23/5) lấy tên là Đại Đồng. Ngày khai trương tiệm, anh em đến mừng rất đông. Bùi Quang Chiêu đọc bài diễn văn đại ý mừng ông lập nghiệp được bên thương trường sau khi thất bại trên đường cách-mạng. Cũng có mặt Nguyễn An Cư, Nguyễn Thế Hiền, Mai Bạch Ngọc[1].

Ông Ngọc mừng hai câu liễn như sau :

Đại đạo khánh công hành, kim hậu dả tâm giả, pháo hạm chánh sách tự hùng, thục vãn tàn oa hàng nghiệt hải.

Đông nhơn mưu hạnh-phúc, đông tây thực nghiệp sự, tranh cạnh phong trào dũ liệt, bằng khan công hữu nhận thương tiêu (b).

Đại ý :[2]

— « Đại đạo » mừng được xử hành công cộng, từ nay và sau những nhà có dả tâm cho chánh sách tàu to súng lớn là mạnh, hùng [3], có ai kéo lại nổi con thuyền qua khỏi xoáy nước sâu trong biển nghiệt ?

— « Đông nhơn » quyết mưu cầu hạnh-phúc chung, cả đông lẫn tây trong việc làm thực nghiệp [4], phong trào tranh đua càng mãnh liệt, được thấy các bạn yêu công nghệ và nhận ngành thương mãi làm mục-tiêu.

Năm 1929, nhơn lễ thọ lục tuần, ông làm bài thơ như sau :

Nguyễn Quyền nhắn ông Táo năm 60 tuổi.
Bể trầm chìm nổi sáu mươi rồi,
Ông có lên trời tỏ giúp tôi.
Miệng mỏi chân dùn đời sóng gió [5]
Mưa Âu gió Mỹ cuộc lôi thôi
Bên trời mái tóc non sông bạc
Bãi biển bầy le bậu bạn chơi

1. Một danh nho ở Mỹ-tho, người đã giúp đỡ rất nhiều Phan Chu Trinh khi ông bị an-trí ở Mỹ-tho.

b) Xin xem Hán văn sau bài này :

2. Hai ông Nguyễn Văn Hồng và đông y-sĩ Nguyễn Kim Anh hợp dịch.

3. Có lẽ tác-giả muốn nói đến văn-minh Âu-tây.

4. Nguyễn Quyền hành nghề đông-y-sĩ, nay lại mở tiệm may âu-phục !

5. Đời sóng gió hay đời chán ngán. Cuộc lôi thôi hay cuộc lai rai.

Con tạo trớ trêu chi mãi mãi,
Muốn thôi, ai kẻ đỡ mà thôi!

Năm 1935, con trai của ông là Nguyễn văn Hồng cưới con gái ông Võ Hoành tên Phạm Thị Thạch ở Sa-đéc. [1]

Năm 1936, hay tin thân mẫu mất ở Hà-nội mà ông không về được để gặp mẹ phút cuối cùng, ông khóc mẹ với câu đối sau đây:

* Mẹ nuôi chúng con, đuổi theo khoa cử để làm chi?

Ba đời tâm huyết, một gánh giang-san, mười tám năm bắt cầm, góc biển chân trời, nhạn cá luống trông mừng mặt mẹ.

* Con khóc kêu mẹ, kể lể tục tình đâu dám thế.

Trước dạy mở trường, sau khuyên ở ngục, tám chục tuổi già yếu, cơn nhà nước bước, gió mưa chẳng đợi tủi lòng con.

Về Sa-đéc.

Năm 1939, ông về Sa-đéc dưỡng già. Nơi đây, ông có mua bốn mẫu vườn.

Năm 1941, Tú Quyền bị bịnh bướu ở cổ. Bịnh mỗi ngày mỗi nặng. Trước khi mất, ông có đọc cho Ba Biện, một đồng-chí ở Cao-lãnh đến thăm, lời chúc ngôn sau đây:

Dịch âm: (c)

— Dư chí lực quốc-gia, thùy tứ thập hữu dư tải, cùng nam cực bắc bôn tẩu gian nan, kỳ mục-đích chỉ cầu thiên hạ hòa-bình, vạn dân an-lạc.

Kim dư bất hạnh, bán đồ nhị thệ, tòng tư dĩ vãng, phàm ngã đồng bào nghi bảo trọng tiền trình, vật dĩ du vi niệm, dư nguyện túc hỉ.

Đại ý:

— Tôi đề sức vào quốc-gia, gần hơn 40 năm, từ bắc chí nam bôn tẩu khó khăn, mục-đích chỉ cần cho thiên hạ hòa-bình, vạn dân an-lạc.

Nay tôi chẳng may nửa đường mất đi, từ đây về sau, phàm đồng

1. Theo Nguyễn Văn Hồng, sở dĩ năm 1939 ông về Sa-đéc vì muốn gần đồng-chí Võ Hoành vừa là sui-gia. Lại nữa, ông hy-vọng sẽ thành lập một bộ đội nghĩa-quân ở miền hậu-giang theo như ý-định trong thơ của Cường Để đã gửi cho ông lúc trước.

bào chúng ta nên thận trọng bước đường tới, chớ nghĩ đến tôi. Thế là ý nguyện của tôi đủ lắm rồi ! [1]

Vào 12 giờ đêm ngày 24 tháng 6 năm tân tỵ (18-7-1941) ông từ trần. Mộ ông chôn làng Tân-xuân, gần rạch Xã-vạc, tỉnh Sa-đéc:

NGUYỄN DUY

Phần Hán-văn của các chú thích a.b.c.d.

a. 山南山北兩重山
傘島雲飛水去還。
金馬嘶聲紅日映。
雞鳴按劍過重關。

b. 大道慶公行，今後假心家，炮艦政策自雄，孰挽傘塲航孽海。
同人謀幸福，東西實業事爭競風潮愈烈，馮看工友認商標。

c. 余志力國家，垂四十有餘載，窮南極北，奔走艱難，其目的只求天下和平，萬民安樂。
今余不幸，半途而逝，從茲以往，凡我同胞，宜保重前程，忽勿以余為念，余願足矣。

d. 保國粹，雪國恥

1. Năm 1927, ông Lương Văn Can mất ở Hà-nội, có lời di chúc như sau : Bảo quốc túy, tuyết quốc-sĩ.

NGỌC PHẢ TƯỚNG CÔNG ĐẠI VƯƠNG CÔNG THẦN ĐỜI TRƯNG VƯƠNG

(Thượng Đẳng Phúc Thần khôn chi đệ nhất bộ)

▽ ĐÌNH THỤ HOÀNG VĂN HOÈ *dịch*

Lời người Dịch : *Tập thần tích này là tập thần tích của một vị công thần về đời Trưng Vương tên là Doãn Công do quan Hàn Lâm Viện Đông Các Đại Học Sĩ là Nguyễn Kim Phụng soạn vào một hôm ngày tốt tháng 2 năm Hồng Phúc nguyên niên (vua Lê Anh Tông, năm 1572). Quan Quản Giám Bách Thần Trị Điện Hùng Linh Thiếu Khanh là Nguyễn Hiền do theo chánh bản ở tiên triều mà sao vào ngày tháng 4 năm thứ mười niên hiệu Vĩnh Hựu (Lê Ý Tôn từ năm 1735 đến 1739). Bản thần tích này là sao lục ở đền thờ quan thượng thư triều Lê tại xã Bằng Tháp huyện Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây vào tháng 2 năm giáp ngọ niên hiệu Thành Thái triều Nguyễn (năm 1894).*

Tập thần tích này hiện được ghi trong tập « Trưng Vương Công Thần phả lục » tàng trữ tại Viện Khảo Cổ, Sài-gòn. Chúng tôi chỉ xin dịch đăng để hiến chư độc giả cho khỏi mai một sự tích của những vị anh hùng cứu quốc.

Theo chánh bản ở Lê-Bộ Quốc-Triều, thì vị phúc thần kể trên có Đào-Lương phu-nhân phối hưởng.

Nước Việt ta từ trước, trời đất định bờ cõi riêng ở về phương « ly » và « khảm », khác hẳn với các nước bên, Thánh-Tổ đời Hùng mở hội từ đầu tiên, một giải nước biếc, muôn dặm núi xanh, về đất đai thì gồm mười năm bộ, về giòng dõi thì hơn hai ngàn năm. Đền thờ các vị đời Hùng ở núi Hùng-Sơn và núi Nghĩa-Lĩnh vẫn đời đời linh ứng.

Mười tám đời vua, đều lấy hai chữ Hùng-Vương làm tôn hiệu, đời sau có thơ như sau :

PHIÊN ÂM:

Hùng Gia sáng nghiệp tối duyên trường,
Nhất thống sơn hà thập bát vương,
Nghĩa-lĩnh, Hùng-sơn tồn cựu tích,
Lưu truyền huyết thực vĩnh vô cương.

DỊCH ÂM:

Đời Hùng sáng nghiệp thật lâu thay,
Mười tám đời truyền đất nước này,
Nghĩa-lĩnh, Hùng-sơn còn dấu cũ
Bao năm hương lửa suốt đêm ngày.

Đến đời thứ 18 là vua Hùng-Duệ-Vương không có con để nối ngôi vua, mới truyền ngôi cho vua An-Dương-Vương nước Thục.

Họ Thục làm vua mới được 50 năm, có người quận Chân-Định là Triệu-Đà đem binh đến đánh mà Họ Thục bị mất.

Họ Triệu làm vua được 5 đời rồi nước ta bắc thuộc về nhà Hán, Họ đặt nước ta là Châu-Giao, Ông Quang-Vũ nhà Hán cho người Tô-Định làm quan Thái-Thú Châu-Giao. Người Định là người tham tàn bạo ngược, dân chúng nước ta không biết kêu ca vào đâu. Bấy giờ có cháu ngoại vua Hùng-Vương là con gái vị Tướng quân họ Trương, người ở Trang Phần-Thư Huyện Chu-Diên Phủ Tam-Đái đạo Sơn-Tây họ Trưng tên là Trắc thật là bậc hào kiệt trong nữ lưu, thánh thần ở trần thế, bà giận Tô-Định giết chồng bà là Thi-Sách, chỉ lên trời vạch xuống đất thề không đội trời chung với Tô-Định, mới cùng em gái thứ hai là Bà Tại (tức là Nhị) chiêu dụ binh lính khởi nghĩa ở cửa sông Hát-Giang. Tuy nhiên, kể theo lược về nam nhi thì chưa được mấy người, may thay, có vua giỏi phải có bề tôi tài, bấy giờ người châu-phong phủ Tam-Đái Đạo Sơn-Tây có một nhà họ Cao tên là Nguyên, lấy bà Đào-Thị-Đức là người cùng hạt, họ Cao nối đời được làm Quận Lệnh ở Châu-Phong vốn nhà gia thế, mà vợ chồng lại chung-hậu hào-phóng, chỉ hiềm ngoài bốn mươi tuổi mà chưa có sinh dục. Ông bà thường khóc than với nhau:

«Tiền rừng bạc bể chỉ là của phù vân mà còn con hiếu cháu hiền mới là hạnh phúc.»

Một hôm gặp ngày kỵ tiên tổ, vợ chồng Ông cùng khóc mà rằng: «Đời người ba mươi tuổi không có con đã là bất hiếu, nay hai chúng ta đã gần 50 mà vẫn chưa sinh dục, chả là bất hiếu lắm hay sao? Sao

bằng đem của để làm phúc, lòng người được vui thì lòng giời mới thương lại. Bấy giờ đem hết gia tài giúp người nghèo đỡ người thiếu, nhiều thần từ, phật tự ông bà bỏ tiền ra để tu sửa. Trong khoảng ba bốn năm gia tài đã gần hết.

Một hôm, hai vợ chồng ngồi rỗi uống rượu để giải buồn, khi say bà Đào Thị Đức vào ghế mà nằm, tinh thần phảng phất như thể giấc chiêm bao, chợt thấy một thiên tinh ở trên trời sa vào trong miệng bà rồi bà nuốt đi, trong bụng thấy vui vẻ. Tỉnh ra nói chuyện với chồng.

Ông biết là chiêm bao hay hẳn có điềm lành đem đến. Từ đó bà vợ có thai, qua mười một tháng, đến ngày mồng 6 tháng hai năm canh-dần, chợt thấy trong nhà có mùi thơm phảng phất, rồi bà sinh một con trai tuấn tú khác với người thường, ông rất mừng mà rằng: « Nhà tích thiện hẳn có phúc về sau » câu đời xưa nói như vậy là không sai, rồi đặt tên là Doãn-Công.

Khi Doãn-Công mới năm tuổi, Tô-Định bổ cho thân phụ ông là Nguyên-Công làm quan lệnh Hồng-Châu đạo Hải-Dương, ông Nguyên-Công vì tuổi nhiều mới sanh được con giai, nên ưa nhàn mà không chăm chỉ công việc, thuế khóa để thiếu mà sổ sách không làm, Tô-Định giận khép ông vào tử tội.

Doãn-Công mẹ con chơ vơ mà gia tài khánh kiệt, mới đem con đi lang thang. Một hôm, nghe ở khu Bảo-Tháp trang Đông-Cứu huyện Gia-Bình phủ Thuận-An, đạo Kinh-Bắc, có ông Tín-Công họ Nguyễn là nhà thi thư hiếu để lại ưa làm điều thiện, nuôi người già giúp người nghèo, rồi mẹ con cùng đến nhà ông để nương tựa.

Đêm hôm trước, Tín-Công nằm mộng thấy một người mặc áo xanh cầm cờ xanh đi từ ngoài đến chỗ ông nằm mà bảo rằng: « Ngày mai nhà ngươi có quý khách đến chơi, người ấy là thiên tinh giáng xuống để hộ quốc an dân, nay nhà ngươi có phúc nên giời đem người ấy gửi ở nhà ngươi, người nên quét dọn cửa nhà để đón lấy quý khách. Nhớ cẩn thận mà không được bỏ qua. Vị ấy nói dứt lời, thì Nguyễn-Tín-Công tỉnh ra mà cho là việc lạ.

Ngày mai, sai người nhà quét dọn cửa nhà và bài trí để đợi vị quý khách, nhưng đến tối chỉ thấy Doãn-Công và bà mẹ già cùng đến, Tín-Công thấy Doãn-Công diện mạo khác thường, cao lớn mà tay dài quá gối, mắt sáng như sao, biết người này là bực tuấn kiệt, mới mời mẹ con Doãn-

Công ở lại để giúp đỡ. Từ đó mẹ con Doãn-Công có chỗ nương tựa và khỏi cảnh túng thiếu.

Nhưng từ khi Cao-Nguyên-Công bị Tô-Định giết, vợ là bà họ Đào ai oán có khi quên ăn mất ngủ, rồi sau thành ra bệnh nặng, uống thuốc và cúng lễ đều vô hiệu, rồi bà Đào-Thị mất ở nhà Nguyên-Tín-Công. Nguyên-Công bỏ tiền ra an táng.

Doãn-Công không những được Nguyên-Công cho nhờ tựa mà còn thụ nghiệp. Ông học một biết mười. Chỉ trong mấy năm mà văn chương hay vũ bị cũng giỏi, Nguyên-Công rất là yêu mến.

Nguyên-Công có một người con gái tên là Đào-Nương khi trước mẹ Đào-Nương là bà Trương-Thị-Hạnh nằm mộng thấy cưỡi rồng lên trời, hái được một quả tiên-đào đem ăn, rồi sau có thai mà sinh ra Đào-Nương. Vào giờ tý ngày 10 tháng 10 năm nhâm-thìn, vì thế mới gọi tên là Đào-Nương. Năm Đào-Nương 12 tuổi, nhan sắc phương phi tư phong yểu điệu, dù em gái tiên ở Đảo Bồng-Doanh cũng không thể hơn được. Bấy giờ tin đi mối lại nhưng Đào-Nương đều không vừa ý, vả lại, Đào-Nương có theo học kinh sử mà kiếm mã cũng giỏi, nói về thao lược không kém gì chí khí con giai, người bấy giờ cho Đào-Nương là con giai kỳ lạ trong đám nữ lưu.

Vì Nguyên-Tín-Công biết Doãn-Công là người phi thường mới gả Đào-Nương cho. Tự khi Doãn-Công lấy Đào-Nương, tuy cầm sắt đẹp duyên nhưng chí phục thù cho cha ngày đêm không ngớt, như thể nằm gai nếm mật, vợ chồng thường than khóc rằng : « Là đạo làm con mà không biết phục thù cho cha rửa hổ cho mình, thời dù có dâu mày cũng không đáng kể », vì thế Ông súc tích binh lương có chí khởi nghĩa để đánh Tô-Định, nhưng chưa có người nào đáng là quân chủ để tôn thờ.

Tô-Định biết con gái Nguyên-Công là tài sắc, muốn dùng cách để hiếp thú, mới sai sứ thần mang sính lễ đến nhà Tín-Công để xin Đào-Nương về hầu chăn gối, nhưng Tín-Công không nhận nhời, Tô-Định mới mượn việc khác triệu Tín-Công vào rồi hạ sát, vì thế, vợ chồng Doãn-Công càng thêm phẫn uất, tụ tập dân chúng kết lập doanh trại ở nơi sủng-đầu khu Bảo-tháp, đem tờ hịch đến các Quận Huyện ở bên để chiêu dụ, lên hợp tài lực để dẹp quân tàn bạo, trong vòng một tháng đã được hơn hai vạn người.

Bấy giờ khu Vinh-Hương ở Trang Đông-Cứu có Trương Quán-

Công cũng là thủ đoạn anh hùng, chỉ hận nước mình không người tài giỏi để cho Tô-Định ngược chính hại dân, vì thế Ông động lòng hô thì cũng kết lập được một đảng đến vài ngàn người, thường đi cướp các địa-phương để lấy lương thực, được tin cũng đem đồ đảng theo với Ông Doãn-Công.

Từ đấy Doãn-Công uy thế mỗi ngày mỗi to, hào kiệt các quận huyện bên nhiều người quy phục, thường đem quân chống cự với Tô-Định.

Một hôm, vợ chồng Doãn-Công cùng với các Tướng hội đồng, Doãn-Công trông tượng trên giời biết nước Việt ta đã sinh bậc thánh nhân: mới bảo các Tướng rằng: « Nước Việt ta sinh vua đàn bà hay sao? cớ sao nữ tinh lại nhiều như vậy? » chợt thấy văn thư bên cạnh báo tin cần cấp nói là quân giặc đã đến, Doãn-Công cầm dáo lên mình ngựa đem binh ra đánh, thì thấy một người diện mạo khác thường, phong tư yểu điệu, như thể bậc tiên ở cung giăng, người ấy mình cưỡi ngựa đen, tay cầm dao bằng đồng, theo sau có một toán binh mã, gươm dao chỉnh tề, Doãn-Công không biết là binh mã thế nào? mới hỏi rằng: « Tướng-quân ở lại đây trực xâm phạm đất đai của ta sao? » người ấy trả lời rằng: « Tôi họ Trưng tên Nhị người đất phân-thư đạo Sơn-Tây, tôi theo chị tôi khởi nghĩa binh ở cửa sông Hát-Giang, nghe tiếng Tướng-Quân nên thiếp vâng lệnh của bà chị đến trình với Tướng-Quân, đâu phải là quân giặc mà đến xâm lấn bờ cõi? » Doãn-Công nghe nói rất mừng, mời bà Trưng-Nhị vào Doanh trại đặt tiệc đề khoản đãi, rồi bóc văn thư ra xem, thấy lời lẽ khiêm tốn, hiểu dụ lên cố sức đề cần vương, Doãn-Công đẹp lòng ngay, hôm ấy giết trâu bò đề khao thưởng quân sĩ, rồi vợ chồng Doãn-Công cùng với Quán-Công đem quân theo bà Trưng-Nhị đến cửa sông Hát-Giang yết kiến bà Trưng-Trắc. Bà Trưng-Trắc cả mừng mà rằng: « Giời vì nước ta sinh ra bậc hiền tá sao đến nay tôi mới được gặp », rồi phong Doãn-Công làm đại tướng lĩnh ấn nguyên-soái giữ cả hai cánh quân thủy, bộ, còn các vị tướng giai hay gái, bà Trưng đều phong cho chức tước, rồi lập đàn cầu đảo giời đất bách thần khấn rằng: « Tôi là nữ lưu, nhưng đau xót nhân dân phải lầm than, vì có người nước khác là Tô-Định giữ thói chó dê, ngược chính hại dân, tôi là cháu ngoại triều Hùng, không thể điềm nhiên, mới đem nghĩa binh đề diệt trừ bọn nghịch tặc, cúi mong giời đất bách thần giúp cho lũ chúng tôi lấy lại được giang san, đó là đại đức của giời đất bách thần nâng đỡ cho chúng tôi vậy ».

Lễ xong, chia quân các đạo cùng kéo đi, chuông trống ở dưới trận thuyền, cờ tán ở trên đường, đến thẳng thành của Tô-Định, đánh một trận quân Tô-Định thua to, phải chạy về nhà Hán.

Thế là Bà Trưng khôi phục được hơn 60 thành châu ở ngoài núi Ngũ-linh. Khôi phục được đất đai nước ta, rồi bà tự lập làm vua, phong cho em là bà Nhị làm Bình-Khôi Công Chúa, còn các vị tướng tá đàn ông hay đàn bà đều chiếu công phong tước.

Riêng ông Doãn-Công được phong là Hải-Dương Độc-Bộ mà sắc phong là Đại-Vương, lại phong cả sắc chỉ cho vợ Doãn-Công là Đào-Nương, còn quán-công và các Tì-Tướng của Doãn-Công cũng đều phong có thứ bậc. Vua Trưng-Vương còn cho dân chúng ở Khu Bảo-Tháp Trang Đông-Cứu sau này phải hương hỏa phụng thờ Doãn-Công, và chuẩn cho dân vùng ấy được miễn sức thuế tạp dịch để lấy tiền mua thêm điền địa làm của công về sau, phụng thờ Doãn-Công để đền lại công trạng.

Doãn-Công bái tạ Trưng-Vương, rồi vợ chồng cùng về khu Bảo-Tháp bái yết từ đường và thăm dọn phần mộ, dân chúng nơi ấy làm một ngôi đền thờ ngay chỗ doanh trại khi trước. Ngôi đền ấy làm ba tháng mới xong. Doãn-Công có cho dân chúng mười thoi vàng và mở tiệc ăn mừng triệu các phụ lão đến dự.

Việc xong, ông tiến quân ra đạo Hải-Dương để nhận chức, tuy tỉnh Hải-Dương về phía đông mà trang Đông-Cứu về phía Bắc, hai nơi cách xa, nhưng Doãn-Công thường về để khuyên dân cầy cấy mà hưng lợi trừ hại, bảo dân giữ lễ nghi để hưởng phúc thanh bình, dân chúng vùng ấy đều được nhờ công đức.

Mới được ba năm, nhà Hán sai Mã-Viện và Lưu-Long đem ba mươi vạn quân sang đánh vua Trưng-Vương, khi đến cửa ải, Trưng-Vương triệu các Tướng về chầu để đánh giặc. Bấy giờ Doãn-Công và phu-nhân là Đào-Nương cũng vâng mệnh đến chầu. Trưng-Vương cùng các Tướng tiến binh đến thành Lạng-Sơn để đón đánh, nhiều trận về trước chưa phân được thua, nhưng sau Trưng-Vương lương ít binh mệt, tự biết không thể chống được với quân Mã-Viện, mới lui về giữ thành Cấm-Khê, quân nhà Hán kéo đến rất đông để vây thành, rồi thành Cấm-Khê bị mất, Trưng-Vương tự liệu không thể thoát được, mới cùng các Tướng cố đánh một trận cuối cùng rồi hai bà cùng liều mình để chết theo với non sông, nước Việt ta lại thuộc về nhà Hán.

Quân nhà Hán biết Đào-Nương là tài sắc rồi chúng tầm bắt sống

được, đem về dâng cho Tướng nhà Hán, nhưng Đào-Nương dâm đầu xuống bể mà không chịu khuất với tướng Hán, bấy giờ là ngày 15-7.

Riêng về Doãn-Công, thời vừa đánh vừa lùi về đến khu Bảo-Tháp, dân chúng đến chào mừng, ông triệu phụ lão đến mà bảo rằng: « Ta với dân chúng nơi đây thật là nghĩa cũ, trước ta đã lập sinh từ ở nơi đây, thời sau khi ta mất, nên tả thần liệu là Tướng-Công Đại-Vương để thờ cúng, mà ngày sinh ngày hóa cũng tuẫn tiết nên kính mời cả Đào-Nương phu-nhân để phối hưởng, dân chúng đều vâng lệnh.

Bấy giờ Doãn-Công ngâm 4 câu thơ như sau:

PHIÊN ÂM

Nhất đường chiêu mục tụy tinh thần,
Vạn cổ hương yêu nhật nhật tân.
Tuy thị tửu chung hoan ẩm ngữ,
Tình lưu Bảo-Tháp ức niên luân.

DỊCH NGHĨA

Nơi đây đền miếu họp tinh thần.
Muôn thủa hưng đăng ở bụng dân,
Tiệc rượu dù là câu nói chuyện.
Một khu bảo-tháp ức niên xuân.

Ông đọc mấy câu thơ trên cho dân chúng nghe, rồi thấy trời đất tối tăm, mưa to gió lớn, dân chúng thấy chỗ ông ngồi có một thiên tinh bay ra thẳng lên trên không, một lát giời quang mà mưa gió cũng thôi, rồi không thấy Doãn-Công ở đâu mà chỉ có khăn áo còn lại, bấy giờ là ngày 20 tháng 7 dân chúng Bảo-Tháp thấy vậy kinh sợ rồi làm lễ viết thần hiệu bốn chữ Tướng-Công Đại-Vương để phụng thờ.

Đến khi Sĩ-Vương nhà Hán sang làm Thứ-Sử Châu-Giao, xem đền trại cũ của Trưng-Vương, có khen bà là anh kiệt ở trong nữ lưu, mới cho tu sửa thêm đền miếu ở cửa sông Hát-Giang để phụng thờ bà Trưng-Vương. Mà phong cả các vị công thần tướng tá dù đàn ông hay đàn bà hết thảy là thượng đẳng phúc thần, các làng mạc của vị nào ở trước đều phải phụng sự.

Tự đấy qua nước Ngô, nước Hán, nước Tấn, nước Tống, nước Tề, nước Lương, ta bắc thuộc 349 năm nữa cách, đời Tiền-Lý đời Hậu-Lý rồi lại thuộc nhà Tùy, Nhà Đường, đến Vua Ngô-Vương-Quyền dựng

nước rồi đến 12 quan sứ-quân, mỗi người làm vua giữ một phú, sau có Đinh-Bộ Lĩnh là người động Hoa-Lư dẹp 12 sứ-quân để thống nhất, khi Đinh-Bộ Lĩnh đem quân qua Kinh-Bắc, một hôm, tiến binh đến Khu Bảo-Tháp trang Đông-Cứu huyện Gia-Định, thấy một con rắn khoang dài tới hai trượng, vẩy trên vừa xanh vừa vàng, đầu như thể đội mũ có hoa, nằm vắt ngang ở đường, binh lính sợ không dám đi, Đinh-Bộ-Lĩnh ngảnh trông thấy một cổ miếu, sai người đến hỏi biết là miếu thờ Tướng-Công Đại-Vương, mới khấn thầm rằng: « Nếu có linh nên giúp đỡ nhà vua để chóng được thanh bình », khấn xong thời rắn ấy tự nhiên biến mất, tức thời gió mưa kinh giời sấm sét động đất, mà không thể đi được, Đinh-Bộ-Lĩnh mới đóng quân ở miếu đó, đến đêm nằm mộng thấy một người mặc áo giáp và cầm dao đến thẳng trước mặt Ông, vái chào và xưng họ tên, tự nguyện theo đi để đánh giẹp, rồi Ông nghe thấy một tiếng chiêng chống, tỉnh dậy biết thần mộng. Mới ghi lại để hiệu nghiệm về sau. Đến khi Đinh-Bộ-Lĩnh dẹp xong 12 sứ quân lên ngôi vua ở Hoa-Lư, đặt niên hiệu là Thái-Bình, nhớ đến việc nằm chiêm bao ở miếu khu Bảo-tháp trang Đông-cứu, mới sắc phong cho tướng-công hai chữ « Linh ứng » mà bắt khu bảo-tháp phải sửa lại đền miếu.

Tự đấy đế vương các đời đều gia phong mỹ tự vào bậc thượng đẳng phúc-thần.

Hiện Khu Bảo-Tháp trang Đông-Cứu vẫn kiêng chữ Doãn là tên của Tướng-Công Đại-Vương, mà khi làm lễ thì cấm dùng mầu đỏ và mầu tía.

Mùng 6 tháng 2 là ngày sinh.

20 tháng 7 là ngày hóa.

Mồng 10 tháng 3 là ngày tiệc và mồng 10 tháng 10 là ngày tiệc lớn.

Hiện có 53 nơi phụng thờ Đại-Vương mà Khu Bảo-Tháp là đền thờ chính.

Các ngày tiết lễ đều cung thỉnh Đào-Nương phu nhân về phối hưởng.

NGUYỄN DUY

TÌM HIỂU SUỐI NƯỚC NÓNG THIÊN NHIÊN TẠI BÌNH THUẬN

▽ LÊ-HỮU-LỄ *Sưu Tầm*

Suối nước nóng có tánh chất và công dụng rất hữu ích đã và đang thiết thực mang lại nguồn lợi kinh tế quan trọng nói chung cho toàn thể lãnh thổ Việt-Nam. Trên dãy giang sơn gấm vóc của nước Việt-Nam chúng ta có 84 suối nóng và 5 suối lạnh, hoặc sẽ còn nhiều hơn nữa đang âm thầm bốc hơi chờ người khai thác một khi đất nước trở lại cảnh thanh bình thật sự.

Theo thống kê cho thấy (kể từ bắc vĩ-tuyến 17 trở ra) có 35 suối nóng tại 11 tỉnh gồm Cao-Bằng, Hà-Giang, Hòa-Bình, Lai-Châu, Lao-Kay, Ninh-Bình, Sơn-La, Tuyên-Quang, Yên-Báy, Nghệ-An và Hà-Tĩnh. Trung-Phần Việt-Nam thì có 32 suối nóng tại 9 tỉnh Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hòa, Ninh-Thuận và Bình-Thuận. Cao Nguyên Trung-Phần có 12 suối nóng tại 2 tỉnh Pleiku, Kontum. Nam-Phần có 5 suối nóng và 5 suối lạnh tại 5 tỉnh Long-Xuyên, Kiến-Hòa, Biên-Hòa, Phước-Tuy và Bình-Tuy. Tuy nhiên, theo nhà địa-chất-học H. Fontaine thì lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa ngày nay rất phong phú về suối nước nóng, đã nâng tổng số lên đến 55 suối trong số có 9 suối lạnh.

Nói riêng Bình thuận, một tỉnh cực Nam Trung-Nguyên Trung-Phần vào khoảng giữa đông kinh-tuyến 119,50-118 (Longitude Est) và bắc vĩ-tuyến 11,50-12,70 (Latitude Nord), về phía bắc có dãy Trường-sơn làm giới hạn. Với điện tích 4.400 cây số vuông nằm dọc theo miền duyên hải dài trên 170 cây số, địa chất tỉnh Bình thuận có 3 vùng riêng biệt. Vùng Bình-nguyên châu thổ có đất xám đa tây, vùng bờ biển có đất cát pha và vùng tiểu cao-nguyên có nhiều tro hỏa sơn thích hợp với một địa-phương giàu về khoáng chất nhờ có nhiều núi non cùng sơn mạch.

Hầu hết núi đồi Bình thuận tại 7 quận (Tuy-Phong, Hòa-Đa, Hải-Ninh, Phan-lý-chàm (miền Bắc), Hải-Long, Thiện-Giáo, Hàm-Thuận (miền Nam) là những chi núi cuối cùng của Cao-nguyên Lang-Biang đâm

ngang ra tận bờ biển (Corniche Cana) làm thành biên giới thiên tạo phía Bắc trong đó Tuy-Phong là quận địa đầu thuộc tỉnh.

Tuy-Phong, nguyên trước thời Nam-Triều là Huyện Tuy-Phong, được thiết lập từ năm 1827 (niên hiệu Minh-Mạng thứ 8), mãi cho đến năm 1954 (sau Hiệp-Định Genève) thì đổi lại thành quận Tuy-Phong. Quận-Lỵ đặt tại Thị-Trấn Long-Hương cách tỉnh-lỵ Phan-Thiết 95 cây số là một trung-tâm sinh hoạt phồn thịnh nhất về mặt kinh-tế bao gồm cả hai ngành Nông-Ngư-nghiệp và có thể hãnh diện về phương diện hầm mỏ, khoáng chất.

Ở vào vị trí Đông giáp biển Nam-Hải và tỉnh Ninh-Thuận, Tây giáp quận Hòa-Đa, Nam giáp biển Nam-Hải, Bắc giáp Ninh-Thuận và Dran, núi đồi quận Tuy-Phong chiếm hết 6/7 diện tích chung toàn quận (ước 445 cây số vuông), số còn lại gồm toàn động cát, đất gia cư và ruộng lúa. Kể từ ga Sông-Lòng-Sông cho chí giáp ranh Ninh-Thuận, cạnh quốc-lộ 1, quận này có núi Mít, núi Tao, núi Ông hay núi Ông Gầm ở tại Ấp Vĩnh-Hảo Đông Xã Vĩnh-Hòa.

ĐÂY, SUỐI VĨNH-HẢO CỦA CÔNG CHÚA HUYỀN-TRÂN

Hai Ấp Vĩnh-Hảo Tây và Vĩnh-Hảo Đông thuộc Xã Vĩnh-Hòa qui tụ trên 1.200 dân gồm nam phụ lão ấu và là nơi mà mạch suối nước thiên nhiên do tạo hóa an bài đã nổi tiếng từ nghìn xưa đó là Nước Suối Vĩnh-Hảo. Suối Vĩnh-Hảo ở cây số 276 trên quốc-lộ 1, giữa khoảng đường Phan-Rí (Hòa Đa) — Phan Rang (Ninh Thuận) và cách bờ biển thuộc quận chừng 3.000 thước, tọa lạc ngay dưới chân một vùng núi từ Djiring chạy về.

Suối Vĩnh-Hảo còn tục gọi «Suối Tiên», một danh từ để tưởng nhớ cặp trai tài gái sắc Chiêm-Việt là Chế Mân (Jaya Sinhavarman III, người Trung-Hoa gọi Bồ-Đích (Pou-Ti) và Huyền-Trân Công-Chúa (em gái của Vua Trần-Anh-Tôn) đã đến đây ngự du cùng tắm gội. Là một địa-phương thuộc tỉnh Bình thuận trước kia của Chiêm-Thành, cho nên ngoài những mỏ quặng, người Chàm còn để lại cho ta rất nhiều Ốc xa cừ (vì nước Chiêm-Thành xưa kia gọi là nước Xa-Cừ) và suối nước nóng, quan trọng nhất là Suối Vĩnh-Hảo vậy.

Sử có chép rằng năm 1293, muốn được an hưởng thái bình, nhân lễ đăng phong của Vua Trần-Anh-Tôn (sau khi Vua cha là Trần-Nhân-

Tôn thoái vị) Vua chàm có gởi sang nước Đại-Việt một phái đoàn ngoại giao để thắt chặt tình thân hữu. Năm 1301, Vua Chiêm lại tiếp gởi một phái đoàn thân hữu khác. Thái-Thượng-Hoàng (Trần-Nhân-Tôn) lúc bấy giờ đang tu ở núi Yên-Tử, thường muốn lịch lãm khắp núi sông nên mới du phương.

Trở lại vấn đề phái bộ ngoại giao Chiêm-thành sang nước ta (năm Hưng-Long thứ 9-1301) làm đầu mối thắt chặt bang giao hai nước, Thái-Thượng-Hoàng mới nhân cơ hội này đi theo phái bộ về Chiêm-Quốc vào tháng 3 năm ấy. Thái-Thượng-Hoàng được Vua Chế-Mân trọng đải như quốc-khách và đưa đi xem hầu hết các thắng tích Chiêm-Thành, đặc biệt tại xứ Panduranga (tức Phan Rang — Phan Rí bây giờ) là nơi có nhiều suối nước nóng. Sau 9 tháng ở lại Chiêm-Quốc, khi ra về Thái-Thượng-Hoàng có hứa gả Công Chúa Huyền-Trân cho Chế-Mân gọi là để đáp lại tấm thịnh tình qui hóa của Chiêm-Vương.

Do đó, cuộc đính hôn giữa Vua Chế-Mân và Huyền-Trân Công-Chúa đã diễn ra vào tháng 6 năm Bính-Ngọ (1306) niên hiệu Hưng-Long thứ 14, sau khi Chiêm-Vương bằng lòng dâng hai châu Ô — Lý làm sính lễ.

Ngày nay cứ mỗi lần đọc thấy tên nàng Công chúa yêu kiều diễm lệ (Hoàng Hậu Paramecvari tức Huyền Trân), người ta có thể hình dung được về những kỷ niệm êm đềm của nàng qua chuỗi ngày sống trong cung điện nguy nga của thành Đồ-Bàn hay Phật-Thệ (Vijaya) gần thành Bình-Định bây giờ. Kỷ niệm ngàn năm một thuở ấy đã gợi lại cho Huyền-Trân cái vai trò trọng yếu của mình trong cuộc bang giao đầu tiên giữa nước Đại-Việt cùng Chiêm-Quốc và hơn thế không khỏi bùi ngùi trước cuộc tình duyên mong manh nhưng nồng thắm diễn ra cách đây hơn 700 năm bên cạnh giòng Suối Nước Nóng có tên Vĩnh-Hảo (quận Tuy-Phong, Tỉnh Bình Thuận). Danh từ có lẽ đã do Huyền Trân đặt ra trong sự nguyện cầu hạnh phúc được bền lâu.

CÔNG CUỘC KHAI THÁC NƯỚC SUỐI VĨNH-HẢO

Do một sự tình cờ trong khi đi săn tại vùng rừng núi thuộc quận Tuy-Phong (Bình Thuận) vào tháng 8 năm 1908, Cụ Bùi-Huy-Tín một thương kỹ-nghệ-gia lần đầu tiên đã tìm ra được suối nước Vĩnh-Hảo. Sau đó loại nước suối này đã được Công-Ty «Société Civile d'Études

des Eaux Minérales de Vĩnh-Hảo» (Hội Nghiên Cứu Nước Suối Vĩnh-Hảo) của người Pháp, khởi đầu việc khai thác từ năm 1928.

Thoạt tiên, người ta cho đào một cái giếng sâu chừng 3 thước gần miệng suối (nơi có nước phun lên) thì thấy có 3 mạch nước chính rồi dùng máy bơm hút lên mỗi giờ được khoảng 10.000 lít nước nóng. Công tác dẫn nước này được thực hiện với ba ống nước đặt đứng tại chỗ, dẫn số nước lên mặt đất độ 30 phân tây và lấy được mỗi giờ 3.000 lít. Nước suối Vĩnh Hảo được tung ra thị trường trong nước tiêu thụ kể từ tháng 10 năm 1930. Đến tháng 5 năm 1932 thì cơ sở này tạm gián đoạn vì một trận bảo tàn phá làm hư hại khá nặng nề.

Thời gian 5 năm sau tức vào khoảng tháng 3/1937, một hội khác được thành lập tên «Société Anonyme d'Exploitation des Eaux Minérales de Vĩnh-Hảo» (Công-Ty Vô Danh khai thác nước suối Vĩnh-Hảo) với nhiệm vụ tiếp tục việc khai thác mạch suối nước nóng thiên nhiên quan trọng này. Theo thống kê cho thấy con số sản xuất trong thời gian từ năm 1937 đến năm 1943 được ghi nhận như sau:

— Năm	1937	sản xuất được	52.500	lít
— —	1938	—	35.500	—
— —	1939	—	30.600	—
— —	1940	—	25.150	—
— —	1941	—	93.100	—
— —	1942	—	60.350	—
— —	1943	—	65.525	—

Ngay từ cuộc khởi nghĩa mùa thu năm 1945 đến năm 1946 thì cơ sở khai thác nước suối nóng này lại bị gián đoạn thêm một lần vì lý do thời cuộc. Người ta thấy lúc bấy giờ, một phần lớn cơ sở đều bị sụp đổ, các ống dẫn nước bị phá vỡ làm cho mạch suối nước nóng mặc tình phun ra ngập tràn vùng đất của núi rừng rồi đọng lại thành vũng. Và cứ thế kéo dài suốt cuộc chiến chinh, mai một đã làm tiêu tan đi mất một nguồn lợi kinh-tế dồi dào của quốc-gia dân-tộc.

Của hư chưa hẳn là của bỏ. Là những ai tò mò muốn tìm hiểu thực trạng suối nước nóng tại Bình thuận thời bấy giờ, chỉ cần bỏ chút thì giờ đến viếng tận nơi. Dẫn chứng cụ thể cho thấy — tác giả bài này cũng là một trong đại đa số đồng bào du khách bốn phương đã nhiều lần có dịp viếng thăm Suối Vĩnh-Hảo ngay trong thời kỳ sắp được sửa chữa để canh tân.

Mặc dầu đã bị tàn phá khá nhiều nhưng mạch nước thiên nhiên vẫn lưu thông mạnh ngay trong lòng đất và dành cho du khách một khối lượng nước suối mát thật trong lành qua ống dẫn không toàn vẹn. Người ta tha hồ hứng đầy thùng, đầy ca, đầy cống, vừa uống luôn nguyên chất vừa pha chế thêm chanh thêm đường và đặc biệt cũng tắm gội giữa lộ thiên chung quanh có núi rừng chứng kiến. Thậm chí trước khi ra về, còn không quên đổ thêm vào những thùng thiếc được dự trù mang theo từ trước, chở về nhà chiết lẻ vô chai để dành tiêu thụ trong phạm vi gia đình.

Năm 1956, để tiếp tục công trình dang dở, một Công-Ty mới lại ra đời lấy tên là « Vĩnh-Hảo Công-Ty ». Công-Ty khai thác với tánh cách hợp vốn, bán tư (Nha Kế-Hoạch Đại-Diện Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng Hòa 51 % và tư nhân 49 %). Liền sau đó, các cơ sở sản xuất tại đây được sửa chữa cùng trang bị dụng cụ máy móc sát trùng, đóng nút vô chai rất tân kỳ. Diện tích khai thác được nới rộng, giúp sản ngạch gia tăng rõ rệt. Ngoài những cơ sở chính được tái thiết, người ta thấy còn có hồ tắm trẻ em và phòng tắm được xây dành cho du khách thưởng thức nước « Suối Tiên » hay nước suối Vĩnh-Hảo của Huyền-Trân Công-Chúa.

Tháng 7 năm 1958, « Vĩnh-Hảo Công-ty » đã chánh thức hoạt động và với những chai nước quí in sẵn nhãn hiệu trang nhã (có khác gì chai nước Vichy hoặc Vittel của Pháp-quốc) đã cung cấp cho thị trường quốc nội một số lượng nước suối đáng kể, được ghi nhận như sau:

(4 tháng trong năm 1958, sản xuất được		180.414 lít
Năm 1959	—	733.350 —
— 1960	—	408.955 —
— 1961	—	476.808 —
— 1962	—	707.400 —
— 1963	—	1.031.404 —
— 1964	—	1.596.664 —

Trong công cuộc thí nghiệm để phân chất nước suối Vĩnh-Hảo của Viện Pasteur, Saigon, được biết đặc điểm loại nước suối này trong trẻo, không có mùi, có khá nhiều khoáng chất nhất là chứa nhiều bicarbonate de Sodium, tương đương với các loại nước suối trên thị-trường quốc ngoại.

Nước suối Vĩnh-Hảo có 37 độ ấm rất thích hợp cho người đau gan,

dạ dày và thận, được các Bác-sĩ thừa nhận là một thức uống dưỡng sinh và trị bệnh có thể liệt kê vào toa thuốc. Nước suối Vĩnh-Hảo với các giai đoạn từ lúc phôi thai tình cờ tìm kiếm được, đến Hội Nghiên Cứu Nước Suối Vĩnh-Hảo ra đời, rồi Công-Ty Vô Danh khai thác nước suối Vĩnh-hảo đứng ra khai thác và Vĩnh-Hảo Công-Ty kế tục (trụ sở phát hành ở cạnh Hội-Trường Diên-Hồng Bến Chương-Dương Saigon) được ở vào thời kỳ canh tân và khuếch trương qui mô, nhưng gần đây vì tình hình an ninh không cho phép, nên mọi hoạt động đều đình chỉ tạm ngưng, khiến cho một số khá đông bệnh nhân khi cần tiêu thụ đều vẫn tìm mua không ra Nước Suối Vĩnh-Hảo.

TÁNH CÁCH VÀ CÔNG DỤNG CỦA SUỐI NƯỚC NÓNG

Suối nước nóng (Sources Plutoniennes) không có sẵn chất diêm (sel) nhưng rất giàu về chất dương (cations) và âm (anions) hợp thành chất diêm. Muốn phân chất nước nóng, người ta thường lấy nước khi mới phun ra hoặc đã được ổn định để tìm xem có bao nhiêu chất dương cùng chất diêm kết hợp.

Trong công cuộc phân loại các suối nước nóng, người ta đã áp dụng nguyên tắc qua những điểm cần thiết như bốc hơi lên (émanation gazeuse),tính phóng xạ (radioactivité) nếu có, độ nóng của suối (thermalité), chất diêm (agrégat minéral), chất hữu cơ (matière organique) do các sinh vật cùng thảo mộc có ngay tại chỗ trà trộn lại. Suối nước nóng thường chỉ xuất hiện ở những vùng đất đai bị rạn nứt (régions de fracture) hoặc những nơi có nhiều núi lửa.

Người ta dùng nước suối để uống hoặc để tắm hay luôn cả hai điều này, tuy nhiên thông thường thì dành người đau yếu uống cho khỏe và dễ tiêu, bổ dạ dày. Do đó, căn cứ vào tài liệu phân loại của các bác-sĩ cũng như các vị Đông-y-sĩ thì những suối nước có chất kiềm như Vĩnh-Hảo, Nha-Me, Sông-Lòng-Sông (Tuy-Phong—Bình-thuận) dùng chuyên trị những bệnh về bao tử, gan, ruột, nóng sốt và bạch huyết. Những suối nước có chất ác-xơ-nít như Tân-Lâm (Quảng-Trị) dùng để trị bịnh về hô hấp, phổi, suyễn, ho lao, ho tồn. Những suối nước có chất vôi can-xin-um như Gia-hồi, Hành-Sơn (Yên-Báy), Thanh-Tân (An-Lỗ Cổ-Bi Thừa-Thiên—Huế) dùng uống rất tốt cho sự tiêu tiện, tắm khỏe người lại thêm mát da mịn thịt, ngoài ra còn dùng trị bịnh phong thấp, sưng khớp xương. Những suối nước có chất cờ-lo như Bình-Hòa I (Lộc-Thanh) Bình-Hòa II (gần Bình-Hòa I), Thạnh-Trụ (Quảng-Ngãi) Tu-

Bông cách Vạn-Giả 15 cây số thuộc tỉnh Khánh-Hòa, Vũng Cheo Reo (Pleiku) Tú-Sơn (phía Bắc suối Mộ-Đức thuộc tỉnh Quảng-Ngãi, Kỳ-Quế (Phước-Lôi), Kỳ-Long (Ngọc-Nhã) thuộc Quảng-Nam, Cù-Mỹ (Bình-Châu, Xuyên-Mộc) thuộc Phước-Tuy. Tất cả đều có thể trị những chứng bịnh về ứ máu trên óc (vừa đây đã có xuất hiện « bệnh lạ » tại một vài tỉnh trong nước), các bịnh thuộc cơ quan sinh dục của đàn bà, bịnh bạch huyết, tràng nhạc và phong tê thấp. Những suối nước có chất sắt như Dangun (Langà) thuộc Bình-Tuy, Minh-Đức (Suối Lạnh) tỉnh Kiến-Hòa, dùng chuyên trị bịnh thiếu máu, vàng da, phù, thủng. Những suối nước có chất lưu hoàng như Phúc-Thọ (Phước-Bình) tỉnh Quảng-Nam, Nho-Quan tỉnh Ninh-Bình, Hương-Hóa tỉnh Quảng-Trị, Đak-To tỉnh Kontum, thì trị các chứng bịnh về hô hấp, ghẻ chóc, lát ướt lát voi, đau đầu, nhức óc và phong tê thấp.

NHỮNG SUỐI NƯỚC LIÊN HỆ

Ngoài suối nước nóng Vĩnh-Hảo tại Tuy-Phong — Bình-Thuận, người Chàm còn để lại cho ta trên giang sơn cũ của họ các Suối Nha Me (Ea Moemih: nước ngọt $35^{0}5$ độ), Sông Lòng Sông (Núi Rồng) 32^{0} độ và Châu-Cát (Phú-Điền). Các suối nước nóng này từ trong bãi cát và suối nước gần sông ngòi phun ra rất nhiều nước sôi sùng-sụt, đặc biệt có chứa chất Cát-Lồi nên thường gọi Suối kết tinh (Sources cristallistantes).

Trong sự liên quan mật thiết giữa suối nước nóng và cát lồi cho thấy suối nước nóng hoặc mạch nước nóng ngầm trong lòng đất thường có chất Carbonate, Sulfate và Chlorure de Sodium là những chất có ngay trong cát lồi.

Cát lồi là một loại khoáng chất do sự cô đọng của nước hai bên bờ suối mà phân chất ra là một thứ diêm sinh (Terre Sovonnifère) dùng nấu thành xà-phòng để giặt gya, gội đầu sạch và láng tóc chẳng kém thua dầu Pétrole Haln của Pháp.

Riêng người Chàm, với « của cây nhà lá vườn » thường lấy cát lồi đem về chế biến thành môt thứ nước thánh (Ea Mu) tức Eaux Lustrales, để rửa những pho tượng đá cho sạch bụi, bóng loáng tợ dầu chùi đồng. Ngoài Ea Mu, trong cát lồi còn có hai thứ nước khác gọi là Ea Galhan (nước trầm hương) và Ea Krouoc (nước chanh) dùng trong việc tế lễ để tỏ lòng cung kính các vị Thần linh.

Tại những vùng Sông-Lòng-Sông có nhiều bãi cát chạy dài theo hướng Bắc-Nam, từ núi Mọt cạnh quốc-lộ 1 đến Tân-Danh, Ấp Phú-

Điền (gần ga Châu-Cát) thuộc Xã Liên-Hương về phía Bắc ga Sông-Lòng-Sông, vùng Nha-Me, Láng Lớn với giòng suối nước nóng thiên nhiên, ở một làng cũ gần địa-phương Phan-Rí (do chữ Parik của Chàm đọc trại), tất cả đều được bàn tay nhân tạo khám phá ra một số khá nhiều suối nước nóng vô danh chứa nhiều cát lồi phân chất là Carbonate de Chaux tức suối diêm (source inscrustante).

Sông ngòi Bình-Thuận đều phát nguyên từ những chi núi không xa biển nên đều ngắn và cạn, dòng nước bất thường, mùa nắng phần nhiều khô cạn.

Quận Tuy-Phong có Sông-Lòng-Sông, con sông do thời Tần phiên dịch ra (Pleikrong), cửa nguồn phát nguyên từ núi La-Hó nơi tập trung một số đông đồng bào Thượng trước kia gần ranh giới Ninh-Thuận. Quận Hòa-Đa có Sông-Lủy, con sông phát nguyên từ tỉnh Lâm-Đồng băng qua thiết lộ xuyên việt và quốc lộ 1 chảy thẳng xuống biển Nam-Hải. Quận Hải-Ninh có Sông-Lủy gắn liền từ núi La đổ xuống và Sông Cà Tót hợp lại về phía Tây Bắc Sông-Lũy trên 1.000 thước, chảy qua các vùng Sông-Lũy, Suối Nhuôm tới các xã trực thuộc quận Phan-lý-chàm và Hòa-Đa. Tại Sông-Mao có suối nước do Đập Ma-Ó đưa nước đến vùng cầu Bom, cách thị trấn quận lỵ Hải-Ninh chừng 700 thước. Phụ cận quận Hải-Ninh còn có vùng Ghềnh Son ở phía đông xã Thượng-Văn tức Duồng cũ, nơi có những dòng nước ngọt từ các mô đá nằm sát bờ biển, hằng năm tiết ra vô số nước ngọt trong lành. Quận Phan-lý-chàm có sông Cà-Giây và Sông-Trao cùng nhiều sông nhỏ như Sông Trạm, Sông Katoh, Sông Klon, Sông Chu-Lưu, Sông Mang, Sông Tân-Lê. Quận Hải-Long chỉ có một con sông tên gọi là Sông Phú-Hài (xã An-Hải), phát nguồn từ tỉnh Lâm-Đồng chạy qua Thiên-Giáo và ra cửa biển Nam-Hải. Quận Thiện-Giáo có 4 con sông chảy qua là Sông Mun, Sông Cạn, Sông Cái, Sông Bẹ (thường gọi Sông Cầu Móng), Sông Quao (chi nhánh Sông La-Ngà), Quận Hàm-Thuận có 2 sông lớn là Sông Cát bắt nguồn từ Sông Đức chảy qua các xã Phú-Sung, Phú-Lâm về Phan-Thiết thông luôn ra biển. Sông Mương-Mán gọi Sông Cà-Ty, bắt nguồn từ các vùng thuộc tỉnh Lâm-Đồng chảy qua các xã Mương-Mán, Phú-Hội, Phan-Thiết và đổ ra biển Nam-Hải. Phần nhiều những vùng đất đai thuộc tỉnh Bình-thuận với nhiều đất phèn là nơi có chứa chất tô đả (Carbonate de Soude) kết hợp.

Tỉnh Bình-Thuận tuy chưa tìm ra những quặng kim khí, nhưng nhờ ở vào vị trí núi rừng trùng điệp đã giúp cho địa-phương này trong

cuộc khai thác nhiều hầm mỏ khác như các hầm đá gạt nai (hầm vôi), đá san hô, đá vôi, đá xanh, đá đen, đá quánh cung cấp vật liệu dồi dào để xây nhà dựng tường, cán đường, đúc cầu, đúc cống, những vùng cát lồi rộng lớn trong đó phải kể Tuy-Phong là một trong 7 quận dẫn đầu thuộc tỉnh Bình-Thuận được hãnh diện qua phần giới thiệu ngay tự trên.

Trên bình diện kinh-tế, những suối nước nóng tại Bình-Thuận đã từ lâu thiết thực đóng góp phần đáng kể vào công cuộc chấn-hưng kinh-tế quốc-gia, giờ đây sẽ còn phát triển mạnh hơn nữa một khi đất nước được thanh-bình, vì kinh-tế có phát triển, nhiên hậu dân mới giàu, nước mới mạnh. Là người dân Việt, khi nhắc đến câu «Nhà Việt-Nam yêu dấu ơi bao giờ thanh-bình» là thêm một lần kỳ vọng trước hiện tình đất nước đau thương.

LÊ-HỮU-LỄ

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI
(Socicété de Papeterie et de Produits Chimiques du DONNAI)
COCIDO
CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 799.680.000$00
Văn-Phòng Hành-Chánh: 2 B, Nguyễn-Huy-Tự — DADAO
ĐT: 41.049 — 92.466
Nhà máy An-Hảo — Biên-Hòa
Văn-Phòng Thương-Mại: 63-65, Đại-lộ Hàm-Nghi, SAIGON
Điện thoại: 25.659 — 20.481 — 24 849
▽
CHUYÊN SẢN-XUẤT CÁC LOẠI
Giấy viết Bìa mềm
Giấy in Bìa xám
Giấy RONÉO Bìa rơm
Giấy gói Bìa DUPLEX
Giấy BRISTOL Bìa TRIPLEX
NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

CHUYẾN DU KHẢO VÀO NÔNG TRẠI THỚI SƠN

MỘT CUỘC KHAI HOANG TỪ 120 NĂM TRƯỚC

▽ NGUYỄN VĂN HẦU

L.T.S : Tiếp theo bài biên khảo về « Sự Thôn thuộc và khai thác đất Tầm Phong Long », bài du ký này trình bày những điều mắt thấy tay nghe về trong cuộc viếng thăm một địa điểm khai hoang thuộc vùng đất Tầm Phong Long. Tuy có vẻ xa cách với hình thức biên khảo, loại du ký này có thể làm cho tươi mát và với sự cẩn trọng, sau này có thể trở thành một chứng tích quí giá cho đời sau muốn tìm hiểu về thời nay. Thế nên, từ đây Sử Địa bắt đầu có mục « Du khảo trên quê hương đất Việt ». Mong quí bạn khắp đất nước cùng chúng tôi lần lượt đi và đóng góp vào mục « Du khảo » này.

Trong chuyến đi khảo sát miền Thất Sơn vào năm 1951, tôi có dịp ghé vào núi Két một ngày một đêm. Các bạn tôi : Khanh, Trình, Hà cũng tháp tùng. Khanh người Sài Gòn, từng du học bên Pháp mấy năm và lúc đó chưa làm việc chi ; Trình là người đồng hương với tôi, đang làm giáo viên, cũng theo đòi nghiệp văn, còn anh Hà là một nhà vẽ gốc ở Sa Đéc, vì loạn li nên bỏ xứ sở tản cư về Chợ Mới Ông Chưởng. Chúng tôi quen biết nhau từ lâu và thường có dịp gần gũi nhau.

Trên một chiếc « díp », chúng tôi từ Tịnh Biên ngược đường trở ra. Chín giờ thì xe tới Nhà Bàng và một lúc sau, chân núi Két đã hiện ra trước mặt.

* * *

Tôi nói với Khanh :

— Chúng ta phải đi bộ một chặng đường, ở đó mới có di tích của người xưa. Anh có lội nổi với chúng tôi không đây ?

— Không nổi cũng gắng mà lội. Hoài bão của tôi trong chuyến đi

này là tìm học những gì của nước non mình và của nòi giống mình mà bấy lâu nay tôi chưa được học.

— Tốt lắm! Con đường đầy lau, sậy trước mặt là lối đi của chúng ta, mời các bạn lên đường!

Trên con đường mòn bên chân núi, tôi vừa đi vừa nói chuyện với anh em cho đỡ mỏi chân:

— Các anh có lẽ đã cảm thấy cực khi phải bách bộ trên một con đường không bằng phẳng, đầy gai gốc và rừng bụi có vẻ hiểm nguy! Nhưng xin các anh hãy lùi về hơn 100 năm trước để tưởng tượng lại cảnh vật của miền rừng núi bao la nầy. Xa xa một vài sốc thổ mà mỗi sốc thì đâu lối năm bảy mái tranh, còn bao nhiêu là rừng. Cọp, beo, rắn độc cùng những muỗi mòng, con ve, con vắt cùng nhau ngự trị như một giang sơn riêng. Vậy mà có người đã hướng dẫn quần chúng vào đây để khai hoang lập ấp. Phải hiểu như vậy để rồi mới tự thấy những bước đi của chúng ta ngày nay không ăn thua gì và cũng không gian hiểm gì so với những vết chân đầu của những người đã đi trước ta!

Anh Trình mau miệng:

— Nhưng người vào đây khai hoang đầu tiên là ai thế, anh?

— Thầy Đoàn Minh Huyên chứ còn ai nữa! Chính Phật Thầy đã thực hiện giáo lý tự tu tự độ để gắng gỗ độ tha, cho nên mới hướng dẫn môn đệ khai hoang nhiều chỗ mà trước hết là ở đây.

— Ở đây bây giờ mà còn hoang vắng thì ngày xưa chắc nó ghê rợn dường nào?

— Thì như tôi đã nói: là giang sơn của ác thú. Thêm vào đó, một nỗi đe dọa khác nữa là phải sống bên cạnh người Miên. Họ không thích sự có mặt của nòi dân khác. Trong mình họ là gồng ngải bùa thư, là thù hằn và giận dữ!

* * *

Anh Khanh hỏi:

— Vậy Phật Thầy đã làm cách nào để động viên nhân lực mà làm nổi một việc phi thường?

— Với lý thuyết tận thế và giáo lý tứ ân, Phật Thầy đã đưa vào lòng người một niềm tin vô biên. Qua huyền diệu của Đức Phật và

khả năng tu tĩnh của con người, người tín đồ Bửu Sơn Kì Hương không còn biết sợ một thế lực tà mị nào khác. Do đó mà họ rất tích cực với công việc và nhờ vậy Thầy Tây An đã thành công một cách không khó khăn lắm.

— Có bao nhiêu sở ruộng được khai thác ở đây, anh ?

— Có hai nơi được cày sạ trong buổi đầu. Đó là Xuân Sơn và Hương Thới mà bây giờ hợp chung lại, người ta gọi là Thới Sơn.

Anh Ba tài xế ngạc nhiên :

— Té ra hai làng Xuân Sơn, Hưng Thới là do Bửu Sơn Kì Hương lập nên ? Vậy mà tôi cứ ngỡ là công việc khai thác nầy do Tây gần đây!

— Phải, Tây đến thì những làng nầy đã có sẵn lâu rồi.

Anh Khanh hỏi tôi :

— Chắc thầy Đoàn Minh Huyên phải di dân vào đây đông lắm mới có thể vỡ rừng thành ruộng được chứ, anh ?

— Hàng ngàn tín đồ qua sự hướng dẫn của hai cụ Tăng chủ, Đình Tây được đưa vào với nhiều canh cụ và trâu bò. Người ta đã dùng phãng đề phát tranh cỏ lau sậy và dùng rìu búa đốn hạ các cây to rồi nổi lửa thiêu hủy các thứ ấy. Sau đó mới dùng đến trâu bò đề cày đất.

— Khí cụ thô sơ như vậy mà khai mở được đất đai mênh mông đề sản xuất được hoa màu, công việc của người xưa nghĩ thật là gian khổ!

— Không chỉ gian khổ với công việc mà thôi, mà người ta còn phải chịu đựng gian khổ với thiên nhiên, với thú rừng, với bệnh tật và cả với đồng loại nữa! Những câu chuyện mắc thư, bị thuốc, thù oán nhau vì ranh đất, nền nhà, tuy có vẻ quái đản, nhưng đã cáo giác cho người đời sau biết được cái gian nan của người đời trước.

* * *

— Hai nhân vật mà anh vừa nhắc đến tên, là ai vậy anh ?

— Đó là hai đại đệ tử của Phật Thầy Tây An. Cụ Đình Tây tên thật Bùi văn Tây ; còn cụ Tăng Chủ tức Bùi văn Thân, cũng gọi là Bùi Thiền Sư. Chính hai cụ đã góp tay đắc lực cho Phật Thầy trong việc mở ruộng và lập làng ở vùng nầy.

Hai cụ có đức lớn, đạo pháp uyên thâm, võ dũng cũng phi thường

nên rất được nhân dân tùng phục. Những nông trại tại Hưng Thơi, Phước Điền, Xuân Sơn đều do hai cụ thừa lịnh của Phật Thầy mà dựng lên.

Những người dân lam lủ chất phác, cần phải được sự hướng dẫn chân chính, chính cụ Tăng chủ và cụ Đình Tây là những người có đủ tác phong đạo đức để làm nên việc đó. Ban ngày người tín đồ đi khai hoang, đêm về thì lễ bái, niệm Phật, tham thiền và lĩnh hội những lời hay ý đẹp của các cụ. Những ngày sóc vọng, các cụ thuyết pháp giảng kinh. Người ta thấy nếp sống gần với thiên nhiên nầy rất thi vị và thoát tục, nên vui lòng theo đuổi mãi công việc.

Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện, mặc dù đường đất gồ ghề và quanh co, nhưng không bao lâu đã đến nơi. Một ngôi chùa ngói với mấy dãy nhà ngang hiện ra dưới những tàn cây rậm. Một cụ già râu tóc bạc phơ, mặc áo nâu sồng, có lẽ nghe thấy tiếng động nên từ trong cửa bước ra, cụ niềm nở chào chúng tôi hướng dẫn tất cả vào chùa.

* * *

Hỏi ra mới biết cụ già tiếp đón chúng tôi là Trưởng ban Quản tự của nhà chùa. Nhiệm vụ cụ như một nhà sư trụ trì của các chùa Phật khác. Theo tinh thần vô vị và nhập thế, người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương dù xuất gia cũng vẫn phục sức như tín đồ thường và tự làm lấy để sống mà tu. Cụ hướng dẫn chúng tôi đi xem khắp chùa rồi mời trở về hậu đường dùng nước, nói chuyện. Chùa không có lấy một pho tượng Phật. Ngay đại điện cũng chỉ thờ một khung vải đỏ gọi là « Trần Điều » mà thôi.

Cụ giảng :

— Nơi nầy xưa kia là trại ruộng của Đức Thầy Tây An. Ngài di dân đến đây đâu vào khoảng năm Tân hợi (1851) để vừa mở cơ hoằng pháp, vừa khai phá rừng hoang. Hồi đó cọp beo dữ lắm, mà đường xá không có. Đi từ Châu Đốc vô núi Sam mà còn chịu nằm đường, đừng nói chi là tới đây.

Anh Trình chận lại, hỏi :

— Thưa bác, xin bác dạy cho thế nào là nằm đường ?

— Nằm đường là phải ngủ đêm dọc đường, không đi kịp trong một ngày để tới nơi mình muốn tới.

— Từ Châu Đốc vô núi Sam chỉ có 5 cây số mà còn phải nằm đường! Như vậy thì từ núi Sam vào đây, chắc phải mất hai, ba ngày, để mới đi nốt một con đường dài hằng trên mười cây số?

— Đúng. Vì người bộ hành phải lội càn trong lau, sậy, thêm đường lối quanh co, lạc một cái là mất mạng với thú dữ!

— Thú dữ thường hoành hành như vậy, người ta làm sao sống yên được để làm ăn và tu niệm, thưa bác?

— Ban ngày thì làm việc tập thể, không đi lẻ loi một mình ở những nơi có bụi rậm, còn ban đêm thì đóng kín cửa và ngủ trên gác cao, không đi ra ngoài.

— không ai có cách gì để trị được chúng sao, bác?

— Cọp có dữ thì cũng có người tài để đánh ngã được cọp chớ chẳng không. Ông Tăng Chủ Bùi Thiền Sư (tức cụ Bùi văn Thân) hạ được mãnh hổ để giữ yên trại ruộng là chuyện thường.

Ông nội tôi là người cùng thời với ông Tăng, từng sống chết với cuộc đất nầy, đã thuật lại rằng ông Tăng võ nghệ rất giỏi, hình vóc cao lớn, miệng rộng tai dài, bàn tay buông xuống chí mày đầu gối, chân tay mọc lông dầy bịt, tiếng nói sang sảng mà tâm tính hồn nhiên quả quyết. Ông đã làm chúa tể của chúa sơn lâm ở đây một thời.

— Xin bác vui lòng kể cho một vài trường hợp về tài áp phục thú dữ của Bùi Thiền Sư.

— Một lần cọp về xóm vào chập tối, người ta rút lên trên gác đóng cửa kín mít, đánh mõ tre báo động vang trời. Ông Tăng một mình cầm mác thong trèo xuống thang rượt cọp. Dưới ánh trăng mờ, cọp nhào tới phủ lên mình ông Tăng. Ông lẹ làng ngồi xuống, một tay dựng đứng mác thong lên, một tay thủ thế chờ cọp rơi xuống: Cọp hoảng hốt khi gặp tọa bộ của ông Tăng cùng ánh sáng lấp lánh của ngọn mác thong, liền né sang một bên. Trong lúc cọp mất thăng bằng chao mình trên lưng chừng thì ông Tăng đấm nhẹ vào hông nó một quả đấm thôi sơn và thuận chân bồi thêm vào hạ bộ nó một miếng đá nặng đòn. Cọp rống lên một tiếng vang rừng rồi ngã lăn bất tỉnh.

Ông Tăng không giết cọp, bước tới giựt nó dậy, miệng lầm bầm:

— Tao tha cho, từ nay phải bỏ tánh ngang tàng, đừng tới đây nữa mà mất mạng!

Cọp gầm mặt xuống đất, kéo la lết cái chân què vào rừng và từ đó không còn dám bén mảng đến xóm nữa.

— Dưỡng hổ di họa, sau cụ Tăng Chủ không giết phứt nó đi cho mọi người nhẹ lo, bác?

— Ông không muốn sát sanh mà chỉ muốn tâm phục bọn thú dữ đó.

— Nhưng làm sao mà tâm phục được ác tính của chúng môt khi chúng đói khát?

— Vậy mà ông Tăng đã làm được mới phi thường chớ! Việc đánh cọp vừa nói không chỉ một lần mà cả năm ba lần như vậy. Mà lần nào ông cũng tha cho chúng. Riết rồi con nào con nấy cũng chạy mặt, lùi xa! Có lúc chúng bị nạn, còn trở lại cầu cứu với ông Tăng nữa là khác!

— Cầu cứu cách nào vậy bác?

— Ở tại đình Xuân Sơn, cách đây chừng 800 thước, một hôm ông Tăng đi thăm ruộng về thì trời đã tối. Khi đến gần cửa ông trông thấy bóng một con cọp nằm lù lù bên mé đường mòn. Thấy ông, nó đứng dậy hả miệng, quàu cồ rồi cúi đầu tỏ vẻ đau lớn lắm.

Ông Tăng hiểu ý nó, bảo:

— Mắc xương rồi đó chớ gì! Sao không tới đây sớm tao cứu cho mà để đến nỗi ốm o quá vậy? Thôi, nếu quả mắc xương thì ngay cồ ra.

Cọp riu ríu vâng lời. Ông Tăng co tay ấn vào cồ nó một cái. Lập tức nó sặc lên mấy tiếng rồi khạc ra một thỏi xương lớn.

Vài hôm sau, cọp cõng tới trước sân trại ruộng ông Tăng một con heo rừng vừa vật chết để đền ơn cứu mạng.

Ngừng một chút, cụ Quản tự nói tiếp:

— Đó là việc xảy ra ngày xưa, chớ ngày nay thì chẳng còn gì. Xưa nỗ lực bao nhiêu thì bây giờ hưởng thụ bấy nhiêu. Ngày nay dân cư đông đảo, ai nấy đều có nhà cửa khang trang, những trại ruộng ngày xưa, bây giờ trở thành những chùa am đồ sộ.

* * *

Cơm dọn lên, cụ Quản tự mời chúng tôi. Trên mâm chỉ một chén nước tương, một dĩa muối sả và tô canh xà lách xon mà chúng tôi bắt đầu một cách ngon lành còn hơn những bữa ăn thịnh soạn khác.

Cụ Quản tự nói với chúng tôi:

— Các ông cứ thành thật ăn no, cơm Phật mà! Thập phương đem cúng rồi thập phương tới ăn, không một ai dùng làm của riêng, vì vậy mà ăn hoài không hết!

Nâng bát cơm gạo nàng tri đỏ ối, ngào ngạt mùi thơm, anh Khanh vô cùng khoái khẩu với món ớt hiểm mắn dầm nước tương, nên ăn mãi không muốn thôi. Tôi thì lạ miệng nhất món xà lách xon. Dòn dòn, thơm thơm mùi thuốc bắc và có hậu ngọt khi nuốt khỏi cổ.

Trong bữa cơm, anh Trình bàn tới chương trình thăm viếng vùng nầy. Cụ Quản tự vui vẻ nhận làm hướng đạo và cho biết buổi chiều cụ sẽ đưa chúng tôi đi thăm Phước Điền Tự, viếng mộ hai cụ Tăng Chử Đình Tây, đến đình Xuân Sơn và sau hết trèo lên núi Két.

Anh Trình thích quá, hỏi vồn vã; còn các anh Khanh, Hà cũng thay phiên nhau cười nói không ngớt làm cụ Quản tự phát mệt.

Bữa cơm chay hôm ấy chấm dứt trong bầu không khí hào hứng lạ thường.

* * *

Trời chinh bóng thì cụ Quản tự đã đánh thức chúng tôi dậy để đi thăm giáp chỗ cho kịp nội buổi chiều. Cụ mặc quần màu củ nâu, áo lá ngắn có túi rộng may bằng vải trắng, chân giẫm đất, tay cầm gậy, đầu đội nón to vành, dẫn đường cho chúng tôi.

Trên con đường đất vắng vẻ, xa xa một ít nóc nhà, chúng tôi lầm lũi đi.

Cách Thới Sơn Tự chừng vài ngàn thước là Phước Điền Tự, một nông trại lớn nhất ở vùng nầy thời trước. Cụ Quản tự chỉ về phía trước và cho chúng tôi biết Phước Tự đã đến rồi.

Tôi ngẩng nhìn hai cây trụ đứng ở cổng ngõ, nhẩm đọc đôi câu đối:

Nhất trần bất nhiễm Bồ Đề địa,
Vạn thiện đồng qui Bát Nhã môn.

Lòng tôi lâng lâng thanh thoát như được vẳng nghe tiếng chuông huyền diệu ngân nga trong giữa đêm trường. Có phải một mảy bụi trần khó mà ô nhiễm được đất nầy chăng? Có phải muôn vàn điều thiện đều cùng nhau xua lùa đến nơi cõi Tiên cảnh Phật? Người ta chỉ tưởng tượng thôi hay là thực tế đã như vậy? Điều đó tôi thấy không cần chẽ toé làm tư để biết. Có điều đáng biết là ở đây nếp sống của con người thanh lặng giản đơn, xa hẳn các xa hoa phù phiếm mà chỉ vui với niềm vui thoát tục. Người ta đã quên mất hoặc cố ý mà quên mất những tranh đấu giựt giành để chung lưng nhau thi hành việc thiện. Tôi hỏi cụ Quản tự:

— Thưa bác, đôi câu đối nầy do ai viết mà đạo vị thâm trầm như thế ?

— Đã có từ ngày trại ruộng mới được dựng lên, do đức Phật Thầy đọc cho các môn đệ của ngài viết.

Chúng tôi vào Phước Điền Tự được người trong chùa tiếp đãi trọng hậu. Người ta hái mảng cầu, vú sữa cho chúng tôi ăn và chặt hằng buồng dừa tươi để lấy nước mời chúng tôi uống.

Không khí u tịch ở trong chùa làm chúng tôi không một ai nói lớn tiếng. Cụ Quản tự dẫn chúng tôi đi một vòng trong nội điện rồi đưa ra ngoài, đến một gốc cồ thụ ở cạnh chùa, nơi một khoảng đất trống bằng phẳng, cụ trỏ tay nói :

— Đây là di tích của ông Sấm ông Sét mà không một ai được tạo tác hoặc làm bất cứ một điều gì ô uế trên đó.

Tôi ngạc nhiên :

— Ông Sấm ông Sét là ai vậy, kính thưa bác ?

Cụ Quản tự hạ thấp giọng :

— Là một đôi trâu của Phật Thầy ấy mà ! Trâu đã có công lớn trong việc vận tải và khai phá vùng nầy.

Hồi Phật Thầy tịch, đôi trâu vẫn chưa già, nhưng người ta quá ngưỡng mộ ngài và nhớ ơn trâu nên không bắt làm những việc nặng nề nữa. Cho đến khi trâu già, người ta vẫn nuôi hoài, rồi khi chết, đem chôn cất cẩn thận tại đây và xưng gọi như thế để tỏ lòng ghi nhớ.

Anh Khanh xoay nhìn tôi, nói :

— Thế mới biết tình cảm và nghĩa ân của người mình quả là rất hậu ! Một di vật của người quá cố mà còn tôn trọng như vậy huống hồ gì đối với người ấy !

Tôi nói với Khanh :

— Người ta biết quí dĩ vãng thì mới nhìn xa được tương lai. Tôi cho rằng người nào dễ dàng đoạn tuyệt dĩ vãng thì khó mà phong phú ở tương lai và không dễ gì vững chắc trong hiện tại. Nhờ những tình cảm sâu dày tương tự như trường hợp ta vừa nghe thấy đó mà dân ta, nhất là người miền quê, vẫn còn bảo tồn được nếp sống cũ, một nếp sống rất dân tộc mà Trần Trọng Kim hằng ca ngợi là « tình cảm hậu ».

* * *

Rời Phước Điền Tự, chúng tôi đến Xuân Sơn. Xuân Sơn cách Thới Sơn chỉ khoảng non 1000 thước nhưng phải rẽ sang một nẽo khác. Ánh xế của mặt trời chiếu xuống thân người làm dài chiếc bóng trên mặt đất độ bằng hai người thật thì chúng tôi tới Thới Sơn. Ở đây là một ngôi chùa do cụ Tăng Chủ và cụ Đình Tây dựng lên để ở tu. Nhưng sau khi hai cụ viên tịch, người ta đổi lại thành đình. Tuy vậy trong đình ngày nay vẫn còn có một tòa thờ Phật.

Đình tuy rộng rãi nhưng trang trí giản dị đơn sơ, cũng không thấy có di tích gì đặc biệt. Nhưng bên cạnh đình là nơi gởi xương của hai cụ Tăng Chủ và Đình Tây mà chúng tôi được cụ Quản tự dẫn tới. Mấy ngôi mộ phẳng lì nằm dưới lùm cỏ úa, vài tấm bia chữ còn đậm bên những đốm rêu xanh. Cụ Quản tự trỏ tay về phía trước, nói:

— Trong ba ngôi mộ nầy, có hai ngôi của ông Tăng và ông Đình. Đây, ông nào coi được chữ nho thì đọc các bài bia cho biết!

Tôi phủi làn rêu lồ đồ trên mặt bia. Những hàng chữ *Đại Nam Quốc, An Giang tỉnh... nguyên Bùi, húy Tây* .. hiện rõ lên, làm tôi sực nghĩ ngay đến ông Năm Chèo mà từ lâu rồi, tôi đã từng nghe chuyện ấy với người nầy gắn liền nhau như hình với bóng. Tôi quay lại hỏi cụ Quản tự:

— Thưa bác, có phải cụ Bùi nầy là người có phận sự bắt ông Năm Chèo theo như tương truyền đó không bác?

— Đúng như vậy.

— Xin bác vui lòng kể rõ để chúng tôi được học những cái lạ. Từ lâu, ở khắp Miền Hậu Giang, không ai là không nghe danh cụ Đình Tây với ông Năm Chèo, nhưng thật ra thì ít ai biết rõ.

— Thôi, chúng ta hãy cùng đi kẻo trễ giờ trèo núi. Trời bây giờ dịu rồi. Tôi sẽ kể cho các ông nghe đây.

Chúng tôi tất cả có năm người, lịch kịch bách bộ theo chân cụ Quản tự. Người nào người nấy đều có vẻ mõi mệt, trong khi cụ Quản tự coi khỏe khoan như không. Cụ vừa đi vừa kể chuyện.

— Theo những người lớp trước nói lại, thì khi thầy Tây An còn tại thế, ông Đình Tây là người thường hầu hạ bên ngài. Một bữa vì lòng hiếu sinh, ngài đã sai ông Đình xuống Láng [1] để đỡ đẻ cho một

1 Chi Lang Linh, nơi có một trại ruộng khác nữa của Phật Thầy, cách xa hữu ngạn Hậu Giang hằng chục cây số.

người sản phụ trong khi người ấy chỉ ở một mình trong một can chòi giữa đồng.

Khi công việc vừa xong, thì chồng của sản phụ cũng vừa về tới. Anh ta tên là Xinh, sống bằng nghề săn rùa bắt rán. Được biết ông Đình giúp đỡ cho gia đình mình như vậy thì lạy mà tạ ơn, đồng thời Xinh biếu ông Đình một con sấu con mà y vừa bắt được trong đêm tối. Ông Đình thấy con sấu dị thường, có năm chân, toàn thân một màu đỏ với những lốm đốm bông hoa, nên chấp nhận và quyết định trả tiền cho Xinh để đem về nuôi chơi.

Phật Thầy xem qua con sấu, bảo là quái vật, phải trừ đi kẻo về sau nó gây họa lớn. Nhưng ông Đình thương con sấu quá, không đành cho người ta ăn thịt hoặc bỏ đi. Ông nghĩ cách giấu Thầy để đem về trại ruộng Xuân Sơn, tức chỗ chúng ta vừa thăm qua, nuôi chơi.

Sấu có một sức lớn phi thường, chỉ trong ba năm mà nó có thể quật ngã được người. Và sau một đêm dông mưa lớn, con sấu năm chân bứt gãy xích sắt mà đi.

Ông Đình nhớ lại lời Thầy năm trước, sợ hãi về trách nhiệm mình, không rõ rồi nay may sấu sẽ xuất hiện ở đâu và có gây tai họa gì cho quần chúng không, nên đến chịu tội với đứcTây An. Ngài tỏ ý buồn bã và sau đó trao cho ông Đình một cây mun, một lưỡi câu và hai cây lao, tất cả đều làm bằng sắt và dặn ông Đình cất giữ để dành trừ con quái vật một khi nó xuất hiện.

Thời gian trôi qua, Phật Thầy tịch, sự việc vẫn chưa có gì và ông Đình Tây thì vẫn âm thầm lo sợ. Thì bỗng một mùa lụt, sấu trường lên tại Láng Linh. Bây giờ nó lớn quá, rượt bắt thiên hạ làm náo động cả một vùng. Người ta đến báo với ông Đình. Ông Đình mang « bửu bối » tới. Nhưng sấu dường như nghe được hơi ông Đình, nên đã biến mất dạng.

Từ đó như cứ bắt vậy, hễ ông Đình vắng thì sấu hiện ra, khi ông tới, nó không hề dám hành động. Biết như vậy, nên mỗi khi sấu làm sóng dậy miền Láng Linh, thì người ta đồng rập la lên :

— Bớ ông Đình ơi ! Ông Năm Chèo dậy !

Mà lạ quá ! Hễ cứ nghe câu đó thì sấu chạy ngay đuoi, dầu gặp mồi ngon trước mặt nó cũng không dám ở !

Đã nhiều phen lui tới vùng Láng để chực bắt quái vật mà không lần nào gặp nó, ông Đình lần sau chót, kêu nói giữa hư không rằng :

— Nếu sấu thần chưa tới số, thì từ nay nên yên lặng, đừng nổi lên phá hoại xóm làng. Còn như mạng căn đã hết, thì hãy sớm chịu oai trời, đừng để phải phiền ta!

Sau ngày ấy, sấu đâu mất! Có người nói khi Tây bố binh Gia Nghị[1], nghĩa quân rút lui nhưng vì lúa dày quá thuyền chống không đi, thì ông Năm Chèo xuất hiện làm lúa rạp một luồng cho thuyền theo đó mà chống. Danh ông Năm Chèo vang dội cũng bằng danh ông Đình Tây, là căn cứ theo truyền thuyết mà tôi kể cho các ông nghe đây.

* * *

Nghe chuyện ông Năm Chèo vừa dứt thì chúng tôi đã lết được một quãng đến lưng chừng núi. Ai nấy đều thấy thấm mệt, riêng có cụ Quản tự coi mòi khỏe ru. Anh Trình than:

— Mệt chết đi mất, xin dừng chân lại thôi! Chúng ta không thể theo nổi bác Quản tự đâu!

Cụ Quản tự đứng lại vuốt chòm râu bạc, nhìn chúng tôi, cười:

— Tại các ông không quen trèo núi, chớ sức của già nầy không hơn gì sức trẻ của các ông đâu! Nhưng mà nầy phép đi non không được nói mệt. Dầu mệt đến đâu cũng vẫn phải nói khỏe để mới lấy trớn mà đi nhé!

Chúng tôi nhìn nhau, cười tủm tỉm. Ai nấy đều ngầm hiểu lòng tin dị đoan quen thuộc đó trong giới bình dân mỗi khi có dịp đăng cao.

Ngồi trên sườn núi nhìn xuống khu Thới Sơn, những cây dừa cây cau phủ tàn lên trên những cây ổi cây mận dọc theo con đường dài lằng nhằng, trông mường tượng một đám rước. Những mẫu ruộng bị bờ đất ngăn cắt từng ô, xa nhìn những bàn cờ hình chữ nhật. Anh Khanh nói với tôi:

— Chẳng rõ tại sao thầy Đoàn Minh Huyên lại không khai phá quanh vùng núi Sam mà phải hướng dẫn tín đồ vào tận chốn nầy. Vùng đồng bằng bên chân núi Sam lúc đó chắc chắn dư đất, lại nằm sát bờ Hậu Giang, nhiều phù sa, rất phù hợp cho việc canh tác. Tôi nghĩ rằng phải có một nguyên cớ sâu xa gì đó chớ chẳng không!

— Một nguyên cớ mà anh đã biết. Đó là việc nghi kỵ của giới cầm

1. Đạo binh do Quản Cơ Trần Văn Thành chỉ huy kháng Pháp từ 1868 đến 1873.

quyền. Tuy họ đã phóng thích Thầy Tây An khỏi Châu Đốc, nhưng lòng nghi kỵ vẫn nặng. Họ chỉ định cho thầy phải vào tu ở Tây An Tự và buộc phải cạo tóc cạo râu. Điều nầy chứng tỏ rằng Thầy không được tự do truyền giáo và hành giáo. Đó là một động lực khiến thầy phải mở rộng cơ sở về những nơi hoang tịch. Cho nên không chỉ tại vùng sơn cước Thất Sơn nầy, mà còn một cơ sở khác ở Láng Linh, một nơi xa xôi hoang vắng đầy lau sậy, bảy thưa... mùa khô thì khô cằn như sa mạc, mà mùa lụt thì nước ngập lênh đênh như biển.

Đọc lịch sử tôn giáo các nước, chúng ta thấy trường hợp như vậy từng đã xảy ra. Bên Tàu, Pháp Sư Đạo An kiên nhẫn truyền giáo. Gặp lúc giặc chòm nổi lên hoài, người ta nghi sợ hậu thuẫn quần chúng của Pháp Sư, sư phải di tản tín đồ vào rừng hoang tự mở đất làm ruộng để tự tu tự độ tránh sự dòm giỏ của nhà cầm quyền. Giặc lại không để cho yên, Pháp Sư lại chạy đi khai khẩn chỗ khác. Ở bên Mỹ, nhóm Mormons cũng bị chánh quyền tình nghi là tà đạo, nên phải rút về phía tây, khai hoang tại Illinois và Lac Salé.

Cụ Quản tự giục chúng tôi:

— Trời đã chiều, các ông nên cố trèo một chút xíu nữa thì tới, để chúng ta còn trở xuống.

Chúng tôi theo lời cụ Quản tự và ước chừng tàn vài điếu thuốc thì đến sân tiên. Mây trời bây giờ đùn lên trắng xóa với những viền vàng bởi một lớp ráng đỏ ở phương tây. Các ngọn núi Cấm, núi Dài nhấp nhô khoe xanh trước mặt. Chúng tôi hứng lấy làn gió mát trên non, tha hồ ngắm xem bốn phía.

Xa về gộp đá bên kia, vài ba am tự bỏ hoang, có lẽ vì chủ nhân tránh nạn bất an hồi biến động chưa hồi cư. Tuy nhiên hoa cỏ vẫn mướt mơ, mận sai quằn những quả. Năm mười cánh chim về tổ xao xác trên cành. Tôi ngâm vang lên *Sơn phòng xuân sự* của Sầm Tham:

Lương viên nhật mộ loạn phi nha,
Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia.
Đình thụ bất tri nhân khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cựu thời hoa.
(Vườn Lương chiều tối quạ bay đầy,
Nhà cửa nom còn ít nóc đây.
Cây cỏ không hay người bỏ vắng,
Xuân về bông trái vẫn vun xây).

(Tinh Anh dịch)

* * *

Tối hôm ấy, chúng tôi nghỉ lại Thới Sơn, Vì có lơi mời của nhà chùa, nhân dịp chúng tôi có mặt, nên bà con trong vùng tụ tới rất đông. Ngoài những câu chuyện trao đổi, tôi được dịp phỏng vấn các bô lão về cuộc kháng chiến của cụ Quản Thành và về cách tổ chức của nông trại Láng Linh từ 100 năm trước. Cuộc nói chuyện kéo dài mãi đến khuya mà mọi người chừng như không ai thấy chán.

Mặt trăng hôm nay tuy chưa đầy đặn nhưng nhờ trời ít mây mù nên chiếu xuống vằng vặc ngoài sân. Khách đã lui gót từ lâu mà sao tôi vẫn còn thao thức. Bóng lá dừa yểu điệu in xuống mặt sân thỉnh thoảng có gió đưa ẻo lả từng chặp. Vườn tược, đồng ruộng liền nhau rồi nổng đồi, sỏi đá.

Tâm hồn tôi lâng lâng. Trí não tôi vơ vẩn. Khí thiêng sông núi dường như vừa ẩn hiện quanh quất đâu đây. Niềm thương mông lung dào dạt quá. Trong tiếng gió xa xôi đưa lại, có mùi gì như mùi tổ quốc thân yêu. Hồn của Hoàng Hà, Dương Tử lẫn trong hồn Bạch Hạc, Vĩnh Yên từ bốn ngàn năm trước, đã hòa hợp với hồn của hằng trăm năm qua tại miền này mà trào tuôn lênh láng...

Một giọt trăng, một bóng lá, một tiếng gió trong đêm nay là mỗi một cái gì gắn bó, cột buộc dính với tâm hồn con người biết quí biết yêu quê hương. Kìa! khúc sông tấc đất, miếng rẫy luống cày! Nó là những gì được pha trộn bằng mồ hôi nước mắt, bằng máu xương của nòi giống tổ tiên. Nên nó thiêng liêng làm sao! báu quí biết ngần nào!

Vậy bài ca ái quốc có cần phải tìm học nơi đâu để mới hát hay lên được? Hay là chính nó đã được chép sẵn trong rừng rậm non sâu, trong bờ lau, khóm trúc? Tôi bồi hồi chợt nhớ mấy câu thơ của nhà vịnh sử X. Y.

Trầm mặc trong rừng rậm,
Còn tinh thần tre lau.
Ánh vinh quang lẫm lẫm,
Trong mình phải tìm đâu!

Những hình ảnh chung quanh mờ dần và những tiếng động cũng bắt đầu nhỏ dan, nhỏ dần để đi vào im bặt trong tiềm thức tôi... Tôi đã ngủ lịm đi từ lúc nào không biết.

NGUYÊN NHÂN VỤ ÁN TIỀN-QUÂN-THÀNH

▽ TÔ NAM

MỘT CHÉN RƯỢU. MỘT BÀI THƠ

Hai món hào hứng trên phải chăng nó đã biến thành một liều thuốc độc và một lưỡi gươm oan nghiệt sát hại cha con Tiền-Quân ?

Vụ án Tiền-Quân Nguyễn-văn-Thành trước đây hơn một thế kỷ rưỡi đã làm cho các vị công thần trong thời Gia-Long hết sức hồi hộp và làm cho hậu thế cũng phải công phẫn và hoài nghi.

Quái lạ ! Vua Gia-Long có phải là người tàn nhẫn như Việt-vương Câu-Tiễn hay Hán đế Lưu-Bang đâu ? mà sao Tiền-Quân phải chung số phận với Đại-phu Chủng và Hoài-Âm-Hầu ?

Không : Vua Gia-Long người rất sáng suốt và rất trọng đãi công thần nhất là đối với Tiền-Quân một người đủ tài quân sự, chính trị, kinh tế, pháp luật, về phần văn chương, người ấy lại có những áng văn thơ bất hủ, tức như bài tế Trận vong tướng sĩ, soạn bằng quốc âm, mà từ trước đến sau, ai cũng thán phục !

Huống chi gia đình người ấy, phụ thân đã từng hy sinh giúp chúa một cách anh dũng lạ thường ! Và chính người ấy, từ năm mười mấy tuổi đầu quyết soi gương sáng của cha, nhập tử xuất sinh ! phù đức Tiên đế, rồi khi lớn lên lại giúp nhà vua. Khi thì chiến đấu ở nhà, khi thì bôn ba hải ngoại ! Trải qua bao nhiêu gian hiểm, vẫn giữ son sắt một niềm tình nghĩa vua tôi khác gì cốt nhục.

Đối với một người như vậy, thiết tưởng lúc nào mà vua lại chả cần đến ? Và hiện tại thì vua mới dựng xong nền nhất thống. Thần tử nhà Lê vẫn chửa tham gia, ảnh hưởng Tây-Sơn vẫn còn tồn tại, nhất là cục diện Bắc hà lại khó xử trí, tình thế ấy nó chưa cho phép nhà vua đem xếp cung cứng và giết mưu thần, dù mưu thần ấy có phạm trọng tội chăng nữa cũng nên tha thứ.

Vẫn biết những người có tài có công thì ai xóa bỏ được tính tự

cao tự đại, tính ấy nó sẽ làm cho vua ghét bạn thù, đẩy mình vào vòng tội lỗi, cũng như trường hợp ông Thành, vì một chén rượu gây thù với Tả Quân Duyệt, rồi sau tiếp đến bài thơ giại giột của con, bài thơ mà các nhà sử học cho rằng: không chắc đã phải là của Cử Thuyên, vì một người đã đỗ được đến cử nhân, nhẽ nào lại viết những câu bất thành văn lý và quá ngờ nghệch như vậy? Chẳng qua những bọn thù nhân, đoán biết lòng vua đã ghét nên mới tạo ra bài thơ có ý phản nghịch để làm tang chứng kết thành cái án tử hình không cho chối cãi. Cũng như sau khi Tả Quân Duyệt qua đời rồi, mà triều thần lại đem 4 câu thơ bói thẻ ra, để chứng thực rằng: Trước kia Tả-Quân có ý phản nghịch. (Vụ này xảy ra vào thời Minh-Mạng, 4 câu ấy là: 借漢爭先諸漢將, 輔周寧後十周臣, 他年再過陳橋事, 一旦黃袍過北身. Tá Hán tranh tiên chư Hán tướng, phụ Chu ninh hậu thập Chu Thần, Tha niên tái ngộ Trần-Kiều sự, nhất đan hoàng bào bức thử thân, nghĩa là: giúp Hán sẽ đứng trên tướng Hán, phò Châu sao chịu kém tôi Châu? mai đây diễn tích Trần Cầu, thân kia lại khoác hoàng bào đến nơi!)

Đó thực là câu thơ giết người mà ngày xưa người ta thường dùng làm lợi khí để giả oán giả thù, nhưng xét cho kỹ thì nguyên nhân chính của nó, đâu phải vì một chén rượu với mấy câu thơ?

Nếu bảo là vì chén tượu gây thù với Tả-Quân Duyệt thì việc ăn trộm ấn tín, đầu độc Tả-Quân, thủ phạm xưng rằng: Việc ấy là do Tiền quân sai khiến! thế sao nhà vua lại chỉ mỉm cười???

Lại như bài thơ có ý thoán nghịch của Cử-Thuyên, nhà vua cũng chỉ cho là những kẻ thiếu niên hứng bút viết bậy?

Cả đến chứng cớ Hình bộ đem ra buộc tội, như việc giao thông với Lê-duy-Hoán việc che giấu tội ác của con, việc phao chuyện hoang đường để làm mê hoặc dân chúng, việc xây phần mộ cho mẹ vượt trên qui chế hoàng gia, việc tiến cử nhân tài không được xứng đáng, những luận án đó ban đầu nhà vua cũng cho là chuyện trò đùa trẻ nít, không thể buộc tội một vị công thần.

Thế mà về sau cũng chỉ có thế, không thêm một nhân chứng nào, mà vua Gia-Long lại đổi thái độ! sự đổi thái độ ấy tất nhiên phải có duyên cớ, duy cái duyên cớ ấy không tiện ghi vào bản án đó chăng? Bởi vì lúc ấy, nhà vua tuổi hạc đã cao, khí lực đã thấy suy giảm, biết rằng cái ngày từ giã tôn miếu quần thần cũng sắp sửa tới ngộ nhỡ sau khi băng hà người kế vị chẳng được anh minh thần võ thì sao giữ đặng

ngôi trời ? tránh sao cho khỏi diễn ra những việc, như việc Tống-Thái-Tổ bên Tầu, hay là trường hợp như nhà Tiền Lê bên ta ? bộ áo hoàng bào long cồn lại khoác vào vai người khác ? mà người có thể khoác được áo ấy biết đâu nhà vua lại chả nghi cho Tiền-Quân là người số một !

Vẫn biết lúc ấy không ai có thể nghi cho Tiền-Quân là người phản bội, nhưng còn về phần Tiền-Quân, chẳng biết vô tình hay là hữu ý ? Đối với việc lập sứ quân là việc trọng đại vô cùng ! tất phải do vua quyết định, thế mà trái lại, Tiền-Quân lại cứ tâu nài, xin vua lập Hoàng-Tôn-Đán ! thấy vua có ý không thuận, ông lại họp cả triều thần tại dinh, toan lấy số đông, buộc vua phải lập ấu chúa ! đến nỗi vua phải thốt ra những câu : 彼欲立幼將利其易制，他日得以扼其吭拊其背耶？朕宣昏惑不揆可否而遽聽其言，不爲社稷擇人乎？ Đế nộ viết : Bỉ dục lập ấu tương lợi kỳ dị chế, tha nhật đắc dĩ ách kỳ hãng, phu kỳ bối gia ? Trẫm khởi hôn hoặc : bất quĩ khả phủ, nhi cự thỉnh kỳ ngôn, bất vị xã tắc trạch nhân hồ ?

Đế giận bảo rằng : Y muốn lập ấu là muốn lợi dụng để tiện lấn áp sau này Y sẽ chẹn họng và xoay lưng đó chăng ?

Trẫm đây há rằng mê hoặc không biết khả phủ hay sao ? mà lại nghe theo lời Y, không vì xã tắc chọn người xứng đáng ?

Đọc qua mấy câu trên, chắc rằng ai cũng thấy rõ cái thâm ý của nhà vua và lo cho số phận tiền quân khó lòng thoát khỏi.

Nhưng vua Gia-Long là người lo xa tính kỹ ! tất nhiên đối với việc ấy vua cũng hết sức e ngại ! bởi vì dẫu sao chứ việc tru lục công thần, nó là hành vi của các bạo chúa, hành vi ấy chẳng những về sau lịch sử sẽ không tha thứ mà ngay hiện tại, cũng khó giẹp nổi lớp sóng bất bình.

Thử coi vua Hán-Cao-Tổ ngày xưa, trước khi định giết Hoài-Âm-Hầu, nhà vua cũng đã khôn ngoan, mượn cớ đem quân chinh phạt nơi khác, còn việc tru lục phó cho Lã-Hậu ở nhà tùy ý định đoạt, rồi sau họ Lã lại bị các công thần khác thẳng cánh tru di !

Bởi thế nên đối với vụ án Tiền-Quân, nhà vua cũng muốn dập theo khuôn mẫu Hán-Cao, để trút trách nhiệm ấy cho người khác, biết rằng Tả-Quân và Tiền-Quân có mối tử thù thì giao cử Thuyên cho Tả-Quân tra khảo ! biết rõ một số đình thần để tâm thù ghét, thì giao Tiền Quân cho số đó hỏi cung. Để cho vụ án sớm đặng kết liễu. Kết liễu bằng những tang chức vu vơ !

Nói tóm lại vụ án Tiền-Quân hơn thế kỷ nay các nhà đọc sử đã

nêu rất nhiều giả thuyết, có thuyết lại vin cả câu: Tác pháp tự phộc đặt ra pháp luật để tự trói mình. (作 法 自 縛) Vì bộ luật của ông thảo ra trong đó đã có một khoản: Tác yểu ngôn dĩ loạn chúng, sát, nghĩa là phao tin quái gở làm cho dân chúng hoang mang sẽ bị tử hình, thế mà có lần ông lại tâu vua về việc mống cụt đánh nhau 7 ngày là đêm sắp có biến loạn! vì thế đình thần mới đem câu đó để buộc tội ông, giống như lrường hợp Thương-Ưởng 商 鞅 ngày trước. (Ưởng người nước Vệ, vào làm Thừa-Tướng nước Tần, biến đổi Tần pháp, buộc dân phải đủ giấy tờ quá quan, mới được xuất ngoại, chẳng ngờ đến khi thất thế, trốn ra nước ngoài, bị người thủ quan ngăn lại hỏi giấy, Ông đáp: ta đây chính là Thừa-Tướng, còn phải lãnh giấy của ai?

Viên thủ quan thưa: Ngài là Thừa-Tướng mà phải lãnh giấy của ai thì tôi không biết. Tôi đây chỉ biết: pháp luật Thương-Quân rất là nghiêm khắc, nếu để cho người không giấy vượt khỏi cửa quan, thì tôi sẽ bị mất đầu! Thương-Quân nghe nói thở dài than rằng: Ôi! năm xưa đặt ra phép đó, biết đâu ngày nay nó lại buộc mình! thế rồi ông quay trở lại bị ghép vào tội phanh thây!

Xét ra câu chuyện trên đây dẫu là chuyện thực, nhưng đó là lẽ dĩ nhiên, chứ thời đại nào, quốc gia nào, một khi đã có pháp luật mà lại thiếu được khoản đó! Vậy ta cũng chẳng nên tin vào khoản đó là chuyện báo ứng để mà mai mỉa Tiền-Quân, nói riêng, hay là mai mỉa những nhà soạn luật nói chung.

Còn như nguyên nhân chính của vụ án này, muốn biết rõ rệt hơn nữa dưới đây chúng tôi lại xin giới thiệu một thiên lịch sử Tiền-Quân, chắc rằng sau khi duyệt lại, đọc giả sẽ thấy ngay thuyết nào là hợp lý hơn vậy.

LƯỢC KHẢO VỀ THÂN THẾ TIỀN-QUÂN NGUYỄN-VĂN-THÀNH

Cứ như *Liệt-Truyện Chính-biên*, và *Thực-Lực Tiền-biên* cùng những sử liệu ngoài thì dòng họ này gốc tích ở làng Quảng-Điền 廣 田 thuộc phủ Thừa-Thiên 承 天 府 đến đời Cụ Tổ tứ đại mới thiên cư vào trấn Gia-Định, rồi ông nội là Nguyễn-Tánh 阮 性 lại thiên đi Bình Hòa 平 和, mấy chục năm sau, ông nội qua đời, gặp lúc địa phương rối loạn, phụ thân ông là Nguyễn-Hiền 阮 賢 lại đưa gia quyến trở về Gia-Định.

Xét ra dòng dõi họ này sản xuất ở nơi sơn kỳ thủy tú, bẩm thụ

được khí thế hùng vĩ của non sông lại thêm luôn luôn di chuyển, bồi bổ được nhiều giang hồ khí cốt, đúc nên cho con cháu một cá tính quật cường, một tinh thần thượng võ ruyền thống!

Nói về phụ thân ông là Nguyễn-Hiền, người rất khôi ngô và khảng khái, vì sinh trưởng ở trong thời loạn, nên ngoài sự trau giồi kinh sử, ông lại nghiên cứu thêm cả tam lược lục thao, có chí đợi thời để xây dựng một sự nghiệp hiển hách.

Lúc ấy vào thời chúa Nguyễn Duệ-Tôn năm thứ 8, tức năm Quí Tỵ 1773 gặp lúc Nguyễn-văn-Nhạc 阮文岳 ở Tây-Sơn đem quân vào cướp Bình-Thuận, tướng Lưu-Thủ của Chúa Nguyễn ở Long-Hồ 龍湖 là Tống-phúc-Hiệp 宋福洽 và Cai-bạ Nguyễn-khoa-Thuyên 阮科詮 yết bảng mộ quân cần vương.

Về phần ông Hiền lúc ấy cũng đã mộ được một số hương dũng, mục đích là để bảo vệ hương thôn, nay tiếp được tin ông bèn kéo đoàn hương dũng đến xin ứng mộ, Phúc-Hiệp thấy ông có vẻ hùng tráng oai nghiêm, đem lòng tin cậy phong ngay cho chức Cai-đội, chỉ huy một cánh bộ binh kéo ra Phan-Lang 潘郎 cự địch, trận đầu đại thắng, thừa thế tiến đến Bình-Khang 平康.

Chẳng ngờ trong khi ông đương thắng lợi ở mặt trước, thì Tống-phúc-Hiệp ở mặt sau lại bị thất bại, Phúc-Hiệp quay về cố thủ Nha-Trang 芽莊, và ra lệnh cho ông triệt thối về đảo Tam-Sơn 三山 làm thế ỷ dốc.

Tiếp được tin trên ông thấy lạnh toát cả người! Vì Ông đoán rằng: hậu quân đã bị tan vỡ, tất nhiên quân địch sẽ được rảnh tay, sớm muộn thì chúng sẽ đến để tiêu diệt mình, lực lượng của mình không đủ chống đỡ thế tất là phải rút lui, nhưng mà rút lui đâu phải chuyện dễ! thế nào quân địch lại chả đón chẹn dọc đường.

Đứng trước tình thế nguy nan ấy, ông bèn nói rõ cho anh em hương dũng biết, rồi khuyên ai nấy tự động giải tán để mà tìm lối thoát thân, còn về phần ông thì dầu nhớn nhỏ, cũng là địa vị một người chủ tướng, Ông sẽ liều chết xông pha!

Chẳng ngờ anh em hương dũng nhất định không nghe họ đồng thanh cùng nói: Ông với chúng tôi chẳng khác gì anh em ruột thịt, nay người anh cả đã vì danh dự quyết chí hy sinh, vậy thì chúng em cũng xin thề cùng sống chết!!!

Ông thấy mọi người hăng hái như vậy, bèn sai nhổ trại tức thì, bao nhiêu thứ nặng đều bỏ lại hết, còn chỉ đem theo một số lương thực đủ ăn, để cuộc triệt thối cho được mau lẹ, họa may thoát khỏi chuy binh. Quả nhiên dọc đường không bị cản trở, nhưng khi về đến Tam-Sơn, chưa kịp bố trí, thời địch quân đã từ bốn mặt kéo tới ào ào! phần vì quân ít phần vì mỏi mệt, bên ngoài lại không có quân cứu viện, thế mà ai cũng gan dạ, chiến đấu đến phút cuối cùng! Kết quả đều bị tử trận chứ không chịu hàng! về sau Phúc-Hiệp được tin, rất là thương tiếc tâu về với Chúa, ghi tên vào sổ công trạng, dự thờ tại miễu Hiền Trung. Con giai là Nguyễn-văn-Thành, người cũng giống cha như đúc, có tính thông minh, lại thêm hiếu học, nên mười mấy tuổi đầu, mà văn thì tứ thư ngũ kinh, bách gia chư tử, thảy đều tinh thông, võ thì lục thao tam lược, cả thập bát ban cũng đều xuất chúng, lúc cha là Nguyễn-Hiền kéo đoàn hương dũng đến dinh Long-Hồ ứng mộ, Thành cũng đi theo, một hôm Tống-phúc-Hiệp sai Hiền đem quân sang vùng sông, Cầu lấy thóc 粟 米. chẳng may khi về vừa đến nửa đường, bị quân Tây-Sơn đổ ra chặn đánh Hiền thấy thế nguy, vừa đánh vừa lùi, rồi ông quay lại phía sau, ra hiệu cho Thành chạy trốn.

Về phần ông Thành đương lúc hộ vệ cho đoàn gánh thóc đi sau, nhận được ám hiệu của cha, ông liền nghĩ ngay một kế, đốc đoàn vận tải chạy tắt ngay vào phía sau dãy núi, chỉ bảo mọi người giấu thóc vào hang, rồi chia quân ra làm hai toán, toán không khí giới ở lại giữ hang, toán có khí giới ra nghinh địch.

Phân phát vừa xong, quân địch cũng vừa đuổi tới, Thành liền ra lệnh cho ai nấy đều phải im hơi lặng tiếng, đợi khi địch quân tiến qua một nửa, bấy giờ ông mới vác giáo xông trước, binh sĩ hò hét theo sau, đánh ngay vào sườn quân địch! làm cho bên địch mất hết hàng ngũ bỏ chạy tứ tung.

Về phần ông Hiền, đương khi vừa chống vừa lui, bỗng thấy địch quân tự nhiên hỗn loạn, đoán rằng quân của Phúc-Hiệp sai đến hộ lương, nên cũng hô quân đánh quật trở lại, thành ra trận ấy trở nên đại thắng, lương thực không bị mất mát hột nào, mà lại bắt được một số tù binh và thu được rất nhiều khí giới!

Thắng trận xong rồi, cha con đem cả các thứ về nộp! Phúc-Hiệp rất là vui mừng! Về sau biết rõ trận thắng là do mưu trí của Thành! thì ông lại rất ngạc nhiên! không ngờ một gã thư sinh! mới có mười mấy tuổi đầu mà lại gan dạ và ứng biến thần tốc như vậy! rồi ông tỏ lời khen

ngợi và lại thưởng riêng cho Thành 10 lạng bạch kim, 1 bộ áo giáp, và cho ở luôn dưới trướng để tiện giúp đỡ công việc quân cơ vì thế nên khi ông Hiền tử trận ở đảo Tam-Sơn thì Thành đương ở hậu quân với Tống-phúc-Hiệp chứ không theo cha nên không bị nạn.

Nhưng ngay khi đó Phúc-Hiệp cũng bị tan vỡ. Tướng tá mỗi người lạc lõng mỗi nơi, riêng Thành thu thập được hơn một trăm tàn binh tham gia với Khám-Lý-Kỷ 勘理紀, rồi năm Bính-thân 1776, Kỷ bị Tây-Sơn đánh bại, duy có 800 bản bộ của Thành giữ được trọn vẹn. Thành bèn kéo đến gia nhập với Đỗ-Thanh-Nhân 杜清仁, Thanh-Nhân biết Thành là người trí dũng trao ngay giữ chức Tiên phong hiệp cùng Tổng-Binh là Nguyễn-văn-Hoàng 阮文弘 đi đánh Sài-Côn, mở đất mãi đến Trấn Biên chém được tướng địch là Chưởng-Cơ Liêm tại trận! vì có công này ông được đặc cách thăng chức phó tướng đem quân ra mặt Tứ-Kỳ 四岐江, giao chiến mấy trận kịch liệt, trận nào cũng được toàn thắng!

Chẳng ngờ cách hai năm sau tức năm Mậu-Tuất 1778 ông cùng Nguyễn-văn-Hoằng ra đóng Phàn-Lý rồi Hoằng bị chết, ông lại được lệnh rút về, vì lúc ấy Tây-Sơn có thêm viện binh, uy hiếp tất cả các mặt, tình hình quân sự của chúa Nguyễn từ đây trở nên nguy nan, rồi tiếp đến năm Quí-Mão 1783 Sài-Côn thất thủ, vua Gia-Long phải chạy sang Xiêm 暹羅 giữa lúc vua tôi mỗi người một ngả, ông không theo kịp đành phải ở lại.

Mùa thu năm sau nhà vua mượn được quân Xiêm trở về khôi phục Gia-Định, ông tìm đến Trà-Luật (茶律), bái yết vua tôi gặp nhau mừng mừng tủi tủi, sau khi thuật lại tình hình loạn quân của Đỗ-Thanh-Nhân cho Đế nghe, Đế bèn sai ông vào vùng Bát-Chiên Quang-Hóa, 八氈光化 thu thập lại cánh tàn quân của đảng Đông-Sơn, là bọn Đặng Triệu 鄧趙 v.v... (Nhân bị chém năm 1781).

Nguyễn Triệu trước kia đã làm đến chức Tổng-Nhung ,chẳng may bị quân Tây-Sơn bắt được trong trận đại chiến năm Canh Tý (1780) rồi làm quan với Tây-Sơn, hợp cùng hai Tướng Tây-Sơn là Chưởng-Cơ Hùng, Chưởng-Cơ Tuy. Trấn thủ ở thành Bát-Chiên, vì Thành với Triệu là chỗ bạn cũ, nên Đế mới sai đi dụ.

Sau khi nhận lệnh, Thành bèn hóa trang ra một nông dân tìm đến cửa trại xin vào yết kiến, Triệu cho gọi vào khi trông thấy Thành thì hết sức kinh hãi, nhưng vì trước mặt Chưởng Hùng Chưởng Tuy, sợ

lộ tông tích của Thành thì nguy hiểm cả cho mình, nên Triệu phải làm ra bộ thản nhiên nhận là anh em họ, hỏi lấy hỏi để về chuyện quê nhà, Thành hiểu ý nên cũng giả nhời một cách tự nhiên, thuật lại tình hình quê nhà bị nạn binh lửa, gia đình tan nát khắp nơi, ngày nay nghe tin anh đã làm quan với Triều đình mới, cho nên chẳng quảng đường xa nguy nan, cố tìm đến nơi, nhờ anh che chở v.v...

Hai người đóng kịch đã khéo, khiến cho ai nấy cũng tin là thực, thế rồi nhân lúc đêm khuya thanh vắng, Thành trao mật chiếu cho Triệu, hai người bàn định mưu kế ám sát Chưởng Tuy Chưởng Hùng rồi kéo bản bộ trở về Trà-Luật, khi về tới nơi gặp lúc quân Xiêm đương bị Nguyễn-Huệ uy hiếp. Để bèn sai Thành đem quân đi viện, nhưng đại binh của Chao-Tăng Chao-Sương 昭曾 昭霜 đã bị Nguyễn-Huệ tiêu diệt hoàn toàn, hai tướng chạy tắt sang Lào để trốn về nước, thành ra quan quân cũng bị thua lây. Để phải bỏ thuyền rồi chạy vào các làng lẩn tránh, theo sau chỉ còn vẻn vẹn có Lê-văn-Duyệt và hơn 10 người, cho mãi tới lúc chạy đến sông Thi thì Thành và Tôn-Thất-Hội, Tôn-Thất-Huy cả bọn hơn năm chục người mới đuổi theo kịp.

Vua tôi lại được gặp nhau, ai cũng tỏ vẻ vui mừng! nhưng sợ Tây-Sơn đuổi theo, nên lại vội vã chạy đi Hà-Tiên, để đáp ngư thuyền ra các hải đảo, lúc này Thành phải cầm lái suốt cả ngày đêm, có khi lại phải chèo giúp cho các thủy thủ. Khi ra đến đảo Thổ-Châu 土 珠, vua tôi cùng lên tạm trú để chờ tin tức.

Thế rồi cách mấy hôm sau quan quân được tin, kéo đến mỗi ngày một đông, nhưng càng đông thì lại càng nguy bởi vì ai cũng đến với hai bàn tay trắng, giữa nơi góc bể chân giời, vấn đề lương thực khó lòng giải quyết, tướng sĩ bữa đói bữa no! Vua tôi đành chỉ nhìn nhau than thở!

Chẳng ngờ đương khi tuyệt lương vô kế thì bỗng được tin có toán thuyền buôn ở Hạ-Châu 下 洲 sắp qua hải phận, Văn-Thành hớn hở bàn với các tướng định xin phép vua cho ra đón bắt, may mà cướp được một số lương thực để tạm cứu cấp trong lúc nguy nan, nhưng các tướng đều không tánthành, vì biết trước rằng: dù sao chăng nữa, chứ việc cướp bóc như vậy, tất nhiên nhà vua sẽ chẳng cho làm, rồi ra còn bị khiển trách là khác, vì thế nên ai cũng hết sức can ngăn.

Thành thấy không ai đồng ý, lẳng lặng đi ra, kéo ngay một toán thủ hạ xuống thuyền, dương buồn vượt thẳng ra khơi, báo hiệu cho toán thuyền buôn dừng lại!

Nhưng cánh buôn gạo kia cũng là những tay đáo để! chúng cũng có đủ khí giới đề phòng, ngày nay thấy Thành ít quân, nên chúng nhất định kháng cự, thế rồi hai bên đánh nhau kịch liệt! Thành bị trúng mấy vết thương lại càng hăng máu! nhảy phắt ngay sang thuyền địch, hoa kiếm đâm chết mấy tên! binh sĩ thấy vậy cũng nhảy ào sang giết hết thủy thủ rồi bắt thuyền gạo đem về! số gạo thu được có thể chi dụng mươi bữa nửa tháng, tướng sĩ cũng tạm an tâm, riêng có nhà vua thì rất khó chịu, chỉ vì đứng trong tình thế tuyệt vọng, nên cũng không nỡ tránh quở nặng nhời.

Nhưng số lương ấy có thấm vào đâu, nhất là đại binh Tây-Sơn lại sắp kéo đến, vua tôi không biết đối phó cách nào! may mà lúc ấy vua Xiêm sai người sang đón, vua tôi lại tránh sang Xiêm.

Cứ như lịch sử thì vua Gia-Long sang Xiêm lần này là lần thứ hai, có cả Văn-Thành trong đoàn hộ giá, tới Xiêm chưa được bao lâu thì Xiêm bị nước Diến-Điện đem quân sang đánh, vì Diến đương hồi toàn thịnh, lần trước đã từng tràn vào Vọng-Các bắt sống được cả Phong-Vương của Xiêm! lần này kéo sang, lại thêm có đoàn voi chiến rất mạnh! quân Xiêm không sao địch nổi, vua Xiêm cả sợ, mời vua Gia-Long vào Triều hỏi kế, và xin nhà vua viện trợ, nhà vua nhận lời trở ra hành tại, hội họp các tướng bàn mưu, rồi sai Văn-Thành hiệp cùng Văn-Quân 文 匀 lãnh đạo tiên phong đi trước còn đại binh do hai vua thân chinh thì sẽ tiến sau.

Lúc ấy quân Diến đã tiến vào đến Sài-Nặc 柴 諾 Thành bàn với Quân rằng: quân Diến nhờ có một đoàn voi chiến, huấn huyện đã rất thuần thục, vì thế quân Xiêm không sao chống nổi.

Nhưng cứ binh pháp đã nói: voi kia dẫu có sức mạnh hơn hùm, nhưng tính lại sợ lửa. Vậy muốn thủ thắng tất nhiên chúng ta phải dụng hỏa công, thế mà chiến cụ hỏa công như ống phun lửa, gần đây chúng ta chế tạo đã nhiều, và lại có phần tinh xảo hơn trước, vậy thì ngày mai ra trận, ta phải như thế? như thế? lo gì lại chả thui hết đàn voi, khiến cho quân Diến không còn mảnh giáp, để chúng biết rõ thủ đoạn người nam.

Bàn định xong rồi, hai người dẫn quân tiến lên, vào lúc mặt giời xế bóng thì gặp quân Diến, hai bên giao chiến một hồi thì Diến xua đàn voi trận xông ra, Văn-Quân vội vàng triệt thối, quân Diến thừa thế đuổi theo, lúc ấy trời đã xầm tối, bỗng thấy trong những dãy núi bên đường,

phát lên tiếng nổ long giời lở đất, hàng ngàn ống thụt phun lửa tự trong hang núi tiến ra, voi bị lửa đốt, co vòi chạy quật trở lại, giầy xéo lên đám hậu quân, phần bị trời tối, phần bị đường núi gồ ghề, phía sau lại bị hai tướng truy kích dữ dội, chỉ trong giây lát thì đại binh của Diến đã bị tiêu diệt hoàn toàn, hai tướng tịch thu được hết khí giới đem về dâng nộp!

Sau trận thắng này vua Xiêm lại càng đem lòng kính mến, ngoài sự cung cấp trọng hậu, lại còn tình nguyện đem quân sang giúp lần nữa, nhưng vua Gia-Long hãy còn phân vân, liền họp các tướng thương nghị. Các tướng ai cũng nóng lòng muốn mượn quân về khôi phục, riêng có Văn-Thành không nghe.

Ông viện lẽ rằng: quân Xiêm dẫu nhiều nhưng vô kỷ luật, tới đâu chúng cũng cướp phá, làm mất nhân tâm, ví bằng nhờ họ giúp đỡ mà được thành công thì tránh sao khỏi hậu hoạn? Vậy cứ ngu ý của kẻ hạ thần, thì ta hãy nên bình tĩnh để chờ cơ hội thuận tiện thì hơn.

Vua phán: lời bàn của khanh rất hợp ý Trẫm, âu là để trẫm kiếm lời từ tạ, khỏi phụ tấm lòng quí hóa của Xiêm, vì thế nên việc trợ chiến lại hoãn.

Trong khi tạm hoãn, mọi người lại vẫn ra sức chuẩn bị, nào là khai khẩn ruộng đất để lấy thêm lương, đóng thêm chiến thuyền, mua thêm khí giới và phái viên về thăm tin tức v.v...

Nói riêng về Thành người rất cơ cưu lại thêm có tính khảng khái, nhất là cái tính liều lĩnh thì không ai bằng! liều lĩnh trong cuộc chém giết cũng như liều lĩnh trong canh sát phạt nhau bằng tiền tài! vì ông sẵn có máu me cờ bạc! lúc còn cắp sách đi học cũng đã nổi tiếng là một con bạc bất tử! tới đâu ai cũng biết mặt biết tên!

Nhưng Thành không giống như con bạc khác, đánh bạc không phải mục đích làm giầu, ngoài sự đấu trí cao hạ, không bao giờ quan tâm đến sự đen đỏ được thua, canh được thì cho chúng bạn tiêu xài đến hết chứ không đem về gia đình, chẳng may gặp phải canh đen, ngày mai về nhà tháo vát, hoặc bán ruộng nương lấy tiền trang trải, chứ không khươm lượm gì ai, vì thế nên người ta đã tặng cho ông một cái danh hiệu là Mạnh-Thường-Quân trong đám bạc!

Thế mà ngày nay theo vua sang thành Vọng-Các, một kinh thành mà sòng bạc của Hoa thương mọc lên như nấm! anh em tướng sĩ, được lúc rảnh việc cũng thường lui tới, riêng có Văn-Thành thì tuyệt nhiên

không! một hôm đi qua sòng bạc, bỗng có một bạn hỏi đùa: kia bác Thành trước kia nổi tiếng là vua cờ bạc! bây giờ cai rồi hay sao? mà lại quá môn bất bát? Thành cười đáp: Ô! bác nhầm rồi, há rằng bác lại không biết Thành đây chỉ thích những tiếng bạc to, chứ như các sòng ở đây hỏi ai là tay địch thủ? nghe nói anh em Biện-Nhạc 卞 岳 đều là tay hảo hán trong chốn đồ trường! bởi thế nên Thành phải dưỡng uy súc nhuệ, đợi khi Chúa thượng hồi loan tôi sẽ đánh với anh em nhà ấy một canh, gỡ lại canh đen tháng trước thì mới hả dạ! Vì thế nên Thành không đánh, há phải không tiền không đánh hay sao?

Nói xong Thành liền vỗ vào túi gai to tướng, do hai tên lính đương khênh rồi bảo mọi người: đây 1000 lạng bạc, Chúa thượng trao cho đề đi Xiêm-Khả 苔 可 đong thóc, Thành đây có thiếu gì tiền?

Mọi người đương nói giỡ câu chuyện thì bỗng thấy ở phía trước mặt có một số đông người Xiêm hè nhau bắt một quân nhân nước nhà, kẻ lột áo kẻ lột khăn la mắng om xòm, mọi người vội vàng chạy lại để hỏi duyên cớ, thì họ cho biết: viên tiểu tướng này vay tiền của họ ở trong sòng bạc, lần mới lần cũ, kể tới hàng ngàn, mà không chịu giả, ngày nay bắt gặp họ quyết xé thây! cho hết những giống ăn quịt!

Thấy nói chạm tới danh dự nhà binh nước mình như vậy, mọi người xem chừng nóng tiết! toan sự xông vào để đánh giải vây cho người đồng ngũ, Văn-Thành vội vàng cản lại nói với mọi người: thôi anh em chớ nên nóng nảy, nợ thì phải giả là lẽ dĩ nhiên, cớ sao chúng mình lại đi đánh hôi để cho mang tiếng.

Huống chi anh em chúng mình vừa mới cứu nguy cho quốc gia họ, xương máu chúng ta còn chả luyến tiếc, thì ta tiếc gì món nợ cỏn con, mà lại đánh đập dân họ để làm thương tổn tình nghĩa lân bang, thôi thì hiện giờ anh ấy chưa sẵn, để tôi trả hộ cũng được, chứ có hề chi!

Nói xong Thành sấn vào giữa đám đông, giơ tay lên bảo mọi người: thôi các chú không được làm dữ! bác ấy công nợ bao nhiêu? các chú cứ việc khai thực, tôi đây sẽ nhận giả thay.

Bọn tiền đầu nghe Thành nói thế, lập tức buông viên tiểu tướng, rồi xúm quanh lại kể lể với Thành. Kẻ thì vay một trăm, người thì có dăm ba chục, tất cả đến ngót một ngàn!

Nghe chúng khai xong, Thành bèn ung dung mở bao gai bạc, lấy ra trang trải bằng hết! chúng bạn thấy thế ai cũng ngạc nhiên! lo cho số

phận của Thành, rồi cùng theo Thành về nơi hành tại, để xem nhà vua xử đoán ra sao?

Lúc ấy vua đương đi bách bộ ngoài hiên, Thành vội vào quỳ xuống trước mặt. Vua niềm nở hỏi: kìa nhà ngươi đã về đấy a? sao mà mau lẹ đến thế? số thóc đong được bao nhiêu? hiện đã chở về đây chưa?

Thành thưa: muôn tâu Chúa thượng, sớm nay hạ thần phụng mạng ra đi, chẳng may nửa đường xảy ra một việc khiến thần không đi tới nơi, số thóc thần cũng chưa đong, còn như số bạc thì hạ thần trót lỡ... Thành vừa tâu đến hai tiếng trót lỡ! thì vua nghiêm nghị sắc mặt, hỏi tiếp: ô này lạ thực! nhà ngươi tấu dối như thế, là nghĩa làm sao? sao mà trót lỡ? Hay là con ma cờ bạc nó lại ám ảnh ngươi chăng?

Thành đáp: muôn tâu Chúa thượng: nhờ có uy linh Chúa thượng, thần không bị nó ám ảnh nhưng mà nạn nhân bị nó ám ảnh, thì cũng trong hàng tướng tá, một kẻ tôi trung của đấng Tiên Đế và của Thánh Hoàng, chẳng may gần đây người ấy được tin cha mẹ đều bị Tây-sơn sát hại vì đã để con hộ giá sang đây, chúng bắt gọi về, lại cứ khăng khăng một mực hóa nên chúng giết!

Ngày nay người ấy thương cha nhớ mẹ, sinh ra khủng hoảng tinh thần, trong khi tìm kế giải phiền, thường hay lai vãng trong các sòng bạc, lạ gì cơn đen vận hầm, nên cứ thua hoài, nợ khắp mọi nơi! không lấy thế gì trang trải, hôm nay ra đường bị chúng bắt được, rồi chúng hè nhau lột khăn lột áo, lại nói nhiều câu xúc phạm danh dự quân đội hoàng gia, làm cho anh em ai cũng phẫn nộ, toan sự xông vào giết hết cả bọn tiền đầu lúa đấu cho chúng biết tay!

Nhưng thần trộm nghĩ: nếu làm như vậy, đối với dân Xiêm, những người không biết rõ chuyện, lại sinh ác cảm với quân đội nhà, vua Xiêm biết chuyện, ắt cũng đem lòng ghẻ lạnh.

Vẫn biết nhờ có uy linh Bệ hạ, can đảm của các võ thần, mà mới rồi đây nước Xiêm không bị quân Diến giầy xéo, chắc hẳn điều đó Xiêm Hoàng cũng chẳng giám quên, nhưng mà với bọn dân kia thì chúng có nghĩ đâu thế? bọn chúng đã không biết nghĩ nếu mà thần đẳng lại cũng chẳng biết lo xa, tất nhiên xảy ra những việc đáng tiếc, làm cho thương tổn tình nghĩa bang giao, mối tình mà đương lúc cần phải thắt chặt! vì thế nên thần đánh bạo, quyết đem số bạc trang trải cho xong, còn như việc làm của thần, thần đã tự biết phạm tội khi quân, không thể tha thứ, nên phải đem đầu về ngay để chịu trừng phạt.

Thành vừa nói xong thì có một viên tùy tướng chạy vào quì phía sau Thành tâu lớn lên rằng: muôn tâu Chúa thượng, hạ thần trong mê muội trót đã gây nên, tội lỗi ấy thần xin tự xử, không giám làm nhơ lưỡi kiếm thánh hoàng, còn Nguyễn Tướng quân, vì thần nên phải lâm lụy, cúi xin lượng cả bao dong.

Vừa nói dứt câu, viên ấy rút gươm đâm thẳng vào bụng! Thành nghe thấy phập một tiếng! vội vàng quay lại giằng lấy lưỡi gươm thì đã quá muộn, mũi kiếm đã thấu qua lưng, mọi người lúc ấy còn đang đứng chực ở ngoài thấy thế đổ xô cả vào, nhà vua thấy vậy cũng bước rảo tới! Viên ấy chỉ còn đưa mắt nhìn vua và bạn một lượt rồi ngã vật xuống chết ngay trên cánh tay Thành!

Thương ôi! viên tướng vừa mới tự sát! nào phải là ai? chính là viên đội Thị-Vệ, hầu cận nhà vua, đã từng mấy phen hy sinh cứu Chúa! nguy hiểm chẳng từ! thế mà ngày nay chỉ vì quá say trong vòng đen đỏ, đến nỗi quyên sinh, làm cho nhà vua vô cùng uất hận! Ngài gõ chiếc can lên đầu rồi phán:

Cai Phú! Cai Phú, tâm sự nhà ngươi, Văn-Thành vừa mới tâu rõ, trẫm đã quở trách chi đâu? cớ sao ngươi lại bỏ Trẫm?

Nói đến đấy nhà vua nghẹn ngào! im lặng một lát rồi ngài truyền lệnh cho Thành cùng các tướng sĩ sắm sửa làm lễ an táng chôn tại đỉnh núi phía sau, tướng sĩ đi đưa gần hết, khi sắp hạ huyệt, nhà vua cũng ngự tới nơi, chỉ dụ mấy câu vĩnh biệt, làm cho tang lễ long trọng vô cùng, người Xiêm biết chuyện kéo nhau đi xem đông nghịt! Ai cũng tỏ vẻ cảm động và cùng ca ngợi đức tính hào hiệp bất khuất của các tướng sĩ người Nam.

Phụ chú: việc này trong sử chép sơ lược như ở đoạn dưới, còn như câu chuyện đầy đủ chi tiết như ở đoạn trên là do trước đây chúng tôi được nghe một người trong dòng họ ấy kể lại như thế, chẳng biết có đúng sự thực hay là gia phả họ ấy tô điểm thêm vào? nhưng đem so với lịch sử thì rất phù hợp! nên mới ghi lại để chờ khảo cứu sau này.

Giữa lúc ấy sứ giả nước Bút-Tu-Kê 筆須稽 (tức Bồ-Đào-Nha) phụng mạng quốc vương, sang dâng các thứ vải lụa súng đạn và đệ trình một bức quốc thư, trong thư nói rằng: Hoàng Trưởng Tử có sang yêu cầu viện trợ binh lực, quốc vương nước ấy hiện đã nhận lời, chuẩn bị 56 chiếc tầu chiến và điều động mấy ngàn thủy binh, đợi sẵn ở thành Cô-A, muốn mời nhà vua sang đó để cùng thương lượng rồi sẽ xuất binh.

Ngoài ra lại còn có cả lệ vật dâng biếu vua Xiêm và có quốc thư phân trần, để cho vua Xiêm thỏa thuận, nhưng vua Xiêm nghĩ rằng: nếu để cho Bút-Tu-Kê viện trợ, thì Xiêm sẽ mất thể diện, cho nên không nhận tặng phẩm, vì thế nhà vua phải dụ cho sứ giả hãy trở về trước.

Thế rồi tháng 2 năm Định-vị (1787) thì Tống-phúc-Đạm 宋福淡 cùng mấy tướng nữa sang nơi hành tại trình bầy để nhà vua biết hiện thời anh em Tây-Sơn đương chém giết nhau, Đô-Ủy Trấn ở Gia-Định đem quân bản bộ về cứu Quy-Nhân 歸仁, lực lượng phòng thủ Gia-Định rất là yếu ớt, xin đón Chúa thượng về ngay kẻo lỡ cơ hội.

Nhà vua lâu nay vẫn đương nóng lòng về việc khôi phục, nhưng vì xét thấy vua Xiêm sau khi thảm hại thì sợ Tây-Sơn như cọp, tất nhiên chẳng giúp mình được việc gì, còn sự ân cần tiếp đãi, chỉ là muốn lưu mình lại để cho Diến-Điện sợ oai, không giám đem quân quấy nhiễu, thế thì ngày nay nếu ta cáo biệt tất nhiên vua Xiêm tìm cách cản trở, chẳng để cho về, vì thế công việc hồi loan vua tôi giữ rất bí mật!

Về phần Xiêm hoàng thì sau trận thắng quân Diến-Điện, hai vương nhận rõ Chiêu-Nam-Cốc (tiếng Xiêm là vua nước Nam) là một ông vua anh dũng, còn các bề tôi tòng vong như bọn Văn-Thành Văn-Quân, cũng đều đủ tài văn võ, chỉ vì thời vận chưa tới nên phải tạm lánh sang đây, nếu còn ở đây ngày nào, sẽ làm bức thành cản quân Diến-Điện cho ta ngày ấy, chi bằng một mặt ta cứ hậu đãi để mua chuộc nhân tâm, một mặt ta lại tìm cách cản trở, để cho vua tôi nhà ấy không có phương tiện trở về, mới là thượng sách!

Kể ra vua Xiêm tính toán cũng đã khôn ngoan, duy còn một kẽ vua để sơ hở? vì Vương tin rằng: Vua tôi Nam-Cốc chẳng giám quay về nếu mà một khi mình không giúp đỡ binh lực, thành ra chính vấn đề ấy vương chẳng quan tâm, mặc cho vua tôi Nam-Cốc tự do hành động.

Thế rồi cách mấy hôm sau vào một buổi sáng tinh sương, Nhị-vương còn chưa thức giấc, thì viên Tuần-hải tất tả vào cung báo cáo: vua tôi Nam-Cốc chẳng biết đi đâu? dinh trại vẫn còn đèn sáng mà tịnh không thấy bóng người, thuyền ghe dưới bến cũng biến đi đâu hết cả!

Tiếp được tin trên, Nhị-vương đùng đùng nổi giận, vì nỗi Nam vương bỏ về mà không từ biệt, nên vương lập tức cho người vào cung tâu với chánh vương, còn mình thì lên ngựa ra ngay thủy trại, tuyển lấy một đoàn thuyền nhẹ, vượt thẳng ra khơi, đuổi theo hồi lâu không thấy tăm

rạng, đành phải quay về, khi về tới bến vào thẳng ngay nơi hành tại là nơi vua tôi Nam-Cốc tạm trú, thì thấy vàng bạc cùng là các thứ tặng phẩm, vẫn còn y nguyên, trên bàn lại có bức thư niêm kín, vương mở ra coi thấy là bức thư cáo biệt, bèn đem về cung trình để chánh vương biết chuyện....

Về phần nhà vua Gia-Long cùng với các tướng vào quãng canh tư đêm trước, đoàn thuyền xuất phát từ cửa Bắc-Nầm 北納 nhờ được thuận gió, nên chi tảng sáng thì đã thoát khỏi hải phận của Xiêm, chiều tối thì về tới đảo Thổ-Châu, vua tôi đồ bộ lên đảo liền nhận được tin, có Hà-Hỉ-Văn 何喜文 đem quân qui phụ, hiện còn đương trú tại đảo Côn-Luân 崑崙, vương biết Văn-Thành quen với Hỉ-Văn từ trước, nên sai Văn-Thành hợp cùng Thái-Nguyên 阮太元 đáp thuyền ra đảo đón tiếp.

Nói về Hà-Hỉ-Văn nguyên là một tướng của Bạch-Liên-Giáo bên Tầu, trước kia tung hoành ở vùng Tứ-Xuyên, xưng là Thiên Địa hội, sau bị Mãn-Thanh đánh đuổi, Hỉ-Văn chạy thoát sang ta, định chạy sang Xiêm theo giúp chúa Nguyễn, nhưng vì gặp bão nên không theo kịp, còn phải tạm đóng ở đảo Côn-Luân, ngày nay thấy Thành ra đón, thu xếp đi ngay, chẳng ngờ khi đoàn thuyền chiến ra đến giữa khơi lại gặp bão lớn, dạt vào cửa bể Hà-Tiên 河仙, lương thực đều bị trôi hết, mọi người không biết tính toán ra sao? Văn-Thành bàn với mọi người, giả làm giặc bể, kéo vào các làng cướp lấy số lương để tạm chi dụng.

Thế rồi cách mấy hôm sau, thì tiếp được tin nhà vua hiện đương ở đảo Cồ-Cốt, 古骨島, mọi người vội vã đi ngay tới nơi Thành dẫn Hỉ-Văn vào yết, vua thấy Hỉ-Văn có vẻ hùng vĩ phong ngay cho chức Tổng-Binh, hợp lực với Thành kéo đi tấn công mặt khác, nhưng sau ít bữa quan quân thất bại ở trận Mỹ-Tho 美荻, vua tôi tan nát mỗi người một ngả.

Thành và Hỷ-Văn chỉ còn mấy chục bộ hạ chạy vào các làng ẩn náu, mọi người thấy vua luôn luôn thất bại sinh ra nản lòng, khuyên Thành hãy nên giải tán, Thành đáp: vua tôi nghĩa cả, phải nên sống chết một lòng, còn sự thành bại là do thiên định, vả lại nhân bị vua trách mà nỡ bỏ đi (vì việc cướp lương mới rồi bị vua quở trách) thấy vua thất lợi mà vội nản chí, đó là tâm địa phản phúc của kẻ tiểu nhân, chứ còn ta đây với vua, nghĩa dẫu quân thần, tình như cốt nhục, lẽ nào ta lại không theo.

Thế rồi Thành và Hỷ-Văn hợp cùng 17 bộ hạ xuống thuyền vượt thẳng ra khơi để đi tìm chúa, chẳng may một hôm gặp bão, thuyền bị gãy hết buồn lái dạt vào cửa Bạng 蚌浦, Thành vào trong làng may gặp người quen, cho mượn một chiếc thuyền và ít lương thực, cả bọn lại đi Long-Xuyên, chẳng ngờ khi đến Long-Xuyên thì lại được tin nhà vua hiện đương lánh ở Mỹ-Lồng 美籠, mọi người lại phải quay về cửa Bạng để đi cho tiện, nhưng vừa đi được nửa ngày thì gặp thuyền địch, mọi người biết không chống nổi, vội vàng ép thuyền vào bãi rồi chạy tản nát mỗi người một nơi, Thành thì chạy theo ven bể đến bến Mỹ-Thanh 美清, cướp được một chiếc ngư thuyền định để đi tìm Hỷ-Văn, may sao đương lúc lênh đênh ngoài biển, thì lại gặp thuyền của Nguyễn-văn-Khiêm 阮文謙, Khiêm cho biết nhà vua đương ở Ba-Lôi 巴來, Thành bèn theo Khiêm đến đó, vua tôi lại được trùng phùng!

Nhưng lúc ấy các tướng cũng chưa theo kịp, Thành thấy binh lực quá mỏng! bèn xin với vua cho vào Sóc-Sẻ 濬仕 để mộ dân quân, chẳng may Thành vừa đi khỏi thì quân địch sớm đã được tin, ào ào kéo tới, quan quân lại bị tan nát, vua phải chạy sang Hậu-Giang, Thành nhận được tin muốn về hộ giá, nhưng vì đường nghẽn nên đành phải chịu trở lại Tinh-Phụ 星埠 (gò sao) hợp lực với Tôn-Thất-Huy 尊室暉 và Lê-văn-Quân 黎文勻.

Về phần Huy và Quân đóng ở Tinh-Phụ được tin quan quân mặt nào cũng bị tan vỡ mà mình chỉ còn một đạo cô quân, hiện đương nơm nớp lo sợ, bỗng đâu thấy Thành chạy đến, mọi người cũng hơi yên dạ, nhưng sau vài hôm thì tướng Tây-Sơn là Thái-Bảo Sâm và Thái-úy Hưng 太保參太尉興 đã lại ùn ùn kéo tới, vây kín ba mặt, các tướng sợ không chống nổi, quyết định nhân lúc đêm khuya thì rút ra mặt không có quân địch.

Nhưng Thành nhất định không nghe, ông viện lẽ rằng: binh pháp có câu hư giả thực chi? thực giả hư chi 虛者寔之寔者虛之 nghĩa là hư mà thực đấy! thực mà hư đấy, ngày nay địch tướng đều là những tay từng trải, biết đâu chúng chả dùng kế hư thực để đánh bẫy mình?

Vậy cứ ý tôi: thì mặt bỏ ngỏ kia, thể nào chúng cũng có quân mai phục, nếu mình rút ra lối ấy tức là trúng kế, chi bằng ta cứ cố thủ lấy một thời gian, đợi khi các nơi được tin kéo đến cứu viện rồi ta sẽ liệu.

Mọi người nghe Thành bàn thế, cũng quyết ở lại, một mặt chia nhau bố trí các nơi, một mặt cho người dọ thám binh tình, quả nhiên

đúng như lời Thành dự đoán, vì thế ai cũng tin tưởng, chống đỡ rất hăng, làm cho Sâm và Hưng mấy lượt tấn công cũng đều thất bại!

Thế rồi cách mấy hôm sau thì nhận được tin của Tôn-Thất Hội cho biết đại binh của ông sắp sửa tới nơi, đồng thời Võ-Tánh cũng đương quấy rối mặt sau quân địch! hiện Sâm đã phải chia binh làm đôi, giao việc vây thành cho Hưng, còn mình thì đem binh đối phó với Tôn-Thất-Hội và Tánh, các tướng thấy vậy, bèn thừa lúc bên địch chia quân, bất thần xông ra giáp chiến, làm cho địch quân không kịp xở tay, Sâm và Hưng đều bị đại bại rút đi nơi khác, các tướng thừa thế chiếm được Ba-Lai 巴 淶.

Giữa lúc ấy thì ở mặt khác, nhà vua cũng vừa chiếm đóng Hồi-Oa 洄 渦 sau khi tiếp được tin trên ngài liền hạ lịnh cho Huy và Quân đi đánh Trấn-Định 鎮 定, chiếm được Trấn-Định rồi thì Thành được lệnh phù tá cho Tôn-Thất Huy trấn-thủ ở đó.

Năm Kỷ-dậu 1789, sau khi Gia-Định đã khắc phục rồi thì ông được lệnh triệu hồi thăng chức Trung-Quân-Tổng-Nhung, cai quản Tuần hải-đô-dinh, đóng tại Giốc-Ngư, tới nơi ông bèn sửa sang hào lũy, chuẩn bị chiến thuyền, thu đông tuần tiễu ngoài khơi, xuân hạ tuần tiễu trên cạn, địa phương nhờ được yên tĩnh.

Năm Tân-hợi 1791 các ông Quân và Tánh tâu xin đi đánh Bình-Thuận, vua họp các tướng để hỏi ý kiến? Thành tâu: Gia-Định vừa mới thu hồi, nhân tâm chưa hẳn qui phục, thế thủ chưa được vững vàng, nếu cứ thấy lợi tham công, đem quân đi đánh nơi khác, chiếm được thì dễ, nhưng mà giữ được mới là chuyện khó, vậy cứ ngu ý của thần đối với tình thế ngày nay, hãy nên củng cố lấy những vị trí hiện thời, đứng trong địa vị bất bại (không thể bại) để mà dưỡng oai súc nhuệ, đợi khi nắm được cơ hội thuận tiện rồi sẽ xuất binh, thì một giải phía nam Linh-Giang chỉ đánh một trận là thu phục được vậy.

Nhưng lúc ấy vua thấy lực lượng Tây-Sơn mỗi ngày một thêm sút kém, cơ hội tấn công đã đến, nhẽ nào lại chịu bỏ qua, nên ngài bác bỏ đề nghị của Thành, rồi phong ngay cho Quân giữ chức Điều-vát, Võ-Tánh làm Chánh Tiên phong, còn Thành thì giữ chức phó, đem quân ra đánh Bình-Thuận, ba tướng được lệnh thu xếp ra đi, nhưng vua nhận thấy giữa Quân và Tánh, có chuyện xích mích từ lâu, e rằng ngày nay cộng sự một mặt, tất nhiên sẽ sinh mâu thuẫn, lỡ việc quân cơ, vì thế ngài mới bảo riêng Thành rằng:

Câu chuyện bất hòa giữa Quân và Tánh chắc ngươi đã rõ. Vậy ngươi nên khéo điều đình chớ để lỡ việc, chuyến này có công hay là có tội, thì ngươi cũng dự một phần, ngươi nên nhớ kỹ.

Thế rồi ba tướng kéo quân ra đi, Quân và Tánh thì ra Phan-Lý, còn Thành thì tiến ra mặt Hốc-Trâm 旭 簪 để chẹn đường rút của địch, quả nhiên hai tướng ra tới Phan-Lý, quân địch không thể chống nổi, bỏ chạy toán loạn về mặt Hốc-Trâm! sa vào giữa ổ phục kích của Thành, nên bị tiêu diệt gần hết!

Thắng trận rồi, ba đạo quân đã được gặp nhau trên một địa điểm, Quân muốn thừa thế sai Thành đi đánh Diên-Khánh 延 慶, và Tánh thì tiến ra Tam-Độc 三 渡 trợ oai, nhưng Thành không thuận, ông viện lẽ rằng: Diên-Khánh là một tỉnh nhỏ, chỉ khẻ vươn tay là nắm được ngay, tôi đây há rằng dút dát mà chả lập lấy công đó.

Chỉ vì theo sự nhận xét của tôi, thành đó xa cách Sài-Côn, viện binh đi lại phải mất hàng tuần, vậy nếu sau khi mình đã chiếm được, bấy giờ địch quân mới đem toàn lực đến tranh, chưa chắc mình đã giữ nổi, như vậy khác chi đem thịt cho hùm, vì thế nên tôi không muốn.

Quân thấy mình là chủ tướng mà Thành ngang nhiên chống đối thì không nén nổi tức giận, tuốt thanh bửu kiếm đặt lên trốc bàn! nói dằn từng tiếng: đây! nếu ai không tuân mệnh lệnh thì đã có nó giả nhời!

Thành ung dung đáp: mệnh lệnh là do chủ tướng, nhưng trách nhiệm là trách nhiệm chung, nếu ông chẳng nghe những lời nói thẳng, mà lại tham công khinh địch thì tôi dẫu chết cũng chẳng giám nghe!

Quân thấy Thành cương quyết như vậy, đành phải thay đổi ý kiến, sai Thành đem quân đi mặt Chợ-Mơ 梅 市, Tánh thì đem quân ra đóng Phan-Lý, còn mình thì ra Phan-Lang để nhòm Diên-Khánh.

May mà phân phát vừa xong thì nhận được lệnh triệu hồi cả Thành và Tánh, Tánh triệt thối trước, còn Thành cũng đương giồ trại theo sau, thì giữa lúc ấy địch quân ào ào tiến đến, Thành nhận được tin Văn-Quân bị bại, vội vàng đem binh cứu viện, hộ vệ cho Quân trở lại Phan-Lý, rồi mình mới rút quân về.

Năm Nhâm-tý 1792 nhà vua thân đánh Quy-Nhân lần thứ nhất, Thành chỉ huy 50 chiến thuyền đi trước, đốt phá được thủy trại của địch ở cửa Thi-Nại rồi năm sau, Đế ra đánh Quy-Nhân lần thứ hai, thì Thành lĩnh chức Khâm-sai hợp với Tôn-Thất-Hội và Nguyễn-Hoàng-

Đức tiến theo đường bộ, tới đâu địch cũng tan chạy, hai người thừa thắng lướt qua Vân-Sơn 雲山, Kỳ-Sơn 岐山, Tam-Tháp 三塔 v.v... còn thủy quân của Đế thì cũng kéo qua Thi-Nại chiếm đóng Lam-Kiều 藍橋, Thành được tin vội vàng đem quân tới yết, chẳng ngờ vừa kéo đi được nửa ngày thì địch quân biết chuyện kéo đến đánh đồn, nhưng bộ hạ của Thành bố trí rất vững, quân địch không làm gì nổi, rồi sáng hôm sau thì Thành được tin, kéo quân trở lại đánh thúc mặt sau, trong thành thấy vậy mở cửa xông ra tiếp chiến làm cho quân địch thiệt hại nặng nề.

Nhưng giữa lúc vua tôi thừa thắng, có cơ hạ được Quy-Nhân, thì đại binh của Tây-Sơn do Thái-Úy Nguyễn-văn-Hưng, Hộ giá Nguyễn-văn-Huấn, Tư-mã Ngô-văn-Sở từ Phú-Xuân kéo vào tiếp viện, đôi bên khai chiến năm trận không phân được thua, Đế bèn ra lệnh triệt thối.

Lúc ấy đại binh từ từ rút về. Khi đến Phú-An, thì tiếp được tin đại binh Tây-Sơn sắp sửa đuổi kịp, nhiều người lấy làm lo ngại muốn rút đi ngay, nhưng Thành thì vẫn bình tĩnh, đoán quyết ngay rằng: Quy-Nhân (Nhạc) Thuận-Hóa (Huệ) bề ngoài vẫn là anh em, nhưng trong tâm khác chi cừu địch.

Thử coi trong thời Tam-quốc, Viên-Thiệu 袁紹 Viên-Thuật 袁述 là anh em ruột, thế mà khi Thiệu đem quân cứu Thuật, rồi sau nuốt Thuật tức thì. Vậy thì ngày nay Huệ vào cứu Nhạc tất nhiên cũng lại nuốt Nhạc đó thôi, cứ tình thế ấy thì Nhạc tự lo cứu mình chả đủ, còn nói gì việc đem quân đi xa, mà mình lo ngại? vì thế đại binh đóng lại Phú-An, rồi cách mấy hôm thì tiếp được tin Nguyễn-Nhạc bị bọn Văn-Hưng, Văn-Sở là tướng của Huệ áp bức chiếm đóng hết các địa điểm quan trọng, làm cho Nhạc quá uất hận, đến nỗi thổ huyết rồi chết, lời Thành tiên đoán, quả thực không sai, bấy giờ đại binh ung dung triệt thối, Thành thì ở lại Diên-Khánh, rồi đến mùa đông, thì ông được lệnh trở về Gia-Định để Đông-Cung Cảnh 東宮景 ra thay.

Năm Giáp dần 1794 Tây-Sơn lại kéo vào vây Diên-Khánh, Thành được lệnh hộ tống lương thực, khi thuyền đang đi ngoài khơi, gặp bọn Tầu ô toan cướp, bị Thành đánh cho tan nát, rồi cho quân đồ bộ tiến gấp, nhưng các tướng Tây Sơn nghe tin rút trước, nên Thành không phải giao phong cũng giải được vòng vây cho thành Diên-Khánh.

Lúc ấy Hoàng-Đế cũng đã tiến đến Xuân-Đài 春臺 được tin Tây-Sơn đã rút, liền dụ cho Thành kiêm chức Thương Vụ, còn các tướng Nguyễn-Long 阮龍 và Võ văn-Lượng 武文諒 thời phù Đông-Cung tiến ra Hà-Nha 河芽.

Trận này Đông-Cung đại thắng, bắt được 2000 tù binh, riêng Thành khinh địch tiến vào quá sâu, vấp phải phục binh trở nên bại trận, rồi ít lâu sau thì lại được lệnh ban sư.

Mùa đông năm ấy, bọn Trần-Quang-Diệu 陳光耀 lại vào vây thành Diên-Khánh, Đế sai Thành đem 3000 quân ra giữ Bình-Thuận, Thành tâu quân địch hiện đông gấp bội mà thành Bình Thuận là nơi chịu đựng bốn mặt, cứ như ý kiến hạ thần thì quân số của ta tối thiểu cũng phải 5000, mới đủ phân phát.

Nhưng Nguyễn-Hoàng-Đức tình nguyện xin đi, Đế bèn cho Đức làm Điều-vát còn Thành làm phó cùng kéo quân ra, chẳng ngờ khi đến Phan-Lý thì gặp Lê-Trung là tướng Tây-Sơn đóng chặn mất nơi hiểm yếu không sao tiến được, rồi cả vấn đề lương thảo cũng khó tiếp tế, hai người đành phải rút về cố thủ Bà-Dịa.

Nhận được tin hai tướng tự tiện rút lui, Hoàng Đế cả giận hạ lệnh bắt cả về dinh chất vấn, nhưng Thành viện đủ lý do nên được miễn nghị, rồi lại phụng mạng đi đến ba tỉnh Bình-Khang, Bình-Thuận, Diên-Khánh để mộ thêm binh.

Năm Đinh-tị 1797 Đế đem thủy sư ra đánh Quảng-Nam, Thành và Tánh thì theo đường bộ tiến ra Phú-An, trận đầu hai tướng toàn thắng đánh bạt được thành Hội-An, nhưng viện binh của địch lại từ các ngả kéo đến hai tướng biết rằng không thể thắng nổi, đành phải rút về Bình-Khang, rút về chưa được bao lâu thì lại được lệnh phải tiến, Thành thấy sức mỏng lấy làm phân vân, gửi sớ về triều bày tỏ tình thế, đại ý nói vì quân địch rất mạnh, mà mình chỉ có một đạo cô quân, thì thần e rằng khó nổi thành công lại chỉ mang thêm tội lỗi. v.v...

Nhận được biểu tấu, Đế liền hạ dụ cho biết binh tướng Quy-Nhân, hiện thời tụ tập ở cả Đà-Nẵng, còn ở Phú-An thì không có mấy, cứ như ý trẫm thì nguyên số quân bản bộ của khanh cũng đã có thừa, can chi mà khanh lo ngại, vậy khanh cứ việc vững dạ tiến lên. Trẫm đương chờ tin thắng đó...

Quả nhiên sau khi nhận lệnh Thành bèn lập tức tiến binh, chỉ mấy trận đầu đã chiếm được luôn hai đồn La-Đài 羅台 và Hội-An 會安, chẳng ngờ trong lúc đương tiến thì lại được lệnh ban sư về giữ Diên-Khánh!

Sau khi rút về trấn thủ Diên-Khánh, ông đương cùng với ông Đặng Trần-Thường 鄧陳常 ra sức chuẩn bị, săn sóc nhân dân. Trong hạt

đều được thái bình vô sự, rồi đến mùa đông thì Đế sai đem ban cho áo rét, và kèm theo đạo dụ như sau:

Khanh đẳng đối với Trẫm đây, nghĩa dẫu quân thần, tình như phụ tử, đã là phụ tử thì cha mẹ đối với con cái, tất phải thương yêu, hiện nay đương lúc mùa đông tháng giá, khí lạnh gai người! ở trong cung cấm Trẫm đây còn thấy khó chịu huống chi các khanh ở nơi biên ải, ngày đêm gió bắc mưa phùn, thì còn khó chịu biết mấy! vậy nay thể lòng thân ái, Trẫm gửi ban cho tấm áo ngự hàn v.v...

Năm Mậu-ngọ 1798, bọn Tầu Ô lại dùng các hải đảo làm căn cứ, quấy rối mặt bể làm nghẽn cả lối giao thông, ông cùng Trần-Thường lập mưu bắt sống được hết cả bọn, đường bể trở lại bình yên, hai ông lại muốn là tiện dịp thông sứ sang Thanh dùng kế li gián để cho Thanh triều ghét bỏ Tây-Sơn. Thế rồi hai ông dâng sớ về. Triều đại ý nói rằng: ta với Tây-Sơn là hai địch quốc, bên nào muốn thắng phải thắng về mặt ngoại giao, vậy ta kíp nên mở lối giao thông tìm thêm ngoại viện, để cho quân địch đứng vào thế cô mới là kế sách vẹn toàn.

Thần đẳng dự đoán, về phần Thanh triều, từ khi xảy ra những trận thất bại, liền bị Tây-Sơn luôn luôn áp bức! sao chẳng căm hờn? sở dĩ còn chịu nhẫn nhục chỉ vì chưa có cơ hội đó thôi.

Ngày nay Càn-Long đã mất, Gia-Khánh mới lên nối ngôi tất nhiên cũng muốn chấn chỉnh mọi việc để gây thanh thế bên ngoài, chẳng theo chính sách nhu nhược như thời Càn-Long ngày trước.

Thế mà gần đây, giặc bể quấy nhiễu, Thanh đình chưa có kế hoạch tiễu trừ, hịch cho Tây-Sơn đánh giúp, Tây-Sơn lại cũng mần ngơ, điều đó lại làm cho Thanh tức giận, cứ ý thần đẳng dù sớm hay muộn thể nào Thanh cũng động binh, chỉ vì bắc nam xa cách, muốn rõ lực lượng Tây-Sơn cũng là việc khó, hoặc giả Thanh đình nhầm tưởng ngày nay Tây-Sơn đã nắm trọn cả lãnh thổ Nam Việt. Trong nước không còn địch thủ nào khác, bởi vì tình hình hư thực chỉ nghe những lời truyền khẩu của bọn khách thương, chưa đủ bằng chắc, nên vẫn do dự ngóng trông, chưa giám đem binh rửa hận.

Ngày nay nước nhà, kể từ sau trận đại thắng oanh liệt ở cửa Đà-Nẵng giặc bể Tầu Ô, bắt được không phải là ít. Thần đẳng muốn nhân việc đó, sửa soạn một bức biểu văn kể rõ tình hình thắng lợi, sai một sứ bộ đem sang nhân tiện giải nộp một số chiến thuyền tù binh để làm môi giới cho sự giao thiệp, chắc hẳn Thanh đình sẽ tiếp nhận ngay, bấy giờ

sứ bộ, nhân lúc được vào bệ kiến, kể rõ thị phi, liệu nhời đóng mở, vạch hẳn bộ mặt thực của Tây-Sơn là bề ngoài xưng thần, nhưng trong thì vẫn xưng đế, để cho Thanh đình căm giận, rồi sẽ khuynh hướng về ta.

Hai là nhân dịp hỏi thăm tin tức Lê Hoàng, rồi lấy danh nghĩa đứng ra xin hộ, may mà Thanh đình giúp cho Chiêu-Thống trở về cố quốc, tất nhiên Chiêu-Thống sẽ cám ơn ta, đồng minh với ta để triệt mặt bắc, rồi ta tiến ở mặt nam, dồn hẳn Tây-sơn vào thế cô lập, lo gì ta chả toàn thắng?

Thảng hoặc Thanh đình nghe rõ câu chuyện, chỉ biết phẫn nộ mà vẫn lần chần chẳng giám hành động, thì danh tiết của ta cũng nhân dịp ấy tỏ rõ sang bên hoa hạ, Thanh đình ắt phải đem lòng kính nể, thiết tưởng việc làm của ta cũng chẳng thiệt gì? ví bằng Bệ hạ cho lời thần đẳng là phải, có thể thi hành, thì việc đi sứ là việc trọng đại, cần phải tìm người xứng đáng, thần đẳng kính xin để cử hai người, nên chăng tùy ý Bệ hạ.

1⁰) Đông cung Thị-học Ngô-Tĩnh 吳靜, 2⁰) Vĩnh trấn Ký-Lục Phạm-Thân 范愼 Thần đẳng xét thấy hai vị trên đây về phần ngoại giao chẳng phải các bậc kỳ tài, nhưng về đường học vấn khá rộng, tính nết ôn hòa cẩn thận, chắc không đến nỗi làm nhục sứ mạng nhà vua v. v...

Tờ sớ gửi về Đế cũng cho là thượng sách, nhưng trước khi thực hành việc đó, Đế muốn có thêm mấy trận oanh liệt về quân sự, để gây ảnh hưởng cho ngoại giao, vì thế nên cách mấy tháng sau (vào năm 1799) Đế lại thân chinh Quy-Nhân, Thành được lệnh kéo ra Yên-Mỹ 安美堡, tướng giữ đồn của Tây-Sơn là Phạm-văn-Điềm 范文恬 sức kiệt xin hàng, thu phục Phú-An rồi Thành lại thừa thắng tiến ra Vân-Sơn 雲山.

Đế thấy đạo quân của Thành luôn luôn thắng lợi, sợ tiến quá sâu nên ngài vội vàng sai ngay Võ-Tánh đem quân đến giúp hai tướng hợp nhất đánh đồn Thị-Giả 柿野, Thái Úy Thúy 太尉翠 không thể địch nổi, bỏ đồn chạy trốn, hai ông thừa thế tiến ra Quy-Nhân, bố vây 4 mặt Võ-Tánh vây mặt đông bắc, Văn-Thành vây mặt tây nam, trong lúc còn đang bố trí thì ngay đêm đầu, quân địch trong thành xông ra đánh mặt tây nam, chẳng ngờ Thành đã dự bị mai phục từ trước, nên đạo quân đó thiệt hại khá nặng lại phải rút vào.

Chẳng ngờ đến lúc tảng sáng chúng lại xông ra mặt khác! đánh vào đạo binh Võ-Tánh nhưng Tánh nào phải như ai? dẫu thấy quân

Thành vừa thắng nhưng ông cũng vẫn đề phòng, nên đạo quân thứ hai cũng bị Võ-Tánh tiêu diệt quá nửa!

Thắng luôn hai trận, Thành và Tánh không để quân sĩ nghỉ ngơi, mỗi người lại tiến một mặt, Thành thì tiến ra Phú-Hậu 富厚. Vượt qua bến sông Đào-Lô, phá vỡ luôn đồn Ưu-Đàm 優潭.

Về phần Võ-Tánh cũng tiến như vũ như bão, phá tan được mấy đồn ải, đánh bại được Thái-bảo Ứng, còn Tổng-quản Lê-văn-Thanh 黎文清 thì cùng kế xin hàng!

Giữa lúc hai tướng đương thắng như thế chẻ tre, vòng vây Quy-Nhân sắp sửa thắt chặt, thì Trần-quang-Diệu đương ở Phú-Xuân được tin cấp báo vội vã đem quân vào cứu, Hoàng-Đế thấy vậy cũng sai Nguyễn hoàng Đức đem quân ra ải Thạch-Tân 石津 để chặn đường tiến của Diệu, nhưng Đức bị ốm, xét ra không ai chống nổi với Diệu, Đế phải sai Thành đi thay, và lại cho thêm hai dinh tướng sĩ ra giúp, Thành ra tới nơi, xếp đặt vừa xong thì binh của Diệu rầm rộ kéo đến, hai bên đánh nhau suốt 5 ngày đêm không phân thắng phụ, Đế phải thân ra trợ chiến bấy giờ Diệu mới chịu rút về Quảng-Ngãi, Đế cũng rút về Bình-Định, chiến trận tạm ngừng.

Sau khi triệt thối, Thành thấy binh lực của Diệu kéo cả vào trong kinh thành Thuận-Hóa 順化 tất nhiên bỏ ngỏ, ông liền dâng biểu xin ra tập công, Đế hỏi ý kiến chư Tướng, Võ-Tánh tâu rằng: Thuận-Hóa là nơi căn bản thề nào địch chẳng đề phòng, vậy ta tiến ra chắc đâu đã giữ phần thắng? ví bằng chưa thắng mà Diệu lại phái quân về, thì đoàn viễn chinh của ta phúc bối thụ địch, nguy hiểm vô cùng; Đế nghe Tánh bàn hợp lý, cho nên việc ấy tạm đình.

Mùa thu năm ấy Tây-Sơn lại kéo quân vào đánh thành Bình-Định. Được tin Võ-Tánh cấp báo, Đế bèn hạ lệnh cho Thành ra cứu, Diệu thấy đại binh của Thành đã tới Diên-Khánh, nên cũng ra lệnh cho Đô-đốc Tuấn và Giản đem quân bản bộ giúp Phạm-văn-Điềm (范文恬 năm Kỷ-Vị 1799 về hàng, rồi sau lại thừa dịp trốn về nhà Tây-Sơn) Trấn thủ Phú-An, thiết lập tất cả đến hơn 10 đồn, để chặn các nơi hiểm yếu.

Lúc ấy đại binh của Thành đồ bộ lên bến Xuân-Đài, kéo qua Xích-Thổ 赤土 tiến đến Thanh-Kỳ 青岐, đôi bên gặp nhau, kịch chiến một hồi. Tuấn bị đại bại, Thành bèn thừa thế chiếm được Hội-An, còn Tuấn thì lại lui về cố thủ dãy núi Ải-Thạch 隘碩, Thành bèn cho quân đi tắt sang lối Cù-Mông 虬蒙, vòng vào lối sau, phóng hỏa đốt núi, còn

mình thì kéo đại binh tiến ra Nghệ-Giã 藝野, giồn quân Tây-Sơn về núi Ngư-Cốt 魚骨, rồi lại thừa thắng lướt tới La-đài 羅台, tới đây Thành lại chia quân làm hai, một đạo đánh vào mặt trước, một đạo vòng tắt đường núi, đánh phía sau lưng, phá vỡ được đồn, bắt sống được Đô-đốc Giản cùng một số lớn khí giới, và một thớt voi.

Nhận được tin trên, Đế bèn hạ một đạo dụ, đại ý nói rằng: quân ta cùng địch giao phong, thắng luôn ba trận! chiếm được La-Đài! nói về đại cục dẫu chưa diệt hết cỡ khôi, nhưng với võ công oanh liệt như vậy, thì cũng có thể gọi là toàn thắng! mà thắng lợi ấy là do đại tướng khéo biết dùng binh, quân sĩ lại biết tuân theo mạng lệnh, Trẫm rất hài lòng!

Nhưng có một điều Trẫm cần phải nhắc: vì đối với việc binh, luôn luôn thủ thắng, tướng dễ sinh kiêu, quân thường trễ nải, đối phương nhòm thấy chỗ yếu, hay đánh những trận bất ngờ, thành ra trước thắng mà sau vẫn bại!

Huống chi ngày nay, quân địch dẫu thua, nhưng xem lực lượng vẫn còn hùng hậu, tất nhiên chúng sẽ tăng binh để mong rửa nhục, vậy thì khanh và các tướng, phải nên hiệp lực đồng tâm, càng thắng càng phải thận trọng để mau tiến đến thắng lợi hoàn toàn v.v... kèm theo đạo dụ, trẫm lại ban cho 5 tấm ngự bài, gặp việc cần kíp thì trao đương sự cầm nó làm tin, tới đâu cũng đặng mau lẹ, còn như quân tình thì cứ 3 ngày một lần báo cáo, nếu gặp trường hợp khẩn cấp thì phải báo ngay.

Sau khi nhận được tờ dụ và các thứ kể trên, Thành bèn chính đốn ba quân vượt qua núi Mụ 姥嶺, đánh đồn Hà-Nha chiếm luôn được cả Hương-Sơn 香山, quân địch rút về Chủ-Sơn! Thành lại chia quân ra làm 6 đạo xông lên phá lũy, đôi bên kịch chiến từ sáng đến trưa, bất phân thắng phụ, chẳng ngờ lúc ấy bỗng nhiên đoàn quân ngự lâm thuộc đồn bên tả, lại có số đông quay về với địch! Thành sợ tướng sĩ hoang mang, đành phải rút về cố thủ lấy vùng Hà-Nha, Thị-Giã, địch quân thấy Thành triệt thoái không hiểu ra sao nên không giám đuổi, chẳng ngờ Thành về tới đích, bố trí vừa xong thì tiếp được lệnh chia binh, một nửa đem đi Cù-Mông, chỉ còn một nửa để lại!

Nhận được lệnh trên Thành rất phân vân, không biết xử trí cách nào cho tiện, ông bèn dâng biểu, kể rõ tình hình; hiện nay quân địch tăng lên rất nhiều, chiếm đóng những nơi trọng yếu, bao hết phía sau của ta, thế mà hiện tình quân ta, ngoài số bị ốm bị thương, lại có một số ở bên tả đồn, hàng ngày trốn sang với địch, chúng sẽ tiết lậu quân

tình, mà số còn lại cũng khó tin chắc, hạ thần xét thấy binh lực của ta, hợp nhất cũng còn chưa đủ, huống chi lại phải chia đôi, cúi mong Thánh thượng xét lại v.v...

Thấy đề nghị trên bị Đế bác bỏ, đành phải chia binh nhưng trước khi chia, Thành định hạ xong Chủ-Sơn rồi mới phụng mạng, ông bèn áp dụng chiến thuật địa đạo, cho đào hầm hố sát đến chân thành để chôn địa lôi, rồi sau đại binh mới tiến! trong khi tiến lên, địa lôi phá vỡ 3, 4, khúc tường thế mà cũng không vào lọt! bởi vì quân trong liều chết cố thủ đến cùng!

Thế rồi hai bên cầm cự cho tới mùa đông, nhân có tên mán dẫn đường tìm ra được lối bí mật để đánh tập hậu, ông bèn họa đồ kèm với tờ biểu, xin thêm viện binh, Đế xem kỹ bản đồ, bất giác cả mừng phán bảo các tướng: Thôi! tình thế bên địch hiện cả trước mắt ta rồi. Đế sai ngay hai tướng là Tống-Viết-Phúc 宋曰福 và Lê-văn-Duyệt 黎文悅 đem binh ra ngay Thị-Giã trợ chiến, đều đặt dưới quyền chỉ huy của Thành.

Nhận được viện binh, Thành liền trao cho Lê-Chất 黎質 Lê-văn-Duyệt đón mặt Thị-Giã, còn mình thì dẫn quân vượt qua dãy núi Bột-Khê 勃溪, chạy 200 dặm dưới mưa tầm tã! vòng ra phía sau, phóng hỏa đốt trại, mặt trước thì Lê-văn-Duyệt cũng đánh dấn vào, Tây-Sơn đại bại, lui về cố thủ Kỳ-Nguyên 祺原.

Chiếm Bột-Khê xong, các tướng lại chia 3 đường cùng tiến. Tống-Viết-Phúc hợp cùng Nguyễn-Long tiến theo mặt tả, Lê-văn-Duyệt Phan-văn-Triệu 潘文趙 tiến theo mặt hữu, còn Thành và Nguyễn-đức-Xuyên 阮德川 chỉ huy trung đạo, đồng thời tấn công vào cả ba mặt, phá tan được mấy điềm tựa, chém được Đốc-Hoan 督歡 ở ngay trận tiền! Đốc-Thu 督秋 cùng kế phải xin hàng phục.

CHÉN RƯỢU GÁY THÙ!

Nhắc lại trận đánh mới rồi, trước khi xuất quân, Thành và Duyệt cùng ngồi trên voi để phất cờ lệnh, tính Thành hay rượu, mỗi khi ra trận, đều có mang theo một hồ, hôm ấy cũng thế, Thành rót một chén cho mình rồi lại rót thêm một chén đưa mời Duyệt uống, Duyệt chối từ không uống, Thành cố nài ép: hôm nay khí giời lạnh buốt! ông nên uống thử một chén cho thêm phấn khởi tinh thần.

Duyệt mỉm cười đáp: những ai dút dát thì mới mượn rượu, chứ

như tôi đây thì trước mắt không có cường địch, dùng rượu làm chi? Thấy Duyệt có ý mai mỉa! Thành rất ngượng mặt (mắc cỡ!) thế rồi từ đấy hai người gặp nhau không thấy niềm nỡ như trước!

Thắng trận đầu rồi các tướng rầm rộ tiến ra Tràng-Giã 長野, Thành sai Viết-Phúc đi đánh An-Tượng 安瀉, phá luôn 4 trại, và chiếm 2 đồn Đâm-Sinh núi Trà 洼潭茶山! còn lại các đồn ở núi Lệ-Thạch cho đến Hoa-An, Hoa-Lộc cũng đều rút trước từ đêm! đại binh thừa thắng tiến thắng ra đến Vân-Sơn hạ trại!

Đế thấy quân nhà luôn luôn đại thắng! bao nhiêu đồn lũy của địch ở phía trước đều đã phá tan, con đường liên lạc của đại binh nhà đã lại nối tiếp, ngài bèn hạ dụ cho Thành thống quản các đạo bộ binh, kể từ Hoàng-Đức trở xuống cũng đặt dưới quyền điều khiển.

Lúc ấy Võ-Tánh đóng ở trong thành, chắc cũng được tin quân nhà thắng lợi. Ông bèn nhân lúc đêm khuya, xông ra định phá vòng vây, chỉ vì binh lực có ít, cho nên xông xáo một hồi, kết quả lại bị địch quân vây kín, Thành được tin báo, nhưng vẫn án binh! để cho Võ-Tánh suýt bị địch quân tiêu diệt!

Về phần Hoàng-Đế khi tiếp được tin mật báo, ngài nghi cho Thành để tâm hiềm Tánh về việc trước đây Tánh đã phản đối kế hoạch tập công của mình, cho nên ngày nay thấy Tánh lâm nguy mà vẫn làm ngơ không cứu, ngài bèn hạ dụ cho Thành đại để như sau:

Quân ta tiến thảo kể đã hết năm, trận nào cũng thắng, thế mà tướng quân bỗng lại án binh, để cho quân địch ung dung tự tại! nghiệm một điều đó đủ biết quân nhà chẳng lo không thắng, chỉ lo không đánh đó thôi!

Thử hỏi mới rồi, trong thành kéo ra định phá vòng vây, chỉ vì trông cậy ở sức ngoại viện, thế mà ngoại viện lại cứ án binh, án binh lâu ngày, trong ngoài sẽ bị đoạn tuyệt, mất hết tin tưởng đối với nhân dân. Vậy nay tướng quân phải nên tìm cơ tiến thảo, giải khổ cho những tướng sĩ trong thành, và làm yên tâm những kẻ gần xa đã từng qui phụ.

Tóm lại ngày nay công việc giải nguy cho thành Bình-Định, gánh nặng ấy đặt ở trên vai tướng quân, tướng quân nên lấy quốc gia làm trọng, còn về binh lực Trẫm đã chuẩn bị sẵn sàng v.v...

Xét ra việc Thành không cứu Võ-Tánh, sự thực đã làm cho Đế tức giận vô cùng, nhẽ ra đạo dụ mới rồi Đế đã cảnh cáo những lời nghiêm nghị, nhưng không, lời dụ của Đế rất là ôn tồn! Vậy thì những

câu ôn tồn ấy, biết đâu nó lại chẳng đường mật bao ngoài chất độc để lại cho Thành, sau này Đế sẽ ban tặng, chứ như hiện thời thì Đế chưa cần đến nó, vì Đế còn đương cần phải có Thành, có Thành để mở mặt trận Thi-Nại 施耐, mà trận đại qui mô ấy Đế định áp dụng chiến thuật hỏa công, trù tính rất là tỉ mỉ! Trước khi thực hành ý định, Đế đã sai người mật báo với Thành, kế hoạch gồm trong 7 chữ «Đây: chữ hỏa trong bàn tay ta, 此吾掌中火字也. Thử ngô chưởng trung tự giã» giống như kế hoạch của Khổng-Minh và Chu-Du khai chiến với Tào ở trận Xích-Bích, rồi Đế sai Thành đương đêm đi phá các trại, khiến cho địch tướng rút bớt lực lượng phòng thủ lục địa, để Ngài xuất kỳ bất ý đánh vào mặt thủy.

Thế rồi giữa đêm 16 tháng giêng một phần thủy quân của Đế xông thẳng vào cửa Thi-Nại! Văn-Dũng 武文勇 không phòng bị trước nên bị đại bại, Thành bèn chia quân chiếm lấy các đồn, chém được Đô-đốc Nguyễn-Hạch 阮核, bắt được 2 voi cùng vô số lương thực! Cách mấy giờ sau Dũng phản công rất mạnh định chiếm lại đồn, nhưng bị Lê-Chất đánh bại.

Về phần Văn-Dũng sau khi bị bại, kéo về Ngư-Kiều 魚橋, xây dựng thêm các đồn trại, binh lực dàn từ Diệp-Cương cho tới Khe móc, một mặt thì từ Ngô-Kiều cho tới Cầu Hoa, bố trí rất là chu đáo.

Nhưng Thành nhận thấy các tướng Tây-Sơn như Võ-văn-Dũng quả thực là tay hổ tướng, đánh hổ phải đánh đến cùng, ngày nay thấy Dũng kém thế, ông bèn huy động tất cả lực lượng, chia làm 3 đạo, đồng thời tiến lên để đánh một đòn chí tử! Dũng biết không thể địch nổi, nên lại thay đổi chiến lược, bỏ hết đồn ải, rút về Bình-Thịnh, chuyên chú vào việc vây Thành.

Giữa lúc ấy trong hàng bộ tướng của Nguyễn-Hoàng-Đức, có tên Cao-la-hâm-Sâm 高羅欽森 là người Chân-Lạp 真臘 trước kia theo Đức, ngày nay y lại thông với Tây-Sơn, định mưu bắt cóc mà Đức vẫn không biết gì, may sao Thành lại được tin mật báo, bèn sai bắt trước tên Sâm giải về hành tại, nếu không thì Đức cũng nguy!

Hoàng Đế nhận thấy luôn mấy tháng giời, trận nào cũng thắng thế mà vòng vây Bình-Định vẫn không phá nổi, vì lẽ Diệu, Dũng tuy thua nhưng mà căn bản của chúng vẫn còn nguyên vẹn, binh lương khí giới vẫn từ Phú-Xuân, cuồn cuộn tiếp vào, chúng lại tăng cường lực lượng.

Còn về bên mình tiếp tế trông ở Gia-Định, đường bộ gian nan

cách trở, đường bể sóng gió bất kỳ, nếu cứ dằng dãi thời gian, tất nhiên có ngày nguy khốn! âu là ta phải thay đổi chiến lược mạo hiểm ra đánh Phú-Xuân.

Vẫn biết ra đánh Phú-Xuân là việc hệ trọng, bên thắng cũng như bên bại, nó sẽ quyết định cho cả số mạng đôi bên! việc này cách đây mấy tháng Văn-Thành cũng đã dâng sớ tình nguyện xin đi, nhưng lúc ấy thì hơi sớm quá, bởi vì Phú-Xuân ngày ấy lực lượng còn mạnh, chẳng giống Phú-Xuân ngày nay, ta chỉ với tay là nắm được nó! Khi nắm nó rồi thì vòng vây Bình-Định, chẳng cần phải đánh chúng cũng tự giải, rồi bọn Diệu, Dũng như chim mất tổ, hỏi chúng còn thoát lối mô?

Nghĩ như vậy Ngài bèn nhất định thay đổi thế cờ, đem hết thủy quân ra đánh Phú-Xuân, còn việc giải vây thì giao cho Thành đảm nhiệm, vì Ngài tin rằng: chỉ có Thành mới kìm hãm được chân Diệu Dũng, không cho về cứu Phú-Xuân, lo gì Phú-Xuân lại chả khắc phục một cách nhanh chóng.

Về phần Văn-Thành nay thấy nhà vua thực hành kế sách của mình, mà Ngài không cho mình đi, trong dạ lấy làm nghi hoặc, đương định dâng biểu phân trần, thì tiếp được tờ mật dụ, tỏ cho Thành biết ý định của ngài như trên đã thuật và ngài không quên nhắc lại những câu:

Kế hoạch của khanh ngày nay Trẫm đã thực hiện. Còn như việc thành hay bại quan hệ ở cả hai phương, trách nhiệm người đi cũng như kẻ ở.

Vẫn biết Diệu, Dũng chưa phải là tay địch thủ của khanh, nhưng về binh lực thì chúng lại đông gấp bội, vậy khanh phải nên tùy cơ ứng phó, khiến cho Diệu, Dũng sa đáng trước thành Bình-Định, đó là công lớn của khanh v.v... Thành xem đạo dụ thấy rằng Chúa đã biết mình, lấy làm hỉ hả, rồi mấy hôm sau thấy địch tấn công Song-Kiều 雙橋, Thành đoán ngay rằng chúng định đánh úp Độc-Sơn 獨山? nên Thành không chịu giao chiến, mật lệnh cho các đồn ải, guộn cờ im trống, địch quân không hiểu ra sao, khua múa mấy hôm rồi lại rút hết.

Thế rồi tháng 5 năm ấy, Đế khắc phục được thành Phú-Xuân, Nguyễn Quang-Toản chạy ra Bắc-hà, Nội-hầu Lê-văn-Lợi 黎文利 và Trần-văn-Kỷ 陳文紀 ở lại xin hàng, Đế cho hàng Thần được giữ nguyên chức, Thành tiếp đặng tin vội dâng mật biểu tâu rằng:

Bọn hàng Thần kia từng được Tây-Sơn hậu đãi, nay bất đắc dĩ mới phải xin hàng, trong tâm chắc đâu là thực? Ví bằng Thánh thượng

nhận thấy dư đảng của chúng còn nhiều, nay vội giết chúng tất nhiên kẻ khác kinh ngạc, vậy thì tha cho tội chết cũng đã là may, chẳng nên cho giữ binh quyền, để tránh những việc bất trắc, tức như câu chuyện xảy ra ở cửa Cù-Mông năm trước, thực là một tấm gương sáng cho ngày nay vậy v.v...

Đế coi xong mật biểu khen Thành là người tính kỹ lo xa, rồi Ngài nhất nhất theo như kế hoạch, và lại hạ lệnh cho Lê-văn-Duyệt cùng Tống-Viết-Phúc tới ngay quân thứ hợp lực với Thành để cứu Bình-Định, các tướng được lệnh, lập tức mở cuộc tấn công, nhưng vì vòng vây quá chặt, không hề xuy xuyền! Trong Thành bị vây lâu ngày, lương thực đều hết, Võ-Tánh và Ngô-Tòng-Chu 吳從周 đành phải tuẫn tiết! Diệu Dũng chiếm được Bình-Định, rồi lại phải binh đi đánh Vân-Sơn, đắp lũy ở gần Thi-Nại.

Thành thấy bọn Dũng thừa thắng, ý muốn chặn đường tiếp tế của mình, nên cũng vội sai Hoàng-viết-Toản 黃曰纘 đem ngay binh tượng đi phá, Diệu Dũng thiệt hại khá nhiều thế mà không sao đắp nổi con lũy, đành phải rút lui, Thành bèn thừa thế sai ngay Hoàng-Đức hợp với Đức-Xuyên ra đánh Phú-An mở thông đường đi Tam-Lãnh 三嶺, rồi lại dâng sớ để xin thêm quân, Đế dụ cho biết quân số của địch chỉ có trên dưới hai vạn, thế mà thủy quân của ta đã tới địa đầu, gia dĩ chúng lại được tin Phú-Xuân thất thủ, tướng sĩ thầy đều hoang mang, còn đâu dám mở những trận đại chiến mà khanh phải sợ.

Vậy thì khanh nên khích lệ tướng sĩ, đợi một vài hôm thủy quân kéo đến, sẽ mở một trận tấn công, đánh ép hai mặt, để thu kết quả toàn thắng, còn như quân địch ở thành Phú-An Trẫm sẽ có cách xử trí v.v...

Về phần Diệu Dũng sau khi được tin kinh đô thất thủ vào ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân-dậu (1801) hai tướng bàn nhau cố hạ cho được Bình-Định, rồi hơn nửa tháng sau chiếm được Bình-Định, (tức ngày 27 tháng 5) hai người còn đương ra sức bố trí, thì tiếp được tin thủy quân Gia-Định đã sắp tới nơi. Dũng bèn chia quân ra đóng Tân-Quan, định để chặn lối hiểm yếu. Thành bèn thừa lúc chia quân, đem hết lực lượng đánh úp các đồn, phá vỡ luôn 20 trại, Phạm-văn-Lý 范文理 và Nguyễn-văn-Hiếu 阮文孝 trước bị địch bắt nay lại thừa dịp trở về với Thành rồi Phạm-văn-Điểm đóng ở bến Mễ cũng lại bỏ đồn chạy trốn.

Tháng 8 Diệu Dũng lại đem hết lực lượng mở trận tấn công Trà-Sơn, tập kích Hoa-An, Hoa-Lộc! vượt qua sông Danh để đánh các đồn,

nhưng lúc ấy tướng sĩ xem chừng đã nản cho nên tới đâu cũng bại, Văn-Thành, Đức-Xuyên thừa thắng vòng ra phía sau, phá đồn Lò-Giấy, chiếm luôn Lãi-Phủ, tướng Tư-hệ Miên 司 銀 緡 chạy thoát được có một mình, còn tướng chỉ huy vùng Thổ-Sơn 土 山 là Đô-úy Diệm 都 尉 艷 phải xin đầu hàng!

Năm Nhâm-tuất (1802) Thành và Duyệt mở trận tấn công Bình-Định, phá vỡ các đồn tiền tuyến, hạ luôn 7 trại Kỳ-Sơn 祈 山! tưởng rằng quân địch sắp bị tan rã nên chẳng đề phòng không ngờ Diệu kéo đại binh vòng phía sau núi, đề đánh tập hậu làm cho quan quân bị bại, phó tướng Nguyễn-văn-Huệ 阮 文 惠 bị tử trận! từ đấy ai cũng chẳng dám khinh thường, đôi bên cầm cự cho đến tháng hai Diệu Dũng cạn lương, phái một đạo quân lên mạn Nha-Sâm 牙 參 cướp thóc nhưng Thành đoán biết từ trước, đợi cho đạo quân ấy đi xa căn cứ rồi phục binh nổi dậy bắt được hoàn toàn.

Cách mấy hôm sau, trận tuyến bên ngoài lần lượt hạ hết, các tướng nhất định mở cuộc tấn công vào thành, đại chiến luôn 7 ngày đêm phá vỡ hơn 20 trại, đồ bộ sang qua sông Danh, Diệu Dũng đem hết lực lượng ra cản nhưng bị đại bại, Đô-Đốc Khoáng 都 督 曠 Đốc Thìn 督 辰 đều bị tử trận! còn lại Đốc-Thi 督 示 bỏ giáp xin hàng! tháng 3 Diệu Dũng xem chừng tuyệt vọng, đương đêm bỏ trốn, các tướng được tin lập tức truy kích, nhưng khi tới nơi thì đã quá muộn. Diệu Dũng đã chạy vào rừng, trong thành còn 3000 quân đều xin giải giáp, thế là chiến sự Bình-Định kéo dài suốt mấy năm giời mấy lần mất đi chiếm lại, đôi bên tổn hại biết bao tướng sĩ? ngày nay mới được trở lại an ninh.

Khắc phục xong thành Bình-Định các tướng báo tiệp ra Phú-Xuân, Đế bèn dụ cho Thành ở lại thu xếp mọi việc, rồi tháng 5 thì Đế kéo quân ra Bắc, tháng 7 thu xong Bắc-hà! Hoàng Đế nhận thấy Bắc-hà một phen đổi mới nhân tâm chưa biết xu hướng ra sao? nếu không được người có đủ tài năng đề làm Tổng-trấn tất nhiên tình thế cũng khó giữ yên, vì thế Ngài triệu Văn-Thành ra ngay, còn thành Bình-Định thì giao cho Nguyễn hoàng-Đức ở lại trấn thủ.

Tháng 9 năm ấy thì Đế trở về Phú-Xuân, Văn-Thành ở lại giữ chức Bắc-Thành-Tổng-Trấn, Thành bèn ra công phủ dụ nhân dân, đón mời các vị danh vọng, Thần tử Lê Triều ai cũng vui lòng hưởng ứng, nhờ thế mà sau mấy tháng thì 11 trấn đều đã gây được trật tự an ninh.

Tháng 9 bọn giặc Tầu Ô quấy nhiễu vùng bể Quảng-An, ông sai biền binh dẹp yên rồi thân hành đi kinh lý, đặt các đồn ải khắp vùng duyên hải Quảng-An.

Năm Gia-Long thứ 3 (1804) có việc bang giao, ông sung chức thụ sắc, lễ phong vương xong Đế trở về Kinh, rồi ít lâu sau, ông dâng sớ xin chuẩn định qui trình việc học, đặt thêm các chức trợ giáo để đào tạo nhân tài, điều tra vùng biên giới Hưng-Hóa, Lục-Mãnh 興化六猛, soạn thành sự tích các dân tộc thiểu số, và xin gửi thư sang Thanh, lập hội đồng định rõ biên giới, rồi đến mùa đông ông lại gửi về 164 bản địa đồ của 11 trấn, cách ít lâu ông xin lại kinh điều trần các việc khi vào Triều. Đế cho ngồi bên, ân cần hỏi chuyện, vua tôi rất là tương đắc.

Năm Gia-Long thứ 7, những người bất mãn ở Bắc-hà lại mượn danh nghĩa phục Lê, cổ động dân chúng, chống lại tân triều, ông sai Trần-Hựu soạn ra một khúc điểm mê, trao cho các tướng, mỗi khi hành binh tới hạt nào, hiểu thị cho dân chúng biết rõ tình thế, nhân dân lại làm ra khúc Tố-khuất, nói rằng tình hình loạn lạc là do quan lại tham nhũng gây nên, vì thế ông lại truyền hịch đi khắp các nơi, hứa rằng sẽ trị những kẻ tham nhũng, để dân lạc nghiệp an cư, còn bọn ngoan cố thì ông phái quân đi dẹp, trải mấy tháng giời nhớn nhỏ đến 36 trận mới yên, khi lập sổ công trạng để gửi về Triều, được thưởng 20.000 quan tiền, đều đem chia cho tướng sĩ.

Mùa đông năm ấy, ông lại dâng biểu về Triều để xin thu dụng các quan bị cách, xin cho dân được tự ý sùng bái, tăng lương cho quan lại để dưỡng liêm phát hành tiền Gia-Long để cho tài chính dư dụ, và tiến bộ Đại-học diễn nghĩa có âm chữ nôm để làm tài liệu cho nền quốc học.

Năm thứ 8 (1809) gặp tang mẫu thân, ông dâng sớ xin đưa linh cựu về quê, năm sau về qua kinh thành, ông vào bệ kiến. Đế ban 500 quan tiền, ông xin phép đưa về táng tại quê ở Hòa-Bình. Đế, phán bảo: Cáo chết quay đầu về núi là lẽ cổ thời, vậy thì Triệu-phong Bác-vọng (gần Huế) là nơi tổ quán, sao khanh không táng ở đấy cho tiện? Ông vâng mệnh an táng xong xin phép cư tang 3 năm, Đế không ưng chuẩn.

Năm thứ 10 (1811) ông sung chức Tổng-Tài về việc tu luật, gặp việc Binh bộ Đặng Trần-Thường, Lễ-bộ Nguyễn-Gia-Cát phạm tội, ông tâu xin cho hai người được đem công trước để chuộc tội, Đế cho là bênh vực tội nhân, bị phạt 3 con trâu cầy!

Mùa đông được tin quân Xiêm tập trung ở Bắc-Tầm-Bôn có ý uy

hiếp Cao-Mên, Nặc-Ông-Chăn sai sứ sang xin cứu binh, Đế họp đình thần thương nghị. Ông và Tả-Quân Lê-văn-Duyệt tâu rằng: Nước Tiêm với ta giao hảo kể đã lâu ngày, về phần võ bị của ta Tiêm đã biết rõ, tất nhiên không dám cùng ta gây chiến, hoặc giả nước ấy vì đối nội nên mới có cuộc điều binh. Vậy ta hãy cứ bình tĩnh để xem hư thực ra sao rồi sẽ tùy cơ đối phó tưởng không muộn, Đế cho là phải, rồi truyền hịch cho các binh thứ để phòng biên giới mà thôi.

Sau mấy tháng ông lại được đổi sang chức Chưởng-Trung-quân, nhận chức xong ông bèn lập ra nông binh, thanh niên trai tráng đều được huấn luyện quân sự, thời bình thì giữ hương thôn, tới khi có giặc thì ra sức giúp nước, còn quân chính ngạch, thì cứ chiếu theo dân số, 7 người lấy 1.

Cách mấy tháng sau, ông lại sung chức Quốc-sử Tổng-tài, nhân khi trông nom về việc chép sử, ông có soạn và dâng bộ Võ-Bị-Chí 武備志 và bộ Tứ-di-loại-Chí 四夷類志.

Tháng 3 năm thứ 11 (1812) ông điều trần 6 khoản: 1^0 lập ngôi Sử nhị (Thái Tử) 2^0 duyệt lại rồi cho in bộ quốc luật, 3^0 Tuyển thêm nho thần vào bộ Sử quán, 4^0 mở khoa thi hương, 5^0 hình án phải xử lanh lẹ, 6^0 đàn áp lân quốc để vững biên thùy.

Trước đây có lần Đế đi phúc lại cục đất định để an táng Thái-Hậu, các văn võ theo hầu rất đông, lúc đào huyệt lên thấy đất có đủ 5 sắc, Ngài đương vui mừng, bá quan ai cũng chúc tụng là kiểu đất quí, riêng có Văn-Thành không nói câu gì, Đế quay lại hỏi. Ông tâu: nơi mộ thân mẫu của hạ thần cũng 5 sắc thổ, mà sắc còn tươi tốt hơn! Đế im lặng, quần thần tỏ vẻ bất bình! Thấy vậy ông lại nói tiếp: tâu trình bệ hạ, gần đây còn có 1 cục rất quí! Phạm-văn-Nhân hỏi chặn ngay rằng đã thấy có cục đất quí cớ sao trước kia lại chẳng tâu trình? Ông đáp: cục ấy dẫu quí, nhưng mà không thể táng được, vì táng vào đó sẽ bị lôi đả tức thì!!!

Câu nói quái gở vừa thốt ra đó khiến cho Hoàng-Đế cũng phải chau mày! bá quan nhìn ông chầm chập! vua Minh-Mạng thì hỏi dồn từng tiếng lôi đả! lôi đả! những kẻ nghịch tử tặc thần mới bị lôi đả! chứ như Thánh triều đương trong đời thịnh, giời sẽ phù trì, cớ sao đứng trước Thánh thượng mà khanh lại nói những câu như vậy! Thành biết lỡ lời, lẵng lặng tránh đi nơi khác.

Lại có một lần ông coi thiên văn rồi tâu với Đế về phương tây bắc có hiện hai chiếc mống cụt đánh lộn 7 ngày, là điềm trong nước sắp có

biến loạn! Câu này lại càng cho Đế khó chịu, về sau vụ án vỡ lở Đế lại nhắc cho quần thần nghe để làm tang chứng buộc tội!

Năm thứ 12 (1813) Thành và Võ-Trinh soạn xong bộ luật, gồm 20 quyển trong có 398 điều khi tiến lên Đế sai ông soạn bài tựa.

Mùa đông gặp ngày tang lễ của Thừa-Thiên-Cao-hoàng-hậu, Đế muốn để cho Nhân-Hoàng (tức vua Minh-Mạng) đứng làm chủ tế, Thành tâu: cắt đặt như vậy, khi viết chúc văn thực khó xưng hô! Đế phán bảo: con vâng mạng cha làm lễ tế mẹ, thực là danh chính ngôn thuận còn khó nỗi gì? Mùa hạ năm sau được tin bảo hộ Chân-Lạp là Nguyễn-văn-Thụy 阮文瑞 làm việc độc đoán, khiến cho Phiên vương lo sợ! Đế hỏi ý kiến đình thần.

Thành tâu: Chân-Lạp là nước chư hầu mấy đời thần phục, gần đây gặp lúc thế nước suy vi, triều đình ra tay bảo hộ, quả là một việc đại nghĩa chí nhân, nhưng cứ ý thần thì bảo hộ đặt ra là để dìu dắt nước đó, không phải mục đích kiểm soát Phiên-vương, vậy xin sức cho Nguyễn-văn-Thụy đóng riêng ở thành La-Bích, để cho Ông-Chăn tự tay điều khiển việc nước, rồi đây nhân tâm sẽ hết nghi ngờ v.v...

Lúc ấy Hoàng Thượng xuân thu đã cao, mà ngôi sử nghị còn chưa ấn định, nhân có một hôm Đế hỏi ông rằng: ngày nay Hoàng-Tôn-Đán 皇孫旦 hãy còn thơ ấu, chưa thể gánh vác được việc trọng đại, vậy khanh xem trong Hoàng Tử có ai là người xứng đáng để nối ngôi giời?

Thành tâu: trưởng tử qua đời thì đích tôn nối nghiệp, đó là thông lệ xưa nay, ví bằng bệ hạ muốn chọn người khác, biết con thì ai bằng cha việc đó hạ thần đâu dám dự tới.

Thế mà không hiểu tại sao? Cách mấy hôm sau ông lại mở tiệc ở dinh, đón mời bá quan đến dự, rồi đem việc ấy ra bàn, và tuyên bố thẳng với mọi người rằng: lập Hoàng-Tôn-Đán mới là hợp lẽ. Vậy xin các vị đồng ý để ta cùng vào tâu với Thánh Hoàng.

Nghe ông nói vậy! cử tọa thầy đều nhìn nhau chứ không nói gì, riêng Trịnh-Hoài-Đức viện lẽ, đó là quốc gia đại sự, quyết đoán bởi tự lòng vua, và các Hoàng thân quốc thích, còn chúng ta đây là hạng nhân thần, thiết tưởng không nên bàn tới, để thêm tội lỗi sau này.

Lạ thay, sau bữa tiệc đó. Ông đã thấy rõ bá quan không biểu đồng tình, thế mà ông vẫn không bỏ ý định, về sau mỗi lần triều kiến, ông lại đem việc Tôn-Đản ra xin, đến nỗi vua phải khó chịu, lẳng lặng quay đi, bấy giờ ông mới hoảng sợ!

Nhưng hoảng sợ thì việc đã rồi, chất nỗ tích lũy từ trước đến nay, chỉ còn đợi người châm lửa vào ngòi là nó bộc phát!

Nguyên vì lúc ấy ông có một người con trai tên là Nguyễn-Thuyên 阮詮. Thi đỗ cử nhân năm Quý dậu (1873) tính hay kết bạn văn thơ, nghe nói ở tỉnh Thanh-Hóa có hai danh sĩ là Nguyễn-văn-Khuê 阮文奎 và Nguyễn-đức-Nhận 阮德潤, Cậu bèn viết một bài thơ tỏ ý hâm mộ, rồi sai gia nhân là Nguyễn-Trương-Hiệu 阮張效 đi mời, Hiệu thấy trong thơ có hai câu kết: «Thử hồi nhược đắc sơn trung tể? tá ngã kinh luân chuyển hóa ky, 此回若得山中宰,借我綸綸轉化機». Hồi này ví đặng sơn Trung Tể? Xoay máy càn khôn giúp đỡ ta.

Thấy hai câu có vẻ xúc phạm, Hiệu bèn đưa cho quan Hình-bộ Thiêm-Sự là Nguyễn-hựu-Nghi 阮祐儀 xem, Nghi vốn người thâm hiểm và lại bất mãn với Tiền-Quân Thành, liền cầm ngay bài thơ ấy đưa sang trình Tả-Quân Duyệt, vì biết hai ông có mối thâm thù, tất nhiên Tả-Quân sẽ làm to chuyện!

Về phần Tả-quân, từ trước đến nay lúc nào cũng chỉ nhăm nhăm định trị Tiền-Quân mà chưa có dịp, ngày nay nắm được bài thơ phản nghịch như vậy, thế nào ông lại chả mừng, ông bèn lập tức đưa ra pháp đình, nhưng Hoàng-Đế xét thấy, ngoài hai câu thơ ấy ra, không còn tang chứng nào khác, nên Ngài cho được đình cứu, và trả lại bài thơ, (Việc này Tiền-Quân chưa hề hay biết).

Trương-Hiệu nhận bài thơ về lấy làm hậm hực. Y lại nghĩ ra kế khác, nắm bài thơ ấy để làm bằng khoán, dọa nạt Cử Thuyên để lấy tiền xài. Cử Thuyên lo sợ cứ phải đút lót ngấm ngầm ngày nay một trăm, ngày mai dăm chục, tiền mất đã nhiều mà thơ thì Hiệu vẫn cứ không chịu cho chuộc; về sau Cử Thuyên đối xử không được vừa ý, Hiệu lại thay đổi chiến lược, định làm món to, y bèn chực sẵn bên đường, đợi khi Tiền-quân tan chầu về qua, rồi y túm áo lôi lại để bắt phải chuộc.

Lúc ấy Tiền-Quân nghe tên Hiệu nói thì cũng biết vậy, còn bài thơ kia thực hư thế nào thì chưa biết rõ. Thế mà tên Hiệu lại dám cả gan làm mất thể diện một vị đại thần ở ngay trước mặt công chúng, thì ông nổi giận, sai lính bắt trói tên Hiệu giao cho ngục hình Quảng-Đức, và cho Cử Thuyên sang đối chất, rồi ông vào triều tâu với nhà vua, vua giao đình thần xét hỏi, đình thần xét thấy nhân chứng không đủ, vua bèn hạ lệnh tha cho Cử Thuyên, về sau Ký-lục Quảng-Trị là Nguyễn-duy-Hòa 阮維和 đoán chừng ông đã kém thế nên cũng gửi sớ về Triều hặc ông nhiều khoản, Đế lại giao cho đình thần tra xét.

Năm thứ 15 (1816) tháng hai, gặp ngày tế Giao, Lễ bộ tâu rằng: Văn-Thành là người có tội không nên dự lễ, nhưng Đế phán bảo: Thành là một vị trọng thần từ thời bôn ba ở bên Vọng-Các, ngày nay vì con hư dại, nhưng mà tang chứng chưa đặng rõ ràng, nhẽ nào Trẫm lại nghe thuyết một bên mà đi sợ kẻ bề tôi huân cựu, rồi Ngài vẫn để cho ông được vào phân hiến (hiến rượu ở bàn thờ bên) như xưa.

Sau buổi giao tế ông càng thấy rõ mưu mô hiểm độc của các đình thần cố buộc cha con mình vào tử tội. Không biết đối phó cách nào, thế rồi bỗng có một buổi tan chầu, vua đương lui vào trong điện, ông vội theo sau níu lấy áo vua, vừa khóc vừa nói:

Thần đây từ nhỏ chí lớn, theo hầu Chúa thượng, chưa hề trái đạo làm tôi, ngày nay bị người ghen ghét, vu cáo cho tội tày đình, cúi xin bệ hạ nhủ lòng thương đến. Ông vừa tâu xong Hoàng Đế chưa phán bảo gì, thời Nguyễn-Đức-Xuyên đứng ngoài quát lớn: nhà ngươi có tội hay không đã có công luận, cớ sao lại dám vô lễ trước Thánh hoàng, rồi từ hôm ấy Đế không cho ông vào triều kiến, và dụ cho Tả-Quân Duyệt tra lại vụ án Văn-Thuyên. Duyệt chỉ tra tấn một chập là Thuyên thú nhận tức thì!

Tiền-Quân thấy con đã nhận hết tội lấy làm hoảng sợ, vội vàng dâng sớ trần tình: kể qua công lao ngày trước, mong Đế mở lượng hải hà, thứ cho tội lỗi về sau: Đế coi xong tờ biểu, liền tay trao lại đình thần, Lễ-bộ Thượng-thư Phạm-đăng-Hưng 范登興 tâu rằng: Thần coi tờ biểu của Thành, bên ngoài tỏ vẻ kêu van, nhưng trong đầy lòng hậm hực! toan dùng lời lẽ khôn vặt ra dối triều đình, phục tội đâu lại như thế? cúi xin bệ hạ truyền lệnh tống giam, rồi giao Pháp Ti định tội!

Đế thở dài phán: Tội ác của Thành dẫu đã hiển nhiên, nhưng Trẫm đây đối với các bực công thần cũng cần phải giữ thể thống mới được!

Phán xong Ngài bèn hạ lệnh tước hết sắc ấn áo mũ của ông, rồi cho lui về tư dinh đợi lệnh, đợi mấy hôm sau, bản án lập xong, cha con đều phải xử tử! Lúc ấy đình thần không ai bênh vực, chỉ có một mình Lại-bộ Tham-tri Trần-văn-Tuân 陳文恂 đứng ra bào chữa, vừa mới tâu được mấy câu: Thành không dậy con thì tội còn nhẹ, chứ Duy-Hòa kia, chỉ là một chức Ký-Lục lại dám hạch tội đại thần, lỗi phạm thượng ấy, thiết-tưởng triều đình cũng nên nghiêm trị mới phải. Tuân vừa tâu xong, Hoàng Đế nổi giận quát mắng: nhà ngươi nói thế là muốn

khóa miệng người khác hay sao? phải chăng ngươi với Thành kia cùng một đảng phái? mắng xong Ngài lại truyền cho đình thần xét luôn tội lỗi Văn-Tuân!

Tai hại thay! giữa lúc ấy thì bản án mưu phản của Lê-Duy-Hoán 黎維煥 ở ngoài Bắc-hà cũng vừa phát giác! Duy-Hoán bị giải tới kinh, Hình bộ đem ra tra tấn, Hoán phải cung xưng trước kia Thuyên có gửi thư xin y làm phản, vì thế cả hai cha con đều phải bắt giam, đợi ngày thẩm vấn, gọi là thẩm vấn, nhưng mà sự thực đình thần cũng chỉ hỏi có mấy câu:

Hỏi: ông có phản không? Thành đáp không. Hỏi có dự biết không? Thành đáp không, qua hai câu hỏi, và hai tiếng đáp thế là xong cuộc thẩm vấn, ông lại bị đưa về ngục, quan coi ngục là Thống-Chế Hoàng-Công-Lý 黃公理 hỏi thăm vụ án ra sao, ông lộ vẻ hầm hầm tức giận đáp lại: vua bắt tôi chết mà tôi không chết sao gọi là trung? Vừa nói ông vừa lui vào phòng giam, nói là đi ngủ, nào hay ông đã dùng liều thuốc độc để ngủ một giấc ngàn năm! Năm ấy vừa 60 tuổi.

Sau khi được tin ông đã tự tử, Hoàng-Công-Lý vội vã chạy vào phòng giam thấy bên mình ông có một bức biểu, Công-Lý vội đem vào cung tiến trình, Hoàng Đế mở biểu ra coi thấy toàn những lời kêu oan thống thiết, trong biểu lại có những câu: (朝鍛夕練織成臣父子極惡! 叩訴無用, 有死而已 Triêu đoàn tịch luyện chức thành thần phụ tử cực ác, khấu tố vô do, hữu tử nhi dĩ» nghĩa là: sớm nung tối luyện thêu dệt cho cha con thần một ác cực án cùng hung, còn biết kêu đâu, chết mà thôi vậy!

Hoàng Đế đọc xong tờ biểu tuyệt mạnh không biết vì quá cảm động, hay là vì muốn che mắt thế gian, mà Ngài cũng nức nở khóc: Than ôi! Văn-Thành từ nhỏ theo Trẫm, xuất sinh nhập tử trong lúc gian nan, công lao kể đà biết mấy. Chẳng ngờ ngày nay mắc phải tội lỗi, mà Trẫm không thể che chở, bảo toàn tính mạng cho Thành, Trẫm quả là người bạc đức!

Than xong Ngài bèn quay lại hỏi Nguyễn-Đăng-Hưng: ngày nay Thành chết thì việc tống táng nên theo lễ gì? Hưng tâu xin theo như lễ thường dân. Đế im lặng! một lát sau Ngài truyền lệnh cho một viên Cai đội 30 tên lính, trông nom vào việc tống táng, và ban cho 500 quan tiền cùng với gấm vóc các thứ, ngoài ra còn mấy người con của ông trước kia bị giam thì nay cũng được ân xá, chỉ riêng Cử Thuyên là bị xử tử mà thôi. Thế là vụ án kết liễu! Kết liễu bằng những tang chứng vu vơ,

Xét thấy Thành là một người đủ tài văn võ, mỗi khi lâm trận, định mưu rồi mới giao phong, vì thế ít khi thất bại, trong thời Gia-Long phục quốc công trạng kể cũng lớn thay!

Tới khi bắc hà thu phục, công việc một nơi trọng trấn ký thác trên vai, ông chỉ ngồi yên một chỗ, cũng đủ lấy lại an ninh, khi ở miếu đường trình bày kế hoạch, toàn là những việc thiết yếu, lần lượt đem ra thực hành.

Chỉ vì một nỗi tự cậy công to, sinh lòng kiêu hãnh, làm việc độc đoán, vua ghét bạn thù, đến nỗi cha con cùng bị oan khuất, cả đến Vũ-Trinh 武楨 Trần-Hựu 陳宥 là người cùng ông thảo ra bộ luật, cũng bị ghép là đồng đảng đến phải trừ danh (xóa tên trong sách luật).

Đến năm Minh-Mạng 14 (1833) Lê-văn-Khôi nổi loạn, chiếm thành Phan-An, con giai của ông tên là Nguyễn-Hàm 阮諴 ở lại trong thành. Khôi cho cai quản Ngũ-khuông vệ đội, vì thế anh em bên ngoài, như bọn Thầm, Nhâm, Thuần, Huỳnh, Hân 諶註諄讚訢, dẫu không dính dáng cũng bị chết lây, làm cho vụ án trải mấy triều đại không ai còn dám nhắc nhở gì nữa!

Mãi đến Tự-Đức nguyên niên (1848) Đông-Các Đại-Học-Sĩ Võ, Xuân-Cẩn 武春謹 khi làm quốc sử nghĩ đến người xưa, công lao bực nhất mà nay khói lạnh nhang tàn, nhân việc thiên tai, triều thần cho là oan khí kết tụ, cũng như ngày trước Bá-Hữu 伯有 bị oan, nước Trịnh sinh ra tật dịch, Tử-Sản lập đàn cúng tế, tật dịch mới yên, vin vào cớ đó đình thần liên danh ký kết để xin lập hậu cho bọn Tiền-Quân, rồi Vũ-Xuân-Cẩn cũng dâng bản sớ, lời lẽ rất là lâm ly thống thiết!

Đại ý ông nói: xưa nay trong thời sáng nghiệp, tướng tá cần những võ biền, chỉ biết hãm trận xung phong để lập chút công hãn mã, không biết nhún nhường thận trọng tìm cách thủ thân, đến khi công cao thì cậy, tước quí sinh kiêu, thẳng tính làm ngang không tránh hình tích, gây nên oán thù, mắc vòng tội lỗi, các tướng thời trước, mắc phải bệnh ấy cũng nhiều, tức như các vị công thần của Đường-Thái-Tôn là Lý-Thế-Trích 李世勣 và Trưởng-Tôn Vô-Kỵ 長孫無忌, các vị công thần của Lê-Thái-Tổ là Trần-Nguyên-Hãn và Lê-Sát, Lê Ngân 黎銀, hoặc vì con cháu hoặc chính bản thân, tội lỗi gây nên, cơ hồ diệt tộc! Nhưng nhờ vua chúa mở lượng hải hà, có khi cho phục quan tước, có khi cho ấm tử tôn, uy pháp đi đôi cũng như tạo vật sinh trưởng muôn loài, sấm sét ra oai rồi sau móc mưa nhuần thấm.

Nay thần nhận thấy các vị tòng vong trong thời Tiên Đế, như Tiền-Quân Thành như Tả-Quân Duyệt, nếu cứ bản án đã định, tội kia hết chỗ khoan hồng, nhưng mà xét tới căn nguyên, sự thực công cũng đáng kể. Chả nhẽ những người trước kia xông xáo rừng tên bể đạn, chiếc lông hồng coi nhẹ tấm thân, mà nay lập lòe đom đóm ma trơi, hồn bá chiến không nơi nương bóng?

Vua Dực-Tôn xem xong bài biểu, hết sức bùi ngùi, Ngài bèn hạ dụ trả lại chức tước cho Tiền-Quân, và cho cháu là Nguyễn-Toại 阮遂 giữ chức Cai đội trông nom hương khói về sau, thế là vụ án Tiền-Quân trải 4 đời vua cho tới ngày nay mới hé được ra ánh sáng vậy.

KẾT LUẬN

Nói tóm lại, những nguyên nhân về vụ án Quận Thành mà chúng tôi lược ra trên đây, nó đã cho ta thấy ông cũng chỉ là một nạn nhân của cái công luật: Địch quốc đã hết thì mưu thần cũng chẳng còn. Nhưng theo sự phỏng đoán của chúng tôi, thì ngoài ra nó còn mấy điểm cũng khá quan trọng mà chưa sử-gia nào bàn tới. Vậy xin lược kể sau đây:

1.— Về phần văn chương như bài « Tế trận vong tướng sĩ », với lối văn hùng tráng bi ca ấy, mỗi khi đọc lên, thì muôn người như một, chẳng những xúc động mà còn tuôn châu, và lại có thể khiến cho người ta vung tay mà tuốt kiếm, coi nhẹ tấm thân để làm những việc động trời, thực đáng e ngại cho nền nhất thống vừa mới xây dựng!

2.— Bộ luật do Quận-Thành soạn thảo, cũng lại tỏ ra một nhà Luật-học đại tài, đối với ngọn bút sắc bén như vậy, nếu không bẻ gẫy sớm đi, ngộ lỡ sau khi nhà vua nhắm mắt, mà các trung thần nghĩa sĩ nhà Lê nổi dậy, tất nhiên sẽ có bài hịch kể tội thoán nghịch, mà bài hịch ấy lại do ông Thành soạn thảo, thì nó còn lợi hại gấp mấy bài hịch của Trần-Lâm kể tội Tào-Tháo ngày trước, rồi thần dân cũ nhà Lê sẽ nổi lòng công phẫn, đứng lên bắt phải trả lại giang sơn cho chủ cũ tức là nhà Lê, thì ai ngăn nổi?

Hơn nữa Quận-Thành khi làm Tổng-trấn Bắc-thành, ông đã để lại bao nhiêu kỷ niệm tốt đẹp, như việc lấy văn chương để lôi cuốn các thân sĩ, việc giúp đỡ Lê-Quýnh tự thủy chí chung để hoàn tất đám tang vua Lê-Chiêu-Thống và các bề tôi tòng vong, khiến cho nhân dân Bắc-hà đem lòng cảm phục. Đối với một người công thần bậc nhất của mình, mà

lại có cái ảnh hưởng to lớn ở Bắc-hà như vậy. Thử hỏi một ông vua đại gian hùng như vua Gia-Long, mà bồn tính gian-hùng lại hay đa nghi, thì tài nào mà chẳng nghi kỵ ? Và đã nghi kỵ thì phải hạ thủ chứ không cần biết đến kẻ bề tôi ấy có bị oan ức hay không. Thiết tưởng đó cũng là một yếu tố để đưa cha con Quận Thành đến chỗ không lối thoát vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.— Bộ Đại Nam Chính-Biên Liệt Truyện Sơ-Tập 大南正編列傳初集卷二十一 quyển thứ 21.

2.— Thực-Lục Chính-biên 寔錄正編第一紀 đệ nhất kỷ.

3.— Quốc Sử Di-Biên thượng tập 國史遺編上集.

4.— Hậu Lê Dã-Sử 後黎野史.

Và rút các tài liệu của Bắc-Sử cùng những sử liệu có liên hệ đến vụ án này.

Tô-Nam NGUYỄN ĐÌNH DIỆM

CÔNG-TY THỦY-TINH VIỆT-NAM

Công-Ty nặc danh vốn 170.000.000 $ VN

CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

— Trụ-Sở Chánh : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI
SAIGON — Đ. T. : 93.149

— Trụ-Sở Thương-Mãi : 16-18, Hai Bà Trưng (Lầu I) — SAIGON
Đ. T. : 25.198

— Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI
SAIGON
Đ. T. : 93.149

CAO-ĐẠT TRƯỚC MỘT PHIÊN TÒA LỊCH SỬ

▽ ĐÔNG TÙNG

L.T.S : Sử Địa xin đăng một tiếng chuông về Cao-Đạt với một tài liệu sống mà ông Đông Tùng là chứng nhân. Sử Địa sẵn sàng đăng tải những tiếng chuông khác với mục đích làm sáng tỏ sự thực lịch sử, điều mà chúng tôi hằng mong muốn

Theo tinh thần văn hóa Tây phương, để ghi nhớ những nhân vật có công đức với nhân loại và dân tộc trên mọi lãnh vực : chính-trị, kinh-tế, quân-sự, văn-hóa, xã-hội, y-tế, phát minh khoa-học v... v... người ta thường lấy tên và họ những nhân vật đó mang vào cho những con đường, công viên, công thự nhà nước, như bệnh-viện, trường-học, trại lính hay công xưởng vân vân.

Việt-Nam ta trước đây, những danh dự đó chỉ để dành riêng cho những người Pháp, mặc dù có khi và nhiều khi là những tên tướng giặc. Nhưng đứng trên lập trường thực-dân, thì những tên tướng giặc đó đã có công mở mang thuộc-địa cho thực-dân, hay chỉ huy quân lính đánh thuê cho thực-dân thì cũng thế.

Từ ngày Việt-Nam được khôi phục chủ quyền, thì những danh dự đó đã được đem về cho những danh nhân Việt-Nam, như các ông Lê-Đại-Hành, Đinh-Tiên-Hoàng, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Thái-Tổ, Nguyễn-Huệ, Phan-Đình-Phùng, Nguyễn-Thiện-Thuật, Đề-Thám, Cao-Thắng, Lê-Quý-Đôn, Nguyễn-Du, Phan-Bội-Châu, Ngô-Đức-Kế và bao nhiêu người khác nữa.

Việc làm nầy có một ý nghĩa hết sức cao quý trọng đại, để các vị đó chết không bao giờ chết (bất tử chi tử).

Nhưng chúng tôi rất tiếc rằng, nhân vật Cao-Đạt, một nhân vật cổ trước không sau, đầu rồng đuôi chó — mà cho tới nay cái tên ấy vẫn được mang vào cho những đại lộ ở Saigon và các tỉnh, gần đây nhứt một trường Trung-Học Kỹ-Thuật ở đường Trương-Minh-Giảng (Saigon) vẫn được mang tên CAO-ĐẠT.

Chúng tôi không có ý chỉ trích những người đã đem tên Cao-Đạt mà đặt tên cho đại lộ và trường học, vì ai làm thì cũng phải tra cứu trong lịch-sử, trong khi tài-liệu lịch-sử kháng chiến chống Pháp của Việt-Nam, từ cuốn Phan-Đình-Phùng của Đào Trinh-Nhất, Vua Hàm-Nghi của Phan-Trần-Chúc, Việt-Nam tranh đấu sử của Trần Đắc-Sơn cho tới các tài-liệu lịch-sử giáo khoa chung cho các lớp tiểu, trung, và Đại-Học, khi đề cập đến phong trào Cần-Vương Phan-Đình-Phùng ở Hà-Tĩnh, không tác giả nào không đề cập tới tên Cao-Đạt, Đề-đốc nghĩa quân Cần-Vương ở chiến khu Vũ-Quang, một trong những vị tướng lãnh của cụ Phan-Đình-Phùng.

Nhiều tác giả còn suy luận theo chủ quan mà quả quyết rằng: Cao-Đạt là người cùng họ với Thượng tướng Cao-Thắng và em là Cao-Nữu [1].

Tuy nhiên, những tác giả kể trên, chỉ vẻ Cao-Đạt, như vẽ một con rồng, chỉ có đoạn đầu mà không có đoạn đuôi.

Có lẽ vì như thế mà những người sử dụng lịch-sử đã có những sai lầm đáng tiếc như vừa kể.

Là một người cùng địa phương với họ Cao, lại trước đây đã từng trôi sông lạc chợ sang Trung-Hoa và Thái-Lan, đã từng chung sống với các nhà Tiền bối, bạn đồng ngụ với Cao-Đạt, sau khi cụ Phan-Đình-Phùng chết các vị ấy đã lưu vong sang Thái-Lan, như cố Khôn [2] ở Phi-Chịt, cố Thông [3] ở Sakhonna-khon, cố Phương [4] ở Na khonphanom kể cho nghe

---

1. Anh em Cao-Thắng và Cao-Nữu, người làng Lệ-Động, Cao-Đạt người làng Tình-Di, xã Tình-Diệm, hai làng cách nhau trên 20 km.

Hai họ Cao chỉ trùng cái tên tình cờ, chớ không phải là người cùng tế chung một ông tổ.

2. Cố Khôn, người xã Thanh-Thủy, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An, đỗ cử nhân võ, trong nghĩa quân Phan-Đình-Phùng, một tỳ tướng của Cao-Đạt, lưu vong sang Xiêm, cày ruộng ở Bạn-Đồng-Thầm. Sau đó là một trong đám nguyên-lão cố-vấn cho các tổ chức cách-mạng Việt-Nam ở Siam.

Trong thời gian chúng tôi ở Siam được chung sống với cố nhiều năm, được cố kể cho nghe chuyện của Cao-Đạt khá nhiều.

3. Cố Thông, người huyện Hương-Khê, Hà-Tĩnh, cũng một trong nghĩa quân ở Vũ-Quang Phan-Đình-Phùng. Khi nghĩa quân tan rã, cố cũng trốn sang Xiêm, và cũng ở với Cao-Đạt.

Sau cùng tới lập gia-đình tại phủ Sakhonna khon cách bờ Mékông 97 cây số. Theo cố Thông kể: Cao-Đạt là người có sức mạnh và giỏi võ nghệ và gan cóc tía, nhưng thiếu mưu trí. Sau khi bị bắt ở Na-Ngua Na Na, Cao-Đạt trở thành một tên « Phản bội » làm tay sai cho Pháp.

4. Cố Phương, người huyện Nghi-Lộc, Nghệ-An, một chí sĩ của Vũ-Quang Phan-Đình-Phùng sau cũng lưu vong sang Siam, lập gia-đình ở Bam-May. Khi nhắc tới câu chuyện phản bội của Cao-Đạt, cố căm tức đến phải hét to lên.

những điều xấu-xa, phản bội của Cao-Đạt, về giai đoạn nửa đời về sau

Hơn thế, từ năm 1928, chúng tôi ở Thái-Lan lại cũng đã được chứng kiến một sự việc hết sức bỉ ổi mà Cao-Đạt đã làm để giúp thực-dân Pháp phá hoại Cách-Mạng Việt-Nam ở Thái-Lan.

Chúng tôi tự thấy có nhiệm vụ cần phải đem Cao-Đạt ra phiên tòa Lịch-sử, vì nếu để Cao-Đạt lọt lưới phán xét Lịch-sử, ngang nhiên đồng hàng với các cụ: Phan-Đình-Phùng, Cao-Thắng, Nguyễn-Thiện-Thuật, là những người đã phụng sự rồi hiến mình cho Tổ-Quốc, đã chết không bao giờ chết, ở thế giới bên kia các vị ấy sẽ không khỏi tủi hờn, mà người quở trách chúng ta, những kẻ làm con cháu, nhất là những đứa con cháu thường lưu tâm nghiên cứu lịch-sử ông cha.

CAO-ĐẠT LÀ MỘT «CON VẬT» ĐẦU RỒNG MÀ ĐUÔI CHÓ

«Đầu rồng đuôi chó» là một câu thành ngữ của các nhà Tiên-liệt cách-mạng chúng ta thường dùng để chỉ những tên cách-mạng hoạt đầu phản bội, đương sơ làm cách-mạng nhưng sau lại phản bội đầu hàng giặc và theo giặc để phá hoại cách-mạng.

Cao-Đạt là một vị tướng lãnh Cần-vương nhưng sau khi bị bắt, Đạt đã đầu hàng Pháp và giúp Pháp, phá hoại Cách-Mạng Việt-Nam, nhiều trường hợp hết chỗ dung-thứ.

Sau đây là những sự việc cụ thể:

Cao-Đạt người làng Tình-Di, huyện Hương-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là một người thiếu Văn-Hóa, nhưng thừa sức mạnh, lại giỏi võ nghệ.

Khi cụ Phan-Đình-Phùng phất cờ khởi nghĩa Cần-vương tại vùng Nghệ-Tĩnh, Cao-Đạt là một người ứng nghĩa lớp đầu tiên, là một người gan dạ lại giỏi võ nghệ, qua nhiều trận chiến đấu giết được nhiều lính Pháp và ngụy quân, họ Cao lên tới chức Đề-đốc nghĩa quân, nên có tên gọi là Đề-Đạt.

Đề-Đạt là một trong những vị tướng xuất sắc, ngang hàng với Nguyễn-Thoại, Nguyễn-Trách, Ngô-Quảng, Nguyễn-Cấp, Nguyễn-Thuật, Vũ-Phát, Nguyễn-Mục, đã một thời làm cho bọn Pháp và Nguyễn-Thân khét tiếng với cái tên Đề-Đạt.

Khi cụ Phan-Đình-Phùng, bị bệnh kiết lỵ, tạ thế bên sườn núi

Quạt (Quát-Sơn). Nghĩa quân tan rã. Trong khi tan rã ấy, nghĩa quân một số nghe lời dụ dỗ của Nguyễn-Thân ra đầu hàng Pháp, để rồi chúng giải về Huế chém đầu hết.

Một số khác, trong số đó có Đề Đạt, không chịu xuất thú, tìm đường băng ngàn vượt suối xuyên qua Trung-Lào, rồi vượt Cửu-Long sang khu đông bắc Thái-Lan, cư hợp nhau lại, lập chiến khu tại một khu rừng, có tên gọi là «Na-Ngua Na-Na» thuộc phủ Sa khon thuộc tỉnh Oudonne. [1]

Ở đó, các cụ mua sắm khí giới, chiêu mộ và luyện tập nghĩa quân, mong có ngày trở về nước, xây dựng lại cơ sở kháng-chiến.

Nhưng lúc bấy giờ bọn Pháp ở Đông-Dương đã dùng cái lý của kẻ mạnh, ép buộc Xiêm phải cho họ mang lính tráng sang mở cuộc tảo thanh.

Thế rồi Đề-Đạt bị Pháp bắt với một số trên 10 người nữa giải về nước.

Khi giải về nước, một số bị giết, và một số bị đày ra Côn-đảo trong đó có Đề-Đạt.

Nhưng cũng từ đó, họ Cao đi vào con đường phản-bội và hư hỏng, mà các cụ Tiền bối, đồng ngụ với họ Cao cho là «Đuôi chó».

GIAI ĐOẠN LỊCH-SỬ PHẢN-BỘI CỦA CAO-ĐẠT. VẤN-ĐỀ TÌNH-ÁI CỦA CAO-ĐẠT

Đây là một vấn đề không liên quan tới lập trường Cách-Mạng và chính-trị, nhưng cũng không thể tách rời phương diện đạo đức, phẩm hạnh của một con người.

Để dễ hiểu con người Cao-Đạt, một con người hữu thủy vô chung, chúng tôi xin kể lại mẫu chuyện nầy hầu quý vị độc giả.

Nguyên Cao-Đạt là một nhân vật xuất thân trong một gia-đình nghèo hèn, làm nghề sơn tràng (lao công đốn cây trong rừng cho những lái buôn cây). Thời bấy giờ ở làng Phố-Châu có một gia đình thế phiệt người họ Nguyễn, có một cô gái tên là Tô (Nàng Tô) là một đóa hoa khôi

1. Na-Ngua Na-Na, tên một khu rừng già, thuộc địa phận phủ Sakhon, trong tỉnh Oudonne.

Có lần chúng tôi đi cùng cụ Đặng-Thúc-Hứa qua nơi nầy, cụ nói cho hay: nơi nầy là chiến khu của Đề-Đạt.

của huyện Hương-Sơn, một huyện thường được xưng tụng là nhiều con gái đẹp nhất trong 2 tỉnh Nghệ-Tĩnh.

Nhưng khi còn là một tên phu sơn-tràng đốn cây, mỗi lần được gặp Nàng Tô đi bán lụa ở chợ Phố, chợ Hạ, thì anh ta chỉ nhìn nàng mỹ nữ kia như trông những ngôi sao trên trời, vì lẽ ý niệm « môn đăng hộ đối » của thời đại không cho phép anh ta mơ ước.

Nhưng khi anh phu sơn-tràng kia đã vì thời thế mà trở thành quan Đề-Đốc, một vị tướng lãnh lừng danh của đội nghĩa quân vùng Nghệ-Tĩnh, như vậy đã là một ông quan Cách-Mạng rồi, thì ông ta có quyền nghĩ tới việc chiếm hữu đóa hoa khôi ấy.

Một hôm, 12 nghĩa quân kéo về làng Phố-Châu, kèm theo một cái võng và một số nhiên liệu với một lệnh truyền.

1.— Võng Nàng Tô về cho quan Đề-Đốc làm phu nhân.

2.— Nếu không sẽ dùng số nhiên liệu kèm theo đó đốt hết cả làng.

Cả làng Phố-Châu, nhất là họ Nguyễn hết sức sửng sốt, nhưng không thể không vâng lời. Nhưng rồi người ta cũng lý giải được vấn-đề oái-oăm đó theo câu tục ngữ của địa-phương Nghệ-Tĩnh : « Đàn bà sang tắt ».

Thế là Nàng Tô ở làng Phố-Châu nghiễm nhiên trở thành mệnh phụ của quan Đề-Đốc nghĩa quân núi Quạt, chung sống với chồng trong chiến khu suốt 10 năm kháng chiến chống Pháp.

Tương truyền rằng, trên đường lưu vong sang Xiêm. Đề-Đạt mang theo cả vợ. Nhưng rồi bị Tây mang lính đuổi theo, ông ta phải bỏ vợ lại trong rừng để thoát lấy thân.

Tây lùng bắt được vợ Đạt, mang về giao lại cho bố mẹ đẻ và sau đó nàng lấy chồng khác, người họ Hồ, cũng ở trong làng Phố-Châu.

Cháu đích tôn bà ta tên là Hồ-Hùng, hiện là một nhân vật khá quan trọng ở Hà-Nội. Tới năm 1956, bà ta vẫn đang sống ở địa phương, đã ngoài 90 tuổi đời.

---

1. Câu chuyện tình ái của Cao-Đạt trên đây, không biết khi họ Cao hành động như thế, đánh cướp con gái người ta về làm vợ, không biết cụ Phan có biết hay không? Nếu có biết, tại sao Cụ lại để bộ hạ của Cụ làm như thế ?

Phải chăng quốc gia đang lâm nguy, đại sự quan trọng quá nhiều, một mình xoay xở không xuể, không còn đủ thì giờ để kiểm soát xiết hết chăng. Hay là Cao-Đạt đã dấu không cho Cụ Phan biết ?.

Trở lại câu chuyện Đề-Đạt sau khi bị bắt ở Xiêm đem về.

Đáng lý ra trong số người bị bắt về chém đầu, người đầu tiên phải là Đề-Đạt. Nhưng không hiểu ông ta đã khai báo với Tây thế nào, khuất phục đầu hàng ra sao, hứa hẹn đái tội lập công với Tây như thế nào nữa, mà chỉ thấy phải đi Côn-Lôn lối một vài năm chi đó, thấy Tây ân xá cho về an nghiệp, rồi lấy vợ khác và đẻ con.

Thường thường.... khi thì viên Công sứ và Tuần vũ Hà Tĩnh, cho người mời tới tỉnh dự tiệc, có khi lại cũng đi Huế để gặp viên Khâm sứ Trung-Kỳ, lại có khi đi cả Hà-Nội để gặp Marty, chủ nhiệm phòng chính trị của Phủ Toàn quyền Hà-Nội, sau đó là chánh Liêm-phóng Đông-Dương.

— Theo nhận xét chung của các nhà hoạt động chính trị ở vùng Nghệ-Tĩnh như các cụ Ngô-đức-Kế, Đặng-văn-Bá, Lê-văn-Huân, Đặng-Nguyên-Cẩn, Nguyễn-Đình-Kiên v....v... thì đều cho rằng, Đề-Đạt đã thực sự làm tay sai cho thực-dân Pháp, nên mới có sự đãi ngộ, ân cần nồng hậu như thế.

Tuy nhiên, những nhận xét trên — dù là của các nhà Tiền bối cách-mạng — cũng chưa đủ chứng cớ chắc nịch để đem Cao-Đạt ra phiên tòa Lịch sử để tái thẩm. Mà tội trạng Cao-Đạt, đích thực 100% là tội trạng nầy:

a) *PHÁP ĐEM ĐẠT SANG XIÊM ĐỂ NHẬN DIỆN ÔNG THẠCH-PHONG.*

Năm 1928, kẻ viết bài nầy đang ở Xiêm đã được chứng kiến vụ nầy.

Thạch-Phong, người huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà-Tĩnh, là một nghĩa quân Cần-Vương của Phan-Đình-Phùng ở Vũ-Quang.

Khi chiến khu Vũ-Quang tan rã, Thạch-Phong cũng theo Cao-Đạt lưu vong sang Xiêm, rồi cũng ở dưới cờ Cao-Đạt tại chiến khu « Na-Hgua Na-Na » thuộc phủ Sa-khon (khu đông bắc Thái-Lan).

Cái hôm chiến khu « Na-Ngua Na-Na » bị Pháp mang quân sang bao vây, Thạch-Phong tẩu thoát kịp.

Khi đồn điền Bạn-Đồng-Thầm do cụ Phan-Bội-Châu, Đặng-Tử-Kính, Ngọ-Sanh Đặng-Thúc-Hứa ở Nhật về thiết lập, Thạch-Phong liền tới đó cáng đáng mọi việc. Thạch-Phong là một trong những vị nguyên lão cố vấn cho Tổ-chức Cách-Mạng Việt-Nam ở Thái-Lan vào thời kỳ cận đại, mang tên là ông Cu-Sói.

Bọn mật thám Pháp dò biết được tin tức, mới dùng cái lý của kẻ mạnh mang cảnh-sát Xiêm vào bao vây bắt được Thạch-Phong.

Trong khi đang bị giam giữ ở Vọng-Các, Thạch-Phong chỉ khai tên Cu-Sói, bất nhận cái tên Thạch-Phong.

Thế rồi, mật thám Đông-Dương đem Cao-Đạt sang tận Vọng-Các để nhận diện Thạch-Phong.

Vì sự nhận diện của Cao-Đạt mà Thạch-Phong bị giải về nước, rồi bị kết án đày đi Côn-Lôn.

b) *RỂ VÀ CON CAO-ĐẠT, ĐỀU LÀ NHỮNG THÁM TỬ LỢI HẠI CỦA PHÁP, TRONG VIỆC PHÁ HOẠI CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM Ở XIÊM*

Con trai Cao-Đạt, tên là Cao-Cường, con rể tên là Lê-Xuân-Long, được Marty gởi sang Vọng-Các cho Đỗ-Hùng. Đỗ-Hùng người Thanh-Hóa, được Pháp gởi đi Pháp học về khoa mật thám, khi sang làm với Pháp ở Vọng-Các, mang nhãn hiệu là Phó Đại-Sứ, nhưng thực tế là một tên thám tử lợi hại ở Xiêm.

Bàn tay lông lá của Đỗ-Hùng đã chôn vùi khá nhiều cán bộ Cách-Mạng Việt-Nam ở Xiêm.

Cường và Long (rể và con Cao-Đạt) chịu mệnh lệnh và kế hoạch của Đỗ-Hùng đi tới thị xã Phi-Chịt, thị xã nầy cách đồn điền Bạn-Đồng-Thầm 17 km, trang tác mở một hiệu chụp hình, để làm việc dò la tìm kiếm hành tung của những người cách-mạng ở Bạn-Đồng-Thầm. Sau khi Cường và Long đã bố trí bắt mất 3 cán bộ quan trọng, đó là ông Võ-Tùng, cựu sinh viên trường Hoàng-Phố, sau về phụ trách công tác ở Xiêm. Ông Đặng-Cảnh-Tân tức Anh Ty (con trai ông Ngư Hải Đặng-Thái-Thân), ông Bùi-Khương, tức Hán, người Can-lộc Hà-Tĩnh cũng một người ở Tàu về giúp việc ở Xiêm.

Sau khi ba cán bộ quan trọng bị bắt, nhà nguyên lão cố vấn Cách-Mạng Việt-Nam ở Xiêm không thể không phải bố trí thanh toán 2 tên tầu cầu lợi hại nầy.

Anh Võ-Văn-Siêu, nguyên quán người Phủ Diễn-Châu (Nghệ-An) được cụ Đặng giao kế hoạch.

Nhưng ông Siêu mới thanh toán được Cường thì Long vì quá sợ nên bỏ chạy về Vọng-Các, từ đó không dám bén mảng tới Phi-Chịt nữa.

Trên đây là hai tội trạng của Cao-Đạt, có lẽ không một ông luật sư nào bào chữa nổi cho Cao-Đạt trước một phiên tòa Lịch-sử Cách-Mạng nữa.

NHẬN XÉT CỦA CHÚNG TÔI:

Các tài liệu dùng để luận tội của các tòa án «Minh-Nghĩa» của các cụ *tiền Văn-thân Cần-vương:* Phan-Đình-Phùng, Tống Duy-Tân, Nguyễn-Thiện-Thuật, cũng như các cụ hậu Văn-Thân Đông-Du, Duy-Tân, Quang-Phục của các cụ Cường-Để, Phan-Bội-Châu, Nguyễn-Thượng-Hiền, gần đây nhứt là Tòa án «Minh-Nghĩa» của Việt-Nam Quốc-dân đảng Nguyễn-Thái-Học đều quy định rằng:

«Tội trạng của những người Cách-Mạng, vô luận vì động cơ nào, trở lại phản bội Cách-Mạng, giờ lại hợp tác với giặc phá hoại Cách-Mạng, nặng nề hơn nhiều so với những người hợp tác với giặc mà trước họ chưa từng làm Cách-Mạng.

«Vì lẽ rằng, những người đã từng làm Cách-Mạng tức là đã biết thế nào là đại nghĩa quân vương, thế nào là quốc-gia dân-tộc, thế nào là đoàn thể, thế nào là Cách-Mạng rồi.

«Vì vậy, những tên «Phản bội» bao giờ cũng phải bị trừng trị xứng đáng...».

Vụ án Trương-Quang-Ngọc trong cuộc khởi nghĩa Phan-Đình-Phùng. Nguyễn-Danh-Cần, Cao-Ngọc-Lệ trong cuộc khởi nghĩa Tống Duy Tân. Phan-Bá-Ngọc trong phong trào Quang-Phục, vụ án Thị Nhu, Thị Uyển của Việt-Nam Quốc-dân đảng đã nói lên điều đó.

Vậy thì tội trạng Cao-Đạt, không bị trừng trị trước pháp-luật, chỉ vì ông đã chết được trước năm 1945 (Cao-Đạt chết trước từ năm 1941).

Nhưng một con người như thế, ít ra ông ta cũng phải bị lên án trước một phiên Tòa Lịch-sử tái thẩm, để cho hợp lẽ công bình.

Đó là điều mong ước của chúng tôi, khi dựng bút viết bài này.

ĐÔNG TÙNG

TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG 1925-1930

TÀI LIỆU CỦA SỞ MẬT THÁM ĐÔNG DƯƠNG *

▽ NGUYỄN NGỌC CƯ *dịch*

L.T.S: Tiếp theo tài liệu về VIỆT-NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG đăng ở các số 6 và 11 cùng ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG ở số 14-15, chúng tôi xin cống hiến tiếp cùng quí bạn đọc tập tài liệu về TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG do giáo sư Nguyễn Ngọc Cư dịch.

Chúng tôi chủ trương tôn trọng nguyên bản dù tài liệu có trái hẳn với quan điểm, lập trường của Nhóm Chủ Trương.

LỜI TỰA

Chính-trị Cục thuộc Phủ Toàn-Quyền Đông-dương định công-bố một loại tài-liệu làm sáng tỏ sự thực trong cuộc phiến-động xảy ra tại Đông-Pháp từ 1925 đến 1932. Những tài-liệu này sẽ chia thành năm tập:

Cuốn I.— Tân-Việt Cách-Mệnh Đảng.

Cuốn II.— Việt-Nam Quốc-Dân Đảng ở Bắc-Kỳ.

Cuốn III.— Việt-Nam Quốc-Dân Đảng của nhóm xuất-dương ở Trung-hoa.

Cuốn VI.— Cộng-Sản Đảng Đông-Dương.

Cuốn V.— Cuộc khủng-bố năm 1930-1931 tại Đông-Dương.[1]

---

* Indochine. Gouvernement Général, Direction des Affaires Politiques et de la Sûreté Générale. Contribution à l'Histoire des Mouvements Politiques de l'Indochine Française: Le « Tân Việt Cách Mạng Đảng ou « Parti Revolutionnaire du Jeune Annam », 1925-1930. Hanoi: IDEO, 1933. Pp. 63.

1. Năm 1934 thêm tập « Les Caodisme » (1926-1934). Pp. 112 đã được ấn hành (dịch giả chú thích).

Tập này mang số 1, nói về Tân-Việt Cách-Mệnh Đảng.

Vào năm 1925-1926, một hội kín mang tên này đã được tổ-chức tại các tỉnh miền Bắc Trung-kỳ, tập-hợp những tiểu công-chức người bản-xứ và tiểu tư-sản thấm nhuần ý-thức quốc-gia. Trên thực-tế, đảng này không gây được chút ảnh-hưởng nào đối với đại-chúng, chưa qua nổi giai-đoạn tổ-chức khó-khăn và đã cáo chung trước khi việc tổ-chức được ổn-kiện. Đa số đảng-viên đã bị Đông-dương Cộng-sản đảng thu hút rất mau lẹ.

Lịch sử cuộc thăng-trầm của hội-kín thất-bại ấy giúp ích cho việc tìm-hiểu tâm-lý những người bản-xứ, sau khi hấp thụ được nền tiểu-học Pháp, khao-khát làm chánh-trị theo gương người quốc-gia Trung-hoa hay Ấn-độ và chung cuộc đã bị đắm chìm trong cơn bão-tố cách-mạng.

Hoàng-đức-Thi, một trong những người sáng-lập ra hội ấy, đã ghi-chú lịch-sử của đảng trong một thiên bút-ký mà tính-cách trung-thực đã được các Sở đặc-trách thuộc Chính-trị Cục nghiệm-chứng cẩn-thận Thiên bút-ký ấy được công-bố trong tập này: đây là một tài-liệu rất chân-thực và linh-động hơn bất cứ một bản tường-thuật hoàn-toàn khách-quan nào dựa theo các hồ-sơ của Sở Liêm-phóng.

Hà-nội, tháng 9 năm 1933
Quyền Cục-Trưởng Chính-trị Cục và Liêm-phóng
Louis Marty

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẢNG PHỤC-VIỆT

Giai-đoạn thứ nhất.— Sau các chính-biến xảy ra tại Đông-dương năm 1908 và 1912, lao-ngục Côn-lôn (Côn-sơn) giam cầm một số sĩ-phu có tinh-thần hăng-hái đã ít nhiều nhúng tay vào một cuộc âm-mưu phương-hại an-ninh quốc-gia.

Những thất-bại liên-tiếp của các âm-mưu đã làm thối-chí một số lớn các sĩ-phu ấy. Một số khác hối tiếc việc đã làm và chỉ còn trông mong được phóng-thích hoặc chờ ngày nhắm mắt bằng những giòng lệ khóc cho bĩ-vận. Tuy nhiên có mấy người vẫn chưa chịu thua và hoàn-toàn tin-tưởng vào câu châm-ngôn Tàu: « Thất-bại là mẹ thành-công. »

Họ nói rằng: chúng ta chớ nản lòng; các cuộc thất-bại cho chúng

ta hiểu rõ mình thêm và chỉ dẫn cho chúng ta con đường chắc-chắn tiến tới thắng-lợi. Chính-đảng của chúng ta đã thiếu tổ-chức, thiếu kế-hoạch và thiếu cả phương-tiện hoạt-động nhất-định để đạt một mục-đích chính-xác. Giữa các đảng-viên không có sức kết-hợp nào; mạnh ai nấy hoạt-động tùy sở-dục, chẳng đề-phòng những trở-lực thường vấp phải trên đường tiến-hành. Vậy chúng ta hãy tự tổ-chức chặt-chẽ và dứt bỏ những thói xưa đã gây ra thất-bại.

Nguyên-điểm cách-mệnh ấy gồm những sĩ-phu quyết-tâm tiếp-tục tranh-đấu ngay sau khi được phóng-thích, đã thiết-lập tại lao-ngục Côn-lôn đảng Phục-Việt. Những sáng-lập viên chính-yếu là: Lê-Huấn, Tú Kiên, Cử Ngô, Trần-Hoành và Lê-Đại. Họ nhằm mục-tiêu tái chinh-phục cõi Đông-dương bằng võ-lực; chương-trình hoạt-động gồm ba điểm sau đây:

1.— Tìm hiểu nguyên-nhân của những thất-bại trước;

2.— Liên-hợp với Phan-bội-Châu đang ở Trung-quốc và các đồng-chí của ông;

3.— Những người đã được trả tự-do phải tích-cực tuyên-truyền trong cõi Đông-dương.

Họ xúc-tiến ngay việc thực-thi quyết-định ấy. Tú Kiên và Trần-Hoành được chỉ-định tìm cách vượt ngục Côn-lôn để sang Trung-hoa với nhiệm-vụ liên-lạc với Phan-bội-Châu hoặc lâm-thời, với Phan-bá-Ngọc là một trong số phụ-tá trọng-yếu của ông. Hai người phải trình-bày chương-trình của tân đảng và xin gia-nhập đảng của Phan-bội-Châu.

Việc chuẩn-bị vượt ngục được xúc-tiến mạnh và chẳng bao lâu Tú Kiên và Trần-Hoành đã ra khơi trên một chiếc bè [1]. Sau mấy ngày vượt biển, họ cập bến tại tỉnh Bình-thuận rồi từ đấy sang Trung-hoa qua miền Thượng-du. Hy-vọng thành-công của họ rất mỏng-manh. Dù sao thì sau nhiều cơn nguy-biến, hai người cũng tới được Quảng-châu [2].

Hoạn nạn đang chờ họ tại đây. Bấy giờ Phan-bội-Châu không còn ở Trung-quốc. Tú Kiên và Trần-Hoành gặp Phan-bá-Ngọc và tưởng rằng y là người bạn rất tận-tụy với Phan-bội-Châu, nhưng thực ra thì

1. Tú Kiên và Trần-Hoành đã vượt ngục Côn-lôn ngày 20-8-1917 cùng với Phạm-cao-Đài và ba tù-nhân thường-phạm.

2. Chỉ có Tú Kiên và Phạm-cao-Đài đi thoát sang Trung-hoa còn Trần-Hoành bị bắt tại Sài-gòn ngày 25-9-1917 (chú thích của nguyên bản).

y đã bắt đầu xa lìa đảng ; hai người trình-bày với y mọi kế-hoạch và yêu-cầu y giúp đỡ. Ngọc rủ hai người lên Thượng-hải và nộp họ cho các nhà chức-trách Pháp [1].

Tú Kiên và Phạm-cao-Đài đã bị phản-bội và dự-tính của đảng Phục-Việt bất thành.

Trong khi hai kẻ đào-vong bất-hạnh trở lại ngục-thất thì Lê-Huấn và Cử Ngô được ân-xá. Ngay sau khi hồi hương hai người lại tuyên truyền cho đảng nhưng họ vấp phải những khó khăn bất ngờ. Thế-hệ mới sắp trở thành lớp thượng-lưu trong nước đã theo phong-tục Pháp và nói tiếng Pháp ; đối với những thanh-niên ấy, người Pháp có lòng nể vì. Hai nhà cách-mạng nghĩ rằng đã đến quá muộn và Đông-dương chịu khuất-phục hẳn rồi thì coi như đã vĩnh-viễn mất vào tay người Pháp.

Sau nhiều năm nỗ lực, các nhà cách-mạng lão-thành ấy không tuyển được một đảng-viên nào. Họ chẳng còn dám hô-hào khởi-nghĩa vì coi ai nấy đều là phản quốc.

Nếu đảng Phục-Việt không tan rã hẳn thì ít ra cũng lâm vào tình trạng bất lực trong nhiều năm.

* * *

Giai-đoạn thứ Hai. Sau Đệ nhất Thế chiến (1914-1918), số thanh-niên đã được huấn-luyện trong các trường tiểu-học và trung-học rất đông. Đa số thông-minh, đứng-đắn và đều là lương-gia tử-đệ ; họ biết ít nhiều Hán-tự. Trong thời gian học-tập, họ đã xúc động mạnh vì những thoại-đề kích thích lòng yêu nước của các giáo-sư hàng ngày bêu xấu những tác-phong tàn-bạo của quân Đức do các báo và thông-tín tường-thuật. Họ thường chỉ nghe thấy nói về nỗi thống-khổ của các dân-tộc bị áp-bức, về quyền đòi tự-do và độc-lập.

Bầu không-khí kích-thích ấy hun đúc cho các thanh-niên một tinh-thần hăng-hái được biểu-lộ qua hành-vi và ngôn-ngữ.

Do đó mà ngày 11-11-1918, khi nghe loan tin cuộc Đình-chiến, người ta đã nghe thấy nhiều học-sinh trường Quốc-học ở Huế lớn tiếng thét : «Việt-Nam vạn-tuế ! Đả-đảo bọn xâm lăng !» thay vì lời phụ-họa lời hô của các giáo-sư : «Pháp-quốc muôn năm ! Đả đảo quân Đức !» Trong cuộc diễn-hành do ban giám đốc nhà trường tổ-chức vào buổi

1. Tú Kiên và Phạm-cao-Đài bị bắt tại Thượng-hải ngày 25-2-1918 rồi bị giải về Đông-dương (chú thích của nguyên bản).

chiều hôm ấy, mấy học-sinh làm ngược lại chỉ-thị, đã phất cờ Việt-Nam thay cho cờ tam-tài và nói với chúng bạn: « Đây là biểu-trưng sự thắng-lợi của chúng ta. » Những học-sinh thông thạo chữ Hán hơn cả sáng tác những câu thơ phúng-thích và ca từ ngắn tán-tụng các vị anh-hùng dân-tộc hoặc phàn-nàn cho nỗi khổ-cực của nhân dân Việt-Nam.

Đa số thanh-niên được rèn-luyện trong thời-kỳ kích-thích đặc-biệt của thế-chiến đã trở thành công-chức và địa-vị này càng khiến cho ý-thức của họ thêm phần hăng-hái. Họ chuyên đọc những báo chí quá khích nhất và ham kiếm những tác-phẩm của những nhà cách-mệnh lão-thành mà họ tìm cách cầu thân.

Vì vậy, vào khoảng 1924, Lê-Huân đã liên-lạc được với mấy trang thanh-niên niên ái-quốc hăng-hái nhất như Trần-mộng-Bạch. Ngô-đức-Diễn và Tôn-quang-Phiệt khả dĩ gây đủ lòng tin cậy, bèn cho họ biết sứ-mạng mà Huân tưởng chẳng bao giờ có thể làm trọn vẹn. Lê-Huân lại vững lòng và quyết tâm cải-tổ đảng « Phục-Việt ».

Ngày 14-7-1925, Lê-Huân, Trần-mộng-Bạch, Ngô-đức-Diễn và Tôn-quang-Phiệt đã họp mặt trên một ngọn đồi ở gần Bến-thủy, gọi là « Núi con mèo » và tái-lập đảng Phục-Việt. Mọi người tuyên thệ trung-thành với đảng và triệt-để hy-sinh cho nền độc-lập của xứ sở.

Khốn nỗi, những nhà cách-mệnh ấy chẳng biết tí gì về chính-tình Đông-dương. Họ cũng không thảo nổi một chương-trình hoạt-động thích-nghi với tình-thế. Tất cả đều mong muốn Việt-Nam được độc-lập nhưng chẳng có ai xác-định nổi những phương-tiện cần xử-dụng. Người thì cổ-vũ việc chiếm nước bằng võ-lực, kẻ lại khuyến-cáo nên dùng những phương-sách ôn-hòa và nhất là sự hợp-tác Pháp-Việt. Vì không thể hoàn-toàn đã thông tư-tưởng, họ chỉ quyết-định:

— nghiên-cứu chính-tình quốc-nội để tìm ra đường lối hữu hiệu nhất tùy theo tình-thế;

— tìm cách liên-lạc với những chính-khách xuất-dương hiện đang ở Trung-quốc và Tiêm-la để biết rõ trạng-huống và kế-hoạch của họ;

— và, sau hết, kết-nạp đảng-viên mới.

Vì Tôn-quang-Phiệt phải ra Bắc-kỳ để tiếp-tục theo học Trường Đại-học Đông-dương [1] nên lãnh nhiệm-vụ thành-lập tại đây một chi-bộ

1. Niên-học 1925-1926, Tôn-quang-Phiệt lên năm thứ Hai Trường Cao-đẳng Sư-phạm Đông-dương (Ban Văn-chương). Phiệt đã không tốt-nghiệp trường này vì không theo trọn học-trình (3 năm). (Lời phụ-chú của người dịch).

mới cho đảng. Trần-mộng-Bạch và Trần-Phú phụ-trách việc tuyên-truyền phải nhận thêm công-tác nghiên-cứu tình-hình Đông-dương. Chính Lê-Huân lãnh trách-vụ nối lại mối liên-lạc với cách phần-tử xuất-dương ở Trung-hoa. Ngô-đức-Diễn, giáo-viên bổ-dụng ở Khánh-hòa, nhận việc cổ-động và tìm cách bành-trướng đảng tại tỉnh này.

Lê-duy-Điếm, sinh tại huyện Nghi-xuân (Hà-tĩnh), được cử làm đại-diện cho đảng để tìm cách liên-lạc với các chính-khách xuất-dương hiện đang ở bên Tiêm-la và Trung-quốc. Việc chọn lựa này đã căn-cứ vào trí thông-minh và tinh-thần rất cởi mở của đương-sự là người ngoài hai ưu-điểm đó, còn biết nói ít nhiều tiếng Pháp và xử-dụng Hoa-ngữ rất lưu-loát. Trần-Phú vốn là bạn học cũ của Lê-duy-Điếm và cùng chung một lòng yêu nước, đã giới-thiệu với Trần-mộng-Bạch. Điếm là người tình-nguyện làm trung-gian để liên-lạc với hải ngoại. Được sự đồng ý của Trần-mộng-Bạch và Lê-Huân, Lê-duy-Điếm bèn lên đường sang Tiêm-la ngay.

Điếm đã tới nơi, không vấp phải khó khăn nào và đã hội-đàm với Tú Hứa[1] là lãnh-tụ các nhà cách-mạng Việt-Nam ở Tiêm-la. Chỉ một thời-gian lưu-trú ngắn cũng đủ cho Điếm nhận thấy lòng yêu nước của kiều-bào đã nguội lạnh; họ chỉ tính chuyện làm giàu bằng việc canh-tác. Khỏi cần nấn ná, Lê-duy-Điếm vội dùng đường bể sang Quảng-Châu.

Vì chẳng có thư giới-thiệu và ám-hiệu, Điếm không được các chính-khách xuất-dương ở Trung-hoa hoàn toàn tin cậy và còn nghi rằng Điếm làm việc cho chính-quyền Pháp. Tuy-nhiên, Điếm cũng đã một vài lần hội-kiến với các lãnh-tụ của nhóm cách-mệnh ở Quảng-châu và đã trình-bày sứ mạng của mình.

Lê-duy-Điếm đã kinh thán trước hoạt-động cách-mệnh của nhóm kiều-bào tại đô-thị Trung-hoa này, sống chung dưới một mái nhà, họ làm chính-trị không chút e dè, tổ-chức những buổi diễn thuyết, phân-phát công-khai những tờ báo viết bằng Việt-ngữ. Họ có nhiều sách vở khảo-luận về những vấn-đề chính-trị và hàng ngày đàm-luận về cách-mệnh[2]. Tuy nhiên cấp chỉ-đạo không chịu tiết-lộ với Điếm các kế-

1. Đặng-Thúc-Hứa (Dịch giả chú thích).

2. Nguyễn-Ái-Quốc từ Mạc-tư-Khoa tới Quảng-châu năm 1925, thành lập ngay « Liên-minh các dân-tộc bị áp-bức ». Chi-bộ Việt-Nam của khối Liên-minh này gồm những nhà cách-mệnh Việt-Nam ưu-tú xuất-dương ở Trung-quốc. Do sự kích thích của Nguyễn-Ái-Quốc, các nhà cách mệnh

(*Xem tiếp trang 144*)

hoạch của họ. Họ khuyên Điểm nên về nước kiếm những chứng-từ xác-nhận chức-vụ đại-diện một đảng cách-mệnh và cho biết rõ chương-trình của đảng. Ngoài ra, Điểm cũng phải dìu dắt một số sinh-viên sang thụ-huấn tại Trường Cách-mệnh ở Quảng-châu.

Lê-duy-Điểm lên đường về nước và tới Vinh vào tháng 6 năm 1926.

Trong khi Lê-duy-Điểm thi-hành nhiệm-vụ ở hải ngoại thì các đảng viên «Phục-Việt» khác chẳng ở không. Với sự phụ-tá của Ngô-đức-Trí và mấy sinh-viên Cao-đẳng Đông-dương khác, Tôn-quang-Phiệt đã thành-lập ở Bắc-kỳ một chi-bộ của đảng Phục-Việt. Tại miền bắc Trung-kỳ, Cử Ngô và Nguyễn Trác đã được Lê-Huân kết-nạp vào đảng; Trần-mộng-Bạch đã tuyển chọn Phan-kiêm-Huy, Hoàng-đức-Thi và Trần-văn-Tang. Tại miền nam Trung-kỳ, Ngô-đức-Diễn kết-nạp Hà-huy-Tập là một giáo-viên tại Nha-Trang. Đảng Phục-Việt cũng đã gom được một số tiền do đảng-viên đóng góp; vào giữa năm 1926, số tiền ấy lên tới chừng 500$ và được giao cho Trần-mộng-Bạch quản-lý.

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG HƯNG-NAM

Trong hai năm: 1925 và 1926, nhiều biến-cố chính-trị quan-trọng đã dồn dập xảy ra tại Đông-dương: Phan-bội-Châu bị câu-lưu ngày 30 tháng 6 năm 1925 và kết án ngày 23-11-1925, — Phan-châu-Trinh trở về Đông-dương ngày 26-6-1925 và diễn-thuyết mấy buổi ngay sau đó, — Toàn-quyền Varenne tới nhậm chức ngày 18 tháng 11 cùng năm ấy và,

---

. . .

ấy đã tổ-chức mau lẹ theo đúng nguyên tắc của chủ-thuyết Cộng-sản. Họ thảo quy-trình, lập một quỹ dự-bị và xuất-bản một tờ báo mang tên «Thanh-niên» để tuyên-truyền rộng rãi.

Nhóm chính-trị mới này chỉ có chừng 50 đảng-viên, được củng cố trong năm 1926 và lấy tên là «Việt-Nam Cách-mệnh Thanh-niên Đồng-chí Hội.»

Rất cố-chấp về phương-pháp cách-mệnh, cấp chỉ-đạo nhóm này coi chừng những phần-tử phiến-động tại nội-địa cõi Đương-dương với những ý-tưởng thiếu vẻ chính-truyền. Để tổ-chức tại Đông-dương cuộc phiến-động theo đúng phương-pháp của họ, họ thu-hút sang Quảng-châu những thanh-niên Việt-Nam được tuyển chọn kỹ-lưỡng.

Đoàn-thể này do Nguyễn-Ái-Quốc trực-tiếp điều-khiển cho tới 1927 là năm mà chính-quyền Quảng-châu có phản-ứng lần đầu.

Đó chính là nhóm mà Lê-duy-Điểm đã tiếp-xúc.

sau hết, Phan-châu-Trinh mất ngày 24-3-1926.... Một tư-trào chính-trị linh-hoạt thấu vào công-chúng, những truyền-đơn đã được tung ra, những cuộc biểu-tình diễn-xuất, những cuộc tập-hội và diễn-thuyết được tổ-chức. Đảng « Phục-Việt » không dửng dưng trước những biến-thiên ấy. Chi-bộ ở Bắc-kỳ của Đảng do Tôn-quang-Phiệt điều-khiển tung ra một truyền-đơn yêu-cầu mọi người đòi ân-xá cho Phan-bội-Châu (Xem Phụ-bản 1 đính hậu). Danh-hiệu « Phục-Việt » được giữ bí-mật cho tới bấy giờ, đã bị tiết-lộ cho công-chúng rõ vì tờ truyền-đơn sách-động ấy. Cách xử-sự của Tôn-quang-Phiệt đã khiến cho Trần-mộng-Bạch và các đảng-viên ở miền bắc Trung-kỳ bất bình; họ bèn quyết-định cải danh cho đảng. Và đảng « Phục-Việt » đã đổi tên thành đảng « Hưng-Nam » [1].

Đảng « Hưng-Nam » vẫn duy-trì mục-đích của đảng « Phục-Việt » nhưng có một tính-cách ôn-hòa hơn. Đảng ấn-định một chương-trình và tổ-chức có qui-củ.

Một Tổng bộ (trung ương) đặt trụ-sở tại Vinh, gồm ba bộ:

— Nội-chính bộ do Phan-kiêm-Huy và Hoàng-đức-Thi điều-khiển;

— Ngoại-giao bộ do Trần-mộng-Bạch điều-khiển;

— Tài-chánh bộ do Lê-Huân và Cử Ngô điều-khiển.

Nhiều chi-bộ được tổ-chức tại các tỉnh miền bắc Trung-kỳ. Tỉnh-bộ Thanh-hóa đặt dưới quyền điều-khiển của Cử Ngô; tỉnh-bộ Nghệ-an do Phan-kiêm-Huy điều-khiển và tỉnh-bộ Hà-tĩnh do Hoàng-đức-Thi và Lê-Huân lãnh đạo.

Để bổ-xung ngân-quỹ, Lê-Huân và Cử Ngô đã kết-nạp những đảng-viên tặng-dữ. Lê-Thước và Nguyễn-Trác được xếp vào hạng này vì hai người vốn là quan-chức không thể giữ một vai trò hoạt-động [2].

Tổng-bộ và đại-diện các tỉnh-bộ thường họp tại nhà Trần-mộng-Bạch hoặc tại nhà Lê-Thước. Mỗi người tường-trình hội-nghị về việc thi-hành nhiệm-vụ đã được giao-phó.

Vấn-đề quan-trọng nhất được thảo-luận trong các phiên hội-nghị ấy là việc soạn-thảo một chương-trình. Chung cuộc, Trần-mộng-Bạch đã đưa ra một dự-thảo được các đại-diện khác tán-thành. Có thể tóm lược chương-trình ấy trong mười điểm sau đây:

---

1. Hai chữ « Hưng-Nam » đồng nghĩa với « Phục-Việt » vì là đối-tự ngữ (cùng một ngữ nguyên « Phục-Hưng Việt-Nam »).

2. Bấy giờ Nguyễn-Trác làm Tri-huyện Nghi-lộc và, sau đó, làm Nghị-Trưởng viện Nhân-dân đại-biểu.

1⁰ Đảng « Hưng-Nam » có nhiệm-vụ lo toan cho nền độc-lập cõi Đông-dương bằng việc chuẩn-bị một cuộc cách-mệnh ôn-hòa:

2⁰ Một khi giành được độc-lập, Đông-dương sẽ thành-lập chính-phủ theo nguyên-tắc của chính-thể cộng-hòa và chỉ theo chủ-nghĩa cộng-sản khi nào chủ-nghĩa này được thực-thi tại các cường-quốc;

3⁰ Để đạt mục-đích ấy, trước hết đảng « Hưng-Nam » phải lo toan việc chấn-hưng đạo-đức, trí-năng và kinh-tế của Đông-dương:

a) Về phương-diện đạo-đức: đảng sẽ nỗ-lực thực-hiện những cải-cách sâu rộng trong tổ-chức gia-đình và thôn-xã, bài-trừ dị-đoan và các thói xấu ngăn cản sự tiến-bộ.

b) Về phương-diện trí-năng: đảng sẽ khuyến-khích sự học-tập bằng việc mở thêm trường sở mới, phiên-dịch và phổ-biến sách vở, báo-chí.

c) Về phương-diện kinh-tế: đảng sẽ phát-triển nền thương-mại, kỹ-nghệ và canh-nông bằng việc thiết-lập những đại công-ti thương-mại và kỹ-nghệ Việt-Nam và bằng cách khai-khẩn đất hoang.

4⁰ Tổ-chức đảng: quyền chỉ-đạo tối cao thuộc một Cố-vấn bộ và một Đại cơ-quan (ủy-ban quốc-gia).

Cố-vấn bộ gồm những đảng-viên tuyển lựa trong hàng cao niên, giàu kinh-nghiệm nhất và cần có uy-tín đạo đức đối với dân-chúng.

Đại cơ-quan gồm:

Một văn-thư bộ;

Một tài-chính bộ;

Một tuyên-truyền bộ;

Một giáo-dục bộ,

Một điều-tra bộ;

Một thư-vụ bộ.

Mỗi xứ thuộc Liên-bang Đông-dương sẽ đặt dưới quyền chỉ-đạo của một tiểu cơ-quan (xứ bộ) điều-khiển các đại chi-bộ (tỉnh bộ) và tiểu chi-bộ (quận-bộ).

Hàng năm, vào khoảng tháng bảy dương-lịch một đại hội-nghị toàn-quốc sẽ nhóm họp. Trong kỳ khai-hội, mọi quyết-định quan-trọng sẽ được đưa ra biểu-quyết.

5⁰ Muốn được kết-nạp vào đảng, hậu-tuyển viên phải đủ 20 tuổi, có học và do một đảng-viên giới-thiệu.

6⁰ Ở đâu các đảng-viên cũng phải luôn luôn cư xử với tư-cách những nhà ái-quốc và đáng làm thầy dân-chúng. Mọi hành-vi đáng trách đều bị tuyệt-đối cấm-chỉ và đảng khuyến cáo ai nấy phải khiêm-tốn và có lòng từ-thiện, tiết-kiệm và siêng-năng, thận-trọng và can-đảm.

7⁰ Số tiền nguyệt-liễm sẽ để cho mỗi người tùy-nghi thẩm-định. Tuy-nhiên các công-chức sẽ không phải đóng quá 1/12 số nguyệt-bổng. Tiền nguyệt-liễm sẽ thu vào cuối mỗi lục cá nguyệt.

Nếu chợt phải chi-tiêu bất-kỳ thì đảng sẽ mở cuộc lạc-quyên giữa các đảng-viên. Tuy nhiên đảng cũng có thể nhận những tặng-vật của các nhà hảo-tâm.

8⁰ Ngay khi đã lập xong cơ-sở vững-chắc, đảng «Hưng-Nam» sẽ cử tới các cường quốc những đại-diện có học-thức và đứng đắn có nhiệm-vụ:

a) Tổ-chức một chính-phủ cộng-hòa lâm-thời nguyên-tắc của các đại dân-tộc;

b) Lo toan việc đào-tạo cán-bộ cho một đạo quân cách-mệnh hùng-mạnh bằng cách cho những công-dân Việt-Nam xuất-dương thụ-huấn tại các trường võ-bị lớn ở ngoại-quốc.

Sau cuộc cách-mệnh, những sĩ-quan đã được đào-tạo bằng phương-cách ấy sẽ lãnh nhiệm-vụ tổ-chức quân-đội cách-mệnh và huấn-luyện họ theo các phương-pháp tối-tân để thành-lập một đạo quân quốc-phòng hùng-mạnh.

9⁰ Trong khi những người xuất-dương học-tập ở hải-ngoại thì tại quốc-nội, đảng sẽ nghiên-cứu về chiến-lược và thu góp lương-nhu cần-thiết cho quân-đội. Tất cả các đảng-viên phải theo một khóa huấn-luyện quân-sự cơ-bản. Cuộc tuyên-truyền cho đảng trong hàng ngũ lính khố đỏ và khố xanh chỉ xúc-tiến khi cuộc cách-mệnh sắp bùng nổ.[1]

10⁰ Đảng «Hưng-Nam» chỉ nên trông cậy vào thực-lực của mình. Khi cảm thấy đủ khả-năng để, trước là giành lại, sau là bảo-vệ nền độc-lập cho Đông-dương, đảng sẽ hành-động bằng phương-pháp ngoại-giao hầu tránh cho xứ sở một cuộc chiến-tranh tàn-hại. Chỉ khi nào các phương-tiện ôn-hòa đều thất-bại thì mới đề-cập tới bạo-động.

* * *

1. Vì thế người ta đã không thấy lính khố xanh và lính khố đỏ tham-gia cuộc biến-loạn năm 1930 (dịch giả chú thích).

PHẦN THỨ BA

VIỆT-NAM CÁCH-MỆNH ĐẢNG

Như đã tường-thuật trên đây, Lê-duy-Điếm rời Trung-hoa về nước vào tháng 6 năm 1926 và báo-cáo ngay về nhiệm-vụ với Trần-mộng-Bạch. Bạch bèn triệu-tập một phiên họp bất thường của Tổng-bộ tại Vinh. Hiện-diện có: Trần-mộng-Bạch, Lê-Huân, Ngô-đức-Diễn, Cử Ngô, Trần-Phú và Hoàng-đức-Thi. Chương-trình nghị-sự nhằm thảo-luận về cách phúc-đáp các đồng-chí ở Quảng-châu. Hội-nghị quyết-định cử Trần-Phú sang Quảng-châu, đem theo một bức thư giới-thiệu của Trần-mộng-Bạch và một bản chương-trình do Ngô-đức-Diễn soạn thảo bằng mật-mã; Trần-Phú sẽ nhân-danh đại-diện đảng «Hưng-Nam» có toàn-quyền ký kết một cuộc liên-minh với các chính-khách xuất-dương. Phú sẽ được Lê-duy-Điếm hướng-dẫn và có Tôn-quang-Phiệt, phụ-tá đại-diện, cùng Hoàng-văn-Tùng đồng hành. Từng là một đảng-viên mới, được Hoàng-đức-Thi giới-thiệu là người tình-nguyện sang Trung-hoa bằng tự-phí. Hội-nghị biểu-quyết chi 200$ làm lữ-phí và ủy cho Hoàng-đức-Thi việc bàn-tính với Lê-duy-Điếm để ấn-định ngày khởi-hành.

Khi Trần-mộng-Bạch cho Lê-duy-Điếm tường về các quyết-định ấy thì Điếm có dị-nghị rằng vì danh-hiệu của đảng không trưng đủ tính-cách cách-mạng, các kiều-bào ở Trung-hoa có thể khước từ việc liên-minh với một chính-đảng mà họ cho là chỉ chủ-trương cải-cách. Trần-mộng-Bạch thấy dị-luận ấy hợp-lý và, sau khi bàn-luận với các đồng-chí, đổi tên đảng «Hưng-Nam» thành «Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng».

Cuộc chuẩn-bị khởi-hành của phái-đoàn đại-diện đảng được xúc-tiến gấp. Ngô-đức-Diễn giao cho Trần-Phú một bản sao chương-trình của đảng «Hưng-Nam» trong đó danh-hiệu «Hưng-Nam» đã được thay thế bằng danh-hiệu «Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng». Hoàng-đức-Thi và Lê-duy-Điếm quyết-định rằng các đại-diện sẽ gặp nhau ngày 13 tháng 7 tại khách-sạn Nam-Lai ở gần ga xe lửa Hà-nội (Ga Hàng Cỏ). Hoàng-đức-Thi nhận từ tay Trần-mộng-Bạch món tiền 200$ và đi giao cho Trần-Phú và Tôn-quang-Phiệt đang chờ ở Vinh. Từ địa-điểm này, Thi ra Thanh-hóa để báo cho Hoàng-văn-Tùng biết ngày sẽ lên đường.

Khi tiễn Hoàng-văn-Tùng ra ga vào ngày khởi-hành, Hoàng-đức-Thi rất lấy làm ngạc-nhiên thấy rằng đi theo Lê-duy-Điếm chẳng những

chỉ có Trần-Phú và Tôn-quang Phiệt mà còn có cả Nguyễn-văn-Lợi, Phan-trọng-Bình, Phan-đức-Quang và Nguyễn-ngọc-Ba. Tổng-Oanh là con rể Phan-bội-Châu cũng gia-nhập phái-đoàn.

Trần-Phú hỏi Hoàng-đức-Thi về lý-do tăng-cường nhân-số của phái-đoàn nhưng chính Thi cũng không rõ. Cuối cùng Lê-duy-Điếm và Tôn-quan-Phiệt cho biết là thấy phái-đoàn đại-diện thưa-thớt quá nên họ đã lựa thêm mấy đảng-viên mới để gây một ấn-tượng tốt hơn đối với nhóm mà họ sắp yêu-cầu liên-minh, Hoàng-đức-Thi cảm thấy họ đã dấu không cho biết những lý-do đích thực của quyết-định ấy nhưng vì thời-gian đã gấp, Thi đành tạm chấp-nhận lời giải-thích đã nêu ra. Thi chúc cho các đại-diện lên đường may mắn rồi trở về Vinh.

Ở Hà-nội, phái-đoàn lại còn được tăng-cường nhân-số bằng mấy phần-tử mới do bạn-hữu của Lê-duy-Điếm kết nạp. Tới lúc đó người ta mới bắt đầu nghi rằng Lê-duy-Điếm đã lãnh nhiệm-vụ nhị-trùng.

Nhưng các kế-hoạch của đảng đã bị Chính-phủ khám-phá và, ngày 17 tháng 7, phái-đoàn đại-diện suýt bị bắt tại Móng-Cái. Ngoại-trừ hai người, [1] họ đã chạy thoát và vượt qua biên-giới. Tại Quảng-châu, họ được nhóm chính-khách xuất-dương tiếp đón long-trọng theo nghi-lễ dành cho các sứ-đoàn.

Trần-Phú trình-bày cách tổ-chức đảng, mục-đích, chương trình và tỏ nguyện-vọng muốn liên-minh của « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng ». Các nhà cách-mệnh xuất-dương thành thạo về các vấn-đề chính-trị nhiều hơn các đại-diện mới từ Việt-Nam tới, bèn cho thấy kế-hoạch của họ hoàn-toàn không-tưởng và họ cần phải tự đặt dưới quyền chỉ-đạo của chi-bộ Quảng-châu. Bấy giờ Trần-Phú mới nhận ra rằng « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Trung-quốc đặt trụ-sở tại Quảng-châu đã phát-triển mạnh và Lê-duy-Điếm đã cải đảng trong chuyến xuất-dương lần đầu rồi trở về nước chỉ cốt để kết-nạp và hướng-dẫn sang Trung-hoa nhóm thanh-niên mới xuất-ngoại. Mấy đại-diện khác cũng đã gia-nhập đảng « Thanh-niên » ở Quảng-châu. Tuy gặp vạn nan trong việc thi-hành chương-trình, nhóm « Thanh-niên » này

1. Khởi-hành từ Hà-nội ngày 15 tháng 7, đoàn xuất-ngoại đến Hải-phòng cùng ngày và xuống chiếc tàu thủy « Emeraude » ra tới Móng-Cái ngày 17-7. Từ Móng-Cái, họ phải theo đường bộ để vượt biên nhưng bị Cảnh-sát thình lình tóm được tại Mũi Ngọc.

Tôn-quang-Phiệt và Hoàng-văn-Tùng bị câu-lưu, còn mấy người khác vượt biên thoát và sang Trung-hoa.

đã thuyết phục và lôi cuốn được tất cả những nhà cách-mệnh Việt-Nam ngụ tại Trung-quốc.

Nhưng ta hãy trở lại quốc-nội là nơi mà các đảng-viên «Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng» đang tuyên-truyền ráo riết cho đảng.

Những lớp tráng-niên được thiết-lập tại Vinh để huấn-luyện và tổ-chức đám thợ-thuyền làm trong các xí-nghiệp. Trọng trách này được giao cho Phan-kiêm-Huy và Hà-huy-Tập chẳng bao lâu cả hai người đã được các học-viên quý-mến và tin cậy. Hà-huy-Tập đặc-biệt phụ-trách việc huấn-luyện cách-mệnh đầy đủ cho các phần-tử ưu-tú nhất để kết-nạp họ vào đảng. Tên Đĩ Hảo được tuyển-chọn đầu tiên.

Trần-mộng-Bạch, bấy giờ làm Giám-thị nội-trú tại Trường Trung-học Vinh đã lập được «Tu-thân Hội», tuyển-lựa hội-viên trong số học-sinh lớn tuổi nhất. Muốn nhập hội, họ phải thề chăm học-hành và tránh mọi tật xấu để tận lực phục-vụ nguyên-lợi của đảng. Trần-ngọc-Danh, Tôn-quang-Duyệt và Trần-văn-Cung nổi tiếng mau le về hạnh-kiểm và được kết-nạp ngay vào «Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng».

Đảng còn kết-nạp thêm những đảng-viên mới, nhất là trong hàng giáo-chức. Phan-kiêm-Huy khuyến-dụ Thái-văn-Đắc và Lê-trọng-Bật; Hoàng-đức-Thi kết-nạp Nguyễn-trí-Tư và Ngô-đức-Đệ ở Hà-tĩnh; Nguyễn-sĩ-Khánh được Cử Ngô tuyển lựa ở Thanh-hóa. Như vậy đảng đã đủ đảng-viên để có thể tổ-chức tại ba tỉnh miền bắc Trung-kỳ một tỉnh-bộ cho mỗi tỉnh. Các tỉnh khác chỉ được tổ-chức đầy đủ về sau này.

Đồng thời với «Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng», đảng «Việt-Nam Cách-Mệnh Thanh-Niên Đồng-Chí Hội»[1] phát-triển tại Đông-dương. Ngay sau chuyến sang Trung-quốc lần thứ nhất, Lê-duy-Điếm đã tuyên-truyền cho đảng này và kết-nạp được Nguyễn-văn-Hậu, Phan-văn-Quán và Phan-quốc-Thụy họp thành tiểu tổ đầu tiên ở Vinh. Tuy bề ngoài danh-hiệu không cho thấy liên-quan gì với Cộng-sản đảng, «Việt-Nam Cách-Mệnh Thanh-Niên Đồng-Chí Hội» áp dụng đúng phương-pháp của đảng này. Ngoài công-tác tuyên-truyền và tổ-chức, đảng-viên còn phụ-trách việc triệt-giảm ảnh-hưởng của «Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng» có chủ-trương quốc-gia làm cản-trở cuộc tuyên-truyền của họ. Những chi tiết của cuộc tranh đấu này sẽ được tường-thuật sau.

1. Xem Tập Tài-liệu. Cuốn số IV, mục «Lịch-sử đảng Thanh-niên».

Cũng trong thời-kỳ ấy, Phạm-Quỳnh có ý thành-lập tại Đông-Dương một đoàn-thể chính-trị hợp-pháp chủ-trương cộng-tác với Chính-phủ Pháp trong cuộc chấn-hưng đạo-đức, trí-năng và kinh-tế xứ sở. Báo-chí quốc-ngữ đăng-tải nhiều bài cổ võ việc tạo-dựng ấy. Phạm-Quỳnh soạn thảo một bản tuyên-ngôn và chương-trình của chính-đảng này; cả hai bài đều được công-chúng hoan-nghênh nhiệt-liệt.

Nhiều đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » đứng ra cổ xúy quan-niệm mới này. Họ coi việc thành-tựu quan-niệm này là cơ-hội duy-nhất để hợp-pháp hóa đảng của họ bằng cách hòa-nhập vào đoàn-thể mới. Trên các báo xuất bản tại Bắc và Nam-kỳ, Trần-mộng-Bạch tích-cực ủng-hộ chính-sách của Phạm-Quỳnh và yêu-cầu thực-thi ngay. Vấn-đề làm phấn-khởi tất cả các giới trí-thức. Lê-Thước, Trần-đình-Nam, Huỳnh-thúc-Kháng, Ngô-đức-Kế, Nguyễn-đình-Ngạn và nhiều nhân-sĩ khác đều chuyên-tâm cổ-võ.

Phan-bội-Châu cũng tham-gia cuộc tranh-đấu. Nhiều cuộc họp được tổ-chức ở Vinh, Huế và Đà-nẵng để thiết-lập một chương-trình nhất-định. Mấy phái-đoàn được cử ra Hà-nội và vào Saigon lấy ý-kiến của Phạm-Quỳnh, của Bùi-quang-Chiêu và nhiều nhân-vật khác để xem Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-Kỳ có chịu tập-hợp thành một đoàn-thể duy-nhất hay đoàn-thể này sẽ chỉ thành-lập riêng tại Trung-kỳ. Nam-kỳ không tán-đồng kế-hoạch đầu-tiên ấy vì đã có một đảng lập-hiến do Bùi-quang-Chiêu lãnh-đạo. Tại Bắc-kỳ chỉ có mấy nhân-vật ít thế-lực tán-đồng, như Mai-du-Lân, Đào-thao-Côn ở Hà-nội và Đặng-đình-Điền ở Thái-bình.

Ngày 10-9-1926, một đại Hội-nghị khai-mạc tại Đà-nẵng. Hơn bốn mươi người tới họp, trong số có ba người Bắc-kỳ kể trên. Đảng « Hưng-Nam » có ba người đại diện: Lê Huân, Hoàng-đức-Thi và Cử Ngô.

Trong phiên họp ấy:

— Đoàn-thể lấy tên là « Việt-Nam Tấn-bộ Dân-hội »;

— Một chương-trình được dự-thảo để đệ lên Phủ Toàn-Quyền trình-duyệt cùng với một đơn xin phép thành-lập tân-đảng;

— Một phái-đoàn đại-diện gồm Lê-Huân và Trần-đình-Nam sẽ thân đệ chương-trình và đơn ấy lên Phủ Toàn-Quyền trình duyệt.

Phiên họp bế-mạc sau cuộc thảo-luận kéo dài trong 12 giờ và mọi người hiện-diện đều hy-vọng đơn thỉnh-cầu sẽ được chấp-thuận. Nhưng Chính-phủ đã bác khước. Sự thất-bại này gây uất-ức cho đảng-viên đảng « Hưng-Nam » vì đã đặt họ vào tình-trạng bất hợp-pháp.

Họ bèn cả quyết dấn thân vào con đường cách-mạng. Danh-hiệu « Hưng-Nam » được thay hẳn bằng danh-hiệu « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » là danh-hiệu từ trước tới giờ chỉ được nêu trong khi liên-lạc với « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Quảng-châu.

Phái-đoàn đại-diện cử sang Trung-hoa tháng 7-1926 đã về nước vào tháng 11 cùng năm. Chỉ có Lê-duy-Điếm và Trần-Phú tới gặp Trần-mộng-Bạch ; còn các đảng-viên khác muốn tuyệt-giao với đảng cũ. Điếm và Phú tường-trình với Trần-mộng-Bạch kết-quả của phái-đoàn và khuyên Bạch gia-nhập đảng « Thanh-niên », áp-dụng các phương-pháp của đảng này và kết-hợp các đảng-viên thành những tiểu-tổ. Họ còn yêu-cầu gửi năm sinh-viên sang Trung-quốc.

Trần-mộng-Bạch lưu ý họ rằng « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » có một mục-đích để tiến-tới và không bao giờ chịu đặt đảng dưới quyền điều-khiển của một chính-đảng khác. Tuy nhiên Bạch thuận thỉnh-ý các bạn xuất-dương, nghiên-cứu chương-trình của họ cùng các phương-pháp tổ chức và giao cho họ việc huấn-luyện mấy đảng viên. Với những điều-kiện ấy, Điếm không chịu tiết-lộ chương-trình của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và chỉ cho Bạch biết cách tổ-chức đảng-viên thành những tiểu-tổ.

Vì sợ bị bắt, Trần-Phú chỉ lưu-trú một tuần-lễ tại Trung-kỳ rồi lại sang Trung-hoa.

Lê-huy-Điếm hội-kiến với Trần-mộng-Bạch một lần nữa để nài nỉ về việc gửi mấy sinh-viên sang Quảng-châu. Bạch thuận giao cho Điếm hai người : Trần-văn-Cung, học-sinh trường Trung-học Vinh và là hội-viên « Tu-thân Hội » và Nguyễn-Từ, nguyên học-sinh Trường Các Sư-huynh ở Huế và là em họ của Hà-huy-Tập. Trần-mộng-Bạch tặng 100$ làm lộ-phí và hai người lên đường cùng với Lê-duy-Điếm.

Sau ngày khởi-hành của Trần-Phú và Lê-duy-Điếm, có mấy chính-khách từ Trung-hoa về tìm gặp Trần-mộng-Bạch. Nguyễn-ngọc-Ba tức Quảng-Trắng và Phan-đức-Quảng tức Quảng-Đen tình-nguyện giúp « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » và tuyên-thệ sẽ trung-thành với đảng.

Trần-mộng-Bạch tường-thật với Lê-Huân, Hoàng-đức-Thi, Cử Ngô và Phan-kiêm-Huy về các cuộc hội-kiến với những nguyên đại-diện từ Trung-quốc trở về. Mọi người đồng ý nên chờ thêm tin-tức mới trước khi liên-lạc mật-thiết hơn với các chính-khách xuất-dương. Trong khi ấy, Phan-đức-Quảng tức Quảng-Đen nhận thấy hành-vi của y đã làm

cho các đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » nghỉ-ky, bèn bỏ sang Lào lấy cớ là đi tìm việc làm nhưng thực ra là để tuyên-truyền cho « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí-Hội ». Trong bọn chính-khách từ Trung quốc về chỉ còn lại Nguyễn-ngọc-Ba, nhưng « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » không giao nhiệm-vụ nào cho y.

Đầu năm 1927, Trần-văn-Cung và Nguyễn-Từ hồi hương. Cung có mang theo một bức thư gửi cho Trần-mộng-Bạch. (Thư này viết bằng mực kín chế với chất hồ, phải bôi rượu i-ốt lên thì mới thấy lộ mặt chữ). Trong thư, đảng « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Quảng-châu tán-tụng Trần-mộng-Bạch đã thành-lập một đảng cách-mệnh, nhưng đồng thời cũng tỏ cho Bạch thấy những bất lợi lớn của thế cô-lập. Đảng « Thanh-Niên » đề nghị với Bạch hãy bí-mật đặt « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » dưới quyền điều-khiển của đảng ở Quảng-châu. Trần-mộng-Bạch từ khước điều đó và cho Trần-văn-Cung biết rằng sẽ chỉ đề-cập tới giải-pháp này khi nào được biết tường-tận mục-đích và chương-trình hành-động của các chính khách xuất-dương.

Rồi đến lượt Nguyễn-Từ tìm gặp Trần-mộng-Bạch đã triệu-tập Hà-huy-Tập và Lê-Huân tới nhà Lê-Thước. Lúc khai hội. Hà-huy-Tập giới-thiện Nguyễn-Từ là em họ. Rồi Trần-mộng-Bạch lên tiếng và, để gây lòng hoàn-toàn tin cậy của Nguyễn-Từ mà Bạch muốn thấu rõ mọi bí mật, Bạch trình bày tình-hình khả-quan của Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng, biểu-dương sự cộng-tác hữu-ích của Nguyễn-ngọc-Ba và Phan-đức-Quảng rồi kết-thúc bằng lời dụ Từ nên tin-tưởng vào sự liên-hợp Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng và Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội. Bị lung-lạc vì diễn-từ khôn khéo ấy, Nguyễn-Từ không làm khó dễ gì khi tiết-lộ chương-trình của đảng ở Quảng-châu, gồm có ba thời-kỳ chính :

1⁰ Thời-kỳ chuẩn-bị bí-mật việc tổ-chức đại-cương của đảng ;

2⁰ Thời-kỳ đình-công và biểu-tình ;

3⁰ Thời-kỳ tranh đấu công-khai, tức là làm cách-mạng.

Lê-Huân chỉ-trích từng điểm của chương-trình và nói rằng những người soạn-thảo đã chẳng hiểu biết gì về tình-hình Đông-dương, lại còn muốn đốt giai-đoạn. Trần-mộng-Bạch thử thuyết-phục cho Từ thấy rằng các chính-khách xuất-dương đã theo đuổi những ảo-vọng và khuyên Từ cứ tiếp-tục ở trong Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng là hơn. Đầu buổi họp, Nguyễn-Từ đã tỏ vẻ tương-dung, nhưng trước thái độ của Bạch, y bèn

thoái-thác và tuyên-bố: « Dù đồng-chí có nói gì nữa cũng không thuyết-phục nổi tôi. Tôi chỉ biết có một chính đảng là đảng « Thanh-Niên ». Tôi đã gia-nhập thì tôi cứ ở trong đảng ».

Sau buổi hội ấy, Nguyễn-Từ đi Quảng-trị là nơi có người anh làm việc tại Ty Công-chính. Trần-mộng-Bạch thấy việc kết-nạp Từ rất có lợi cho đảng. Vì vậy Bạch cử Nguyễn-ngọc-Ba đi Quảng-trị và dùng mọi cách làm cho Từ thay đổi ý-kiến. Sở dĩ Ba không thành-công trong nhiệm-vụ là vì hắn cũng là đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » như tất cả các chính-khách từ Trung-quốc về. Ba đã liên-lạc với Trần-mộng-Bạch chỉ cốt để hiểu biết ý-hướng và khi Bạch cho biết cảm-tưởng về bức thư từ Quảng-châu gửi về thì Ba hứa nhận việc chuyển thư phúc-đáp.

Trần-mộng-Bạch thuận để Ba giúp, giao cho Ba 50$ làm lộ-phí và nhờ Ba nói cho chi-bộ Quảng-châu rõ ràng « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » cần được biết rõ chương-trình của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » trước khi có quyết-định và trong lúc này, không muốn giao-ước thêm nữa. Nguyễn-ngọc-Ba ra đi và từ đó biệt vô âm-tín.

Đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » đã thông-tường âm-mưu cộng-sản của « Việt-Nam Thanh-niên Cách-Mệnh Đồng-chí Hội » và để triệt-giảm ảnh-hưởng của đảng này, họ quyết-tâm khuếch-trương tột-mực « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng ». Nhằm mục-đích ấy, họ tìm cách lôi cuốn các chính-khách từ Trung-quốc về tuyên truyền cho phe xuất-dương. Họ cũng theo cách tổ-chức thành tiểu-tổ của đảng « Thanh-Niên » nhưng mỗi tiểu-tổ chỉ gồm năm đảng-viên thay vì sáu. Để cho các chính-khách ở hải ngoại trở về Đông-Dương tưởng rằng hai chính-đảng đã hợp-nhất, họ còn làm ra vẻ công-nhận quyền-hành của Ủy-ban trung-ương ở Quảng-châu.

Tuy nhiên cách xử sự ấy chẳng đem lại kết-quả khả-quan. Bọn chính-khách ở Trung-quốc về, phần lớn thất-nghiệp, thường đi lại nhiều trong nước và như vậy, có điều-kiện thuận-lợi để phổ-biến chủ-nghĩa của họ. Ngược lại, hầu hết đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » là công-chức nên chỉ có thể gây ảnh-hưởng đối với dân chúng ở các đô-thị. Tuy gặp những khó-khăn ấy, đảng đã kết-nạp được những đảng-viên mới trong số có Tú-Kiên mới được phóng-thích khỏi lao-ngục Côn-lôn và Đào-xuân-Mai là người đã liên-lụy trong vụ Móng-Cái (tháng 7-1926). Hai đảng-viên này đã do Lê-Huân và Phan-kiêm-Huy tuyển lựa.

Tôn-quang-Phiệt, bị bắt ở Móng-Cái ngày 17-7-1926, được Tòa Thượng-thẩm Hà-nội tha bổng ngày 19-4-1927. Với sự phụ giúp của Ngô-đức-Diễn, Phiệt đã cải-tổ ngay xứ-bộ của Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng ở Bắc-kỳ và thành-lập những tỉnh-bộ đúng theo đảng-quy.

Tại Trung kỳ, tỉnh bộ Nghệ-an do Phan-kiêm-Huy điều-khiển gồm có Nguyễn-đình-Đoàn, Hà-huy-Tập, Thân-trọng-Phước, một y-sĩ mới được kết-nạp.

Tỉnh-bộ Thanh-hóa gồm có Cử Ngô, Nguyễn-sĩ-Khánh và mấy đảng-viên mới.

Tại Huế, Đào-duy-Anh, do Trần-mộng-Bạch tuyển lựa, lãnh nhiệm-vụ thành-lập một tỉnh-bộ.

Tú-Kiên muốn vào ở Saigon để mở một tiệm bán đồ đổi mồi lãnh trách-vụ tổ-chức trong Nam-kỳ. Trên dọc đường, Kiên phải tìm kiếm bạn bè cũ để cùng nghiên-cứu cách tổ-chức đảng tại miền trung và miền nam Trung-kỳ.

Tại Quảng-trị, Trần-Hoàng tức Cửu Cai đã tỏ ra hoàn-toàn dửng dưng với chính-trị; tại Huế, Huỳnh-thúc-Kháng chỉ nhằm một lý-tưởng: việc khuyếch-trương tờ báo « Tiếng Dân »; Phan-bội-Châu khăng khăng một mực định thực-hiện chính-sách « Pháp-Việt đề-huề » hư-ảo. Những nhà cách-mạng khác như Trần-đình-Nam và Nguyễn-đình-Ngạn đã hoàn-toàn thất-vọng sau thất-bại của « Việt-Nam Tân-bộ Dân Hội. »

Tại Quảng-nam, những người có ý-hướng tiến-bộ không rời Huỳnh-thúc-Kháng và chỉ lo giúp cho tờ báo « Tiếng Dân ».

Vào tới Quảng-ngãi, Tú-Kiên mới gặp được một cảm-tình-viên. Đó là Tú-Trần, người đã thành-lập được một nhóm cách-mạng nhỏ chỉ hoạt-động theo quan-niệm riêng. Đoàn-thể này mang tên « Tân-Việt Đảng » và chỉ có chừng 60 đảng-viên. Sau mấy cuộc thương-nghị với cấp lãnh-đạo, Tú-Kiên đã lôi cuốn được họ vào « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng ». Hai đảng-viên, Ngọc và Bút, được cử ngay ra Vinh để liên-lạc với tỉnh-bộ địa-phương. Tú-Kiên đã cho họ biết các ám hiệu để nhận nhau và địa-chỉ các đảng-viên cần tiếp-xúc.

Khi tới Vinh, Ngọc và Bút đến nhà Thân-trọng-Phước và xin cho hội-kiến với Trần-mộng-Bạch và Phan-kiêm-Huy. Lời yêu-cầu của hai người được chấp-nhận liền. Hai đại-diện « Tân-Việt Đảng » vốn là người chất-phác, đã trình-bày ngay thực cho các lãnh-tụ « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » những lý do đưa họ ra Vinh. Trần-mộng-Bạch và Phan-kiêm-Huy mời họ tạm trú tại một khách-sạn để chờ phúc đáp.

Ngày hôm sau, Hoàng-đức-Thi ra Vinh, Tỉnh-bộ quyết-định thử-thách chân-tình và lòng can-đảm của hai vị đại-diện tỉnh Quảng-ngãi. Nhằm mục-đích ấy, các ủy-viên tỉnh-bộ Vinh dàn một màn-cảnh rất hài-hước để đùa hai người. Phan-kiêm-Huy hẹn gặp họ tại chùa Hội-đồng tọa lạc ở phía sau thành Vinh. Ngọc và Bút tới chỗ hẹn đúng giờ nhưng thay vì gặp mặt Phan-kiêm Huy, họ lại thấy một nhân-viên sở Liêm-phóng hỏi giấy căn-cước và lý-do cuộc lưu-trú của họ ở Vinh. Bất chấp những lời đe dọa của Công-an viên, hai đại-diện tỉnh Quảng-ngãi chỉ trả lời thối-thác vô hại. Trần-mộng-Bạch bèn xen vào can-thiệp và xin Công-an viên. Không ai khác hơn là Hoàng-đức-Thi đừng làm cho hai du-khách thuần-hòa phải lo ngại nữa. Riêng đối với hai đại-diện thì Bạch yêu-cầu có mặt tại chùa Lang-Vang ngay buổi chiều.

Hoàng-đức-Thi tới chỗ hẹn với tư-cách đại-diện cho đảng. Hai du khách rất lo lắng khi thấy mặt Thi và chỉ được yên tâm sau khi Phan-kiêm-Huy đã giải-thích đầy đủ.

Sau chuyện đó, cuộc lễ tuyên-thệ theo thường lệ diễn ra và Hoàng-đức-Thi tuyên bố việc kết-nạp hai người vào « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng ». Phan-kiêm-Huy lãnh trách-vụ cho họ những chỉ-thị cần-thiết để cải-tổ nhóm cách-mạng Quảng-ngãi theo nguyên-tắc của « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » và nhóm này trở thành một tỉnh-bộ.

Tú-Kiên, vẫn còn ở trong Nam-kỳ, chỉ có thể thành-lập một xứ-bộ địa-phương vào cuối năm 1927 với sự giúp sức của Trần-ngọc-Danh, Hà-huy-Tập và Trần-phạm-Hồ.

Đảng còn dự định khuếch-trương sang Lào. Trần-văn-Kiêm do Hoàng-đức-Thi tuyển-lựa và giới-thiệu với Phan-kiêm-Huy, lãnh trọng-trách thành-lập một tiểu-bộ ở Savannakhet là nơi Kiêm được bổ dụng làm thư-ký Ty Bưu-điện. Tuy nhiên Kiêm không liên-lạc với tỉnh-bộ Vinh. Về sau, người ta hay tin rằng y đã ly-khai để gia-nhập « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ».

* * *

PHẦN THỨ TƯ

VIỆT-NAM CÁCH-MỆNH ĐỒNG-CHÍ HỘI

Vào khoảng tháng 7 năm 1927, nhận thấy « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » đã đình-chỉ mọi liên-lạc với họ, chi-bộ Quảng-châu bèn cử một

lần nữa Lê-duy-Điếm làm đại-diện về gặp Trần-mộng-Bạch để cố tiến tới việc hợp-nhất hai chính-đảng. Lê-duy-Điếm khuyên Trần-mộng-Bạch nên chấp-nhận sự điều-khiển của chi-bộ Quảng-châu, theo chương-trình của đoàn-thể và hợp-nhất hai chính-đảng bắt đầu từ các tiểu-tổ.

Trần-mộng-Bạch đáp rằng việc hợp-nhất thực là đáng kỳ-vọng, nhưng ủy-ban chỉ-đạo phải động-tác ngay tại Đông-dương chứ không thể ở hải-ngoại. Bạch nghĩ rằng cấp chỉ-đạo một chính-đảng phải có đủ tư-thế mà nhận-định chính-xác về tình-hình xứ sở để có thể hành-động đúng thời cơ. Như vậy thì ủy-ban hiện-hữu ở hải-ngoại phải đặt dưới quyền của ủy-ban đặt tại quốc nội. Mặt khác, Trần-mộng-Bạch chống lại nguyên-tắc hợp-nhất từ hạ tầng và đề-nghị hợp-nhất các cơ-quan tổ-chức ở thượng-tầng trước, Lê-duy-Điếm tán đồng đề-nghị sau và trao cho Trần-mộng-Bạch chương-trình của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » để nghiên-cứu và thi-hành.

Một phiên-họp diễn ra tại nhà Thân-trọng-Phước với sự hiện-diện của Lê-Huân, Trần-mộng-Bạch, Nguyễn-Trác, Lê-duy-Điếm và Thân-trọng-Phước.

Lê-duy-Điếm nói về việc cần phải hợp-nhất hai đảng và trình-bày tình-trạng các chính-khách xuất-dương ở Quảng-châu. Rồi Trần-mộng-Bạch đọc bản chương-trình do Lê-duy-Điếm đã giao và hỏi ý-kiến các đảng-viên hiện-diện; chẳng có ai chống đối việc áp-dụng chương-trình ấy trong trường-hợp hai đảng hợp-nhất. Lê-duy-Điếm bèn yêu-cầu nhóm họp các đại-diện hai đảng trong ba xứ để bầu một ủy-ban mới. Trần-mộng-Bạch ưng thuận và chẳng bao lâu các đại-diện do hai bên chỉ-định gặp nhau tại Cửa Hội.

Cùng tới dự hội với Lê-duy-Điếm có Nguyễn-văn-Lợi, đại-diện của xứ-bộ Nam-kỳ, Dương-hạc-Đính, đại-diện của Bắc-kỳ và Nguyễn-văn-Hậu đại-diện của Trung-kỳ. Theo đề-nghị của Lê-duy-Điếm, « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » chỉ cử hai đại-diện: Trần-mộng-Bạch và Ngô-đức-Diễn.

Trong buổi hội, « Việt-Nam Cách-Mệnh Đảng » chấp-nhận chương-trình của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội », và cải danh thành « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Trần-mộng-Bạch được cử làm Thủ-quỹ của Ủy-ban Trung-ương, Nguyễn-văn-Hậu làm Bí-thư, Nguyễn-văn-Lợi làm Ủy-viên liên-lạc; Ngô-đức-Diễn làm Ủy-viên giáo-dục và Dương-hạc-Đính làm Ủy-viên điều-tra. Với tư-cách

là Thủ-quỹ, Trần-mộng-Bạch yêu-cầu được biết rõ thực-trạng tài-chính của hai chính-đảng. Các đại-diện của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » khai rằng đoàn-thể của họ chỉ còn vẻn vẹn 50$; thật là điều dối trá. Tuy nhiên Trần-mộng Bạch cũng không tỏ vẻ nghi ngờ và đã khờ-khạo cho biết rằng đảng mình hiện có 500$ trong quỹ. Bạch nhận món tiền 50$ của đảng kia để xung vào quỹ chung, nhưng, đồng thời, hội-nghị biểu quyết một chi-khoản 100$ dùng làm lộ-phí cho Lê-duy-Điếm sắp phải trở lại Trung-hoa để tường-trình về cách quyết-định của hội-nghị.

Tổng-bộ đã lập xong việc thành-lập các kỳ-bộ được xúc-tiến. Trần-mộng-Bạch nhận trách-vụ nghiên-cứu cùng với Tổng-Oanh và Trần-văn-Cung về thành-phần kỳ-bộ Trung-kỳ. Vì Tổng-Oanh ở Huế, địa-điểm hội-ngộ được ấn-định trên núi Ngự-Bình. Trần-mộng-Bạch có đem theo Đào-duy-Anh; Trần-văn-Cung đến nơi hẹn đúng giờ. Phan-kiêm-Huy và Ngọc là đại-diện tỉnh-bộ Quảng-ngãi cũng có mặt. Duy có Tổng-Oanh khiếm-diện.

Hội-nghị mới khai-mạc, Trần-văn-Cung đã phê-bình « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và cho rằng đảng này chỉ tập hợp lớp trung-lưu, công-chức và tư-bản vốn là kẻ thù của chủ-nghĩa cộng-sản. Cung từ chối không dự phiên hội và rút lui với sự tán đồng của các đảng-viên khác hiện-diện, rồi họ giải-tán mà chẳng quyết-định điều gì.

Ngô-đức-Diễn lãnh trách-vụ bàn-tính với Dương-hạc-Đính, đại-diện của Bắc-kỳ, để thành-lập kỳ-bộ của xứ này, cũng thất-bại. Các đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Bắc-kỳ làm ra vẻ đồng ý với Ngô-đức-Diễn và Tôn-quang-Phiệt, nhưng chẳng chịu góp nguyệt-liễm vào quỹ chung và gửi báo-cáo cho Tổng-bộ ở Vinh.

Mặt khác, Nguyễn-văn-Lợi đã nhận lời vào Nam-kỳ để cùng Tú-Kiên tổ-chức một kỳ-bộ nhưng lại không đi.

Như vậy là những bước đầu tiên nhằm hợp-nhất hai chính-đảng đã thất-bại.

* * *

Xét thấy cấp chỉ-đạo « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Quảng-châu chẳng hề muốn hợp-nhất mà chỉ tìm cách tranh-thủ đảng-viên và gạt tiền của họ, « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội »

quyết-định coi chúng là đối-thủ và triệt-giảm ảnh-hưởng của chúng. Họ tổ-chức theo chương-trình đã sửa đổi của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Những cảm-tình-viên của đảng này bị khai-trừ ngoài những đảng-viên kỳ-cựu như Lê-Huân và Cử-Ngô có nhiệm-vụ liên-lạc với các đảng-viên tặng-dữ.

Tuy vậy họ vẫn liên lạc với các chính-khách xuất-dương nhưng tuyệt đối không cho biết những điều bí-mật của đảng nữa.

Kỳ-bộ Trung-kỳ được cải-tổ, Phan-kiêm-Huy, Đào-xuân-Mai và Thân-trọng-Phước họp thành Ủy-ban thường-trực. Đào-xuân-Mai đã kiếm được một việc làm ở Vinh, xung vào tỉnh-bộ của đô-thị này và có Hà thay thế ở tỉnh-bộ Hà-tĩnh. Tại Quảng-ngãi, Ngọc, Bút cùng mấy đảng-viên khác cũng tổ-chức xong một tỉnh-bộ.

Mặt khác, đảng quyết định cử những đảng-viên có trách-nhiệm tới những tỉnh chưa được tổ-chức chút nào. Theo quyết-định này tỉnh Hà-tĩnh phụ-trách việc tổ-chức « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » tại Quảng-bình, tỉnh Thừa-thiên nhận tổ-chức tại Quảng-trị và Quảng-nam ; sau hết tỉnh Quảng-ngãi phải hoạt-động tại các tỉnh miền nam Trung-kỳ. Tuy nhiên các kế-hoạch ấy vô hiệu vì, như đã nói ở trên, đa số đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » là công-chức và không thể nào di-chuyển được.

Tại Bắc-kỳ, vì « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và nhất là « Việt-Nam Quốc-Dân Đảng » đã gây được ảnh-hưởng quá lớn nên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » khó mà cạnh-tranh nổi. Duy chỉ có mấy sinh-viên gốc ở Vinh hợp-tác với Tôn-quang-Phiệt để thành-lập một kỳ-bộ lâm-thời ở Bắc-kỳ.

Tại Nam-kỳ, hoạt-động của đảng cũng chẳng khả-quan hơn. Vào cuối năm 1927, Ủy-ban chỉ-đạo đã cử Hà-huy-Tập và Trần-ngọc-Danh vào-đó để phụ tá Tú-Kiên.

CHƯƠNG-TRÌNH CỦA «VIỆT-NAM CÁCH-MỆNH ĐỒNG-CHÍ HỘI»

Một chương-trình và quy-trình phỏng theo mẫu của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và do Trần-mộng-Bạch soạn thảo được thi-hành.

Chương-trình gồm :

I. *Danh-hiệu của Đảng :* Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội.

II. *Mục-đích:* Liên-kết toàn dân Việt-Nam và liên-minh với các dân-tộc bị áp-bức cùng với giai-cấp vô-sản trong các nước tư-bản trên toàn thế-giới để:

a) thực-hiện một cuộc cách-mệnh dân-tộc;

b) thực-hiện một cuộc cách-mệnh thế-giới.

III. *Kế-hoạch hành-động:* Kế-hoạch này chia ra ba phần:

1⁰ Một thời-kỳ chuẩn-bị bí-mật gồm:

a) việc tuyển-lựa đảng-viên trong khắp ba kỳ và tổ-chức họ thành tiểu-tổ;

b) việc chuẩn-bị mọi thứ cần-thiết để làm một cuộc cách-mệnh (quân-đội, võ-khí, v.v...)

2⁰ Một thời-kỳ chuyển-tiếp hay tuyên-truyền bán bí-mật (diễn-thuyết công khai, giải truyền-đơn, xúi-giục đình-công).

3⁰ Một thời-kỳ công-khai gồm:

a) cuộc tranh-đấu chống chính-phủ để cướp chính-quyền;

b) tổ-chức chế-độ cộng-sản trong nước.

VI. *Những điều-kiện gia-nhập đảng:* Hễ là người Việt-Nam dù là nam hay nữ, từ 20 tuổi trở lên, biết đọc và viết một trong ba thứ chữ (Pháp, Quốc-ngữ, Hán) và quyết tâm tranh đấu trong hàng-ngũ của đảng có thể kết-nạp làm đảng-viên.

V. *Bổn-phận của đảng-viên:* Đảng-viên phải:

1⁰ Tuyệt-đối giữ bí-mật về công-việc của đảng;

2⁰ Đóng tiền nguyệt-liễm (0$20 nếu là đảng-viên không có chức-nghiệp; 5% lương-bổng nếu là công-chức) và khi cần, tham-dự các cuộc lạc-quyên do đảng mở ra.

3⁰ Tìm cách tuyển-lựa đảng-viên mới;

4⁰ Dự các phiên họp;

5⁰ Báo-cáo trong các phiên-hội về công-tác đã làm, góp ý-kiến về các đề-nghị do một đảng-viên đưa ra và đồng thời đưa ra đề-nghị của mình.

6⁰ Kiểm-soát và phê-bình hạnh-kiểm của các đồng-chí và giáo-huấn họ;

7⁰ tuyên-truyền trong dân-chúng;

8⁰ thông-tin cho đảng về những hành-vi được biết của chính-phủ.

IV. *Trừng phạt:* Tùy theo lỗi nặng hoặc nhẹ, có thể tuyên án: tử hình, khai-trừ vĩnh-viễn hoặc trong một thời-hạn đối với đảng-viên nào:

1⁰ phản đảng;

2⁰ tiết-lộ danh-tính một đảng-viên hoặc tên đảng, tiết-lộ chương-trình hoặc phương-tiện hoạt-động theo chương-trình;

3⁰ bất tuân những chỉ-thị đã lãnh;

4⁰ khiếm-diện trong các phiên-họp hoặc không đóng nguyệt-liễm trong hai tháng liền;

5⁰ rời nơi cư-trú mà không xin phép trước;

6⁰ vu-cáo các đồng-chí;

7⁰ tỏ ra thiếu thiện-chí hoặc mắc những tật xấu do đảng đã cấm đoán (uống rượu, hút thuốc phiện, đam-mê sắc-dục).

***

QUY-TRÌNH CỦA VIỆT-NAM CÁCH-MỆNH ĐỒNG-CHÍ HỘI

I. *Tổ-chức đại-cương.*

Đứng đầu «Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» có một Tổng-bộ (trung-ương) điều-khiển ba Kỳ-bộ của ba xứ (Bắc, Trung, Nam-kỳ); Kỳ-bộ điều-khiển các liên-tỉnh-bộ. Mỗi liên-tỉnh-bộ gồm nhiều tỉnh-bộ do những đại-diện các đại-tổ họp thành. Mỗi đại-tổ gồm ít ra là ba và nhiều nhất là năm tiểu-tổ (tiểu-bộ). Mỗi tiểu-tổ có tối đa năm đảng-viên.

II. *Mỗi tỉnh-bộ và mỗi cơ-quan tổ-chức thượng-cấp có một Chấp-hành ủy-viên hội gồm:*

1⁰ Một bí-thư;

2⁰ Một ủy-viên giao-thông;

3⁰ Một ủy-viên tài-chính;

4⁰ Một ủy-viên giáo-dục;

5⁰ Một ủy-viên tuyên-truyền;

6⁰ Một ủy-viên củ-soát;

7⁰ Một ủy-viên tổ-chức;

8⁰ Một ủy-viên điều-tra.

Nếu cơ-quan tổ-chức tại địa-phương không có đủ đảng-viên thì những trách-vụ kể trên có thể được phân-phối cho ba đảng-viên với điều-kiện là họ cùng cư-trú chung một miền.

III. *Các phiên họp.*

Số phiên họp của mỗi cơ-quan tổ-chức được ấn-định như sau:

— tiểu-bộ họp mỗi tuần-lễ một kỳ;

— đại-bộ họp mỗi tháng hai kỳ;

— tỉnh-bộ họp mỗi tháng một kỳ;

— liên-tỉnh bộ họp mỗi tháng một kỳ;

— kỳ-bộ họp sáu tháng một kỳ;

— tổng-bộ họp mỗi năm một kỳ.

Ngày và nơi họp do bí-thư của mỗi cơ-quan tổ-chức ấn-định và do ủy-viên giao-thông cáo-tri cho các đảng-viên.

Ủy-ban thường-trực của mỗi cơ-quan tổ-chức họp mỗi tuần-lễ một kỳ.

Trong mỗi phiên họp có soạn thảo một chương-trình nghị-sự gồm:

1⁰ Việc định kế thoát-thân, tức là tìm cách đối-đáp trong trường-hợp hội-nghị bị nhà chức-trách ập vào;

2⁰ Việc bảo chủ-tịch, tức là bầu một đảng-viên chủ tọa buổi họp;

3⁰ Việc bí-thư tuyên-bố lý-do khai hội;

4⁰ Việc đọc các báo-cáo;

5⁰ Việc đọc các đề-nghị;

6⁰ Việc yêu-cầu chất-vấn;

7⁰ Diễn-giảng về một đề-tài cách-mạng;

8⁰ Phê-bình;

9⁰ Giải-tán buổi họp.

IV. *Việc kết-nạp đảng-viên mới.*

Việc kết-nạp một đảng-viên mới gồm bốn giai-đoạn:

1⁰ Điều-tra về đời tư và đời công của người hậu-tuyển;

2⁰ Một đảng-viên giao-thiệp với người hậu-tuyển để biết rõ tư-tưởng chính-trị và truyền-thụ cho y những khái-niệm về cách-mệnh;

3⁰ Kết-nạp người hậu-tuyển làm đảng-viên tập-sự;

4⁰ Kết-nạp hẳn vào đảng.

Nếu đã làm thỏa ý sau giai-đoạn thứ hai thì người hậu-tuyển được

giới-thiệu với một đảng-viên, thường là một đảng-viên chưa quen biết, thuộc tiểu-bộ mà y sẽ gia nhập. Rồi, với sự hiện-diện của đảng-viên "giới-thiệu", người hậu-tuyển qua một cuộc thẩm tra về ý-kiến và lý-tưởng. Người hậu-tuyển còn phải cho biết ý-kiến về khả năng thực-hiện cuộc cách-mệnh. Sau đó, y phải thề:

1⁰ Giữ bí-mật cho đảng;

2⁰ Trung-thành với đảng và triệt-để hy-sinh vì mục-đích của đảng;

3⁰ Manh tòng các mệnh-lệnh nhận được;

4⁰ Không ly-khai với đảng.

Việc kết-nạp không thể thực-hiện nếu người hậu-tuyển không chấp-nhận đủ các điều-kiện ấy. Trong trường-hợp chấp-nhận các điều-kiện thì, trước mặt các đảng-viên hiện-diện, người hậu-tuyển tuyên-thệ sẽ tuân-thủ và chịu mọi hình-phạt nếu vi-bội.

Tới đây, đảng-viên đã nhận lời của ủy-ban giới-thiệu người hậu-tuyển tuyên-bố việc kết-nạp y làm đảng-viên tập-sự, phát-lộ cho biết tên và mục-đích của đảng, đọc cho nghe những bổn phận của đảng-viên và những hình-phạt dành cho mọi lỗi. Đảng-viên ấy cũng khuyến cáo y nên thận-trọng để khỏi tiết-lộ các bí-mật của đảng, để tránh mọi sự nghi-ngờ và đánh lạc việc theo dõi của các nhà chức-trách, rồi sau hết, nói về thái-độ phải giữ khi bị câu lưu.

Tân đảng-viên tập-sự dưới quyền giám-thị của người đã tuyển-lựa y và chỉ giao-thiệp với đảng-viên này. Trên nguyên-tắc, đảng-viên tập-sự phải theo những lớp huấn-luyện chính-trị giảng-dạy tại những trung-tâm quan-trọng. Các lớp huấn-luyện ấy gồm một phần lý-thuyết và một phần thực-hành.

Phần lý-thuyết gồm những ý-niệm khái-quát về các chính-thể, một khái-yếu về tình-hình chính-trị của các đại cường-quốc, một cuộc nghiên-cứu về các tệ-hại của chính-sách thực-dân, lịch-trình các phong-trào cách-mệnh ở Đông-dương, cách tổ-chức các phong-trào này và nguyên-nhân thất-bại, v.v...

Phần thực-hành nhằm mục-đích thử-thách những khả-năng của đảng-viên tập-sự. Mấy nhiệm-vụ nhỏ được giao-phó cho y như: giao một thông-điệp cho một đảng-viên, liên-lạc với một số người để tìm hiểu tính-khí, hạnh-kiểm của họ, v.v... Đảng-viên tập-sự còn phải diễn-thuyết một lần về một đề-tài chính-trị.

Hai phần kể trên được giảng-dạy đồng-thời. Nếu tân đảng-viên không

thể tới theo học thì việc huấn-luyện y về cách-mệnh sẽ giao cho đảng-viên đã tuyển-lựa y. Y sẽ được mượn những tập sách nói về cách-mệnh và phải đúc kết một bài tóm lược đệ trình đảng-viên huấn-luyện. Nếu thiếu loại sách đặc-biệt dành cho việc huấn-luyện này thì các đảng-viên giáo-dục có thể dùng những sách và báo chí thông-thường với điều-kiện là phải giải-thích thỏa-đáng.

Trong thời-hạn tập-sự dài độ ba tháng, tân đảng-viên phải tỏ ra can-đảm và hăng-hái trong việc thi-hành các nhiệm-vụ được giao-phó. Nếu hạnh-kiểm của y không được vừa ý, thời-kỳ tập-sự kéo dài thêm một hạn ba tháng nữa ; sau hạn-kỳ này nếu đảng-viên tập-sự không cải-thiện thì sẽ bị khai-trừ hẳn.

Để gia-nhập đảng, đảng-viên tập-sự được đảng-viên đã huấn-luyện giới-thiệu với một văn-phòng gồm có đảng-viên đã nhận cho y tập-sự và một nhân-chứng. Văn-phòng đọc cho y tường quy-trình của đảng; đồng thời, y nhận một công-tác nhất-định và một bí-danh.

V. *Tổ-chức các giới học-sinh, thợ-thuyền và nông-dân.*

Các đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » phải hòa mình vào các giới học-sinh, thợ-thuyền và nông-dân để tuyên-truyền một cách kín-đáo. Lúc sơ khởi, họ tuyên-truyền bằng cách diệt-trừ các tật xấu và dị-đoan, khuyến-cáo mọi người đoàn-kết và dạy chữ quốc-ngữ cho những kẻ mù chữ.

* * *

Vào lúc thi-hành chương-trình mới và quy-trình của đảng, một bộ mật-mã được soạn theo ước-định để dùng trong thư-tín cùng với một bảng kê những ám-hiệu cho đảng-viên dùng khi muốn nhận ra nhau.

Chẳng hạn như muốn cho một đồng-chí nhận ra mình thì đảng-viên soa tay lên gáy ba lần và trao đổi những tiếng lóng.

Để viết những bức thư dài, người ta dùng hồ làm mực kín. Nếu viết những bức thư ngắn hơn thì chỉ dùng những ám-ngữ ghi trên những danh thiếp thường.

Thành-ngữ : « Kính chúc vinh an » có nghĩa là : « Mời đồng-chí lên Tổng-bộ ».

« Kính chúc kim an » (là lời con thường dùng để chúc cha mẹ hoặc kẻ dưới tỏ ý tôn-trọng người trên) có nghĩa là : « Yêu-cầu đồng-chí đóng nguyệt-liễm. »

«Kính chúc bình-an» có ý-nghĩa «Yêu-cầu đồng-chí gửi báo-cáo».

Trong trường-hợp thượng-khẩn, các đảng-viên được mời dự hội bằng điện-tín. Nhưng thay vì nói: «Mời đồng-chí tới» thì lại viết: «Tôi sẽ tới». Một con số thêm với số ước-lệ chỉ ngày giờ khai hội.

Bộ mật-mã ấy được thay đổi khi thấy cần. Các đảng-viên chỉ xử-dụng nó trong trường-hợp bất khả kháng. Mỗi tân đảng-viên nhận một bí-danh và được biết các mặc-ước đại-cương, duy chỉ có bí-thư Tổng-bộ mới biết rõ các mật-mã riêng và chỉ cho các đảng-viên khác rõ trong trường-hợp tối cần.

Tháng 9 năm 1927, Trần-mộng-Bạch phải đi Ban-mé-thuột, bèn giao việc điều-khiển Ủy-ban Trung-ương (Tổng-bộ) cho Phan-kiêm-Huy giữ chức-vụ bí-thư, có Đào-xuân-Mai và Thân-trọng-Phước phụ-tá; Mai làm ủy-viên giao-thông, Phước làm ủy-viên tài-chính. Bạch còn yêu-cầu sự phụ-giúp của Nguyễn-sĩ-Khanh, bí-thư của tỉnh-bộ Hà-tĩnh và của Hoàng-đức-Thi.

Việc điều-khiển tỉnh-bộ Nghệ-an được giao cho Nguyễn-đình-Đoàn và Trần-hậu-Tùng.

Vừa mới nắm quyền điều-khiển Tổng-bộ, Phan-kiêm-Huy đã quyết-định cử một đại-diện sang Quảng-châu báo tin cho các chính-khách xuất-dương rõ sự thất-bại của dự toan hợp nhất trong tháng 7-1927.

Khi hay tin «Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» ở quốc nội sắp cử đảng-viên sang Trung-quốc, Tôn-quang-Phiệt vào Vinh yêu-cầu Tổng-bộ lợi-dụng cơ-hội để cho xuất ngoại mấy sinh-viên đã gia-nhập «Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội». Đề-nghị của Phiệt được chấp-thuận và Trần-hậu-Toàn do tỉnh-hội Hà-tĩnh mới tuyển-lựa được chỉ-định. Hoàng-đức-Thi cử Trần-hậu-Tùng ra Hà-nội gặp với nhiệm-vụ dẫn người em họ là Trần-hậu-Toàn đang theo học về. Khi hai người về tới Vinh, Hoàng-đức-Thi cho biết rằng Toàn được cử sang Trung-hoa; Toàn ưng-thuận. Một phiên họp diễn ra tại nhà Phan-kiêm-Huy với sự hiện-diện của Hoàng-đức-Thi, Lê-Huân, Tôn-quang-Phiệt, Ngô-đức-Diễn và Trần-hậu-Toàn.

Phan-kiêm-Huy cho Toàn rõ mục-đích phiên họp, tình-trạng của hai đảng cách-mệnh và những thất-bại của các dự-toan hợp-nhất từ trước. Sau cuộc thảo-luận, Trần-hậu-Toàn lãnh nhiệm-vụ cáo-tri Ủy-ban trung-ương của «Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» về việc không thi-hành những mệnh-lệnh do ủy-ban đã ra cho Lê-duy-

Điểm. Nhưng điều cần nhất là Toàn phải dò xét thái-độ của ủy-ban này để xem họ có thực-tình muốn hợp-nhất hai chính-đảng hay chỉ tìm cách dụ-hoặc các đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » như các đồng-chí của họ tại quốc-nội đã làm. Trong trường-hợp thứ nhất, Trần-hậu-Toàn phải cố đòi những chỉ-thị minh-bạch để thực-hiện một cuộc hợp-tác chân-thành. Nếu Ủy-ban trung-ương Quảng-châu khước từ thì Toàn phải hồi hương ngay.

Tôn-quang-Phiệt đã cho Toàn những huấn-cáo cần-thiết liên-hệ với các điều-kiện di-chuyển và lộ-trình phải theo. Trần-hậu-Toàn nhận của Phan-kiêm-Huy món tiền 180$ dùng làm lữ-phí và, ngày hôm sau ra Hà-nội cùng với Tôn-quang-Phiệt, Nguyễn-sĩ-Sách và Nguyên. [1]

Nguyễn-sĩ-Sách là một giáo-viên đã bị sa-thải vì tư-tưởng chính-trị. Sách đã ngỏ ý muốn được kết-nạp vào « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » nhưng đã bị khước-từ vì tính-khí hung-hãn. Tuy đã bị cự-tuyệt mà trước mặt Tôn-quang-Phiệt, hắn vẫn không ngớt chỉ-trích những đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » mà hắn tự hào là quen biết nhiều và đã chống lại những lời công-kích của họ. Hắn lấy làm tiếc rằng không có cơ-hội sang Quảng-châu để tiết lộ cho cấp lãnh-đạo các chính-khách xuất-dương rõ hạnh-kiểm của những đảng-viên ở quốc-nội.

Dù Nguyễn-sĩ-Sách có thái-độ ấy, người ta cũng nghĩ rằng hắn đã gia-nhập « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và lãnh nhiệm-vụ ngăn-cản các kế-hoạch của « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ».

Không tỏ ý nghi ngờ, Tôn-quang-Phiệt đề-nghị Sách cùng khởi-hành với Trần-hậu-Toàn để phụ-lực trong cuộc vận-động và giao cho hắn tiền lộ-phí cần-thiết.

Còn Nguyên là một sĩ-phu cao-niên, giàu có và dỗi dãi. Sự thực thì hắn chẳng được việc gì. Hắn muốn sang Trung-hoa vì tính hiếu-kỳ hơn

---

1. Một mình Trần-hậu-Toàn khởi-hành từ Vinh. Dọc đường, Toàn gặp Hoàng-văn-Trung cũng là đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Chỉ khi tới Hà-nội Toàn mới gặp Tôn-quang-Phiệt, Nguyễn-sĩ-Sách và tên Nguyên.

Tôn-quang-Phiệt giới-thiệu Toàn với Lê-Xuân hôm sau ngày hắn tới Hà-nội. Ngày 22-9 Trần-hậu-Toàn, Nguyễn-sĩ-Sách, Nguyên và Lê-Xuân dùng xe lửa đi Đồng-đăng và vượt biên-giới tại nơi kế-cận đồn binh này.

là vì óc cách-mệnh, Tôn-quang-Phiệt cũng thuận để hắn cùng đi với Toàn và Sách.

Ba đại-diện được giới-thiệu với Lê-Xuân là người hướng-đạo để vượt biên-giới. Cuộc hành-trình không gặp trở-ngại nào.

Tới Quảng-châu, Trần-hậu-Toàn yết-kiến Lâm-đức-Thụ và cho biết nhiệm-vụ đã được giao-phó.

Lâm-đức-Thụ đoan chắc với Toàn rằng những chỉ-thị cần-thiết sắp được ban-hành cho các đảng-viên « Việt Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở quốc-nội nhằm tiến tới việc hợp-nhất tức thời hai chính-đảng. Thụ khuyên Toàn nên hồi hương và yêu-cầu cho Trần-mộng-Bạch biết rằng việc hợp-nhất sẽ thực-hiện dễ dàng với điều-kiện:

1⁰ Hai bên chấm dứt việc nghi ngờ lẫn nhau;

2⁰ Duy-trì trụ-sở Ủy-ban trung-ương tại Quảng-châu;

3⁰ Cấm các đảng-viên nuôi óc kỳ-thị đảng-phái;

4⁰ Tổ-chức một kỳ-bộ cho mỗi xứ trong cõi Đông-dương; (Nam, Trung và Bắc-kỳ);

5⁰ Gửi thật nhiều tiền và sinh-viên sang Quảng-châu.

Trần-hậu-Toàn chỉ lưu lại Quảng-châu trong mười ngày. Hắn trở về Trung-kỳ cùng với Lê-Xuân là người hướng-đạo có nhiệm-vụ thực-hiện việc hợp-nhất hai chính-đảng.

Về tới Vinh, Trần-hậu-Toàn báo-cáo về nhiệm-vụ với Phan-kiêm-Huy. Một phiên họp được triệu-tập ngay và diễn ra trên núi Lam-thanh với sự hiện-diện của Phan-kiêm-Huy, Lê-Xuân, Thân-trọng-Phước, Nguyễn-trí-Tư và Trần-hậu-Toàn. Trần-hậu-Toàn trình để hội-nghị biết rằng Ủy-ban trung-ương ở Quảng-châu thành-thực muốn hợp-nhất hai chính-đảng và cho rằng những thất-bại trước chỉ là do một sự hiểu lầm với các đảng-viên ở quốc-nội. Toàn kể các điều-kiện do Ủy-ban Quảng-châu đã đặt ra và báo tin Lê-Xuân sắp tới để tuyên-bố việc hợp-nhất. Hội-nghị tán thành những điều đã trình-bày và giải-tán.

Tên Nguyên trước kia đi theo Trần-hậu-Toàn trong chuyến xuất ngoại lần thứ nhất bị tống-khứ về Đông-dương vì đã chẳng giúp được ích gì cho các chính khách xuất-dương. Nguyễn-sĩ-Sách phải lưu lại ở Quảng-châu chỉ có thể hồi-hương sau khi Trần-hậu-Toàn bị cầu-lưu.

* * *

Sau khi Trần-hậu-Toàn bị bắt, Tổng-bộ « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » lại dự-tính việc hợp-nhất. Phan-kiêm-Huy quyết-định liên-lạc với Trần-văn-Cung và Nguyễn-văn-Lợi, hai đảng-viên trọng-yếu của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Vinh.

Trần-văn-Cung đoan chắc rằng kế-hoạch ấy còn có thể thực-hiện được và chẳng nên vì cuộc thất-bại trong dự-tính hợp-nhất các kỳ-bộ mà hoàn-toàn gạt bỏ. Một phiên-họp được tổ-chức tại nhà Phan-kiêm-Huy để thành lập một liên-tỉnh bộ. Phan-kiêm-Huy đại-diện cho tỉnh-bộ Nghệ-an, Hoàng-đức-Thi đại-diện cho tỉnh-bộ Hà-tĩnh, Nguyễn-sĩ-Khanh đại-diện cho tỉnh-bộ Thanh-hóa ; Phan quốc-Thụy và Trần-văn-Cung dự hội với tư-cách đại-diện của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Phan-kiêm-Huy được cử làm ủy-viên tài-chính, Trần-văn-Cung làm ủy-viên giao-thông và Phan-quốc-Thụy làm bí-thư.

Phan-kiêm-Huy và Trần-văn-Cung phải thành-lập tỉnh-bộ Nghệ-an và Hoàng-đức-Thi phải liên-lạc với Nguyễn-văn-Hậu để thành-lập tỉnh-bộ Hà-tĩnh. Phan-quốc-Thụy cho Nguyễn-sĩ-Khanh những chỉ-thị cần-thiết để thành-lập tỉnh-bộ Thanh-hóa với sự hợp-tác của các đảng-viên « Việt-Nam Thanh-niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » tỉnh này.

Chẳng có quyết-định nào được thi-hành. Trần-văn-Cung rời Vinh với một cớ tầm-thường. Hoàng-đức-Thi không liên-lạc được với Nguyễn-văn-Hậu như đã ấn-định và các đồng-chí của nhóm Quảng-châu làm việc ở Thanh-hóa không chịu theo lệnh của Nguyễn-sĩ-Khanh. Chỉ một mình Phan quốc-Thụy còn tiếp-tục đi lại gặp Phan-kiêm-Huy nhưng tuyệt nhiên chẳng nói gì về các quyết-định đã thông qua. Như vậy là dự-tính hợp-nhất mới này cũng thất-bại như những lần trước.

Tuy-nhiên, các đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » không nản chí. Họ cho rằng các thất-bại ấy do tư-cách kém đứng đắn của mấy đảng-viên đảng đối-lập và nghĩ rằng có thể thỏa-hiệp với các đảng-viên khác có tinh-thần ôn-hòa hơn.

Đầu năm 1928, Nguyễn-sĩ-Sách từ Quảng-châu về, gây được lòng tin của Phan-kiêm-Huy và được dự vào Tổng-bộ với tư-cách ủy-viên giao-thông để phụ trách việc liên-lạc giữa hai chính-đảng. Lòng tin cậy mà Huy dành cho một người mới tới đã gây ra sự phản-kháng của các đảng-viên khác. Sau khi thảo-luận, mọi người thuận lưu Sách ở Tổng-bộ vì sự nể mặt « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » nhưng không cho Sách dự các phiên họp. Sách chỉ giữ việc liên-lạc với Quảng-châu và dịch ra Quốc-ngữ những sách Tàu và Pháp bàn về các vấn-đề chính-trị.

Nguyễn-sĩ-Sách vẫn giao-thiệp với Phan-kiêm-Huy và chỉ gửi cho Huy những báo-cáo chẳng gây hứng-vị nào về « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Phan-kiêm-Huy đã dầy kinh-nghiệm bèn rút lòng tin cậy và chỉ còn cho Sách biết những điểm đại-cương.

Lúc bấy giờ, Tổng-bộ đã quyết-định mở những lớp huấn-luyện chính-trị dự-trù trong quy-trình của đảng để giảng dạy cho các đảng-viên những khái-niệm về chính-trị và giúp họ đối đáp lại những lời công-kích ngày thêm kịch-liệt của các đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ».

Bọn này chê-trách đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » nhất là về điểm chẳng hiểu gì về các vấn-đề chính-trị và không chịu làm việc theo các phương-pháp của Đệ Tam Quốc-tế là đảng duy-nhất nắm vững chính-thuyết cách-mệnh.

Để dự-phòng những chỉ-trích ấy, Tổng-bộ ở Vinh kiếm tìm những sách bằng chữ Hán và chữ Pháp bác-luận chủ-nghĩa cộng-sản và dịch ra Quốc-ngữ để cho đảng-viên nào cũng có thể đọc hiểu.

Tuy vậy, trong khi giao-thiệp với các chính-khách xuất-dương ở Quảng-châu, « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » vẫn tiếp-tục phô-trương những tư-tưởng cộng-sản nhưng triệt-để giữ bí-mật cuộc tuyên-truyền chống cộng. Để dấu các sách vở chống cộng khỏi lọt vào mắt những đảng-viên đảng đối-lập thường tới nhà Phan-kiêm-Huy, họ cho chuyền cả xuống một chiếc thuyền. Chính trong chiếc thuyền này, Phan-Kiêm-Huy đã ngồi dịch những sách ấy. Thuyền cột trên sông đào ở Vinh và đặt dưới sự phòng-vệ của Trần-hậu-Tùng thường-xuyên ở đó.

Ba tháng sau khi tậu chiếc thuyền, hộ-phí sở-tại ngạc-nhiên thấy thuyền bất động và đòi Trần-hậu-Tùng xuất trình giấy tờ hợp-lệ. Vì Tùng chẳng có chứng từ nào nên bị dọa tố cáo với nhà chức-trách. Các sách vở được cất khỏi thuyền ngay và đem về chôn trong nhà Phan-kiêm-Huy; chiếc thuyền được hoàn lại cho cố chủ mà cũng chẳng đòi lại tiền mua.

* * *

Tháng Hai năm 1928, một đại hội-nghị của Tổng-bộ «Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» họp trên núi Thuận-Nhân, đối diện với đồn Linh-Cầm. Hiện-diện có: Tú Kiên, Hà-huy-Tập, đại-diện của Nam-kỳ Phan-kiêm-Huy, Đào-xuân-Mai, Thân-trọng Phước với tư-cách ủy-viên thường-trực của Tổng-bộ và Hoàng-đức-Thi, ủy-viên phụ-khuyết.

Nguyễn-sĩ-Sách có được mời dự hội nhưng đã nhỡ tầu. Tôn-quang-Phiệt, đại-diện của Bắc-kỳ không thể tới họp vì lý do sức khỏe.

Phan-kiêm-Huy, bí-thư của Tổng-bộ, báo-cáo về việc quản-lý các công-việc đảng.

Tổ-chức tổng-quát.

Bấy giờ đảng gồm 42 tiểu-bộ có từ ba đến năm đảng-viên, phân phối như sau:

Trung-kỳ	Nghệ-an	có	9 tiểu bộ
	Thanh-hóa	«	7 »
	Hà-tĩnh	«	8 »
	Huế	«	3 »
	Quảng-ngãi	«	3 »
Nam-kỳ	có		7 »
Bắc-kỳ	...		5 »

Tổ-chức sinh-viên.

Tổ-chức này gồm có hai tiểu-bộ:

1 ở Hà-tĩnh (3 đảng-viên)

1 ở Vinh (5 »)

Tổ-chức thợ-thuyền.

Về điểm này, chưa thu được kết-quả nào. Trong các giới thợ-thuyền, đảng chỉ mới kết-nạp được một đảng-viên. Đó là Đĩ Hảo, người ít có uy-thế đối với chúng bạn.

Mặt khác, Phan-kiêm-Huy lưu ý cử-tọa để cử-tọa rõ rằng có nhiều đảng-viên đã ly-khai với « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » để gia-nhập đảng « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Báo-cáo của Tổng-bộ có ghi 45 người bỏ đảng trong số 60 đảng-viên ghi danh.

Quỹ đảng gần cạn vì đã phải chi cho nhiều chuyến di-chuyển cần thiết, và chỉ còn 200$.

Rồi Phan-kiêm-Huy trình Hội-nghị các dự-toan hợp-nhất và lưu ý về thái-độ ngày thêm cừu-thị của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ».

Tú-Kiên và Hà-huy-Tập trình Hội-nghị sự hiện-hữu tại Nam-kỳ một chính-đảng mới do Nguyễn-an-Ninh lãnh đạo và xin cho biết có nên hội-kiến với Ninh không. Hai người được lệnh phải nghiên-cứu kỹ trước khi có quyết-định về việc này.

Vấn-đề hệ-trọng nhất đưa ra thảo luận trong buổi hội này là vấn-đề hợp-nhất hai chính-đảng: « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » ở Trung-quốc. Cử-tọa đồng ý rằng cần cử một đại-diện mới sang Quảng-châu để thi-hành nhiệm-vụ đã giao cho Trần-hậu-Toàn trước khi y bị bắt. Việc cử Nguyễn-sĩ-Sách do Phan-kiêm-Huy đề-nghị được chấp-thuận.

Phiên họp khai mạc từ 8 giờ sáng, mãi tới 2 giờ trưa mới bế mạc.

Nguyễn-sĩ-Sách nhận của Phan-kiêm-Huy món tiền 100$ và lên đường vào trung-tuần tháng 3 năm 1928. Hắn trở về vào cuối tháng 4, đem cho Phan-kiêm-Huy một văn-thư viết bằng chữ Quốc-ngữ, nội-dung như sau:

Thưa các Đồng-chí,

Từ hơn 60 năm nay nước nhà bị đế-quốc đô-hộ. Chúng ta chưa biết cách giành lại nền độc-lập vì chúng ta chưa biết đoàn-kết với nhau. Đoàn-thể chúng tôi được thành-lập để chuẩn-bị cách-mệnh Việt-Nam và sẵn sàng liên-kết với bất-cứ đoàn thể cách-mệnh Việt-Nam nào khác.

Các đồng-chí có cử đại-diện tới yêu-cầu chúng tôi hợp-nhất cùng các đồng-chí. Nhưng vì tổ-chức của chúng tôi tiến mạnh hơn quý đảng nhiều, chúng tôi chỉ có thể ưng-thuận với điều-kiện các đồng-chí cho tất cả các đảng-viên thuộc quý-đảng gia-nhập các tiểu-tổ của bản đảng đang hoạt-động tại khắp nơi. Mấy đảng-viên của quý đảng do chúng tôi sẽ chọn lựa trong ba tỉnh miền bắc Trung-kỳ là vùng mà quý đảng phát-triển khá mạnh có thể tham dự các tỉnh-bộ của bản đảng.

Ký tên

Ủy-ban Trung ương Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội.

Cuối văn-thư có đóng một dấu hình bầu-dục ghi rằng chữ Quốc-ngữ và chữ Hán tên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Tới lúc đó « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » mới được biết thực-danh của chính-đảng ở hải-ngoại. Cho tới bấy giờ họ cứ tưởng rằng hai chính-đảng cùng mang một danh-hiệu và, để phân biệt, đảng ở Trung-hoa gọi là « Đảng Xuất-dương » và gọi đảng ở quốc-nội là « Đảng Trần » (Đảng của Trần-mộng-Bạch).

Bức thư của phe Quảng-châu thực là một sỉ nhục cho các đảng-viên « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Rút cuộc Tổng-bộ ở Vinh nhận thấy đã bị khinh ra mặt. Tình huống lúc bấy giờ vẫn khó khăn vì « đảng xuất-dương » sẽ tiếp-tục tranh-đấu để thu hút hết đảng-viên của « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ».

Để tránh mọi hậu-quả bất như ý, đảng này phải gạt bỏ cuộc tranh-đấu và tìm cách hòa-giải mới. Tuy vậy, sau khi nghe đọc bức thư của phe Quảng-châu, nhiều đảng-viên đã quyết-định chấm dứt mọi dự-toan hợp-nhất với các chính khách xuất-dương và coi họ là kẻ thù. Nhưng Phan-kiêm-Huy vẫn tưởng rằng được các đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » quí mến phần nào. Quyết định không quan-tâm đến những kẻ tỏ ra cố-chấp và mưu-tính việc hợp-nhất với những người khác.

Một phiên họp được tổ-chức và diễn ra trong một chiếc xe ô-tô do Thân-trọng-Phước đã được người bạn đồng-sự là Đặng-du-Phước cho mượn. Cùng với Hoàng-đức-Thi, Nguyễn-sĩ-Sách, Đào-xuân-Mai, Ngô-đức Diễn và Nguyễn-sĩ-Khanh. Thân-trọng-Phước lái xe theo hướng Xã Đoài trên đường Thuộc-địa (Quốc-lộ) số 1. Qua ga xép Quán Bánh, họ vờ làm như xe bị hư máy và khai hội sau khi tắt hết các đèn xe.

Dưới ánh sáng một chiếc đèn bấm, Đào-xuân-Mai đọc bức thư của đảng Quảng-châu. Tiếp theo là một cuộc thảo-luận sôi nổi. Ngô-đức-Diễn và Hoàng-đức-Thi cảm thấy bị lăng-nhục bởi giọng điệu trong thư và những đề-nghị làm mất thể-diện, cho rằng nên đoạn-tuyệt hẳn với phe xuất-dương. Tuy nhiên đa số đồng ý với Phan-kiêm-Huy là lại dự-tính việc hợp-nhất. Nguyễn-sĩ-Sách và Phan-kiêm-Huy được chỉ-định để nối lại cuộc đàm-phán với các đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » về những đề-nghị của nhóm Quảng-châu.

Vì địa-điểm khai-hội rất bất-trắc, phiên họp chỉ diễn ra trong nửa giờ và chiếc xe lại đưa các đảng-viện về Vinh.

Hai đại-diện bắt tay ngay vào việc. Sau mấy lần vận-động, Nguyễn-sĩ-Sách cho Phan-kiêm-Huy biết những kết-quả đã gặt hái được và hẹn gặp lại nhau tại nhà Tồng-Oanh; tại đây, trong một phiên họp, phải giải-quyết cho xong vấn-đề hợp nhất hai chính-đảng.

Đúng ngày hẹn, hai đại-diện tới nhà Tồng-Oanh. Họ đã gặp ba người không quen biết. Phiên họp khai-mạc ngay. Hai vấn-đề được ghi trong chương-trình nghị-hội:

1⁰ Có thể hợp-nhất hai đảng được không?

2⁰ Nếu được, thì với những điều-kiện nào?

Về câu hỏi thứ nhất, toàn thể đảng-viên hiện-diện khẳng định là có thể. Về câu hai, Tồng-Oanh đề-nghị giải-tán « Việt-Nam Cách-Mệnh

Đồng-Chí Hội»; các phần-tử ưu-tú sẽ được thu nạp vào «Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội»; còn các đảng-viên khác sẽ bị loại.

Trước sự kinh ngạc của Phan-kiêm-Huy, đề-nghị này đã được chấp nhận với năm phiếu thuận một phiếu chống của Huy. Vì vậy Huy tuyên-bố không thể nào theo biểu-quyết ấy. Nguyễn-sĩ-Sách tìm cách thuyết-phục Huy về sự cần-thiết phải giải-tán «Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» và để tăng thêm giá-trị cho luận-điệu. Sách tuyên-bố trước hội-nghị rằng kể từ lúc này hắn tự coi như bị khai-trừ ra ngoài «Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» và sẽ gia-nhập đảng của phe xuất-dương.

Phan-kiêm-Huy cãi lại rằng đã được các đồng-chí ủy quyền đến bàn-tính về cách-thức hợp-nhất hai đảng, còn việc giải-tán đảng là một vấn-đề mà việc giải-quyết vượt ra ngoài quyền-hạn của mình. Sau hết Huy tuyên-bố rằng vì đề-nghị của Tồng-Oanh phi-lý, Huy sẽ rút lui nếu thỏa nghị không đưa ra những đề-nghị có thể chấp-nhận được. Vì không được thỏa-ý, Phan-kiêm-Huy rời gót tức thì.

Bấy giờ Phan-kiêm-Huy mới hiểu rằng việc hợp-nhất hai đảng không thể thực hiện được. Huy cũng nhận thấy — nhưng đã hơi muộn — rằng Nguyễn-sĩ-Sách đã gần mình để đóng vai trò tình-báo cho «Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» và sở dĩ mấy đảng-viên đảng này tỏ vẻ tin cậy mình là chỉ cốt được thông tỏ các bí-mật của đảng mình để dễ bề lợi-dụng.

Chúng tôi mở một dấu ngoặc ở đây để ghi thêm việc Phan-kiêm-Huy đã có ý nghi ngờ rằng những cuộc vận động sẽ vô-hiệu từ lúc Nguyễn-sĩ-Sách cho biết họ sẽ gặp Tồng-Oanh là người mà toàn-thể đảng-viên «Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội» rất ác-cảm. Thực thế, ai nấy đều biết rằng Tồng-Oanh chỉ làm chính-trị để lấy tiền cung vào những cuộc trác táng. Ở đâu hắn cũng vội khoe là rể và môn-đệ của ông Phan-bội-Châu để dễ bề lợi-dụng những kẻ ngu dốt và khờ-khạo. Để bòn rút những người giàu có lương-thiện, hắn khoa-trương thành-tích của nhạc-phụ và chuyện trò về việc họ Phan chuẩn-bị cách-mạng. Hễ hay tin có một đồng-bào muốn xuất-dương sang Tiêm-la hoặc Trung-quốc — là việc thường diễn ra — thì Tồng-Oanh hứa giúp ngay và chỉ xin thù-lao đủ số tiền lộ-phí. Khi đã nắm được tiền rồi thì hắn vùi đầu trong một ổ điếm và gác việc thực-hiện kế-hoạch của kẻ mắc lừa tới một thời-kỳ vô-định. Đã ba bốn phen, hắn xin Trần-mộng-Bạch và Hoàng-đức-Thi giúp tiền ủng-hộ «nghĩa chung» nhưng lần nào cũng bị cự-tuyệt. Những thất-vọng ấy càng

khiến Tồng-Oanh và phe đảng mong muốn giải tán « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ».

Để dễ đạt những mục-đích ti-tiện ấy, Tồng-Oanh đã kết bọn với Phan-Huynh và Phan-Đệ, con của Phan-bội-Châu, có hạnh-kiểm chẳng hơn gì hắn. Người ta thường thấy bộ ba này tiệc tùng say sưa trong các tửu-điếm khi gần ngày có chuyến xuất-dương.

Tình-trạng ấy không kéo dài. Trong khi nhà lãnh-tụ cách-mạng mất dần dân-tâm thì hai con và chàng rể phải tiết-giảm lần lần mực-độ sinh-hoạt.

Thực vậy, công-chúng nhận thấy rằng Phan-bội-Châu không có một chính-sách cố-định và mỗi lúc lại thay đổi quan-niệm. Trong khi biện-hộ tại phiên tòa xử án năm 1925, luật-sư Bona đã nói : « Thiếu thời, ông (Phan-bội-Châu) đã mến vua ; lúc trưởng-thành, ông yêu nước ; về già, ông thương tất cả mọi người ». Những câu nói ấy đủ chứng-minh rằng chính sách của Phan-bội-Châu có tính-cách vô-định. Sau khi ông được phóng-thích, đảng « Phục-Việt » đã hy-vọng tìm được ở ông một vị cố-vấn cao-quý nếu không phải là một đảng-viên nhiệt-thành. Vậy mà, Lê-Huân, Trần-mộng-Bạch và Hoàng-đức-Thi đã lần lượt được cử tới thỉnh ý ông về những điểm khó khăn mà chẳng hề được chỉ-giáo cho một khuyến-cáo có giá-trị nào.

Sau hơn hai mươi năm hoạt-động chính-trị ở hải-ngoại, ông đã không lập nổi một chính-đảng nghiêm-chỉnh mà cũng chẳng soạn-thảo được một chương-trình thỏa-đáng. Với những thi-phẩm và văn phúng-thích, ông đã không chú-trọng vào việc kích-thích đồng-bào nổi dậy bằng tính chuyện thúc-giục họ kiếm tiền cho ông và các chúng bạn xuất-dương.

Vậy thì thực là hoàn-toàn sai lầm nếu cứ tưởng rằng ông Phan-bội-Châu đã đóng một vai trò nào đó trong việc tổ-chức các đoàn-thể bí-mật. Người ta chỉ có thể quy-trách vào ông một điều là đã để cho hai cậu con trai và chàng rể lợi-dụng danh-tiếng của ông để làm lợi riêng cho họ hoặc cho « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Có lẽ do sự hối-mại ấy mà Tồng-Oanh đã gây được uy-thế trong đảng xuất-dương mặc dầu là hắn có phẩm-hạnh xấu xa và đã nhiều phen làm điều bất-lương.

Vả chăng, ngoại-trừ vài trường-hợp thật hiếm, đảng cách-mệnh ấy chỉ gồm những tên cùng phường với Tồng-Oanh, nửa thì cộng-sản, nửa là kẻ cướp.

Sau khi rời phiên họp ở nhà Tổng-Oanh, Phan-kiêm-Huy đã báo-cáo với các đảng-viên khác cuộc thảm-bại trong việc thử hợp-nhất hai chính-đảng một lần nữa. Tổng bộ quyết-định chấm-dứt mọi giao thiệp với « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » và giữ thế độc-lập. Đào-xuân-Mai được cử đi các trung-tâm để cáo-tri điều đó cho các đảng-viên và báo trước cho đại-biểu các chi-bộ địa-phương việc triệu-tập một đại hội-nghị tại Huế vào một ngày rất gần. Nhật kỳ chính-xác phiên hội sẽ cho họ biết sau.

Nhiệm-vụ ấy đã giao cho Đào-xuân-Mai vì hắn sẽ ở lại Nam-kỳ sau cuộc hành-trình. Tại Vinh là nơi đã lưu-trú hơn một năm, Mai đã được Ty Liêm-phóng tuyển làm tình-báo-viên. Mai đã tưởng có thể hiểu thấu các bí-mật của chính-quyền và làm lợi cho đảng. Nhưng tin-tức duy-nhất đã dò được là việc câu-lưu tên Dương-ngọc-Thụy là kẻ đã tiết-lộ tất cả những gì được biết về sự hiện-hữu và cách tổ-chức của « Việt-Nam Thanh-Niên Đồng-Chí Hội ». Vì một mặt thì họ bị nhà chức-trách tình-nghi, mặt khác lại e ngại sự dị-nghị của các đảng-viên « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » đã biết hết những hành-vi ám-muội của mình, nên Đào-xuân-Mai đã yêu-cầu được lánh xa Vinh. Nhân ở Nam-kỳ Tú-Kiên đang thiếu người phụ lực, Tổng-bộ thỏa-mãn ý nguyện ấy và cử Mai vào đó.

Đến lượt Đào-duy-Anh làm việc đơn chiếc tại Huế cũng xin người phụ-tá nên tháng 5 năm 1928, Phan-đăng-Lựu và Ngô-đức-Diễn được cử vào giúp.

Phan-đăng-Lựu, nguyên thư-ký sở Canh-nông, đã do Phan-kiêm-Huy kết-nạp và phụ-trách việc tổ-chức huyện Yên-Thành là sinh-quán. Theo lệnh của Tổng-bộ, Lựu giao chức-vụ đại biểu huyện-bộ cho một đảng-viên tuyển-lựa tại địa-phương rồi ra Huế. Lựu ở trọ ngay tại nhà Đào-duy-Anh và cùng lo việc xuất-bản sách của « Quan-hải Tùng-thư ». [1]

Ngô-đức-Diễn được cử ra Huế theo lời yêu-cầu của người anh là Ngô-đức-Kế, vốn là bạn của Huỳnh-thúc-Kháng. Diễn cộng-tác với tòa-soạn báo « Tiếng Dân ».

Thừa lệnh của Tổng-bộ, Phan-đăng-Lựu và Ngô-đức-Diễn đều làm ủy-viên tỉnh-bộ Huế.

---

1. « Quan-Hải Tùng-thư » nhằm mục-đích truyền-bá trong dân-chúng những kiến-thức khoa-học nhật-dụng.

Vào cuối tháng 6 năm 1928, xứ-bộ Trung-kỳ khai-hội ở Huế, tại nhà Đào-duy-Anh. Hiện diện trong hội-nghị ấy, có Phan-kiêm-Huy, Hoàng-đức-Thi, đại-biểu của miền bắc Trung-kỳ, Đào-duy-Anh, Ngô-đức-Diễn, Phan-đăng-Lưu, đại-biểu miền trung và Ngọc, đại-biểu các tỉnh miền nam Trung-kỳ. Trần-mộng-Bạch từ Ban-mê-thuột về, ghé qua Huế cũng dự hội với tính-cách đặc-biệt.

Sau khi mỗi người báo-cáo về công-tác đã làm, hội-nghị tự coi như buổi hội chuẩn-bị — bàn về chương-trình nghị-sự sẽ đưa ra trong phiên họp tới của Tổng-bộ. Hội-nghị quyết-định rằng đại-hội sẽ khai-mạc tại Huế ngày 14 tháng 7.

Trần-mộng-Bạch phải chuẩn-bị kế-hoạch cải-tổ đảng.

Phan-kiêm-Huy thì tập-trung những báo-cáo của các xứ-bộ và soạn-thảo một bản tường-trình đại-thể về tình-trạng của « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội ». Ngoài ra, Huy sẽ báo cho các xứ-bộ ngày khai-hội của Tổng-bộ.

(*còn tiếp*)

MARUKA MACHINERY CO. LTD.

Đại diện

Vỏ và ruột xe máy,
Đồ phụ tùng xe máy,
Đồ phụ tùng xe hơi
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc
Kỹ nghệ, ổ Bi và
bạc đạn, vật dụng
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi »
Máy điều hòa không
khí « Hi ta chi »
đồ điện «Hi-tachi»
máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYÊN XỨ

NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

Saigon Office :
13, Trần Hưng Đạo
P. O. Box No. 121. Sài gòn
Cable address : « Maruka »
Tel : No 23A888

Head Office :
No 41 Bungo-Wachi
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O. Box No Higashi : 350
Osaka
Cable Add : «Maruka Osaka»
Tel : No 40271 — 9

MỎ VÀ TINH KHOÁNG KỸ NGHỆ Ở VIỆT NAM CỘNG HÒA

▽ Lạp-chúc NGUYỄN HUY

Trên lãnh thổ Việt Nam, phần lớn các hầm mỏ quan trọng đều tập trung ở Bắc Việt. Đã từ lâu các mỏ chì, kẽm, thiếc đều đã được thợ mỏ Trung-Hoa khai thác. Họ chú ý nhiều đến mỏ galène (sulfure de plomb) thường chứa chất bạc để pha với kẽm và chất blende (sulfure de zinc) để lấy kẽm đúc tiền. Thường quặng mỏ khai thác được đều đem nấu tại chỗ hay chở đến vùng có than gần đó. Hiện nay vẫn còn những vết tích các tiểu cơ xưởng nấu quặng mỏ xưa kia của người Trung Hoa ở gần Thái Nguyên và hải cảng Tràng Bạch trong vùng Đông Triều. Đến thời Pháp thuộc các hầm mỏ được khai thác một cách qui mô và khoa học dưới sự hướng dẫn của « Service de mines » thiết lập năm 1902. Ban đầu, tất cả quặng mỏ khai thác được đều đem xuất cảng sang Âu châu nhưng sau 1920 vì phí tổn chuyên chở quá cao nên một số quặng như kẽm thiếc được nấu ngay tại Bắc kỳ rồi mới xuất cảng. Trong thời Pháp thuộc, người Pháp không mấy chú trọng đến sự tìm kiếm và khai thác quặng mỏ ở Trung kỳ và Nam kỳ. Tuy nhiên hiện nay, sự cấu tạo địa chất của VNCH cho phép hy vọng rằng nếu miền Nam không đặc biệt giàu về khoáng sản thì chúng ta cũng có một số tài nguyên cần thiết cho sự phát triển kỹ nghệ tương lai. Nha Tài Nguyên Khoáng Sản đã ghi nhận được khoảng 100 dấu hiệu khoáng sản trong đó có lối 30 dấu hiệu về quặng sắt, của molybdenite, mỏ dầu lửa trên thềm lục địa Cửu Long v.v... Trong những năm vừa qua Nha Tài Nguyên Thiên Nhiên đã chú trọng nhiều tới các khoáng sản cần thiết cho các kỹ nghệ cần khuyếch trương trong giai đoạn đầu của công cuộc phát triển như kỹ nghệ xi xăng, thủy tinh, phân bón, đồ gốm, hóa học...

A. MỎ

• *NHIÊN LIỆU ĐẶC*

1.— THAN ĐÁ NÔNG SƠN

Trước kia là người Trung Hoa sau đến tư nhân Pháp đã khai thác mỏ than Nông Sơn từ 1881. Mỏ nằm cách Đà nẵng 30 cây số phía Tây

Nam, ngang với cửa Hội An, cách xa bờ biển 50 cây số và khu kỹ nghệ An Hòa 12 cây số, trên sườn núi đổ xuống sông Thu Bồn. Sau khi đào hết mạch than lộ thiên dài độ 1 cây số dày 6 đến 20^{m}, người Pháp tạm ngừng khai thác vì phải đào hầm tốn kém, lưu lượng sông Thu Bồn bất thường, thị trường than đá thế giới ứ đọng, chuyên chở nhân công khó khăn, hơn nữa than Nông Sơn kém than Đông Triều cả lượng lẫn phẩm.

Than Nông sơn thuộc loại Anthracite bị dồn ép nhiều nên lượng khí bốc hơi tiêu mất khiến than lâu cháy nhưng cháy lâu. Sở dĩ than Nông Sơn là than gầy vì lượng khí bay hơi có từ 5 đến 10%, lượng tro từ 10 đến 16,5%, riêng lượng lưu huỳnh rất cao (2 đến 4%) làm than khó ngửi nên chỉ thích nghi với việc xử dụng trong kỹ nghệ.

Gần đây với những công tác đào xới để khảo cứu nhằm khai thác lại, người ta mới biết rõ về mỏ than hơn. Mỏ nằm trên một nền đá bị xáo trộn và gẫy sụp nhiều nơi khiến cho chỗ thì than nằm thành nhiều lớp mỏng, có chỗ lớp than lại nhập với nhau làm cho sự khai thác gặp nhiều khó khăn. Sự xếp nếp tại đây cũng làm cho mạch than trồi lên sụp xuống, chỗ than trồi lên tức mạch lộ thiên giúp cho sự khai quật dễ dàng còn mạch nằm dưới mặt đất thì phải đào hầm tốn kém mới khai thác được.

Từ 1956 chính phủ VNCH đặc biệt chú trọng đến mỏ than Nông Sơn là nơi duy nhất có thể sản xuất than đá. Mỏ Nông Sơn có diện tích 1 cây số vuông và một số lượng dự trữ lý thuyết là 8.100.000 tấn trong vùng đã được khảo cứu; nhưng thực sự Nông Sơn chỉ là một phần nhỏ của một than trường rộng lớn. Nếu tình trạng an ninh cho phép các công tác khoan và đào sâu gia tăng thì chu vi hoạt động của mỏ sẽ được mở rộng và con số dự trữ ước lượng sẽ lớn hơn với mạch than có phẩm chất tốt hơn.

a) *Thành lập và khai thác.* Mỏ thuộc quyền đặc nhượng của Ngân Hàng Đông Dương được chính phủ mua lập thành *Công Quản Quốc Gia* vào ngày 6.5.1959 nhằm mục đích cung cấp than cho nhà máy nhiệt điện Thủ Đức và nhà máy xi măng Hà Tiên. Và từ năm 1959 số sản xuất gia tăng đều như sau:

Năm 1959	sản xuất	19.929	tấn
1960	«	27.310	»
1961	«	57.351	»
1962	«	71.000	»
1963	«	104.090	»

1964 « 76.959 »

1965 (không khai thác vì mỏ bị nạn lụt làm hư hại)

Cuối năm 1961 chính phủ quyết định không dùng than Nông Sơn cho nhà máy phát điện Thủ Đức và nhà máy xi măng Hà Tiên ở Thủ Đức nữa, cho nên số sản xuất của 1963 bị hạn chế ở 100.000 tấn để tránh ứ đọng than gây tốn kém cho quỹ công quản. Sở dĩ than Nông Sơn không được dùng ở Thủ Đức vì những lý do sau:

— Bãi bỏ dự định làm một lò chaudière xử dụng được cả hai nguyên liệu than Nông Sơn và dầu cặn cho nhà máy nhiệt điện Thủ Đức và làm một lò chỉ xử dụng dầu cặn để tiết kiệm được khoảng 2 triệu mỹ kim nếu không làm lò xử dụng hai nguyên liệu.

— Đến cuối năm 1962, nhà máy xi măng Hà Tiên quyết định dùng dầu cặn (fuel oil) thay than Nông Sơn vì lý do chuyên chở dầu cặn đỡ tốn kém và nhà máy có lời hơn.

— Ban quản trị mỏ than Nông Sơn cũng công nhận về khía cạnh thương mại sự chuyên chở than tới Saigon rất tốn kém không cạnh tranh với dầu cặn được. Vậy than Nông Sơn nếu được dùng tại chỗ sẽ có lợi hơn. Vì lý do này mà chính phủ quyết định lập khu kỹ nghệ «Electro-Carbochimique» An Hòa Nông Sơn vào năm 1962 để xử dụng tại chỗ than Nông Sơn. Theo dự án đại quy mô này thì số sản xuất than phải tăng lên 350.000 tấn một năm để đủ cung cấp cho nhà máy nhiệt điện (25.000kw) và các nhà máy hóa học sản xuất 48.000 tấn sulfate d'ammonium và 42.000 tấn urée mỗi năm v.v...

b) Sự thực hiện chương trình: vốn đầu tư.

Từ ngày lập công quản đến 1963, tổng số tiền chính phủ cho luôn hay cho vay cộng với trợ cấp kỹ thuật của Pháp và Huê Kỳ đã lên tới 235.455.063 bạc Việt Nam gồm các khoản sau:

	Dùng để đầu tư ($ V.N.)	Dùng để dự trữ than ($ V.N.)
Cho luôn từ 1956-1959	47.118.000	
Cho vay từ 1959-1961	65.000.000	
Cho vay từ đầu 1962 đến cuối 1963	25.000 000	70.000.000
Huê kỳ trợ cấp về dụng cụ trang bị	15.997.820,65	
Pháp trợ cấp về dụng cụ trang bị	12.338.442,60	
Tổng cộng	165.455.063,25	70 000.000

cho tới cuối năm 1963, kết quả về sự quản lý như sau :

a.— Số đầu tư :	
— Chi phí thiết lập	14.272.688,87
— Bất động sản	148.375.879,32
— Bất động sản đang làm	20.262,00
— Trị giá các bất động sản khác	352.644,00
— Linh tinh (compte de liaison)	153.987,81
Tổng cộng	163.175.422,00
b.— Số tiền tồn kho nguyên liệu tiêu thụ	9.932.150,95
Tổng cộng	173.106.572,95

2.— THAN BÙN

Than bùn được tích tụ nhiều nhất ở Cà mau, phía Tây châu thổ Cửu long ; nhưng vì việc sản xuất than đước, than củi còn dễ dàng và dồi dào nên than bùn Cà mau chưa được khai thác qui mô mặc dầu than bùn cung cấp một nguồn nhiệt rất rẻ tiền sau rơm, rạ... Phần lớn số than bùn đã khai quật chỉ được các nhà tiểu công nghệ dùng để nung lò gạch ngói, lò gốm. Vũng than bùn ở U-minh rộng tới 60.000 Ha thuộc 2 tỉnh Kiên-Giang, An-Xuyên. Than bùn còn trong đất chứa đến 70% nước, nếu phơi khô, than bùn ở U-minh gồm : độ ẩm 11,9, chất bay hơi 42,5, thán khí 41,8, lưu huỳnh 0,21, tro 3 5 nhiệt năng 4978 calories.

Than bùn là những khối đen nằm dưới lớp đất sình lầy chừng 1 đến 2 thước do những loại thảo mộc nhỏ như lau sậy, tràm, đước... tạo nên pha lẫn với bùn cát. Than bùn được khai thác từ dưới những lớp đất lên đem phơi vào mùa nắng. Than mềm, dẻo hay bở tùy theo tỷ lệ đất sét chứa trong than. Sau 2 hay 3 ngày phơi khô ánh nắng làm nước trong than bốc hơi, than trở nên xốp, nhẹ và mới xử dụng để đốt được.

Trong tương lai than bùn có thể xử dụng để sản xuất ammoniaque và phân đạm ; nhưng nếu khai quật hết số than bùn này thì lại một vấn đề canh tác nông nghiệp được đặt ra là chất phèn hoặc muối tích trữ ở dưới lớp than từ lâu nay sẽ nổi lên mặt đất.

QUÍ KIM : VÀNG

Hai vùng ở VNCH có vàng là Bồng Miêu (Quảng Ngãi) và miền núi Bạch Mã (Thừa Thiên), nhưng từ sau Thế chiến I vàng mất giá, phí tổn khai thác lại cao và hiện nay vì lý do an ninh nên việc tìm kiếm khai thác phải đình hoãn.

Xưa kia mạch vàng ở Bồng-Miêu Quảng Ngãi đã được khai thác gồm có galène (PbS) và pyrite (FeS_2) nằm lẫn với vàng. Tất cả mạch

vàng đều nằm trong các mạch thạch anh. Trong mạch vàng giầu, mỗi thước khối đá có thể chứa tới 100 mgr vàng. Còn vàng của miền núi Bạch Mã (Thừa Thiên) thì nằm lẫn trong cát của suối vàng. Theo Bộ Kinh Tế việc khai thác vàng ở đây rất dễ dàng nên khuyến khích tư nhân đầu tư vì theo phỏng định mỗi thước khối cát có thể chứa từ 2 đến 5 mgr vàng.

Ngoài 2 mỏ vàng trên, một số nông dân ở Long Xuyên còn tìm được vàng ở Định Mỹ cách núi Sập 3 cây số về phía Tây Bắc ở sâu dưới đất 10 đến 25^{cm} trong những lớp đất cát xám và một số vàng khác ở vị trí Óc Eo gần núi Ba Thê. Họ đào được những mảnh vàng vụn hoặc những đồ vật nhỏ bằng vàng, có lẽ là di tích của thành phố Phù Nam xưa kia. Gần đây trong cuộc hướng dẫn sinh viên văn khoa đi khảo sát vùng Óc Eo, chúng tôi có đi qua một vùng đào vàng trước kia nay chỉ là một vũng nước lớn vì số vàng tìm được không tương xứng với công lao tìm bới hoặc nếu tìm được đồ vật bằng vàng lại hay bị một vài viên chức địa phương tước đoạt với giá rẻ (!) vì vậy không còn ai đi tìm vàng tại đây nữa (!) (xem hình 3).

KIM KHÍ KỸ NGHỆ

- SẮT

Rất nhiều dấu hiệu của quặng sắt đã được tìm thấy trên lãnh thổ VNCH. Trên cao nguyên Vo Ong Diên ở đảo Phú Quốc, Petiton tìm thấy sắt kết tinh màu đen trong đá ong và ở các đảo Hải Tặc, ông Mansuy ghi nhận quặng sắt trong các khối thạch anh. Trên quần đảo Balua, một số quặng sắt khá lớn ở những đảo Hòn Heo, Hòn Con Dé, Hòn Doi Trung, nằm giữa đá thạch anh và rhyolite, dày tới 10^{m} và chứa khoảng 55% sắt. Ông E Aubert ước lượng số dự trữ quặng sắt tới 400.000 tấn, nhưng theo ông C. Massa thì tới 20 triệu tấn.

Trong những lớp đá biến tính ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, người ta tìm thấy quặng sắt dưới dạng thể ồng thiết khoáng (hematite) và bạch thiết khoáng (oligiste). Trong vùng Hòa An có cả quặng từ thiết khoáng (magnétite). Ngoài ra đá ong (latérite) nhất là ở miền Đông Nam phần từ Biên Hòa lên Bình Long chứa tỷ lệ sắt tới 70%, [xem Nguyễn Huy, Les Formations latéritiques à Bình Dương, S.E.I. Nouvelle serie, Tome XLIII, n^{0}1, 1er Tri. 1968]; nhưng sắt trong đá ong chỉ làm được gang xấu chứ không nấu thành thép được, hơn nữa việc luyện chế lại rất tốn kém. Cho đến nay, chúng ta chưa san xuất sắt từ những dạng thể quặng mỏ trên.

- QUẶNG MOLYBDENIUM

Trước 1945, quặng molybdenium đã được khai thác tại vùng Đơn Dương (Dran), Krong Pha, Phan Rang và hiện nay molybdenite đang

được tìm kiếm tại miền núi Sam (Châu Đốc) trong một chu vi khai thác định giới là hình vuông mỗi cạnh 3 cây số; mỏ này có 1 diện tích chừng 900 Ha, giấy phép khai thác 30 năm. Molybdenite là một tinh khoáng nhẹ, màu đen bóng và mềm như than chì. Trong kỹ nghệ luyện thép, nếu trộn thêm 0,2% molybdenite thì thép sẽ rất cứng, dẻo dai không bị sét rỉ. Hiện nay các hầm khai thác ở núi Sam đã ngừng hoạt động (xem hình 1) và người ta chỉ còn khai thác đá hoa cương như ở núi Sập để cung cấp vật liệu cho ngành kiến trúc và công chánh.

- TITANIUM

Khi đá núi lửa mủn ra, chất titanium kết tụ lại trong cát dưới dạng thể của những hạt đen (ilmenite: $Fe\ Ti\ O_3$). Các dạng thể ilmenite này được tìm thấy ở bờ biển Qui Nhơn, Vũng Tàu. Trong năm 1959, có 3 số quyền khai mỏ titanium trên 1 diện tích 2700 Ha.

(*Hình Nguyễn Huy*)

H. 1.— Hầm khai thác mỏ chì ở núi Sam.

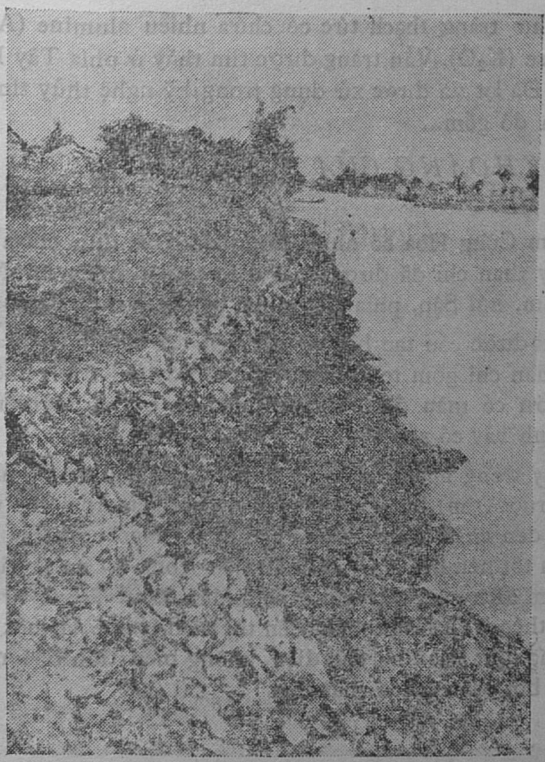

(Hình Nguyễn Huy)
H. 2.— Lớp vỏ sò lớn « N' Huy » dọc kinh Ba Thê, có thể là nguồn cung cấp vôi.

B. TINH KHOÁNG KỸ NGHỆ

• *TINH KHOÁNG CỦA PHÚN XUẤT THẠCH*

1. — TRÀNG THẠCH (FELDSPATH)

Tràng thạch là vật liệu kết tinh của phún xuất thạch bởi chất silice và alumine, ngoài ra còn chức K hoặc Na hoặc Ca. Tại Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Tuy Hòa, Krong Pha, Đà lạt, Quảng Nam, tràng thạch được tìm thấy trong đá hoa cương thô hạt với những tinh thể có đường kính 1-4 phân. Trong ngành công nghệ đồ gốm và gạch ngói bột tràng thạch trộn với đất sét sẽ giúp cho độ nóng chảy thấp nhờ có chất soude và potasse nên tiết kiệm được nhiều than đốt. Hơn nữa độ cứng và chịu đựng của các đồ gốm, ngói sành được gia tăng nhờ tính chất của thủy tinh, bên trong tràng thạch. Còn đối với kỹ nghệ thủy tinh chất soude của tràng thạch giúp cho thủy tinh rắn chắc và chịu đựng. Trong những năm vừa qua số sản xuất của tràng thạch là 766 tấn (1964), 949 tấn (1965), 878 tấn (1966).

• VẪN TRÀNG (NEPHELINE)

Vẫn tràng thường xuất hiện chung với tràng thạch và có nhiều tính

chất giống như tràng thạch tức có chứa nhiều alumine (Al_2O_3) soude (NaO_2) potasse (K_2O). Vẫn tràng được tìm thấy ở phía Tây Khánh Hòa, chung quanh Đà lạt và được xử dụng trong kỹ nghệ thủy tinh làm chai, lọ, bình, men đồ gốm...

- *TINH KHOÁNG CỦA ĐÁ BIẾN TÍNH*

2.— THAN CHÌ

Việt Nam Cộng Hòa có nhiều vùng đá biến tính chứa đựng than chì. Hiện nay than chì đã được khai thác từ lâu ở Quảng Ngãi và mới đây ở núi Sam, núi Sập, phía Tây đồng bằng Cửu Long.

Than chì được cấu tạo bởi sự kết tinh các chất hữu cơ trong nham trầm tích. Than chì gồm toàn bằng carbon hợp lại trong một dạng thể bở, mềm, trơn có màu đen nhánh. Thường trong đá biến tính, than chì đóng thành vảy có xếp lớp.

Hiện nay trong ngành công kỹ nghệ Việt Nam than chì được khai thác để làm ruột (tim) bút chì. Tùy theo chất keo trộn với than chì mà ruột bút chì đen có độ mềm cứng khác nhau. Ngoài ra, than chì có đặc tính dẫn điện tốt nên được xử dụng nhiều trong kỹ nghệ điện-giải, làm bình điện, làm điện cực, dây đốt ở bóng đèn v.v... Trong tương lai, nếu kỹ nghệ sắt thép Việt Nam phát triển thì than chì sẽ là một khoáng sản rất quan trọng nhờ đặc tính dẫn điện, không biến tính bởi nhiệt độ cao (3000° C) và bởi bất cứ hóa chất nào.

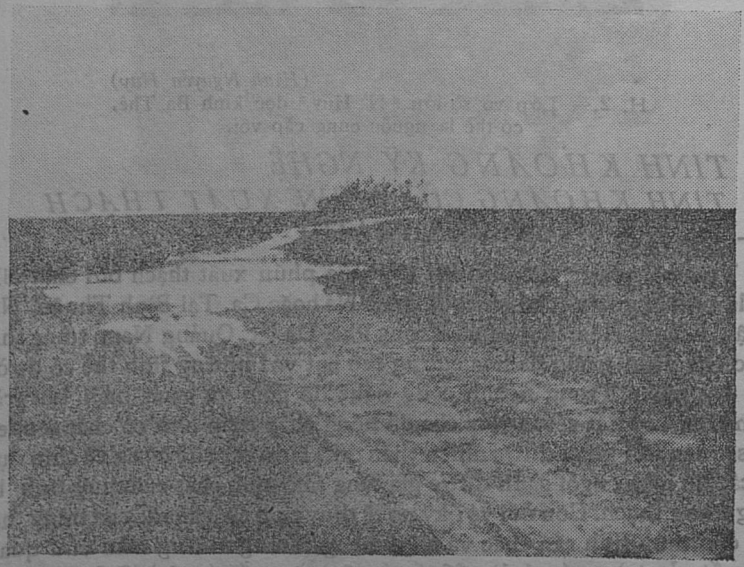

(Hình Nguyễn Huy)

H. 3.— Nơi tìm vàng ở vùng giồng cát, giồng soài trên di tích Óc Eo (cạnh núi Ba Thê Long Xuyên).

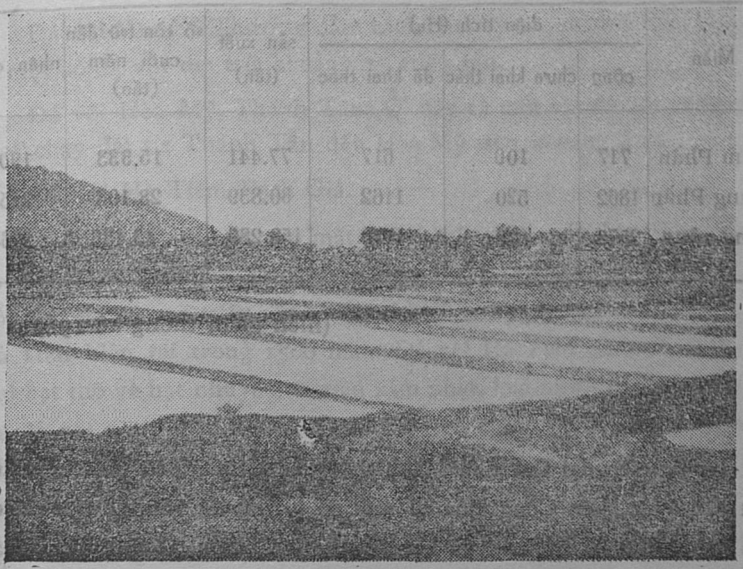

(*Hình Nguyễn Huy*)

H. 4.— Ruộng muối ở Phan Rang.

• *TINH KHOÁNG CỦA ĐÁ TRẦM TÍCH*

3.— MUỐI (Cl Na)

Với một bờ biển dài trên 1000 cây số và sức nóng của mặt trời nhiệt đới, hàng năm Việt Nam Cộng Hòa đã sản xuất được một số muối đáng kể trên những ruộng muối dọc theo bờ biển nhờ sự bốc hơi của nước biển (Hình 4). Phần lớn số muối sản xuất có tỷ lệ Na Cl dưới 90%. Đặc biệt các đồng muối Cà ná rộng 563 Ha có khả năng sản xuất khoảng 56.000 tấn / năm là sản suất được muối tốt có tỷ lệ Cl Na trên 90%. Do đó muối Cà ná có thể dùng xuất cảng và xử dụng trong kỹ nghệ nhờ điện giải để lấy Cl dùng trong kỹ nghệ hóa học như kỹ nghệ tẩy màu. Ngoài ra với phương pháp Solvay, muối trộn lẫn với than và vôi để điều chế $Na_2 CO_3$, sau đó $Na_2 CO_3$ được dùng để điều chế soude và các hóa chất khác dùng trong kỹ nghệ giấy, xà bông, nước tẩy, Cl H,.. Hiện nay Việt Nam có 3 công ty khai thác ngành này là NAMYO, VICAINCO, VICACO.

Muối : diện tích và sản xuất năm 1968.

Miền	diện tích (Ha)			sản xuất (tấn)	số tồn trữ đến cuối năm (tấn)	nhân công
	cộng	chưa khai thác	đã khai thác			
Nam Phần	717	100	617	77.441	15.333	1906
Trung Phần	1862	520	1162	80.839	28.103	2459
tổng cộng	2579	620	1779	158.280	43.436	4365

(niên giám thống kê 1969).

• ĐÁ VÔI

Từ nguyên đại thứ nhất, lãnh thổ Việt Nam nhiều lần chìm dưới biển nên Việt Nam Cộng Hòa có một số lượng đá vôi rất quan trọng nằm trong một số tỉnh duyên hải như Thừa Thiên, Quảng Trị, Khánh Hòa, Hà Tiên. Khoáng chất này có rất nhiều công dụng trong nền kỹ nghệ Việt Nam. Đá vôi vụn được xử dụng trong kỹ nghệ xây cất như đúc nền bê tông, xây cột, sàn... Còn đá vôi khối, dày, đều đặn thì được đục đẽo thành cột, bê (nhà Bưu Điện Saigon). Đá vôi Hà Tiên và Long Thọ được Công Ty Thủy Tinh Việt Nam trộn với cát để nấu chế tạo thủy tinh, và trong kỹ nghệ làm Ca C_2, điều chế acétylène, đá vôi trên cũng được xử dụng. Nhưng công dụng quan trọng nhất của đá vôi Việt Nam hiện nay là dùng chế tạo xi măng và khử phèn trong nông nghiệp. Dọc theo duyên hải việt Nam, các khối đá vôi quan trọng nằm trong các vùng sau.

Đá vôi ở Thừa Thiên:

Khoáng sản này đã được khai thác tại Long Thọ và khảo sát tại Văn xá Thượng, Hòa Mỹ, Thanh-Tân.

Đá vôi Long Thọ có màu đen và rất nhuyễn hạt vì đá vôi chứa nhiều than và đất sét. Đá có từng lớp mỏng bị nứt nẻ nhiều và gấp nếp thẳng. Hiện nay có một nhà máy đang khai thác đá vôi Long Thọ. Số lượng dự trữ tại đây ước lượng độ 5 triệu tấn như nếu đào sâu xuống dưới mặt đất độ 20^m thì số lượng dự trữ có thể là 6.840.000 tấn. Đá vôi Long Thọ nổi tiếng là tốt nhưng lại đang cạn dần nên một số hầm đá vôi ở phía Bắc Huế đã được khảo sát để có thể khai thác trong một tương lai gần đây.

Đá vôi Văn Xá Thượng nằm cách Huế 17 cs. về phía Bắc, vùng này có một số đá vôi dự trữ khoảng 25 triệu tấn.

Đá vôi Hòa Mỹ, Thanh Tân. Ở đây có một vỉa đá vôi rộng chừng 200m chạy dài từ Thanh Tân đến Hòa Mỹ trên khoảng 8 cs.

Đá vôi Hà Tiên, Rạch Giá.

Tại đây đá vôi nổi trên mặt đất thành những đồi lớn chạy dọc theo bờ biển Rạch Giá, Hà Tiên và kéo dài đến Kampuchia. Số đá vôi dự trữ ước lượng tới 500 triệu tấn tức có thể đủ cung cấp cho nhà máy xi măng Hà Tiên hiện tại trong 1500 năm. Đá vôi Hà Tiên gồm có nhiều loại: loại hạt thô và hạt nhuyễn có màu xám nhạt, loại nhuyễn hạt và đen. Xưa kia đá vôi này được dùng để làm vôi Càn Long và nay được khai thác để sản xuất clinker cho nhà máy xi măng Hà Tiên [đá vôi đều chứa vết sinh vật].

Đá vôi Quảng Trị.

Một số lượng đá vôi rất lớn mà số dự trữ ước lượng 1500 triệu tấn đã được tìm thấy ở vùng Tân Lâm, thung lũng sông Cam Lộ chạy dài đến biên giới Lào-Việt, vùng Dakrong và Calu. Chỉ có một khối đá vôi nhỏ ở Ta Niên là chìm dưới đất còn tất cả đều nổi thành đồi thấp như ở Hà-Tiên.

Đá vôi san-hô Khánh Hòa, Ninh Thuận.

Từ Quảng Ngãi trở vào Nam, chỉ còn có khối đá vôi san hô nằm dọc bờ biển tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận là quan trọng. Khối đá vôi san hô này chiếm một diện tích khoảng 1140 Ha và dày chừng 2 m tức có thể cung cấp tới 22 triệu tấn đá vôi. Số lượng nhỏ này không đủ cung ứng nhu cầu cho một nhà máy xi măng dùng nhiều đá vôi, nhưng có thể dùng vào một số kỹ nghệ dùng ít đá vôi như ngành chế tạo Carbure de Calcium. Tuy đá vôi san hô ở đây có tỷ lệ Co_3 Ca cao nhưng lại thường chứa cát và bùn, do đó việc xử dụng đá vôi san hô trong kỹ nghệ sẽ gặp khó khăn trong công việc rửa đá vôi cho sạch.

Sau khối đá vôi san hô thì miền Nam Trung Phần cũng khai thác những vỉa đá vôi nhỏ như ở Cheo Reo, Ban Dun để nấu vôi, khử phèn... dùng tại địa phương.

Đá vôi chứa Magnésium.

Loại đá vôi có magnésium đã được tìm thấy ở núi Con Nai thuộc

Hà Tiên với tỷ lệ MgO từ 8 đến 20% tại quận Hiệp Đức tỉnh Quảng Tín với tỷ lệ MgO khoảng 13 đến 34%, vùng Cam Lộ có tỷ lệ MgO từ 14,8 đến18,5%. Đá vôi này không thích hợp cho việc sản xuất xi măng, vì muốn có xi măng tốt, đá vôi không thể chứa trên 3% magnésium. Nhưng trái lại, đá vôi chứa magnésium trên lại rất quan trọng cho ngành kỹ nghệ thủy tinh Việt Nam.

• CÁT TRẮNG

Cát trắng là những vật liệu cứng rắn do nước biển hay nước sông bào mòn tạo ra. Công Ty Thủy Tinh Việt Nam và các lò thủy tinh ở Sài gòn và lân cận tiêu thụ lối 15.000 tấn mỗi năm. Kỹ nghệ hóa học dùng cát trắng để chế ra silicate de soude dùng vào các công tác giặt tẩy... Cát trắng để chế thủy tinh phải thật sạch, không được chứa các chất bẩn có quá dung lượng sau:

— <0,06% oxyd sắt.

— <0,0002% cobalt.

— <5% oxyd nhôm.

Sau đây là số sản xuất trong những năm vừa qua tính bằng 1.000 tấn.

1960	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967
69	86	112	164	244	104	12	95

Đa số cát sản xuất đều do hầm cát Thủy-Triều và dùng để xuất cảng. Có hai hầm cát lớn là hầm cát Thủy-Triều và hầm cát Nam-Ô.

Cát trắng Thủy-Triều:

Nằm ở 32 km phía nam Nha Trang gồm những đồi cát và đồng cát rộng chạy dọc theo bờ bể. Loại cát đồi tốt hơn cát đồng vì rất ít chất dơ.

Về số lượng dự trữ cát trắng tại Thủy-Triều ta phân biệt hai loại sau:

Số lượng cát đồi : 1.552 425m^3.

Số lượng cát đồng: 4.807.500m^3.

Như vậy, tổng số dự trữ lên đến: 6.359.925m^3.

Về phương diện phẩm chất, các kết quả phân tích cho ta thấy tỷ lệ SiO_2 của cát này lên đến từ 99,3 đến 99,6%.

Cát trắng Thủy-Triều đã từng được xuất cảng nhiều, đặc biệt là qua Nhật Bổn (năm 1964 xuất cảng được 230.000 tấn.)

Cát trắng Nam Ô.

Nằm dọc theo bờ biển cách phía Bắc Đà-Nẵng 8km có diện tích khoảng 700 Ha gồm cát trắng phẩm chất rất tốt, với thành phần SiO_2 từ 99,0 đến 99,7%.

Theo những khảo cứu từ trước thì cát này ở dưới độ sâu 20^m vẫn có tính chất không thay đổi và các phân tích về độ lớn các hạt cát thực hiện tại Nhật Bổn cho thấy 84% cát này có kích thước rất thuận tiện cho kỹ nghệ thủy tinh.

Cách khai thác.

Tại các công trường lớn, cát được múc lên bằng xáng hay máy cạp tối tân. Còn tại các công trường nhỏ thì dùng sức người múc cát đổ lên ghe rồi chở đến bán cho các nhà thầu.

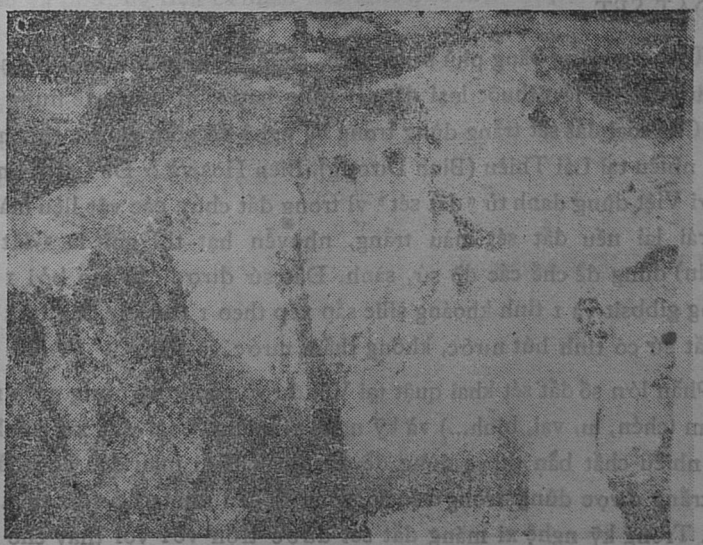

(*Hình Nguyễn Viết Đức*)

H. 5.— Hầm khai thác đất sét ở Bình Thủy (Lái Thiêu).

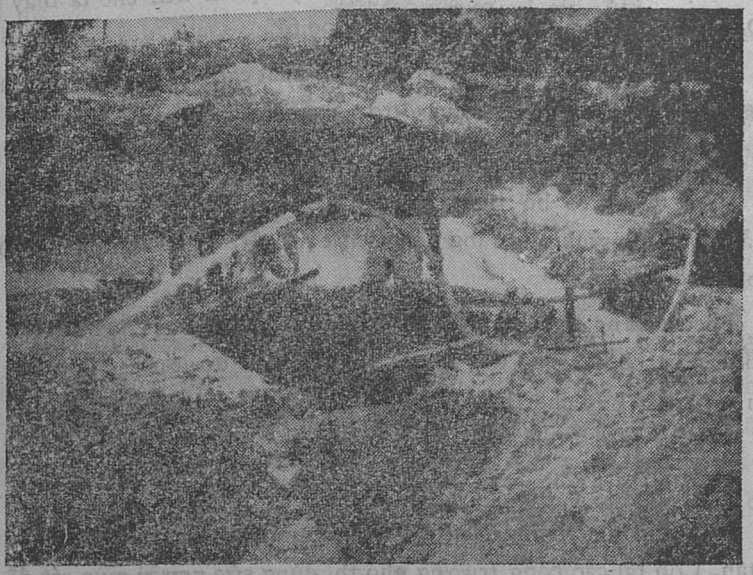

(*Hình Nguyễn Huy*)

H. 6.— Rửa đất sét để lọc lấy hồ ở Bình Thủy (Lái Thiêu)

• ĐẤT SÉT

Trên các đồng bằng phù sa lắng tụ, chúng ta gặp rất nhiều loại đất sét nhưng phần lớn thuộc loại đất sét vàng hay xám dùng để nung gạch ngói. Còn loại đất sét trắng dùng trong kỹ nghệ đồ gốm giá trị thì chỉ tập trung nhiều tại Lái Thiêu (Bình Dương), Biên Hòa và ở Đà Lạt (Hình 5). Người Việt dùng danh từ « đất sét » vì trong đất chứa các vật liệu màu sét rỉ. Trái lại nếu đất sét màu trắng, nhuyễn hạt thì gọi là « đất sứ » (Kaolin) dùng để chế các đồ sứ, sành. Đất sứ được cấu tạo bởi 1 tinh khoáng gibbsit và 1 tinh khoáng silic sắp xếp theo 1 thứ tự đặc biệt giúp cho đất sứ có tính hút nước, không thấm nước và dẻo.

Phần lớn số đất sét khai quật tại VN được xử dụng nung gạch ngói, đồ gốm (chén, lu, vại, bình...) và kỹ nghệ xi măng. Loại đất xét kaolinite chứa nhiều chất bẩn được dùng để đúc gạch ngói màu đỏ. Còn đất sứ màu trắng được dùng trong các lò gốm để sản xuất các « đồ sứ », « đồ kiểu ». Trong kỹ nghệ xi măng đất sét được trộn với vôi thay cho diệp thạch để chế tạo xi măng.

Ở Biên Hòa, đất sét để nung gạch ngói được đào ngay trên đồng ruộng cạnh đường lộ hay sông Đồng Nai để chuyên chở dễ. Vì thiếu nhân

công nên các chủ lò gạch ngói phải dùng nhiều xe ủi đất. Còn ở Bình Dương đất sét và đất sứ được đào bằng sẻng cuốc trên những đồi thấp, dưới lớp đá ong. Đất sét chứa nhiều sỏi đá ong nên phải rửa bằng sức người hay máy bơm để lọc lấy hồ, đem phơi rồi mới bán được (hình 6). Ở Phú Văn, người dân phải đào sâu xuống đất như hang chuột để khai thác đất sứ.

*
* *

Sau khi xét qua hiện trạng của mỏ và tinh khoáng kỹ nghệ liên quan đến nền kỹ nghệ hiện tại, chúng ta nhận thấy VNCH nghèo nàn về quặng mỏ cần thiết cho một nền kỹ nghệ căn bản nhưng lại dồi dào về tinh khoáng kỹ nghệ như đá vôi, tràng thạch, cát trắng v.v... Giá sản xuất các tinh khoáng này thấp vì nhờ tinh khoáng hiện diện ở nhiều nơi lại gần trục giao thông và thị trấn. Hiện nay công cuộc khai thác tinh khoáng kỹ nghệ phần lớn đều tựa vào kinh nghiệm địa phương và cá nhân. Ngay cả phẩm chất của đất đá cũng chỉ được suy xét theo thói quen. Thí dụ như các hầm đất sét ở Lái Thiêu (Bình Dương) đều do các thôn dân chiếm cứ mỗi người một mảnh đất để tự tìm kiếm khai thác, phát mại theo kinh nghiệm và phương tiện cá nhân chứ không có một cơ quan khảo cứu theo một đường lối khoa học nào hướng dẫn về lượng tính và phẩm tính cả. Tuy nhiên, may mắn là đa số các loại tinh khoáng kỹ nghệ như đất sét, đá vôi, cát trắng... đều có phẩm lượng tốt và số dự trữ phong phú nên VNCH có triển vọng tốt về nhiều ngành công kỹ nghệ như xi măng, thủy tinh, gạch ngói, đồ gốm v.v...

Lạp-chúc NGUYỄN HUY

▽ Bản dịch tiếp theo S.Đ số 17-18

Dòng họ Ngô Thừa-tướng Lục Tốn 陸遜, em Lục Khải 陸凱 tức Lục Dận 陸胤 là một nhân vật tài cán trội nhất cai trị đất Giao-châu ở vào thời đại Tam-quốc. Năm Ngô Xích-ô thứ 11 (năm 248 tây lịch) dân Giao-chỉ, Cửu-chân nổi loạn đánh phá các thành ấp, dấy động khắp bộ lạc. Tôn Quyền giao phó Lục Dận giữ chức Giao-châu Thứ-sử, An-nam Hiệu-úy. Về sau *dụ ban ân tín, tôn sùng gọi vời kết nạp* các đảng cầm đầu làm loạn phía bắc qui hàng trước. Do đó *tiến quân về phía nam, trọng lời thề chân thành, để lại của cải tiền bạc,* hơn 5 vạn nhân dân cương ngạnh không sợ uy thế cư ngụ ở khắp chốn thâm sơn cùng cốc đều qui thuận, Giao-châu trở nên thái bình an lạc, do công trạng đó mà Lục Dận được thăng chức An-nam Tướng quân; sang năm Tôn hưu Vĩnh an nguyên niên (năm 258 tây lịch) được triệu về. Người thời đó xưng tụng: «*thiên tư thông minh sáng suốt, tài cao hành vi trong sạch. Thuở xưa tuyển chọn chức Tào (Ngự-sử Thượng-thư tuyển chức Tào-lang) sự tích đáng ghi nhớ; vẫn tại đất Giao-châu, tuân mệnh bày tỏ ân của triều đình, lưu dân qui phục, cả góc biển diệt bình loạn lạc..., kẻ buôn bán đi chuyển dễ dàng, dân không bịnh tật, ruộng đất trù phú. Châu trị đến biển, thủy triều trong biển vào mùa nước mặn, Dận lại lo chứa nước, dân được no đủ. Gió ấm chan hòa, cảm hóa người tốt, nhờ vào uy trời, gọi vời kết hợp sự chia rẽ. Khi nhận được thư mời về, dân cảm nhớ ơn cao dầy mà quên cảnh quê hương binh biến, từ già đến trẻ một lòng quyết theo. Quần chúng không nghi ngờ, không phiền trách cảnh binh qua Các tướng sĩ kết hợp dân tạo nên thế lực, chưa từng có như Dận qui tụ dân mà gieo lòng ân tín. Nhiệm chức tại châu có hơn 10 năm, khách đem truyền bá phong tục đặc biệt, tạo niềm vui thú qui báu. Chính vợ nhà không điểm trang phấn sáp châu báu, cửa nhà không bày trí ngà voi, da*

* Những hàng chữ *in xiên* là những đoạn sử trích dẫn qua các tài liệu, sách vở liệt kê ở phần Phụ-lục của nguyên tác. (Người dịch chú thích).

qui. Kẻ bầy tôi ngày nay, thực khó mới được như thế». Tam quốc chí cũng xưng tụng *thân liêm khiết, làm việc thành công, nổi tiếng ở đất phương nam, đáng gọi là vị quan tốt*».

Sau Lục Dận đến thời Đào Hoàng 陶璜. Năm Vĩnh an thứ 6 (năm 263 tây lịch), nhóm quan lại Lữ Hưng quận Giao-chỉ giết Thái-thú Tôn Tư, làm phản, phía bắc lệ thuộc nhà Ngụy; Cửu chân, Nhựt-nam hưởng ứng theo. Vừa khi nhà Ngụy đã diệt Thục, thừa cơ tiến quân chiếm lấy 3 quận, chia đặt chức tướng để thủ vệ (đất Giao-châu đã lâu ở trong sự tranh giành của Ngô và Thục, Thục cũng phái khiển người ở xa mà lĩnh chức Thứ-sử Giao-châu). Qua năm sau (năm 264 tây lịch), nhà Ngô lại phân chia Giao-châu làm hai, tái lập đất Quảng-châu để mong giữ lấy miền bắc Giao-châu. Nhà Ngụy mất, nhà Tấn hưng khởi, Giao-châu vẫn chịu dưới sự lệ thuộc nhà Tấn. Năm Tấn vũ-đế Thái-thủy thứ 4 (năm 268 tây lịch), Ngô chúa là Tôn Hạo 孫皓 sai tướng xua binh tiến đánh Giao-chỉ, quân Tấn từ đất Thục chuyển binh sang cứu viện đại phá quân Ngô. Nhà Ngô lại sai Giám quân Ngu Phiếm và Thái-thú Thương-ngô là Đào Hoàng sang đánh, rốt cuộc vào năm Thái thủy thứ 7 (năm 271 tây lịch), Giao-chỉ, Cửu-chân, Nhựt-nam đều trở lại lệ thuộc nhà Ngô.

Đào Hoàng vốn người huyện Mạt-lăng (Nam-kinh) quận Đan-dương, thân phụ là Đào Cơ từng nhiệm chức Thứ-sử đất Giao-châu, vì có quan hệ lịch sử với đất nầy nên thông thuộc tình hình Giao-châu; lại *có sách lược, hay giúp đỡ dân chúng, được lòng người, cho nên mọi người đều vui theo, đạt đến thành công*. Bình định xong đất Giao-châu, Tôn Hạo cử Đào Hoàng nhiệm chức Sứ-trì-tiết đô-đốc mọi việc quân ở Giao-châu, Tướng quân kiêm quan cai trị Giao-châu. Võ nghiệp của Tôn Hạo có thể sánh với Lữ Đại, về mặt chính trị ngang hàng Lục Dận, có công trạng kế tục khai thác đất Giao-châu càng không thể lãng quên. Các vùng đất Vũ-bình, Cửu-đức, Tân-xương đầy chướng khí hiểm trở, dân thiểu số hung tợn, trải qua bao đời không qui phục. Thời kỳ Đào Hoàng khéo chiêu dụ mở mang Tam-quận đến Cửu-chân, nước rộng thêm trên 30 huyện.

Quốc vương Lâm-ấp 林邑 (xem phần sau) nhiều lần đến cướp, đánh phá các quận huyện, giết hại Trưởng quan. Đào Hoàng cử binh trấn đóng miền nam suốt hơn 10 năm, trước sau đánh dẹp trừ khử bọn đầu đảng. Tôn Hạo có một thời triệu Đào Hoàng về nhiệm chức Đô-đốc Vũ-xương, dân chúng Giao-châu có hàng ngàn người thỉnh cầu lưu

nhiệm, do đó phải cho Đào Hoàng trở lại nhiệm sở cũ. Năm Tấn Thái khang nguyên niên (năm 280 tây lịch) nhà Tấn diệt nhà Ngô, Đào Hoàng qui phục nhà Tấn, vẫn trấn giữ đất Giao-châu. Đào Hoàng cầm quyền ở Giao-châu suốt 30 năm, *uy tín và ân huệ nức danh miền dị tục, đến khi chết, cả châu gào khóc, như mất cha mẹ.*

Kế nhiệm Đào Hoàng là Ngô Ngạn 吾 (吳) 彥. Ngô Ngạn vốn người Ngô (Tô-châu) đất Ngô quận, văn võ song toàn; nhiệm chức suốt 25 năm, *ân đức uy tín danh rạng, châu phía nam yên tịnh.* Cố Bí 顧 祕 thay thế *là người ôn lương thuần nhã, cả châu đều yêu mến.* Sau con Đào Hoàng là Đào Uy, em Đào Uy tức Đào Thục, con là Đào Tuy kế tục nhiệm chức Thứ-sử Giao-châu; Đào Uy càng được lòng trăm họ mến phục.

4.

Từ nhà Đông Tấn trở xuống, Giao-châu dần dần xảy ra nhiều sự biến, chung qui cũng vì những kẻ có dã tâm thừa cơ Trung-nguyên nhiễu nhương, âm mưu hùng cứ đất đai. Năm Tấn-Minh đế Vĩnh-xương nguyên niên (năm 322 tây lịch) Thái-thú Lương Thạc đất Tân-xương làm phản, năm sau vây hãm Long-biên, Thứ sử Vương Lượng đất Giao-châu chết trong trận chiến này. Tiếp đến Đào Khản 陶 侃 Thứ sử đất Quảng-châu, Đô-đốc thống lãnh quân cơ Giao-châu bình định yên, triều đình ban lệnh giữ chức Thứ sử Giao-châu, phong hiệu Chinh nam Đại tướng quân. Năm Hiếu-vũ đế Thái-nguyên thứ 5 (năm 380 tây lịch), Thái thú Lý Tốn đất Cửu-chân làm loạn, năm sau Thái-thú Đỗ Viện 杜 瑗 đất Giao-chỉ dẹp yên, Viện liền nhiệm chức Thứ sử Giao-châu. Tổ tiên của Đỗ Viện vốn người Kinh-triệu, ông cố nội là Đỗ Nguyên từng nhiệm chức Thái-thú đất Ninh (Hợp) - phố, nhân vì gia quyến ở Châu-diên thuộc Giao-chỉ nên thành người Giao-châu. Năm An đế Long-an thứ 3 (năm 399 tây lịch), vua Lâm - ấp vây hãm Nhựt-nam, Cửu-chân, đánh cướp miền bắc Giao-chỉ; Đỗ Viện dẹp tan. Năm An đế Nghĩa hy thứ 7 (năm 411 tây lịch) Thiên-sư-đạo Lô Tuần sang quấy nhiễu, dư đảng của Lý Tốn chạy theo phò trợ. Đỗ Tuệ Độ 杜 慧 度 lúc đó vừa thừa kế cha là Đỗ Viện nhiệm chức Thứ sử Giao-châu, đem hết gia tài riêng của dòng họ để khuyến khích tưởng thưởng quân lính, một trận đánh dẹp tan, Lô Tuần tự sát. *Tuệ Độ mặc áo vải, ăn rau, tằn tiện giản dị, vốn biết gảy đàn, ưa thích Lão Trang, cấm đoán việc thờ cúng dị đoan, mở mang trường học. Những năm mất mùa dân đói, thì dùng của cải riêng cứu giúp. Việc trị nước rất mực lo lắng như việc nhà nên ân đức uy tín càng lan khắp, không xảy ra trộm cướp, ban*

đêm không đóng cổng thành, ngoài đường không có người lượm của rơi; sách *Tống thư* liệt ông vào truyện quan lại tốt. Năm Tống Thiếu đế Cảnh-bình nguyên niên (năm 423 tây lịch) Đỗ Tuệ Độ mất, con là Đỗ Hoằng Văn thay thế nhiệm chức Thứ sử với lòng rộng lượng hòa nhã được dân mến phục; đến thời Văn đế Nguyên gia thứ 4 (năm 427 tây lịch) được triệu về.

Năm Minh đế Thái-thủy thứ 4 (năm 468 tây lịch), Lý Trường Nhân, người Giao châu, chiếm cứ châu rồi làm phản, tự xưng Thứ sử. Lý Trường Nhân chết, Lý Thúc Hiến thay quyền anh lãnh việc châu. Đến năm Tề vũ đế Vĩnh minh thứ 3 (năm 485 tây lịch) triều đình phái khiển Thứ sử Phương Hoạch đến nhậm trấn. Sau có Phục Đăng Chi tiếp nhiệm, Lý Nguyên Khải làm loạn, kế đến Lý Bí 李賁 dựng hiệu nước xưng đế. Tổ tiên Lý Bí gốc người Trung-nguyên, năm cuối đời Tây Hán xuống biên giới phía nam; trải qua 7 đời ở đất Giao-chỉ, từng làm quan thời nhà Lương, văn võ toàn tài. Năm Lương vũ đế Đại-đồng thứ 7 (năm 541 tây lịch) Thứ sử đất Giao-châu là tông thất Tiêu Tư gây điều hà khắc bạo tàn mất lòng dân. Lý Bí làm quan mà không đạt được chí nguyện, lại có Tinh Thiều giỏi văn học, cũng vì muốn làm quan mà bị chèn ép, bèn âm mưu khởi sự, liên kết các bậc hào kiệt địa phương nổi lên đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm cứ Long-biên. Năm Đại đồng thứ 10 (năm 544 tây lịch) Lý Bí tự xưng Nam Việt đế, quốc hiệu Vạn Xuân. Năm sau, nhà Lương dùng Dương Phiêu nhiệm chức Thứ sử Giao-châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã Giao-châu, lãnh trách vụ tiên phong, rầm rộ dẫn quân tiến nhanh, Lý Bí thất bại chết vào thời Lương Vũ đế Thái-thanh nguyên niên (năm 547 tây lịch). Trần Bá Tiên tức là Trần Vũ đế sau này. Gặp lúc nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, Trần Bá Tiên dẫn quân trở lại Quảng-châu. Triệu Quang Phục thuộc dư đảng của Lý Bí quyết phục thù chiếm giữ lại Long-biên, kết hợp với Lý Thiên Bảo anh của Lý Bí tự xưng Vương tại vùng rợ dân cư ngụ. Sang đời Lý Phật Tử, con của Lý Thiên Bảo, kiêm tính Triệu Quang Phục, vẫn xưng hiệu Nam Việt đế, hùng cứ Phong-châu vào năm Trần Tuyên đế Thái-kiến thứ 3 (năm 571 tây lịch).

Giữa thời Lương và Trần, Nam triều không hề đoái nhìn đất Giao-châu. Tùy Văn đế thống nhất nam bắc, đời sống dân cư rất an lành; theo sự thỉnh cầu của Tả-bộc-xạ Dương-tố, nhân đó có kế hoạch của tướng soái Lưu Phương nhiệm chức Nam-chinh Tổng-quản hành quân đạo Giao-châu. Lưu Phương ban hành lệnh nghiêm chỉnh, tư cách quân

nhân đứng đắn, nhưng nhân từ biết yêu thương người; binh lính nhớ ơn đức đó. Đoàn quân tiến sang Giao-chỉ, sai người chiêu dụ Lý Phật Tử, trình bày những điều họa phúc xảy đến, Phật Tử sợ hãi bèn xin hàng phục. Lưu Phương không những bình định đất Giao-châu, còn tiếp tục mở rộng bờ cõi phía nam, chính thức thu gồm miền đất nam phần của Trung kỳ ngày nay tức là Lâm-ấp.

Lâm-ấp kiến quốc ước khoảng thời Đông Hán (cuối thế kỷ thứ II tây lịch), miền đất này trước kia thuộc huyện Tượng-lâm, nên đặt tên Lâm-ấp, tự lấy hiệu Chiêm Bà (Champa). Cuối đời Tây Tấn (đầu thế kỷ thứ IV tây lịch) có Phạm Văn 范文 gốc người Dương-châu, thuở nhỏ bị rợ soái Nhựt nam cầm tù làm kẻ nô dịch. Dần dần được theo phường buôn bán lên phương bắc vào đất Trung nguyên, nghe rộng thấy xa, lúc trở về Lâm-ấp bèn dạy Vua xây cất cung thất, tạo dựng thành trì, chế biến khí giới quân xa, du nhập không ít những nét tinh hoa của nền văn vật Trung quốc. Đến năm Đông Tấn Thành đế Hàm hòa thứ 6 (năm 331 tây lịch), Phạm Văn soán đoạt ngôi vua Lâm-ấp, dựng nên Vương triều của một người Trung-hoa; năm Hàm-Khang thứ 6 (năm 340 tây lịch) sai sứ triều cống; vì tham vọng chiếm đất đai Nhựt-nam phì nhiêu, nhiều lần tiến quân xâm chiếm phương bắc. Trải qua các đời Phạm Văn, Phạm Phật đến Phạm Hồ Đạt, từ ông đến cháu suốt 3 đời, khoảng mấy mươi năm (năm 347-413 tây lịch) cùng nhà Tấn hòa chiến không thường. Đến thời Phạm Địch Chân, con của Phạm Hồ Đạt, sinh nội loạn. Phạm Dương Mại, cùng con của Phạm Hồ Đạt, lên ngôi tiếp tục chiếm đoạt cướp phá các quận Nhựt-nam, Cửu-chân, Cửu-đức; tàn sát gây thương tổn dân chúng, Giao-châu do đó càng suy yếu. Năm Tống Vũ đế Vĩnh sơ nguyên niên (năm 420 tây lịch), do Đỗ Tuệ Độ Thứ-sử Giao-châu đánh bại, Phạm Dương Mại xin hàng phục, chính thức thụ nhận tước phong của Trung quốc. Phạm Đoát (cũng gọi Dương Mại) con của Phạm Dương Mại kế vị, chiến tranh tiếp tục dây khởi; năm Tống Văn đế Nguyên gia thứ 8 (năm 431 tây lịch) lại bị Nguyễn Khiêm Chi 阮謙之 Thứ-sử Giao-châu đánh bại, rượt đuổi chạy dài đến Chiêm-bút-la (Cù-lao Chàm). Năm Nguyên gia thứ 10 (năm 433 tây lịch), Phạm Đoát cầu được thống lãnh Giao-châu nhưng bị cự tuyệt, hết sức phẫn uất, tuy thường triều cống nhưng luôn cướp phá không ngừng. Văn đế căm giận sự phản nghịch ngạo mạn, năm Nguyên gia thứ 23 (năm 446 tây lịch), ban lệnh Đàn Hòa Chi 檀和之 Thứ sử Giao-châu đem quân thảo phạt. Tông Khác 宗慤 gốc người huyện Nam-dương với

chí cả *cởi cơn gió lớn, phá sóng nghìn trùng* nhiệm chức Chấn vũ Tướng quân dẫn quân tiên phong, thắng trận liên tiếp, khắc phục đất Lâm-ấp, thu hoạch *của quí vật lạ không thể kể xiết, nhưng Khác không lấy gì hết, y phục xoàng xĩnh ;* Đàn Hòa Chi cũng *thanh liêm để phụng sự việc công, đem thân làm khuôn phép cho người dưới.* Theo chiến dịch này, uy danh Trung quốc tuy lẫy lừng, nhưng cũng chưa có thể xác định việc bảo hộ Lâm-ấp.

Lưu Phương bình định xong đất Giao-châu, thụ lãnh chức Tổng-quản hành quân đạo Hoan-châu (Nghệ-an tức Nhựt-nam), phụng mệnh kinh lược đất Lâm-ấp, đem quân thủy và lục cùng tiến lên. Năm Dượng đế Đại-nghiệp nguyên niên (năm 605 tây lịch), chiến đấu phá tan mọi trở lực, vượt quá trụ đồng Mã Viện, xuống phía nam suốt 8 ngày, vào tận kinh đô nước Lâm-ấp ; vua Lâm-ấp là Phạm Phạn Chí bỏ thành trì chạy ra biển. Lưu Phương tịch thu kinh Phật gồm 564 kép, trên 1.350 bộ ; ghi công trên đá rồi lui binh.

Nhà Tùy chia đất Lâm-ấp thành 3 châu : 1 — Đảng-châu, rồi đổi lại Tỷ-cảnh quận, 2 — Nông-châu, rồi đổi lại Hải-âm quận, 3 — Xung-châu, rồi đổi lại Lâm-ấp quận ; gồm 12 huyện. Đến khi quân Tùy quay về, Phạm Phạn Chí qui tụ ban lệnh dân chúng xây dựng thành ấp, sai sứ sang chuộc tội ; mãi đến giữa thời nhà Đường vẫn luôn triều cống, đổi hiệu Hoàn-vương quốc, lại đổi hiệu Chiêm-thành.

(*còn tiếp*)

MAI CHƯỞNG-ĐỨC *dịch*

MỚI PHÁT HÀNH

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP
NHÀ CÁCH MẠNG NGUYỄN-AN NINH

● bà PHƯƠNG LAN BÙI THẾ MỸ

* *Một tác phẩm được xây dựng trung thực của một người đàn bà sống cùng thời với nhà ái quốc Nguyễn-An Ninh.*

* *Trình bày nhiều tài liệu bị cấm phổ biến dưới thời Pháp thuộc.*

* *Những tài liệu quí rất cần cho nhà viết sử.*

THỬ TÌM HIỂU VẤN ĐỀ GIA-PHẢ Ở MIỀN NAM

▽ Dã Lan NGUYỄN ĐỨC DỤ

Tìm hiểu vấn đề gia phả ở miền Nam, chính là tìm hiểu để xem miền Nam có gia phả hay không, nếu không thì bởi nguyên nhân nào, và nếu có thì trong suốt thời kỳ cuộc Nam tiến của chúa Nguyễn và thời kỳ Pháp chiếm Nam kỳ làm thuộc địa (1862-1945) quá trình gia phả diễn biến ra sao?

Tìm hiểu thực trạng xã hội của miền Nam qua giai đoạn đó đã là khó, đến tìm hiểu quá trình diễn biến của gia phả miền Nam qua những giai đoạn đó thì lại càng khó hơn. Vì vậy, muốn nắm vững vấn đề một cách chính xác, ta không thể bỏ qua được 2 sự kiện rất quan trọng. Đó là sinh hoạt về mặt xã hội và văn hóa của miền Nam từ khoảng giữa thế kỷ thứ XVII trở đi, vì những yếu tố này sẽ giúp cho công việc tìm hiểu được dễ dàng hơn và do đó ta mới có thể biết rõ được biến chuyển quan trọng của gia phả ở miền Nam.

Tuy nhiên, để biết chắc giai đoạn nào gia phả xuất hiện, giai đoạn nào gia phả bành trướng, và sau chót hết, giai đoạn nào gia phả lùi dần vào dĩ vãng như ngày nay, cũng như để biết rõ tình trạng suy sụp của gia phả thời Pháp thuộc tới mức nào thì ta phải đi sâu vào sinh hoạt văn hóa xã hội thời đó, chứ không thể chỉ nhất thời nhận xét hời hợt và phiến diện vào tình trạng xã hội ngày nay được.

Dựa vào chút tài liệu đã thâu thập được, chúng tôi cố gắng phân tách và phác họa lại một vài nét đại cương về quá trình diễn tiến của ngành gia phả ở trong Nam và, để bạn đọc dễ nhận xét hơn, chúng tôi tạm chia diễn tiến ấy ra làm 3 giai đoạn như sau:

I.— Bóng dáng của gia phả trên bước đường Nam tiến,

II.— Thời kỳ gia phả miền Nam bành trướng,

III.— Sự suy sụp của ngành giả phả miền Nam.

GIAI ĐOẠN I:

BÓNG DÁNG CỦA GIA PHẢ TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG NAM TIẾN

Từ các đời Lê, Lý, Trần, Lê, ta đã bắt đầu bành trướng thế lực về phía Nam, trường kỳ và liên tục không đời nào là không có [1]. Nhưng ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới cuộc Nam tiến của chúa Nguyễn trên đất Thủy chân lạp tức là miền Nam bây giờ mà thôi, vì lãnh thổ này liên quan trực tiếp tới vấn đề nói trong bài.

Như ta đã biết, đầu thế kỷ thứ XVII, xảy ra cuộc chiến tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn kéo dài mấy chục năm (1627-1672) khiến cho dân chúng hai miền điêu đứng khổ sở vì nạn nội chiến. Khi ấy miền Nam Trung Việt thường hay mất mùa dân tình đói khổ mà nước Thủy chân lạp ở sát nách ta thì có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất phì nhiêu nhưng phần lớn còn bỏ hoang không người cầy cấy. Nhân cơ hội đó nhiều người Việt bồng bế dắt díu nhau vượt biên giới sang khẩn đất ở vùng Mỗi xuy và Đồng nai, tức là Bà rịa và Biên hòa ngày nay, để tìm nơi an toàn sinh sống và tránh nạn binh đao. Từng đoàn người Việt, chia làm nhiều đợt, hoặc do đường thủy đổ bộ lên đất liền rải rác khắp nơi lập nghiệp sinh cư trên đất mới.

Cũng nên nói thêm là thời kỳ này, cả hai bên chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều mang hết lực lượng ra đánh nhau, không ngoài mục đích tranh dành ảnh hưởng. Ngoài việc khai thác nhân lực để quyết định sự thắng bại sau này, hai bên còn lo tổ chức quân đội để dùng vào trận mạc. Riêng với chúa Nguyễn thì tình thế có vẻ khó khăn hơn, vì từ sông

1. Vì đất đai của ta khi xưa quá chật hẹp nên đời vua nào cũng tìm cách mở rộng lãnh thổ để cho dân có đất sinh sống. Trong *Sài gòn năm xưa* của Vương-Hồng-Sển có thuật rõ việc tổ chức dinh điền dưới đời nhà Lê như sau: « Từ ngày vua Lê-Lợi đuổi được quân Tầu, thế nước « rất mạnh, hiềm vì đất chật hẹp không đủ cho dân cầy cấy, nên Lê- « Thánh-Tôn thi hành chính sách bành trướng vào Nam, lập kế đồn điền. « Tổ chức này có 2 phương lợi : một là trấn an biên thùy, hai là mở « rộng bờ cõi một cách hòa bình. Nhơn thế, một chức quan được đặt « ra, gọi quan Thu ngự Kinh lược sứ với nhiệm vụ chiêu tập những lưu « dân (gồm những dân tình nguyện, những người phải tội lưu trú ngoài « biên cương, hoặc những người bỏ làng để trốn lính và tránh sưu thuế...). « Những người ấy được đưa đi khai khẩn đất hoang, và được quan kinh « lược giúp đỡ và ủng hộ. Họ lấn sang đất Thủy chân lạp và vẫn yên tâm « mở rộng khu vực vì sẵn bên có quân đội bảo vệ an ninh ». (Trang 15)

Gianh (Quảng Bình) trở ra bị quân Trịnh án ngữ, nay chỉ còn trông cậy vào mạn trong, tức là nhắm vào vùng đất hoang vu của Chiêm thành và Thủy chân lạp mà thôi. Bởi vậy họ Nguyễn bắt buộc phải mở rộng thế lực về phía Nam bằng việc tổ chức các cuộc di dân và lập đồn điền để gây dựng cơ sở. Về mặt binh bị cũng được tăng cường: « Năm Mậu thân (1628), đời chúa NGUYỄN-PHƯỚC-NGUYÊN cho mộ thêm những người có sức mạnh và am hiểu võ nghệ ở hai xứ Thuận, Quảng bổ làm thân binh ở các cơ, đội... » và đến « Năm Nhâm thân (1632) lại theo kế của ĐÀO-DUY-TỪ bắt đầu thi hành phép tuyển lính cho mở khoa thi Nhiêu học và Hoa văn... » (*Việt sử xứ đàng trong* của Phan-Khoang), cho nên mỗi khi di dân tới nơi nào thì việc đầu tiên của chúa Nguyễn là lo đồn binh lập ấp để giữ gìn an ninh cho nhóm dân lưu cư. Tuy vậy, trên chặng đường Nam tiến của người dân Việt, cũng như trong việc trị an của chúa Nguyễn không phải là không gặp nhiều khó khăn trở ngại, chẳng hạn như việc phát lạc hơn 3 vạn quân bắt được của chúa Trịnh vào năm 1648 và định cư cho 3000 quân sĩ của DƯƠNG-NGẠN-ĐỊCH và TRẦN-THƯỢNG-XUYÊN không chịu làm tôi nhà Thanh kéo sang xin lập nghiệp ở Việt nam vào năm 1679. Ngoài ra, còn lo dẹp đám quân Chân lạp quấy nhiễu ở Gia định (1729), việc chống lại mưu toan của Chân lạp cấu kết với chúa Trịnh toan đánh úp Nam hà (1753) cùng việc chống quân Tiêm la mấy phen xâm lấn đất Hà Tiên (1771), v.v... Thêm vào đó là quân Trịnh và quân Tây sơn mấy lần dấy binh tiến đánh Nam hà khiến cho chúa tôi NGUYỄN VƯƠNG thua xiểng liểng phải bỏ thành Phú xuân chạy dạt ra mãi đảo Phú quốc (1780). (Việt nam sử lược và Việt sử xứ đàng trong).

Như vậy là trong suốt thời kỳ bắt đầu công cuộc Nam Tiến với bao việc đa đoan nói trên, dĩ nhiên chúa Nguyễn ít chú trọng tới vấn đề văn hóa, do đó vào thời kỳ này chắc chắn là miền Nam chưa thế nào có gia phả được. Bởi lẽ về phía chính quyền là chúa Nguyễn mỗi khi chiếm đánh xong nơi nào thì phải tổ chức công cuộc bố phòng, bảo vệ che chở làm sao cho đám lưu dân được yên nghiệp làm ăn. Còn về phía dân chúng và binh sĩ đến định cư chỗ nào thì ban ngày phải quần quật phá rừng vỡ đất để lo cầy cấy, ban đêm thì lo canh gác để phòng nạn giặc cướp, phần còn lo chống trả với dân bản thổ như Chiêm thành và Chân lạp vốn dĩ là hai giống dân hung tợn và hiếu chiến, nhất là dân tộc Chiêm thành luôn luôn xâm lấn quấy nhiễu nước ta không lúc nào ngớt: cuối đời vua TRẦN-DUỆ-TÔNG (1374-1377), ba lần

quân Chiêm vào đốt phá kinh thành Thăng long (V.N.S.L.), — lại năm Hồng đức năm đầu đời LÊ-THÁNH-TÔNG (1470), Chiêm thành mang hơn mười vạn quân thủy bộ ra đánh chiếm Hóa châu. « Các cuộc cướp phá « của quân Chiêm thường xuất phát bất thình lình, nên dân chúng không « biết đâu mà phòng bị. Các vùng duyên hải từ Thừa thiên trở đến « Nghệ, Thanh là những nơi mà nhân dân ta bị cái nạn giết chóc, bắt « người, cướp bóc, đốt phá trong suốt mấy thế kỷ ». (V.S.X.Đ.T. trang 124). Trong tình trạng ngày lo đêm sợ như vậy thử hỏi đám dân lưu cư còn lúc nào rảnh rang để nghĩ tới gia phả nữa. Ngoài ra, cũng còn mấy nguyên nhân khiến cho việc gia phả khó lòng thực hiện được.

Một là các người theo giúp chúa Nguyễn thường bị dời đổi luôn, nay chỗ này mai chỗ khác, nhất là các quan võ. Lớp người do chúa Nguyễn cắt cử ở ngoài Trung vào trọng nhậm đều mang một tâm trạng chung là không ai tin chắc ở lâu. Còn lớp người mà ông cha vào Nam lâu đời (từ đầu đời nhà Nguyễn) thì hoặc vì loạn lạc hoặc vì điều kiện sinh sống, không mấy người còn nhớ được lai lịch. Điều này xem như đúng hoàn toàn nếu ta chịu khó tìm đọc tiểu sử các quan văn võ ra giúp chúa Nguyễn hồi đó. Các ông VÕ-TÁNH, DƯƠNG-CÔNG-TRỪNG, NGUYỄN-HUỲNH-ĐỨC, CHÂU-VĂN-TIẾP... không có ông nào tổ tiên ghi tới ba đời.

Hai là thành phần đám lưu dân rất phức tạp. Đa số là binh sĩ và nông dân, hoặc « những tù đầy, những du đãng, phiêu lưu từ các miền « Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa, xâm nhập qua các triều đại, đi tìm may « mắn ở vùng đất mới, những quan, những quân, bất mãn họ Trịnh, hoặc « bị lầm lỗi, bỏ chạy vào Nam, những thổ tù, thổ hào cường ngạnh, những « nhiễu lương dân... » (V.S.X.Đ.T., trang 139). Với tình trạng xã hội như thế, với đám lưu dân gồm đủ thành phần và hầu hết thất học, giỏi cầm cầy hơn là múa bút, lại thêm sự chung đụng, hôn phối lẫn lộn với người dân bản thổ từ bao nhiêu đời, tiêm nhiễm tập quán mới, quên bỏ phong tục cũ..., tất cả những cái đó đã ảnh hưởng nhiều đến việc làm gia phả của dân chúng.

Nói đến ảnh hưởng của phong thổ thì không riêng gì Việt nam, mà có lẽ đó là công lệ chung đối với tất cả các sắc dân trên thế giới nữa. Vì dân tộc nào cũng vậy, một khi đã dời bỏ quê quán thiên cư đi nơi khác làm ăn thì dầu muốn dầu không cá tính của dân tộc đó cũng bị ảnh hưởng ở nơi đất mới, những thói quen nếp cũ ở nơi chôn nhau cắt rốn cũng phải biến đổi ít nhiều cho phù hợp với phong tục

thổ ngơi của dân bản thổ. Tuy nhiên, người Việt nam có một điểm đặc biệt, là dù đi tới xứ nào thì cũng không bao giờ quên tổ tiên, chính nhờ việc cúng giỗ hàng năm ở trong gia đình nên người dân thiên cư tuy không chép gia phả, mà thực ra họ vẫn duy trì một hình thức của gia phả. Đó là thứ « GIA PHẢ MIỆNG », tức là họ dặn miệng ngày chết, tên tuổi, mồ mả của cụ kỵ, ông bà để con cháu nhớ ngày giỗ, song thường thường chỉ nhớ được một hai đời, — dù sao thì cũng nhờ có sự lưu truyền « Gia phả miệng » ấy mà ngày nay một số ít con cháu của lớp người thiên cư còn nhớ được chút lai lịch.

Ba là tâm lý chung của người nông dân Việt nam. Họ thích sống ở làng, lúc chết cũng muốn chôn cạnh mồ mả của tổ tiên. Đối với họ, việc phải dời bỏ quê quán đi làm ăn xa là sự vạn bất đắc dĩ. Từ quan niệm đó, người dân quê Việt nam dẫu đi làm ăn ở đâu thì ai cũng chỉ mong cho chóng giàu sang để một ngày kia được « Áo gấm về làng » mà dương danh với bà con làng nước. Và cũng chính vì thế mà ít người nghĩ tới việc ghi chép tông tích để lại cho con cháu. Cho nên, căn cứ vào những sự kiện nêu trên đây, ta có thể quả quyết mà không sợ nhầm lẫn rằng trong suốt buổi đầu cuộc Nam tiến, đám quần chúng đông đảo ấy CHƯA THỀ VÀ CŨNG CHƯA HỀ NGHĨ TỚI CHUYỆN LÀM GIA PHẢ.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là suốt thời kỳ đó miền Nam không có gia phả. Thật ra, trong khi đám dân lưu cư hầu hết hình như chưa ý thức được vấn đề gia phả thì ngược lại, gia phả lại xuất hiện với chúa Nguyễn khá đầy đủ dồi dào [1]. Sự kiện này cũng không khiến cho ta phải ngạc nhiên. Vì xưa nay, việc ghi chép phả hệ của các vị anh hùng mở nước thì triều vua nào và đời nào cũng đều có cả, tự cổ chí kim sử sách đã chứng minh rõ ràng sự việc đó.

Việc ghi chép dòng dõi tông tích đối với các bậc đế vương khi xưa rất đỗi quan trọng nên dưới triều Minh mạng (1820-1840) đã hai lần có việc tu soạn gia phả: năm Minh mạng nguyên niên (1820), nhà vua ra lệnh cho Hiệp biện đại học sĩ PHẠM-ĐĂNG-HƯNG khâm tu ngọc phổ [2] Tới năm Bính thân (1836) là năm Minh mạng thứ 17, vua THÁNH

1. Xem « Généalogie des Nguyễn avant Gia-Long » par S.E. Tôn-Thất-Hàn — Traduction de Bùi-Thanh-Vân et Trần-Đình-Nghi—Bulletin des Amis du Vieux Huế — 7è année, no 3, Juillet-Septembre 1920 — Pages 295-328.

2. « Danh nhân Nam việt » của Bao-La Cư-Sĩ — Văn hóa Nguyệt san số 56, tháng 11-1960.

TỔ lại đặt ra Tôn nhân phủ và đặt quan chức để coi mọi việc trong họ nhà vua, [1] ấy là không ngoài mục đích lưu sự nghiệp cho con cháu và dương danh với hậu thế vậy.

Như vậy là lúc đó gia phả tuy có xuất hiện, song chỉ thu hẹp trong dòng họ nhà chúa, chứ chưa lan rộng tới dân gian như là ở ngoài Trung và ngoài Bắc.

GIAI ĐOẠN II:

THỜI KỲ GIA PHẢ MIỀN NAM BÀNH TRƯỚNG

Gia phả thật sự xuất hiện và bành trướng vào Nam từ năm nào thì cũng khó mà xác định được, song phỏng đoán thì có thể là vào khoảng cuối thế kỷ thứ XVIII sang đầu thế kỷ thứ XIX, tức là sau khi chúa Nguyễn thu phục được đất Gia định (1787) và lúc NGUYỄN ÁNH bắt đầu phục hưng (1802).

Sở dĩ chúng tôi dám quyết đoán như vậy là căn cứ vào NĂM THÁNG MÀ NGƯỜI SOẠN PHẢ GHI Ở TRONG CÁC CUỐN GIA PHẢ, như « Mạc thị gia phả » của họ Mạc ở Hà tiên làm từ năm 1818 [1], gia phả Lê-ngọc Trụ ở Minh phụng Chợ lớn làm từ năm 1840 [2],

---

1. Tôn nhân phủ được tổ chức như sau: đặt Tôn nhân lệnh một người tả hữu tôn chính hai người, tả hữu tôn nhân hai người, để coi việc hoàng tộc và việc phân biệt tự hàng chiêu hàng mục, ghi chép hàng lượt người thân người sơ (tức là chép gia phả của Hoàng triều), việc nuôi nấng và cấp tước lộc cho mọi người trong Hoàng tộc, lại đặt tả hữu tôn khanh hai người, tả hữu tá lý hai người, để coi thứ trật mọi người tôn thất và việc cấp dưỡng cho kẻ cô ấu, giúp đỡ những việc tang, hôn, v.v... (V.N.S.L. trang 429).

1. « Mạc thị gia phả » — Văn hóa Nguyệt san, số 61, tháng 6-1961. Trong cuốn gia phả của họ Mạc thấy đề ngày 19 tháng 6 năm Mậu dần đời Gia long thứ 17 (1818). Tác giả là Vũ-Thế-Doanh, tước Cai đội Doanh đức hầu. So với các cuốn của họ Lê-ngọc và họ Phan thì đây là cuốn phả lâu đời hơn cả. Nhưng rất có thể còn có nhiều cuốn khác viết trước cả cuốn gia phả của họ Mạc nữa cũng nên.

2. Họ của cụ Trụ nguyên lúc đầu là Lê-văn, đến đời ông nội của cụ mới đổi lại là Lê-ngọc. Ông Tổ đầu tiên của họ Lê-ngọc lập nghiệp ở Cây Gõ (Minh phụng), mồ mả để ở Trường Bắn Phú thọ. Khu Minh phụng có đồn Cây Mai, hồi trước thuộc châu thành Chợ lớn. Gia phả do một ông Tổ ở đời trên cụ trụ lập vào năm Thiệu trị nguyên niên (1840). Cụ Lê-ngọc-Trụ nguyên là Giám đốc Viện khảo cổ Saigon, và cũng là tác giả của nhiều cuốn sách có giá trị : Sãi Vãi (soạn chung với ô. Phạm-văn-Luật), Chánh tả Việt ngữ, Việt ngữ chánh tả tự vị (được giải Văn chương năm 1961)... Năm nay cụ Trụ 62 tuổi.

gia phả họ Phan ở Bến tre làm năm 1845 [1], và cùng là DỰA VÀO ÍT CHỤC NĂM SAU CÙNG của những người có gia phả hẳn hoi dưới đời chúa Nguyễn, như TRƯƠNG-TẤN-BỬU ở Bến tre (1752-1827) [2], PHẠM-ĐĂNG-HƯNG (1765-1825) [3] và LÊ-VĂN-QUỚI (1893-1963) ở Gò công [4], NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU ở Gia định (1822-1888) [5]. Ngoài ra, cũng còn nhiều họ khác có gia phả song chúng tôi chỉ nghe nói chứ chưa có tài liệu đích xác. Tạm kể: LÊ-VĂN-PHÚC ở Bến-tre [6]. TRỊNH-

1. « Phan-Thanh-Giản, et sa famille » par Daudin et Lê-văn-Phúc — Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises — Nouvelle série — Tome XVII, no 2, 2è trimestre 1941 — Imprimerie de l'Union Nguyễn-văn-Của Saigon.

2. « Danh nhân nước nhà » của Đào-xăn-Hội — 1951 — Trang 60.

3. « Danh nhân Nam việt » của Bao-La Cư-Sĩ — Văn hóa Nguyệt san, số 56, tháng 11-1960.

4. « Gò công xưa và nay » của Huỳnh-Minh — 1969 — Trang 130-131.

5. « Danh nhân nước nhà » của Đào-văn-Hội — 1951 — Trang 117.

6. Cụ Lê-văn-Phúc, tự Lê-Thọ-Xuân, tổ tiên gốc ở Phù cát Quy nhơn. Ông Tổ họ Lê-văn thiên cư vào Nam đến lập nghiệp ở Bến tre từ lâu, tới cụ Phúc là 6 đời. Họ Lê-văn có gia phả song bị đốt cháy trong biến cố Việt-Pháp (1946-47). Cụ cùng soạn chung với Daudin bài « Phan-Thanh-Giản, et sa famille ». Xem chú thích (3).

Chính cụ Lê-văn-Phúc là người đầu tiên khám phá ra họ Phan có gia phả trong một trường hợp thật lạ lùng hy hữu như sau: Trong họ nhà cụ Phan không một ai hay biết cụ Phan có gia phả, ngay cả đến cụ Phan-Thanh-Hy gọi cụ Phan bằng Cố cũng không biết nốt. Vì bao nhiêu tài liệu giấy tờ của cụ Phan khi chết đi đều bỏ cả vào trong một chiếc rương để ở Nhà thờ họ Phan, do người cháu đích tôn của cụ là Phan-Thanh-Hoài trông coi. Năm 1935, cụ Lê-văn-Phúc vào những ngày nghỉ (vì cụ là giáo viên) thường đạp xe đạp xuống Bến tre thăm mấy ngôi mộ cũng ở gần ngôi mộ của cụ Phan. Đi lại nhiều lần cụ Phúc bắt quen thân với người cháu đích tôn của cụ Phan. Người cháu cũng không biết là trong rương có gia phả và cũng chưa hề mở rương cho ai coi bao giờ. Tính ông Phan-Thanh-Hoài thích rượu đế nhưng lại nghèo. Những lần cụ Phúc ghé chơi thăm thì ông Hoài chỉ đãi cụ nước trà và ăn bánh Sau trở thành thân rồi cụ Phúc mới bỏ tiền mua tôm khô để hai người nhậu với rượu đế. Một hôm cụ Phúc hỏi ông Hoài: « Cụ Phan chết đi có gì để lại không? » Ông Hoài nói có rồi đi lấy cho cụ Phúc xem một cái ống điếu là di vật của cụ Phan. Người em cụ Phúc mang ra ngoài sáng soi xem rồi la lên: « Trời ơi! Quý quá! Thiệt là đồ vô giá! ». Thì ra ở bên dưới cái ống điếu có gắn 1 hạt trai nhỏ xiu bên trong in một tấm hình chụp trọn Phái bộ cụ Phan đi sứ sang Tây (1863). Cụ Phúc lại hỏi: « Vậy chớ ngoài thứ này còn có gì nữa không? ». Ông Hoài đáp: « Có, có trọn một chiếc rương đựng giấy tờ nhiều lắm ». Nói rồi khênh rương ra. Cụ Phúc mở xem thì thấy bên trong, ngoài bằng, sắc ra, còn có cả cuốn gia phả cụ Phan. Cụ muốn mượn cả về xem. Ông Hoài hỏi lại mẹ thì bà cụ cũng ưng liền.

(Xem tiếp trang 205)

HOÀI-ĐỨC ở Biên hòa (1765-1825), LÊ-QUANG-HƯƠNG ở Kiến phong, v.v...

Nhưng nguyên nhân nào đã thúc đẩy các họ trên đây làm gia phả? Trước khi muốn biết rõ nguyên nhân nào đã thúc đẩy, bành trướng việc làm gia phả ở trong Nam, thiết tưởng ta cần phải tìm hiểu nếp sinh hoạt của dân chúng thời đó, tức là nếp sinh hoạt của con cháu lớp người đã thiên cư vào Nam cách đây hàng trăm năm, để biết rõ thực trạng sinh hoạt của họ, về cả hai phương diện xã hội và văn hóa. Sau đây chúng tôi xin đi vào chi tiết.

Với ý định tự tạo cho mình một thế đứng biệt lập ở phương Nam, chúa Nguyễn thấy cần phải có một lực lượng dồi dào về nhân lực vật lực. Vì vậy, vào năm Đinh sửu (1697), sau khi diệt được Chiêm thành thu toàn bộ nước Chiêm vào cương thổ Nam hà, chúa Nguyễn bắt đầu bành trướng thế lực về phía Nam, vì chúa biết rằng mảnh đất rộng bao la với ruộng đất phì nhiêu và mầu mỡ ở phía Nam sẽ giúp chúa chống cự được lâu dài với chúa Trịnh ở phương Bắc, đồng thời cũng sẽ cung cấp cho mình một nguồn tài nguyên vô tận. Với chính sách tàm thực đã áp dụng trên đất Chiêm thành, ban đầu chúa cũng chỉ đưa dân đến lập đồn điền để khẩn hoang với sự thỏa thuận của Chân lạp. Dần dà khi đã chiếm trọn cả một giải đồng ruộng phì nhiêu đó (bằng chính sách ngoại giao hoặc quân sự) thì chúa Nguyễn chia đất ra thành các phiên, trấn, đặt các chức quan để cai trị. Một mặt chúa định các phép tắc luật lệ cho lãnh thổ mới, tổ chức các cơ sở hành chánh, khuyến khích việc khai khẩn nông, tang, điền, thổ, khuyến khích việc học hành thi cử cùng canh cải việc bổ thu thuế khóa để có thêm lợi tức, v.v... Mặt khác, để có đủ quân số dùng vào việc nội trị ngoại xâm, chúa Nguyễn lo chấn chỉnh về mặt binh bị, huấn luyện và tuyển thêm người vào các cơ, ngũ. Cũng cần nói thêm, sở dĩ công việc di dân lập ấp của chúa Nguyễn được thành công mỹ mãn, một phần cũng là nhờ vào hai cuộc di dân đông đảo của nhóm DƯƠNG-NGẠN-ĐỊCH đến Mỗi xuy, Biên hòa vào năm Kỷ mùi

---

. . .

(Vốn là lần nào cụ Phúc xuống chơi thăm ông Hoài, gặp lúc ông ta không có nhà thì bà cụ lại chạy đi tìm con). Cụ Phúc bê cả chiếc rương về nhà lục ra xem, sao chép hết cả, sau đó chuyển chiếc rương cho ô. Taboulet là Giám đốc học chánh. Ông này biết đó là đồ tàng thư quý báu liền cho người áp tải cả chiếc rương sang ngay cho Đốc học Mỹ tho là ô. Truchet sao chép và chụp ảnh hết thảy các tài liệu đó. (Xin đọc thêm bài « Phan-Thanh-Giản, et sa famille » của Daudin và Lê-văn-Phúc).

(1679) và nhóm MẠC-CỬU đến đất Hà tiên vào năm 1671, khiến cho miền Nam sau này ngày càng trù phú thịnh vượng hẳn lên. Đề cập tới việc di dân của tôi con nhà Minh, tác giả «Việt sử xứ đàng trong» viết: «Hai đoàn di dân người Tầu của DƯƠNG-NGẠN-ĐỊCH và «TRẦN-THƯỢNG-XUYÊN ngoài việc phá rừng, khẩn hoang, còn «giúp việc mở mang thương mãi như cất phố, lập chợ Mỹ tho và «Biên hòa, TRẦN-THƯỢNG-XUYÊN tập trung Hoa thương ở Đại «phố châu, tức là cù lao Phố (ở giữa sông Đồng nai, phía nam tỉnh «lỵ Biên hòa ngày nay) lập phố, chợ để buôn bán, cù lao Phố càng ngày «càng phồn thịnh, trở thành trung tâm điểm thương mãi của đất Gia «định» (trang 457).

Trên đây là nói việc khai thác mở mang đất Thủy chân lạp của Nguyễn triều. Riêng về sinh hoạt của dân chúng thời đó thì đại khái được biết rằng Gia định, Sài côn (tức Sài-gòn ngày nay) và Đề-Ngạn [1] (tức Chợ lớn) là những nơi buôn bán rất sầm uất và quy tụ đông dân cư hơn cả, vì lúc đó loạn lạc đã yên, ai nấy đều được vững tâm buôn bán làm ăn. Do đó, các ngành thương mại, canh nông, tiểu công nghệ... đều được phát đạt. Dân chúng ở hai miệt Trung-Bắc, đủ các giới, thấy miền Nam dễ làm ăn cũng lần lần kéo vào đông đảo. Đặc biệt về mặt giáo dục, NGUYỄN VƯƠNG thúc dục khuyến dụ việc học hành, cho mở các kỳ thi để kén chọn những người có thực tài ra giúp nước và đặt thêm đốc học ở các dinh, trấn, dùng những người có chân khoa bảng cũ để coi việc dạy dỗ. Triều đại NGUYỄN VƯƠNG có thể nói là thời cực thịnh của nhân tài và văn học miền Nam.

Cũng nên nhấn mạnh để mọi người hiểu thêm rằng tuy miền Nam đi bước sau (so với miền Trung và miền Bắc), song cũng không chịu thua kém bất cứ về một lãnh vực nào, kể cả lãnh vực văn học. Miền Nam không những chỉ là mảnh đất ươm vô cùng phong phú của hạt giống văn học, mà còn là nơi tiềm tàng un đúc bao tinh hoa của giống nòi dân tộc, nhưng miền Nam hãnh diện vì biết đem hạt giống và tinh

1. Theo tác giả «Sài-gòn năm xưa» thì Đề là Đê là cái bờ, cái đê ngăn nước. Đề cũng có nghĩa là nắm lấy. (Đề cương khiết lãnh là nắm cái dây lớn của cái lưới, tức nhiên cả cái lưới sẽ trương ra, — kéo cái cổ áo thì cả chiếc áo nhấc lên. Nghĩa bóng là nắm lấy chỗ chủ yếu. Kể ra khi đi lựa địa thế, đã đặt cả một hy vọng lớn rồi).

Ngạn là bờ sông cao dốc. Đề-Ngạn là vùng Chợ lớn Cũ ngày nay vậy.

(Truy ra là xóm Quảng-Đông-Nhai chỗ miếu Quan-Đế, miếu Tam-Hội). (Sài-gòn năm xưa của Vương-Hồng-Sển, trang 47).

hoa ấy bồi dưỡng cho non sông đất nước, miền Nam không bạc nhược, tồi tệ như quan niệm sai lầm của một số người ích kỷ, đớn hèn, đầu óc đầy tư tưởng cầu an, chủ bại.

Và chính trong thời kỳ này người ta đã thấy xuất hiện những cuốn phả rất có giá trị về mặt văn chương và lịch sử của họ Mạc họ Phan, mà nội dung sẽ được nói kỹ hơn vào dịp khác. Mặc dầu chúng tôi không có đủ tài liệu để kê cứu, song căn cứ vào nền kinh tế, hoàn cảnh xã hội và sinh hoạt của nhân dân lúc bấy giờ, thì chắc chắn là phong trào làm gia phả đang bành trướng mạnh trong dân chúng. Vì, như chúng tôi đã thuật rõ ở đoạn trên, khi NGUYỄN VƯƠNG dẹp yên giặc dã thì đặc biệt là Nguyễn triều rất chú trọng tới các phiên trấn lớn, vì ngành thương mại hầu hết đều tập trung ở những nơi đó, ở đấy có khách ngoại thương ra vào buôn bán nhiều và dân cư cũng đông đúc hơn các nơi khác. Gia dĩ, thấy việc nước đã tạm yên, các quan lúc bấy giờ rảnh rang tất nhiên cũng nghĩ tới việc lập gia phả, trước để cho con cháu biết sự nghiệp của ông cha, sau cũng lưu chút tên tuổi với hậu thế. Còn đại đa số quần chúng (phần đông là con cháu của lớp người thiên cư khi trước), nay được làm ăn yên ổn không phải xiêu dạt như trước thì cũng nhân dịp này lo chép gia phả ông bà. Nhờ lúc ấy ở trong nước việc học được phổ cập rộng rãi, làng nào cũng có dăm ba ông đồ dạy chữ nho, ai học qua chút chữ Hán lại không chép được vài ba cái tên tuổi ông bà. Vả lại, việc làm phả của người dân — thường thì cũng giản dị, mục đích của họ là cốt để nhớ giỗ, nên chỉ cần chép tên tuổi, mồ mả, chớ có đâu như gia phả các nhà quan, công danh sự nghiệp nhiều thì mới cần phải chép nhiều. Ta đọc kỹ hai cuốn gia phả của PHAN-THANH-GIẢN và LÊ-NGỌC-TRỤ thì ta sẽ thấy rõ điểm này. Ngoài ra, cũng phải kể thêm một lớp người nữa lúc ấy cũng cần làm gia phả. Đó là những người có quyền thế, địa vị, những gia đình giầu có, danh giá, hoặc những kẻ may mắn tạo được chút danh vọng, và tuy họ không biết chữ song thế tất họ cũng nhân cơ hội đó nhờ các ông đồ văn hay chữ tốt hoặc con cháu có đứa nào thông thạo chữ nghĩa để chép lại sự vinh hiển phú quý của mình hầu phô trương thanh thế với đời, như thế thì việc nhờ người làm hộ gia phả khi ấy không hẳn đã là không có. Nghĩ cho kỹ thì việc dương danh ấy, nếu có, âu cũng là tâm lý chung của người đời, chẳng có gì là đáng chê trách cả. Vì con người ta thường khi được giầu sang phú quý thì ai cũng muốn tỏ ra mình là con nhà dòng dõi và đều muốn mọi người biết đến tông tích nhà mình. Ông PIERRE GOUROU, trong lúc đi khảo cứu về vấn

để gia phả ở Việt nam, có thuật lại rằng tác giả thấy có những dòng họ được vinh quanh danh giá vội vàng nhờ một cụ đồ hay chữ nổi tiếng ở trong vùng soạn lại gia phả cho nhà mình [1].

Ngay ở bên Âu châu là nước văn minh tiến bộ nhất mực mà sự việc ấy cũng thường xảy ra. Để chứng minh, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn ở trong cuốn « La Généalogie » của PIERRE DURYE, trong đó tác giả kể chuyện việc nhờ người làm hộ gia phả như sau:

« Vả chăng tính tò mò đã quá ăn sâu vào tâm trí con người đến đỗi « tất cả những kẻ nào « làm nên » cũng thường lo tìm tòi để hiểu rõ tổ « tiên cụ kỵ nhà mình để khỏi mang tiếng với đời rằng mình là những « đứa con hoang, và có lẽ cũng để che đấu những kẻ khác lịch sử và « nguyên nhân bí mật của một sự thành công quá mới mẻ... » (Pourtant, (la curiosité est tellement ancrée au cœur de l'homme que tous les individus (« arrivés » eurent souvent souci de découvrir leurs ancêtres pour ne pas (apparaître comme des enfants trouvés, et peut-être aussi pour cacher aux (autres l'histoire et le secret d'une trop proche réussite). [2]

Và vẫn theo tác giả thì ở bên Pháp, sau cuộc Cách mạng 1789, có một phong trào ngụy tạo gia phả, do một số phả gia thiếu tư cách chuyên đi sưu tầm ghi chép những dòng họ danh tiếng từ lâu đời, hoặc tạo ra những giấy tờ giả mạo có tên tuổi những ông bà cụ kỵ nào đó để bán lại cho những người nào muốn có những tổ tiên lừng lẫy mà thực sự họ không có, với mục đích che đậy cái tông tích chẳng mấy tốt đẹp của mình. Ô.MARTIAL DE PRADEL DE LAMASE, trong một cuốn sách xuất bản năm 1946, đã gọi những nhà làm phả này là « Lái Khướu » (Marchand de Merlettes). Người giả tạo tài tình nhất là anh chàng DE SAINT ALLAIS với nhiều tên hiệu đại bịp như nhà Hiệp sĩ DE COURCELLES, Hầu tước DE MAGNY..., tác giả của nhiều cuốn gia phả giả tạo pha trộn rất khéo léo (La Généalogie, page 20). Ở nước ta, chắc không có chuyện ngụy tạo gia phả như thế bởi lẽ rất dễ hiểu là gia phả của ta chép tên tuổi, mồ mả, giỗ tết để con cháu nhớ các ngày kỵ ông bà nên cũng không có họ nào làm như thế để làm gì.

---

1. « Histoire du Peuplement du Delta Tonkinois » — Chapitre 1er, page 116 — Les Paysans du Delta Tonkinois par Pierre Gourou — Paris Mouton et Co Lahayc — 1965.

2. La Généalogie par Pierre Durye, no 917 — Collection Que Sais-je ? — 1960 — Page 7.

GIAI ĐOẠN III:

SỰ SUY SỤP CỦA NGÀNH GIA PHẢ MIỀN NAM

Ngành gia phả miền Nam đang có cơ bành trướng và phát triển thì xảy việc cấm đạo của các triều Minh mạng, Thiệu trị và nhất là triều vua Tự đức đã mở màn cho Pháp tìm cách xâm chiếm miền Nam.

Tuy đã lấy được đất Nam kỳ song Pháp vẫn luôn luôn bị dân bản xứ phản công bằng những cuộc chiến đấu đẫm máu dai dẳng năm này qua năm khác khiến cho Pháp không lúc nào ngơi tay đánh dẹp. Để lấy lòng dân ta, guồng máy cai trị của Pháp lúc ấy chỉ sửa đổi qua loa, còn tựu trung thì vẫn dựa theo chế độ cũ. Tại mỗi tỉnh, Pháp chỉ đặt một quan võ với ít binh lính để giữ gìn an ninh, còn thì để mặc người Nam tự cai trị lấy nhau, về việc học thì vẫn để người Việt tự do học chữ Hán và thi Đình thi Hội như cựu lệ. Dần dà khi đã dẹp xong các nơi và đã nắm vững được tình hình rồi, Pháp tìm cách khuếch trương lần lần thế lực tới các thôn ấp. Để có đủ người dùng vào việc cai trị, Pháp phải cần nhiều người hiểu tiếng Tây dùng làm gạch nối giữa Pháp với dân chúng mà việc đầu tiên là mở cấp tốc các trường dạy học chữ Tây. Nhưng vì dân chúng quen học chữ nho với mấy ông đồ ở trong làng, và cũng không muốn làm mạnh ngay lúc đầu, Pháp chỉ tìm cách cho xen tiếng Tây vào các trường dạy chữ Hán. Có thể nói đây là giai đoạn mở đầu cho sự suy sụp của nho học nói chung và ngành gia phả ở miền Nam nói riêng.

Theo « Gò công cảnh cũ người xưa » của VIỆT-CÚC thì năm 1870 Pháp ra lệnh bắt các ông đồ phải học thêm chữ quốc ngữ và chữ Tây vài tháng, đến khi đã đọc viết thông thạo thì được cấp giấy cho về làng dạy học, còn những thanh thiếu niên trên dưới 20 tuổi thì phải tạm nghỉ để đi học 2 thứ chữ đó trong một vài năm, nếu biết khá sẽ được cấp giấy giáo viên về dạy ở làng (gọi là giáo làng). Lúc đầu có lịnh bắt đi học chữ Tây, người nhỏ tuổi trốn không chịu đi, Pháp cho người đến tận các trường dạy chữ nho biên tên họ quê quán vào sổ rồi theo sổ mà đòi đi. Các nhà có con cháu bị ghi tên bắt đi học chữ Tây đều bối rối lo sợ, vì vậy phần đông phải bỏ tiền ra mướn tôi tớ hoặc con cái những nhà nghèo để đi học thế, bằng lòng chịu mọi phí khoản ăn học trong mấy năm, nhờ vậy nên dịp này nhiều con nhà nghèo học hành đỗ đạt ra làm quan.

Để thay thế các trường Hán học, Pháp cho lập các trường trung tiểu học và phổ thông, mục đích nhằm đào tạo các thông ngôn, ký lục, đốc phủ, tri huyện... để giúp Pháp cai trị dân bản xứ. Một lớp người mới gặp thời nô nức đua nhau học chữ Tây xuất dương du học để mau có địa vị trong xã hội, không còn ai nghĩ tới việc học chữ Hán nữa. Ta hãy nghe nhà văn ĐÔNG-HỒ tả tình trạng suy sụp của văn học văn hóa thời ấy: « Từ khi miền Nam bị ngoại thuộc, văn học miền Nam xa « dần Trung ương, thi cử cũ bị bãi bỏ, chữ Hán không được dạy, không « được học. Trong khi đó thì văn hóa khoa học Tây phương truyền sang, « xâm nhập vào nội địa, lấn át, pha trộn vào văn hóa, văn học cũ, vốn « hãy còn lỏng lẻo, chưa đủ sức duy trì.

« Về đầu thế kỷ thứ XX này, văn học miền Nam có thể nói là ở « trong thời kỳ khủng hoảng. Về phương diện chính trị, đã trở thành « đất thuộc địa Pháp, bị ly khai với Trung ương, nhân dân mất hết quyền « tự chủ, trật tự xã hội rối loạn. Đẳng cấp nho sĩ vốn là đẳng cấp trí « thức, đẳng cấp từ trước được tôn quý bây giờ đã mất hết thế lực, mất « hết giá trị, đành âm thầm lui vào trong tiêu cực, để phản đối, như « những NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU, PHAN-VĂN-TRỊ.

« Thay vào đó, một đẳng cấp mới. Đẳng cấp này và hạng hạ lưu « trước kia bị bạc đãi, bị thiếu kém. Thừa lúc đẳng cấp nho sĩ mất thế « lực, họ hợp tác với ngoại nhân, để giành lấy quyền lợi mới. Họ bỏ hẳn « chữ Hán, theo học ngôn ngữ Pháp, là ngôn ngữ cai trị. Các trường học « phổ thông của Pháp chỉ đào tạo được một hạng người thông ngôn, thư « ký, trông nom việc giấy tờ sổ sách, làm trung gian giữa chính quyền và « nhân dân trong việc hành chánh, việc cai trị, việc đàn áp... » [1]

Sự suy tàn của nho học, phần nào đã là nguyên nhân gây ra sự suy sụp khủng hoảng của ngành gia phả ở trong Nam. Và cũng kể từ đó, trừ một ít nhà nho còn sót lại, kỳ dư không ai nghĩ đến việc làm gia phả để di lưu tông tích lại cho con cháu. Căn cứ vào thời gian ghi ở trong các cuốn gia phả kể trên thì từ năm 1915 trở về sau chắc không còn có thêm cuốn gia phả chữ nho nào khác nữa, bởi lẽ ngày xưa việc làm gia phả cũng như hầu hết các việc soạn thảo văn tế, sắc thần, sắc phong... các cụ nhà ta đều dùng chữ Hán cả. (Đến chữ Nôm là biến tự của chữ

1. Trích trong bài « Khái quan về tính cách đặc thù của văn học miền Nam » — Văn hóa Nguyệt san — Tập XIII, Quyển 12, tháng 12-1964 — Các trang 1640-1641.

Hán người xưa cũng chê không chịu dùng, vì cho rằng chữ Nôm không phải là chữ của Thánh hiền).

Nhưng dù cho sự suy tàn của Hán học gây ra bởi nguyên nhân nào đi nữa thì cũng là một sự thiệt thòi lớn cho dân miền Nam. và ít nhiều thì nó cũng ảnh hưởng đến ngành gia phả mới phôi thai ở xứ này, lúc ấy đang có cơ bành trướng và phát triển. Sự suy tàn ấy còn gián tiếp hủy hoại đời sống tinh thần của người dân miền Nam, làm sụp đổ tan rã cả môt cơ cấu gia tộc vừa mới được chấn chỉnh và xây dựng lại dưới đời NGUYỄN VƯƠNG.

Thế là, cùng với sự suy tàn của Hán học, gia phả mới ló dạng trong xã hội miền Nam được vài chục năm thì cũng bị tàn tạ theo đề lùi dần vào dĩ vãng. Từ đó, ít thấy ai còn nhắc tới vấn đề gia phả nữa, nếu không muốn nói là quên hẳn. Hiện nay thì ở miền Nam, nói chung, rất ít nhà còn chú ý tới gia phả. Trong dịp tiếp xúc với cụ LÊ-VĂN-PHÚC (tác giả bài « Phan-Thanh-Giản, et sa famille »), chúng tôi được cụ cho xem một tài liệu giống như bản chúc thư ở ngoài Bắc, gọi là tờ « TÔNG-CHI TÔNG-ĐỒ ». Nếu người nào chỉ nghe qua danh từ đó mà không được xem tận nơi thì tất hiểu lầm mà tưởng tông chi tông đồ là gia phả của người miền Nam, nhất là đối với đồng bào người Bắc thì lại dễ lầm lắm. Riêng phần tên tuổi ở trong tờ tông chi thì nó cũng gần giống như mục Tộc hệ đề ở trong gia phả [1], có điều hơi khác là chỉ chép tên tuổi, năm sinh năm mất của người có của và những người được chia của mà thôi.

Cụ PHÚC cho biết việc lập tờ tông chi tông đồ ở trong Nam nguyên do là ở trong này đất rộng người thưa và ruộng đất nhiều (các điền chủ ở trong Nam có hàng ngàn mẫu trở lên), con cháu lại không ở chung một nơi như tổ chức làng xóm ngoài Bắc. Do đó muốn tránh việc tranh dành kiện tụng của cải giữa con cái sau này, người ta mới lập ra tờ tông chi tông đồ, mục đích là để phân chia tài sản cho các con cháu trước hay sau khi người có của chết đi (ông bà hoặc là cha mẹ).

Thông thường ở vùng quê, khi muốn lập tờ tông chi thì người ta chọn một người lớn tuổi nhất trong gia đình để đi tìm kiếm tung tích những người được quyền hưởng của thừa kế xem họ ở đâu, vì trong Nam không có Hội đồng gia tộc như ở ngoài Bắc. Sau đó tất cả mọi người dẫn tới trước mặt các ông Hương Cả, Hương Hào với 3 người chứng khác họ gồm có họ nội, họ ngoại và bạn bè thân. Các người chứng ấy phải nhìn nhận rằng có biết rõ gia đình người có của cùng vợ con tên họ

1. Xem « Giả-Phả Khảo-Luận và Thực-Hành » sắp xuất bản.

là gì, kể cả con chính thức, con riêng và con nuôi [1], sau đó mang tờ tông chi lên lấy chữ ký của Quận.

* * *

Trong Tập san Sử Địa số 17 - 18, chúng tôi đã có dịp trình bầy cặn kẽ sự ích lợi của gia phả đối với bản thân, gia đình, dòng họ, cũng như đối với quốc gia, xã hội ra sao rồi [2], nên chi, để kết luận cho bài này, chúng tôi chỉ xin tóm tắt là: NƯỚC CÓ SỬ THÌ NHÀ PHẢI CÓ PHẢ. Nhờ có sử, người dân biết rõ được sự hưng, suy của quốc gia, nhờ gia phả, con cháu biết rõ được giềng mối, gốc nguồn của tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Song tiếc thay, tám chục năm qua, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phần lớn các gia đình người Nam hiện nay gần như quên hết lai lịch.

Cái dã tâm của thực dân Pháp đối với dân ta như thế nào đã có các sử gia phê phán và nhận định. Phạm vi của bài này chỉ là nói về gia phả ở miền Nam, và đặc biệt là gia phả của đồng bào Nam mà thôi. Cho nên, nhắc tới vấn đề gia phả của miền Nam hôm nay, chính là để nhắc nhở các đồng bào Việt Nam có ông cha sinh sống lâu đời ở xứ này hãy nhớ đến nguồn gốc cùng hình ảnh thân yêu của Tổ-Tiên họ, những người xưa kia đã phải đổ bao xương máu dành giật được cho con cháu họ mảnh đất bé nhỏ này.

Ngày nay miền Nam đang chấp nhận mọi cam go thử thách để viết lại những trang sử mới, vậy hơn lúc nào hết, người dân miền Nam cũng nên nhân cơ hội này truy tầm tông tích Tổ-Tiên chép thành gia phả để làm lại lịch sử cho dòng họ, con cháu. Rồi đây, nếu việc làm phả được phổ cập khắp mọi nhà thì ngành gia phả ở trong Nam lo gì lại không khởi sắc, có khi còn khởi sắc hơn xưa. Ngoài ra, kho tàng văn học của miền Nam nhờ đó cũng được phong phú thêm và việc thu thập các văn liệu sử liệu còn tản mác trong dân gian chắc cũng sẽ giúp ích nhiều cho công cuộc khảo cứu phong tục thổ ngơi ở xứ này.

THU CANH-TUẤT
DÃ-LAN NGUYỄN-ĐỨC-DỤ

---

1. Theo Phòng Chưởng Khế Saigon thì ngày nay ở thành phố, muốn lập tờ tông chi tông đồ thì phải kèm thêm giấy khai tử (nếu là người chết) cùng hôn thu vợ và khai sinh con (những người được chia của).

2. «Mục đích và ích lợi của gia phả đối với bản thân, dòng họ» Gia-Phả Khảo-Luận và Thực-Hành — 1967-69 — Dã-Lan Nguyễn-Đức-Dụ — chương Hai — Phần I.

(...tiếp theo trang 16)

PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

Vì phải sửa-soạn chiến-tranh với Nhạc, Huệ lại gọi Nguyễn Đinh từ Thanh-hoa về Phú-xuân (NAK, quyển 2 trang 84b). Sự nầy có lẽ xảy ra vào đầu năm Đinh-mùi 1787. Theo LQKS thì lúc ấy có một người làng Nhân-mục, huyện Thanh-trì, mang tước *Chử-trung* tới Thăng-long trình tờ chiếu của Nhạc cất y làm trấn-thủ Thanh-hoa, và «xin mệnh vua Lê; Tự-hoàng bất-đắc-dĩ phải bằng lòng». Liền trước mục nầy, sách ấy chép việc sai sứ vào Phú-xuân, mà giải-thích rằng «vì Huệ đã sai người tới Kinh đòi đất»; rồi chép nối rằng: «vì Huệ sai người tới đòi đất, và thấy xứ Nghệ an trống không, cho nên sai *Nguyễn Như-Thái* trở về trấn-thủ.» Có lẽ bấy giờ Duệ đã trở vào doanh Hà-hoa. Tôi nghi rằng người được sai ra đòi đất chính là Chử-trung kia. Nếu không phải y thì sao y cần gì phải ra Thăng-long mới được làm trấn-thủ Thanh-hoa, tờ chiếu của Nhạc cũng đủ. Có lẽ nhân ra nhậm chức, chúa Tây-sơn lại giao thêm cho y đặc-vụ báo cho Hữu-Chỉnh biết ý Tây-sơn định cầm giữ hai xứ Thanh Nghệ, chứ không trả lại cho Chiêu-thống. Quê bên cạnh Kinh-thành, Chử trung năm trước đã theo Nhạc đi vào nam; bấy giờ được lĩnh trấn Thanh-hoa, có lẽ lưỡng-lự muốn theo cả hai chính-quyền, cho nên đã «xin mệnh» vua Lê. Nhưng nếu theo sát lời sách LQKS, thì sự Huệ đòi đất có lẽ xảy ra sau khi Chử-trung tới Thăng-long. Dẫu sao, Hữu-Chỉnh cũng không tin Chử-trung. Đầu tháng 2 năm ấy (Đinh-mùi 1787) Chỉnh bảo người giả xưng là Huệ sai tới doanh trấn bắt Chử-trung mà giết đi. LQKS nói: «Bởi Nguyễn Nhạc mà Chử-trung làm trấn-thủ Thanh-hoa, chứ không phải bởi ý triều-đình. Đến lúc Huệ sai người đòi đất, bờ cõi nam chấn-động. Chỉnh sợ Chử cùng giặc họp thế-lực; bèn sai người giả xưng rằng Huệ sai tới quân-sở rồi giết đi..! Rồi cho *Nguyễn Trọng-Duật* làm trấn-thủ Thanh-hoa để thu quân xứ ấy. Duật đóng doanh ở làng Dương-xá, trữ lương, luyện quân để phòng bị.»

Trọng-Duật, người xã Nộn-liễu, huyện Nam-đường. Theo LQKS thì y vốn là một viên nho-sinh trúng-thức, tính hào-mại, có mưu-lược. Khi Chỉnh khởi binh, đem y đi làm mưu-chủ. Về quân mưu quốc-kế, y bài vẽ phần nửa. HLNTC cũng chép sự *Nguyễn* (*Trọng-Duật*) được sai đi trấn Thanh-hoa». Không hiểu vì sao, NAC lại gọi viên trấn-thủ nầy là *Lê Hằng*, vốn làm huấn-đạo.

Trong đoạn chép vụ đánh quận Thạc, HLNTC lại chép tên Lê Duật. Hoặc đó là Lê Hằng mà các sách gọi là Nguyễn Duật.

Tuy nói rằng vua Lê bổ Như-Thái trấn-thủ Nghệ-an, Nguyễn Trọng-Duật trấn-thủ Thanh-hoa, nhưng kì thật thì quân Tây-sơn vẫn đóng một ít nơi ở các xứ ấy: ở Nghệ thì chắc-chắn có, còn ở Thanh thì không lẽ Chử-trung ra trấn không có quân theo.

Vì vậy Chiêu-thống và Hữu-Chỉnh mới sai sứ-bộ vào Phú-xuân phân-giải về việc các đất ấy. Về việc đi sứ nầy, các sách đều chép khá rõ, nhất là HLNTC. Sách nầy kể lại tỉ-mỉ những lời vua tôi bàn với nhau, những lời sứ-thần bàn-luận dọc đường, những lời đối-đáp với tướng Vũ Văn-Nhậm giữa đường, những lời biện-giải với Nguyễn Huệ, những lời chối dỗ Trần Văn-Kỉ. Đây chỉ tóm tắt như sau:

Phỏng chừng thượng-tuần tháng 2, Hoàng-thân *quận Nghiễn Lê-Duy Yêu* (theo LQKS và NAK, còn HLNTC chép tên An), đồng bình-chương *Trần Công-Xán* 㷜 LQKS chép tên Thước 㷜 và cấp-sự-trung *Ngô Nho* lên đường vào nam. Khi đi đến đầu đất Quỳnh-lưu (Nghệ-an), tướng Tây-sơn «chỉ cho ba viên sứ-thần và 18 người tùy hành qua mà thôi» (HLNTC hồi 9). HLNTC lại nói rằng phái-bộ gặp Vũ Văn-Nhậm ở doanh-trấn Nghệ-an (Vĩnh hay là Hà-hoa ?), nhưng sự nầy tôi nghi không chắc. Tới Phú-xuân, Công-Xán trao thư Chiêu-thống cho Huệ (xem HLNTC hồi 9). Sau đây là lời sách LQKS: «Huệ xem trong thư có nói rằng: (Đất Nghệ-an là đất căn-bản của nhà Lê. Các tinh-binh cường-tướng quê ở đó được dùng để chế-phục Bắc-hà. Nếu bỏ đất nầy, thì lấy gì làm nước nữa! Vậy không dám nhận lời yêu cầu) Huệ cả giận bèn giữ bọn quận Nghiễn lại không cho về, mà sai bọn Duệ tiến quân ra đóng ở Nghệ-an (Vĩnh) và chiếm lấy đất. Trấn-thủ Nguyễn Như-Thái lại trở về Thăng-long...»

HLNTC chép rằng sau khi nghe Công-Xán biện lẽ rằng Nghệ-an là đất cũ của triều Lê, vậy Lê có tranh giành đâu, rằng vua Chiêu-thống và Chỉnh không hề là địch-nhân của Huệ, vì Huệ đã bằng lòng sự Chiêu-

thống nối ngôi Lê, và Huệ đã để Chỉnh lại Nghệ-an, chứ Chỉnh không hề bỏ Huệ. Công-Xán lại ngỏ ý rằng nếu Huệ đem binh ra để chiếm đất thì vua Lê sẽ chống lại. Huệ giận, bèn sai giam các sứ-thần. Ngô Văn-Sở xin giết bọn Xán. Nhưng Huệ vẫn trọng Xán, sai trung-thư lĩnh Trần Văn-Kỷ dụ theo dùng, nhưng Xán khảng-khái cố từ. Vẫn theo HLNTC, tháng ba năm ấy, Huệ sai đô-đốc Vũ Văn-Nguyệt lấy thuyền bể tiễn bọn Xán về, nhưng dặn đến bể Nghệ-an thì đục thuyền để bọn Xán chết, không thể mách lại tình-hình chiến-tranh giữa anh em Tây-sơn. HLNTC lại chép chính-xác rằng « Hôm ấy đúng ngày 11 tháng 4 mùa hè năm Đinh-mùi (1787). Thế mà LQKS là sách thường đáng tin lại chép khác hẳn, rằng: *Sau, khi Huệ ra cướp đất Bắc*, Huệ sai bọn Nghiễn (Lê Duy-Yêu) đi đường thủy để về theo. Đến Nghệ-an, mật bảo đục thuyền để gìm nước. Hơn 80 người bọn Yêu đều chết đuối. » Ta sẽ thấy một cách chắc-chắn rằng năm sau là năm Mậu-thân 1788, Huệ đi ra Bắc vào tháng ba và tới Thăng-long vào cuối tháng tư. Hoặc rằng HLNTC chép ngày tháng đúng nhưng lầm một năm? Nhưng những chi-tiết trong sách ấy như sự Huệ tiễn tặng một trăm nén bạc gọi là quà của Ngọc-hân và sự Huệ hẹn sẽ gặp lại ở Thăng-long để xử-trí việc Nghệ-an, tỏ rằng tác-giả sách ấy đặt việc trở về của sứ-thần vào năm vua Lê còn ngự-trị. Phải có gia-phả họ Trần Công-Xán ở làng Yên-vĩ huyện Đông-an hoặc họ Ngô Nho ở làng Tri-chỉ huyện Phú-xuyên, thì may gì có thể cắt mối hồ-nghi nầy.

Dẫu sao thì về phương-diện chính-trị ngoại-giao, phái-bộ ấy đã hoàn-toàn thất-bại. Không những thế, theo LQKS thì vì đó mà Huệ sai bọn Duệ « tiến quân ra đóng Nghệ-an (Vĩnh doanh) mà chiếm lấy... « Nguyễn Như-thái lại trở về Thăng-long. » Muốn đề-phòng sự bất-trắc vì Chỉnh, Huệ lại sai một bầy tôi chúa Nguyễn cũ, tên *Lê Văn-Đức* (tức là Huỳnh Đức sẽ giải sau), đã hàng mình, ra đóng ở *Diễn châu* để kiểm-soát phần bắc Nghệ-an HLNTC hồi 9). Một tướng thứ ba của Huệ, tên là *Nguyễn Linh*, đóng đồn *Sa nam* tại huyện Nam-đường (nay là Nam-đàn) để kiểm-soát miền tây xứ Nghệ.

Các việc nầy có thể đã xảy vào khoảng tháng tư tháng năm năm ấy (1787). Thuyết nầy phù-hợp với sự Như-Thái, vào chặng nầy, đem bộ-đội kinh-thành xuống Đông-quan hợp với quân Hoàng Viết-Tuyển để đánh Bùi-Khuông (xem đoạn trên), và cũng phù-hợp với sự Duệ bỏ Nghệ-an trốn về Qui-nhân sau vụ sứ Trần Công-Xán như LQKS và NAK đều chép, trái ngược với HLNTC.

Vụ Nguyễn Duệ bỏ trốn về Qui-nhân.— Theo thoại LQKS và NAK, tôi đã nhận rằng Duệ dời quân từ miền nam Nghệ-an (doanh Cầu ở Hà-hoa) ra miền trung (doanh Vĩnh) vào khoảng tháng tư, tháng năm Bấy giờ Vũ Văn-Dũng có lẽ không còn đóng ở Bố-chánh ngoại nữa, và có phần đã phải gọi vào đánh Qui-nhân. Vậy án-ngự biên-thùy bắc, chỉ còn Vũ Văn-Nhậm chắc vẫn đóng ở Động-hải. Một sự lạ là trong cuộc bất hòa kịch-liệt với anh, Huệ không nghi-kị con rể Nhạc là Văn-Nhậm, và Văn-Nhậm cũng không có hành-động gì ít ra cũng để hòa-giải đôi bên. Sự thật là Huệ đã rút hết quân của Nhạc về để đem vây *Qui-phủ* (Qui-nhân), vì cuộc chiến-tranh kéo dài từ tháng giêng đến tháng năm, và quân Huệ bị tử thương rất nhiều. Trong thư của giáo-sĩ Doussain viết ngày 6-6-1787 (xem SĐ số 9-10, trang 232), có nói: « Nhạc hay tin ấy (tin Huệ tự xưng là Đức Chúa), không bằng lòng và cảnh-cáo người em. Nhưng ông nầy không những không vâng lời lại còn mộ một đạo quân 60.000 người đến giao chiến với Nhạc tại Qui-phủ. Ông ấy ở đó từ ngày lễ Tro-thánh. Họ đã đánh nhau hai lần. Người ta đồn rằng Đức Chúa đã mất đến nửa số quân; điều chứng tỏ rằng việc ông đang gặp khó-khăn là việc ông bắt mọi người phải ra trận... » (Đặng Phương-Nghi dịch).

Lễ Tro (chứ không phải lễ *Tro thánh*) tức là ngày thứ tư bắt đầu mùa chay, nhằm 46 ngày trước lễ Phục-sinh. Theo phép lịch Grégoire mà tính ngày lễ Phục-sinh (chủ-nhật sau ngày vọng đầu tiên sau ngày Lập-xuân) năm 1787, thì thấy rằng Bình-vương * vào Qui-nhân ngày 21 tháng hai Dương-lịch, tức là ngày mồng 4 tháng giêng năm Đinh-mùi, thời-điểm phù-hợp với lời giám-mục Veren trong thư, viết ngày 30-6-1788 nói « chiến-tranh từ tháng giêng âm-lịch và chấm dứt vào tháng năm. Một phần lớn dân Huế tử trận. Sau đó hai anh em chia tay nhau... » (SĐ số 9-10 trang 237).

Bình-vương chiếm lấy đất Quảng-nam, rồi rút về Phú-xuân. Và theo dư-luận đang-thời thì « dự-định ra Kẻ Chợ (Thăng-long) để xưng Chúa ở đó. Việc ấy có thể có lẽ vì ông rất quan-tâm đến nó. Ông có ba đại-thần ở ngoài Bắc (ngoài đèo Ngang) một người ở chợ Vĩnh và hai người ở Bố-chánh » (thư của Doussain, dẫn trên). Người ở Vĩnh là Nguyễn Duệ. Một trong hai người ở Bố-chánh chắc là Vũ Văn-Nhậm ở Động-hải. Còn người kia, như tôi đã giải trên, không còn là tướng Chiêu-viễn

* Huệ đã tự xưng là *Tổng quốc-chính Bình-vương*. Trong sách *La sơn phu-tử*, tôi đã đọc lầm ra *Chính bình-vương*. Trần Trọng-Kim đã mách tôi sự lầm ấy. Nhân đây xin cải-chính.

Vũ Văn-Dũng, mà rất có thể là tướng tiên-phong của Tả- quân là *Quỳnh-ngọc* hầu có lẽ mang tên *Đặng Giản* (xem sau).

Thấy Duệ ra đóng ở Vĩnh, Hữu-Chỉnh rút Như-Thái, nhưng vẫn để người lại giao-hảo với Duệ. Người ấy là ai? Như trên đã nói, HLNTC cho rằng Duệ trốn trước khi sứ đi Phú-xuân, cho nên chỉ nói đến người của Chỉnh để lại lúc ra Bắc, nghĩa là vào tháng 11 năm trước: HLNTC chép là *Lê Duật* (hồi 9). Lời chép rằng: «Rồi Chỉnh nhận được mệnh vua triệu, cất quân ra Bắc, vả lưu người đảng mình, là Lê Duật, theo làm việc với Duệ. Ngày ra đi, hai ba lần đinh-ninh dặn phải lấy ý tốt đối-đãi để mong làm thân. Duệ cũng đem ý tốt tiễn Chỉnh. Sau khi Chỉnh được trao chính-quyền, thường thường gửi thư qua lại, biếu tặng rất hậu. Lại sai người ngầm gọi Duật ra Kinh, thăm hỏi tình-hình nước Tây-sơn và dò đoán bản-ý của Duệ. Mới hay rằng vua Tây-sơn và Thượng-công (Huệ), anh em đã gây việc binh đao. Sau đó, lại được thư của Duệ hẹn sẽ góp sức đánh quân Nam; Chỉnh rất mừng, cho rằng đất Nghệ - an có thể liệu chiếm được. Bèn sắm - sửa mười nén vàng, mười tấm đoạn, sai Duật đem về yết Duệ, và đem lợi hại, họa phúc mà đe dọa dỗ dành; lại bảo Duệ sai người chiếm giữ đất Nghệ-an để ngăn-cách Chiêu-viễn (Vũ Văn-Dũng đóng ở Ngoại-Bố-chánh), xây lại những lũy cũ ở Hoành-sơn, rồi lấy sông Gianh làm ranh như việc đời trước. Lúc ấy, thám-tử của Vũ Văn-Nhậm ở Nghệ-an khám-phá việc ấy, gấp rút về báo...»

Cần nhắc lại rằng, HLNTC nối chuyện tóm tắt như sau: Văn-Nhậm xin ra Nghệ bắt Duệ rồi ra Bắc đánh Chỉnh, nhưng đang bận đánh Nhạc, Huệ chỉ sai Nhậm ra bắt Duệ rồi viết thư mắng Chỉnh để xem Chỉnh phản-ứng ra sao. Nhậm ra Nghệ-an, thấy Duệ đã trốn mất rồi, viết thư trách Chỉnh. Chỉnh trả lời nhũn-nhẵn, rồi sai sứ vào Phú-xuân để phân-giải. Ta nhận thấy rằng chuyện Lê Duật nếu có thì xảy ra trong vài tháng đầu chính-quyền về Chỉnh. Trong giai-đoạn nầy, ta khó nhận sự Văn-Nhậm đã trở ra Nghệ an vì còn có Văn-Dũng cũng là một đại-tướng còn đóng gần Nghệ-an hơn. Chỉ có sự bắt Duệ, thì tướng nầy cũng đủ. Sự quan-trọng, như tôi đã trình bày, là ta khó nhận sự Duệ trốn trước khi sứ-bộ đi vào Nam. LQKS và NAK chứng rõ điều ấy. Cho đến sự Chỉnh để Lê Duật lại Nghệ-an cọng-sự với Duệ cũng không chắc. Ta đã thấy rằng Duật là một quân-sư can-trọng cho Chỉnh lúc ban đầu (LQKS, xem trên), không lẽ lúc mới xuất quân, Chỉnh để lại sau. Bùi Dương-Lịch cho biết tên người lưu lại Nghệ-an là *Nguyễn*

Đình-Viện. Dương-Lịch ghi: « Tháng 11 (năm Bính-ngọ 1786, sĩ dân Nghệ-an theo Chỉnh vào hộ vệ vua... lưu Nguyễn Như-Thái, người Thượng-xá làm *án-trấn* và Nguyễn Đình-Viện người Mĩ-dụ nguyên làm hiến-sát phó-sứ Tuyên-quang làm tham-nghị việc trấn » (NAK quyển 2 trang 81b). Đoạn sau chép nối: « Bấy giờ anh em Tây-sơn thế-lực ngang nhau, dần thành hiềm khích nhau. Vua Chiêu-thống bèn muốn thu-phục các đất Nghệ-an Thanh-hoa. Vì vợ con bị Huệ giữ lại, Chỉnh chuyên bàn hòa, bèn sai Duy-Ốc, Công-Xán và Ngô Nho đi vào xin lại đất hai xứ ấy. Huệ giữ lại, không trả lời. Rồi Huệ tự cầm quân đánh thành Tây-sơn, gọi *Nguyễn Đính* từ Thanh-hoa về; đêm ngày huyết chiến, tử thương vô kể. Nhạc đóng thành cự-thủ. Huệ binh lực kiệt, bèn giảng giải rồi về. Duệ nghĩ mình là tướng cũ của Nhạc cô-lập ở Nghệ-an, sợ bị Huệ làm hại, bèn kết bè với Đình-Viện, sai Viện ngầm thông với Chỉnh, hẹn rằng sau khi việc xong thì sẽ trả lại cho ta đất Nghệ-an, và sẽ lâu dài giữ tình lân-hiếu, Đình-Viện trẩy kinh tâu việc ấy. Vua rất khen, muốn sai tướng cùng Viện về. Chỉnh do-dự không quyết, lại sai Đình-Viện về Nghệ-an trước để liệu-lí. Đình-Viện về đến Nghệ-an, thầm mộ nghĩa-sĩ. Chỉnh không ứng binh. Duệ sợ chuyện lộ, bèn đi theo đất Lào về với Tây-sơn (Nhạc), dặn Đình-Viện giữ Nghệ-an. Duệ có một tì-tướng tên là *Nguyễn Linh* còn đóng ở Sa-nam (Nam-đường) không chịu theo Duệ, bèn phản-công Đình-Viện. Đình-Viện thế cô, không viện, cùng hai con đều chết trận. » (NAK quyển 2 trang 84b).

Chép như thế khá rõ-ràng: chuyện sứ và chuyện Huệ Nhạc giảng hòa đều trước việc Duệ trốn. Sự giảng-hòa kia vào tháng 5 (thư G.M. Veren, xem trên). Vậy Duệ trốn vào sau tháng ấy, đúng như lời chép của Nguyễn Bảo tác-giả LQKS. Sách nầy chép vào sau việc em Chiêu-thống đi đốc-chiến Đông-hồ, một việc chắc chắn xảy ra vào tháng bảy. Lời chép như sau: « Sai hoàng đệ *Lê Duy-Lưu* qua Đông-hồ đốc-chiến. Đạo Thanh-hoa bắt được *Trịnh-Lệ* (đã muốn ép Chiêu-thống phong vương). Thuộc tướng ở Sơn-nam là *Duyên-phượng* hầu bắt được *Trịnh Đào* (em Yến-đô vương từng đã cầm đạo quân cuối cùng ngăn Chỉnh ở Sơn-nam)... Chỉnh sai giết rồi mới tâu... Tướng Tây-sơn, trấn-thủ *Duệ* bỏ Nghệ-an, trốn đi Qui-nhân: nguyên Duệ tiến đóng ở Nghệ-an được vài tháng; nghe anh em Huệ và Nhạc đem binh đánh nhau, lòng rất bất bình; bèn đem quân bản-bộ từ Nghệ-an theo đường núi chạy về Qui-nhân. »

Thoại Bùi Dương-Lịch đáng tin vì thành-tích của Nguyễn Đình-Viện đã được biểu-dương trong *đền Tiết-nghĩa* mà vua Tự-đức sai dựng ở Hà-nội để thờ những người có danh vọng nhất đã bị hại trong giai

đoạn Tây-sơn. Trong tập *Lê mạt tiết nghĩa lục*, theo sự điều tra cẩn-thận của bộ Lễ chép rằng:

« *Đình-Viện* đậu hương-cống đời Lê cũ, giữ chức phó-sứ ở ti Thanh-hình hiến-sát xứ Tuyên-quang. Cuối đời Lê, đang ở lị-sở, nghe tin ngụy-binh Tây-sơn đến, y dâng sớ xin về, mộ hương-binh đánh giặc. Vua Lê sắc cho tùy nghi tính-liệu việc Nghệ-an. Năm Bính-ngọ (1786), y về đến trấn Nghệ-an, cắt các con đi chiêu-vũ hào kiệt, mộ hương-binh, chia nhau giữ các đường hiểm-yếu. Cùng binh ngụy đánh, địch không nổi, bèn về quê sắm-sửa chiến-cụ và trử lương mộ lính. Năm Đinh-mùi (1787), giặc vây nhà. Đình-Viện đem các con, rể, và hương-binh cự-chiến trong ba ngày đêm. Thế khuất, lực cùng, y cùng các con là hương-cống *Ngọc-Liễn*, và *Ngọc-Triệu*, *Ngọc-Chấn*, rể là *Thiều-Tôn-Hiệp* đều chết. Giặc chặt các đầu đem đi. Hương-binh hơn ba trăm người đều bị giết. Bấy giờ vợ Ngọc-Triệu là *Hồ Thị-Viện* tuổi mới hăm mốt, vợ Ngọc-Liễn là *Vũ Thị-Luyện* tuổi mới mười bảy đều chưa có con; đều đem thân đi theo lính ngụy nài xin thủ-cấp, đem về hợp táng; rồi ở giữ tiết cho đến ngoài bảy mươi mới bị bệnh mà mất. »

Những lời trên cũng được chép lại trong mục Nhân-vật trong ĐNNTC tỉnh Nghệ-an. Trong lời khai của bộ Lễ cũng có dẫn sách *Lê-sử bổ biên*, lời chép giống hệt như lời trong NAK. Ta chỉ tiếc rằng hành-trạng trên không ghi một thời-điểm nào.

Về việc Duệ trốn đi, HLNCT cho biết một điều thêm là có một tướng khác của Tây-sơn cùng trốn với Duệ. Chép rằng : « Mùa đông năm ngoái, Thượng-công (Huệ) nghe Chỉnh cầm quân vào bảo vệ vua, sợ có việc biến khác. Liền sai *Nguyễn Văn-Đức* cầm quân ra chiếm đóng Diễn-châu, cùng lĩnh ấn trấn-thủ với Duệ, để cùng nhau đùm bọc như môi với răng. Rồi, nghe tin ở cõi nam có việc đánh nhau, Duệ và Đức cùng viết thư cho Chỉnh, mưu với nhau họp quân đưa về Nam, thừa-hấn làm loạn, hẹn sau khi thắng trận sẽ trả lại đất ở phía bắc Hoành-sơn. Chỉnh cũng loanh-quanh chần-chừ chưa quyết. Đến lúc Nhậm biết rõ chuyện, hai người cùng bỏ xứ Hoan (Nghệ-an), Diễn mà dẫn quân theo đường núi mà trốn. Duệ về với vua Tây-sơn. Đức vốn là một đại-thần triều ta, trước bị người Tây-sơn bắt, phải miễn-cưỡng theo làm việc, chứ cũng không vui lòng để nó dùng. Đến bây giờ nhằm phương tây-nam, theo đường núi mà gieo mình đi thẳng về nước Xiêm-la ».

Lê Văn-Đức nầy là ai? Lại một lần nữa HLNTC chép lầm họ, vì quả có một nhân-vật tên ĐỨC đã bỏ Tây-sơn mà trốn sang Xiêm. Ấy

là danh-tướng của chúa Nguyễn, tên chép ở sử là *Nguyễn-Huỳnh-Đức*, trước đó đã bị Nguyễn Huệ bắt được và ép theo rồi Huệ để lại Nghệ-an cùng Nguyễn Văn-Duệ. Lúc Duệ trốn, Huỳnh-Đức cùng trốn theo, nhưng nửa đường bỏ Duệ, trốn sang Xiêm theo chúa mình cũ, vì biết rằng Nguyễn Chủng đang nương nhờ vua Xiêm ở Vọng-các. Cả *Đại-nam Thực-lực Chính-biên* và *Đại-nam Liệt truyện* đều chép rất dài về sự-nghiệp của Nguyễn Huỳnh-Đức (ĐNTL *chính biên*, quyển 4 trang 3a đến 6a, và ĐNLT *chính biên sơ tập* quyển 7 trang 10b đến 17b), tương tự gần nhau, tuy rằng có điểm chính-xác khác nhau. Sau đây sẽ dịch lời văn phần ĐNLT liên-quan đến vụ trốn cùng Duệ:

« *Nguyễn Huỳnh-Đức* 阮 黃 德 (Hoàng-Đức, tôi phiên-âm theo tiếng miền nam kiêng tên chúa Nguyễn Hoàng), người Kiến-hưng thuộc Trấn-định (ĐNTL, còn ĐNLT chép Định-tường là tên mới có từ năm 1808). Nguyên họ là Hoàng. Được ban quốc-tính, cho nên gọi là họ Nguyễn-Hoàng. Ông tên *Châu*, làm quan cai-đội, coi đội binh thủy Thuộc-binh Tam-thuyền. Bố tên *Lương*, cũng làm quan cai đội, coi Thuộc-binh Nhất-thuyền. Đức có trạng mạo khôi-vĩ, khỏe hơn hết mọi người. Người ta tôn là hổ-tướng. Ban đầu lệ-thuộc *Đỗ Thanh-Nhân*. Sau Thanh-Nhân có tội bị giết. Chỉ một mình Đức được tha và dùng. Năm Nhâm-dần (1782), giặc Tây vào cướp, vua chạy đến *Lữ-phụ* (gò Lữ), Đức cùng bọn *Trần Xuân-Trạch*, *Nguyễn Kim-Phẩm* hộ tùng. Đến khi quân ta lại tập kích, phá được giặc, và đuổi đến *Trấn-định*, thì Đức làm tiên-phong, *Tôn-thất Cốc* làm trung-quân, tiến đóng ở sông Tứ-kì (Ngã-tư). Giặc Huệ bày thế trận bối-thủy (quay lưng vào sông để khiến quân phải liều chết mà chống) mà đánh kịch-liệt. Quân ta phải lui. Ngựa vua sa lầy, Đức xốc vua lên bờ, kéo ngựa lên. Ngựa không tiến, Đức đấm ngựa. Ngựa chạy mau, giặc đuổi không kịp. Lại một đêm, Đức hộ-tùng vua trên sông. Phu thuyền báo rằng trước mặt có rất nhiều buồm giặc. Vua muốn lội lên bờ để tránh. Đức cho rằng sông nhiều cá sấu, xin cứ (chèo thuyền) đi thong-thả để xem thật hư. Nhìn xét thì ấy là đàn cò trắng đậu ngủ trên cây. Vua ở trong thuyền mệt lắm, gối lên vế Đức mà nằm. Suốt đêm, Đức khua muỗi, con mắt không nhắm...

« Năm Quí-mão (1783), trong chiến-dịch *Đồng-Tuyên*, Đức và 500 thủ-hạ đều bị giặc bắt. Huệ yêu cái dũng của Đức, bèn thu dùng. Đức muốn trốn về, nhưng thưa có phương-tiện. Lòng thường bừng-bừng tức-tối. Một đêm, ngủ trong doanh của Huệ, trong cơn chiêm-bao, Đức la lớn mắng Huệ. Tướng giặc giận, muốn giết đi, Huệ bảo: nó nói mơ

thì có tội gì (ĐNTL), không bắt tội, lại lấy nhiều châu ngọc cho, để hòng kéo kết. Nhưng cuối cùng Đức vẫn không bằng lòng.

«Năm Bính-ngọ, (1786), Đức theo Huệ ra đánh An-nam (ĐNTL; tức là Thăng-long; ĐNLT chép Bắc-thành, không hợp thời). Khi về, được lưu lại Nghệ-an. Trấn-thủ Nghệ-an, *Nguyễn Văn-Duệ*, vốn là tướng của Nhạc, không thích để Huệ dùng *Đức lừa xui Duệ* theo đường núi mà ngầm về Qui-nhân để hội với Nhạc. Duệ tin lời. Lập-tức cùng quân mình, hơn 5000, theo đường núi mà đi về nam; sai Đức đem bộ-hạ (500 người, theo ĐNTL. Theo sách nầy, quân Duệ cướp xứ Nghệ trước lúc rút) đi tiên-phong.

«Đi được hơn mươi ngày, Đức sai người (trở lại) cảm ơn Duệ, và nói: (Kẻ sĩ mỗi người có chủ mình. Đức mà không quên chủ cũ mình, cũng như Tướng-quân không quên chúa Tây-sơn mà thôi. Vả chăng, chúa cũ là chúa thật. Mệnh trời đã qui (xem bài hịch đánh quận bằng có *trời về người ứng*). Nếu Tướng-quân muốn quay lưng phía tối, ngảnh về phía sáng, thì có thể đi cùng tôi, mưu dựng công bất hủ. Bằng không thì từ đây Đức xin từ-giã.)

«Duệ giận Đức đã lừa mình, muốn đặt kế giết đi. Liền lập-tức sai lệnh gấp tới dối rằng: (Lời ông chính hợp ý tôi. Mong ông đợi một chút, chúng ta sẽ (ĐTTL thêm: họp bàn rồi) cùng đi) Đức biết đó là mẹo lừa. (ĐNTL nguyên chép dài hơn; thêm rằng: Đức được trả lời, cười mà bảo rằng «Trở lưng hay quay về là chỉ một mình Trấn-thủ làm, hà-tất phải gặp nhau để bàn») Đức lại sợ nếu chậm đi thì Duệ sẽ chụp bắt mình. Bèn lập-tức nhân đêm, rẽ đi đường khác, bởi lối *Lạc-hòn* mà qua nước *Vạn-tượng*, đây trỏ phần đất chứ không phải kinh đô Vien-tiane. Đường khó khăn quanh-co. Quân-sĩ hết lương; chỉ hái lá cây mà ăn. (Nối đây cả hai sách đều chép một chuyện nghe ra hoang-đường, cho nên ĐNTL chép lối phụ-chú, còn ĐNLT thì tỏ ý tin hơn). Thình-lình thấy một cây lớn. Trên cây thấy chim đậu ngủ hàng vạn. Rình bắt lấy, thì thấy đó là lá cây hóa ra: hai cánh đã thành, nhưng thân và đầu còn dính cành cây. Ăn thấy ngọt ngon. Ai cũng cho rằng Trời báo-ứng kẻ trung-nghĩa (Hoặc có cây gì quả có nhú hai cánh, trông từ xa tưởng là chim?). Những bộ-lạc dân Man nghe tiếng Đức, cấp cho lương-thực. Bèn đi được đến nước Xiêm.

«*Lúc đến nơi, vua đã trở về Gia-định.* Vua Xiêm muốn giữ lại. Đức lấy chết mà thề (không chịu), rồi kể bày tình-trạng mình trải gian-nguy

đi tìm chúa. Khí tức hầm-hầm đến nỗi nhổ ra một cục máu. Vua Xiêm thấy chí ông không thể ép, bèn lấy lễ trọng đãi...»

Nhưng vua Xiêm vẫn cầm giữ Huỳnh-Đức lại. Ý chừng muốn dùng, vì các tướng của chúa Nguyễn trong thời-kì tạm lưu ở Vọng-các đã giúp nhiều cho vua Xiêm trong các chiến-sự: đánh lui quân Miến-điện (tháng 2 năm Bính-ngọ 1786 xem ĐNTL như trên, trang 19a, dẹp tụi cướp bể người Đồ-bà, tức là Mã-lai, tháng 3 năm ấy). Vả bấy giờ vua Xiêm cũng bất-bình với chúa Nguyễn, vì chúa Nguyễn đã ngầm bỏ Vọng-các mà về nước. Đến mùa thu năm sau (Mậu-thân 1788), chúa Nguyễn mới được tin Huỳnh-Đức phải ở Xiêm; bèn sai người mang gạo sang cấp cho và bảo xin vua Xiêm cho chiến-thuyền chở lính về nước. Vua Xiêm cấp cho 50 chiếc thuyền, và lưu-huỳnh, diêm-tiêu, súng.» Tháng giêng năm sau, Kỉ-dậu, 1789, Huỳnh-Đức về đến Gia-định (ĐNTL). Về sau, Đức thành một đại-tướng rồi một đại-thần triều Gia-long. Năm Gia-Long thứ 15 (1816), Đức từ không nhận chức tổng-trấn Gia-định rồi mất năm Gia-long thứ 18 (1819).

Xem chuyện trên, ta thấy rằng Lê Văn-Đức trong HLNTC chính là Huỳnh-Đức hoặc Nguyễn Huỳnh-Đức nầy. Tuy chép sai họ, nhưng đây cũng là một thắng-điểm của HLNTC. Giá như ta còn có thể tìm gia-phả của họ Nguyễn Đình-Viện ở Mĩ-dụ (huyện Hưng-nguyên tỉnh Nghệ-an) hoặc của họ Nguyễn-Huỳnh ở Mỹ-tho và nếu gia-phả cho biết ngày kị của Đình-Viện hoặc thời-điểm của sự Huỳnh-Đức bỏ Nghệ-an, thì ta giải-quyết chắc-chắn cái nghi-vấn ta đang xét. Nhưng cái chi-tiết kể trong hai quốc-sử, rằng « *Lúc đến nơi* (*Vọng-các*), *vua đã trở về Gia-định rồi* » cũng đủ cho ta khẳng-định rằng thoại LQKS về chuyện Duệ trốn đúng và thoại HLNTC sai về phương-diện biến-chuyển thời-gian.

Số là vua Xiêm bấy giờ là một tiếm-vương mới lên ngôi. Y vốn là tướng Chakkri (Chất-tri) mà vua Xiêm, năm 1781, sai sang đánh Chân-lạp mà quân chúa Nguyễn bảo-trợ. Vì vua Xiêm bắt giam vợ con mình, Chakkri xin hòa với tướng Nguyễn để trở về Vọng-các, rồi chiếm được ngôi vua. Năm 1783 quân Tây-sơn đại phá quân Nguyễn ở Gia-định và lùng bắt chúa Nguyễn mọi nơi. Cùng đường *Nguyễn Chủng* phải chạy ra đảo Phú-quốc, rồi một mặt cho giám mục *D'Adran* đem hoàng-tử *Cảnh* sang Pháp-đình xin viện, một mặt tự thân đi xin viện ở Xiêm (tháng 2 năm Giáp-thìn 1784, ĐNTL). Tháng 6, chúa Nguyễn theo đại-quân Xiêm (2 vạn và 300 thuyền) về chiếm lại vùng Hậu-giang. Nhạc

được tin, tháng chạp, sai Huệ đem thủy-quân vào tiêu-diệt hoàn-toàn quân Xiêm ở *Xoài-mút*. Chúa Nguyễn lại chạy ra biển tây-nam. Tháng 3 năm sau Ất-tị, 1785, được thủy-quân Xiêm đưa sang Xiêm tị nạn. Rồi ở luôn tại Vọng-các từ tháng tư năm ấy đến tháng bảy năm Đinh-mùi 1787 mới trốn về Gia-định. Chúa Nguyễn ở trên đất Xiêm thế là hơn hai năm. Làm gì mà tin chúa cũ mình tị nạn ở Xiêm không lọt vào tai Huỳnh-Đức. Đường Lac-hòn đi Vĩnh là đường thông-lộ xưa nay giữa nước Xiêm và nước ta. Vậy chuyện Đức xui Duệ đi đường thượng-lộ về Qui-nhân để có cơ-hội trốn sang Xiêm rất có lí, nhưng chuyện Duệ sợ mưu mình với Chỉnh bị bại-lộ chắc cũng có, tuy ĐNTL không hề nói đến. Đường thượng-lộ nầy chắc là đường theo thung-lũng sông Ngàn-sâu qua đèo Mụ-già đến Na-phao rồi một ngã đi sang phía tây đến Savanakhet, Lac-hòn, một ngã đi về phía nam. Không biết Duệ với 5000 quân có đi lọt hết đến Qui-nhân không và đi lối nào. Còn Huỳnh-Đức, thì chắc đã theo đường nói trên, có lẽ phải vài tháng mới đến Vọng-các, và đến đó sau khi chúa Nguyễn đã rời, nghĩa là *sau tháng bảy*. Xem vậy thì Duệ và Đức bỏ Nghệ-an sớm nhất cũng vào tháng năm tháng sáu năm Đinh-mùi 1787, và có thể vào sau tháng bảy, như LQKS chép vào sau vụ em vua Chiêu-thống đi coi đánh Đông-hồ. Sự Duệ trốn không thể xảy ra trước vụ sai Trần Công-Xán đi Phú-xuân (tháng giêng, hai) như HLNTC kể. Đó là một trong nhiều nhược-điểm của sách nầy. Nhưng ta chớ quên rằng sách nầy không phải là một chính-sử, nghĩa là tác-giả đoạn nầy (Ngô Thời-Du) không phải là một sử-quan có quyền và thế để điều-tra kĩ-càng. Những chuyện y chép là những chuyện nghe thấy tự mình hay qua một vài kẻ-tải mà thôi.

(còn tiếp)

HOÀNG XUÂN-HÃN

Phụ chú :

Bài hịch đánh quận Bằng đăng trong số trước còn có chú thích những Hán ngữ và điển-tích nhiều. Sau đây là bản nguyên văn bằng nôm.

Nhân tiện xin cải-chính và bổ-túc một vài điểm quan-trọng trong bài đăng ở số trước.

1º. Trong bài hịch ấy, trang 190, vế 49 : *chưa tỏ* đổi ra *khôn-tỏ* (xem bản nôm).

2º. Trong chú thích 69 trang 193, bổ túc : *Lữ thành :* văn từ trỏ số quân ít, khoảng đất nhỏ người ít. Điển : *nhất thành nhất lữ* (Tả truyện) :

→

Nguyên văn nôm bài hịch đánh quận Bằng (Lê Huy-Dao soạn)

討鵬郡阮有整檄

漢節箕欵北狥。優厲心調愍。覽官軍。唐鈴怒課西行。團執鞚呵朗祐車駕。節勁虎之盃坦。志踈鍾奇初伶。。些。溫預本支。撝咒嫡派。論臣節堆迸輔忍轡。擁迫率共推戴。盃術号應呵等謀。摻權綱匹衆腦咒包。紛恺渚及修攘。外緐帥垠埃党責。双結乱拱為跳諾。屈欲平渚轉樌盃。旗欽差坤訴寔虛。岡剋撏威群撝碍。車出幸沛蹺權爽。寅耶徐勞抵轂筭。糲蕪頓違帝埃。覊勒蹺拎乞几。重蟄楼堂余笠。鼈壞堂槽鄚倜佪。育昂朝市隊笞。想會衣裳添八歹。城鄠山河元極恪。人民社稷拱咒鍾。。皇朝新嵗甌鐀。学寔賴群印踵黯。室關呸時薇焜。唼在存包冷願初。蝸駝宮薑莫体尼。為鵬郡凌乱碱餕。跋。國帥抵妲謀恭操。美主碎撫涯兼空。扱。天王筭慢啫桓文。諾吒媄破散如沼。併楣群饒名佐。掩殥牢貂叛臣。油宗周咒大美須屋。盃中興寔籙群低。茂伤隆功之女負。平祀夏杏藐躬渚称。時列位聖王術轡。深仁厚澤可碱渦。主憂臣辱嘗奈之。國重身輕。介弋帝。旬給旅成余優。枷朝方仌准收兵。嚘噭忠美炎圍。鑽珥水擔暗返旆。边国賊。沛嗔聲衆。弄咒盃呵敢称戈。在天列庙踵群覌。洳相佑鄧功戡扒。有道黜朝棧唯緻。篤匡扶撻勞尊安。轡輳炷余饒噎。連鞬須共爰飭。油扔鳴鐘填操礦。幹忠誠付色鬼神。仃咱書券諮功醜。噎盟誓擯共嬴諾。

丁未年孟春日阮有整記名草黎雅留潛又二處再犯京闕焚王宮要都王迁幸京北。日者撥匡虎拔奉撰郎檄輸傳北京海陽等道。以討乱民。

黎輝瑞撰　黃春瀚抄寫

Nguyên văn nôm bài hịch đánh quận Bằng (Lê Huy-Dao soạn)

---

chuyện vua Thiếu-khang đời Hạ, nước bị giặc chiếm, chỉ còn đất một *thành* (mười dặm), quân một *lữ* (5 trăm) mà rồi bèn chí cũng khôi-phục được nước.

39. Trong bản đồ, trang 194, *cửa Lân* đổi ra cửa *Ba-lat* (cửa Lân ở kề về phía bắc cửa Ba lát. Và *Mục-sơn* dời lên phía trên đường quan-lộ, để vào dưới chữ Yên-thế.

KHÂM-ĐỊNH AN-NAM KỶ-LƯỢC
MỘT TÀI-LIỆU ĐỜI THANH LIÊN-QUAN ĐẾN VIỆT-THANH CHIẾN-SỬ

▽ NGUYỄN-KHẮC-KHAM

Năm 1968 *Tập-San Sử-Địa*, số đặc biệt Xuân Mậu-thân, có đăng tải một bài khảo-luận của Giáo-Sư Hoàng Xuân-Hãn nhan-đề : « Việt-Thanh chiến-sử theo Ngụy-Nguyên, một sử-gia đời Thanh [1].

Hoàng-Tiên-Sinh trong lời tiểu dẫn ở đầu bài đó đã đưa mấy nhận xét như sau :

« Cuộc Việt-Thanh giao-chiến cách nay chưa lâu, nhưng những tài-liệu thư-tịch liên-quan đến không thấy mấy. Ban đầu những sử-gia Việt viết truyện Tây-Sơn chỉ biết những tài-liệu Việt. . . . . Nhưng xét sử mọi cuộc chiến-tranh còn có phần chắc tìm được tài-liệu ở đối phương, mà sự ấy rất cần, vì kẻ biên-chép ở phe nào thường bênh-vực phe ấy. Chỉ theo một bên thì hay trở nên tây vị... Vì những lẽ ấy, ta nên và cần tìm những sử-liệu đời Thanh liên-quan với cuộc chiến-tranh ấy.»

Chính kẻ viết bài này cũng nghĩ như vậy nên vẫn hằng lưu tâm tìm tòi ở các Thư-viện và ở các hiệu sách cũ tại Đông-Kinh. Gần đây, ngẫu-nhiên chúng tôi đã kiếm ra được vài tài-liệu sau đây, xin giới thiệu với quý độc giả Sử-địa.

Tài liệu thứ nhất là cuốn *Phật lãnh Ấn-Độ Chi-Na* của hai Bác-Sĩ Nanjo Fumio 南條文雄 và Takakusu Junjiro 高楠順次郎 soạn do Bummeido xuất bản đời Minh-Trị năm 36 (1903). Trong cuốn này ở trang 177 và 178 thấy có đến hơn ba mươi sách tham khảo về Việt-Nam đời Thanh.

Dưới đây chúng tôi chỉ xin dẫn ra những cuốn có liên-quan đến đời Càn-Long thôi.

1.— (*Đại Thanh nhất thống chí*, ngũ bách quyển, Thanh Càn-Long sắc soạn, quyển tứ bách nhị thập nhị : An-Nam) 大清一統志.

---

1. Sử Địa, số 9-10, Đặc-khảo về Quang-Trung, Saigon 1968 trang 3.

2.— (*Hoàng triều văn hiến thông khảo*, tam bách quyển, Thanh Càn-Long sắc soạn, quyển nhị bách cửu thập lục: Tứ duệ, An-Nam, Nam-chưởng, Quảng-nam (Hoàng-Triều tam thông chí nhất) 皇朝文献通考.

3.— *Hoàng triều thông điển*, nhất bách quyển, Thanh Càn-Long sắc soạn, quyển cửu thập bát: Biên phòng An-Nam (Hoàng-triều tam thông chi nhị) 皇朝通典).

4.— *Khâm định tục thông điển*, nhất bách ngũ thập quyển, Thanh Càn-Long sắc soạn, quyển bách tứ thập bát: Biên-phòng An-Nam Nam-chưởng Chiêm-thành (Tục tam thông chi nhất) 欽定續通典.

5.— (*Khâm định tục thông chí*, lục bách tứ thập quyển, Thanh Càn-Long sắc soạn, quyển lục bách tam thập bát: tứ di truyện chi tứ, Chiêm-thành, Chân-lạp, An-Nam (Tục tam thông chi nhị) 欽定續通志.

6.— (*Khâm định tục văn hiến thông khảo*, nhị bách ngũ thập quyển, Thanh Càn Long sắc soạn, quyển nhị bách tam thập cửu, tứ duệ khảo, Nam-di An-Nam, Chiêm-thành, Chân-lạp, (tục tam thông chi tam) 欽定續文献通考.

7.— (Hải quốc đồ chí, nhất bách quyển, Thanh Ngụy Nguyên soạn, quyển ngũ; Việt-Nam) 海國圖志.

8.— (*Doanh hoàn chí lược*, thập quyển, Thanh Từ kế Dư soạn, quyển nhất: Việt-Nam) 瀛環志略.

9.— (*Thanh hội điển*, nhất bách quyển, Thanh Càn Long sắc soạn, quyển ngũ thập lục: Lễ bộ, chủ khách thanh lại tư, triều cống) 清會典.

10.— (*Thánh vũ ký*, thập tứ quyển, Thanh Ngụy Nguyên soạn, quyển lục: Chinh vũ An-Nam Ký) 聖武記.

Ngoài những tài-liệu vừa kể trên còn một tài-liệu nữa, hiếm hơn cả là cuốn sách viết tay nhan đề *An-nam kỷ lược* (安南紀略) hiện tàng-trữ ở Đông-Dương văn khố (東洋文庫) tại Đông-Kinh.

Sở dĩ chúng tôi biết tới tài-liệu đó là nhờ đã đọc được một bài khảo cứu về Việt-Thanh chiến-sử của học giả Nhật Suzuki Chusei 鈴木中正 hiện là giáo-thụ Đại-học Ai-chi 愛知大學教授. Bài này nhan đề là Kanryù An-Nam ensei Kô, 乾隆安南遠征考 đã được đăng tải trong *Đông-Dương học báo*, 東洋學報 tập 50, số 2 và 3, tháng chín và tháng chạp, 1967, do *Đông-Dương học-thuật hiệp hội*, 東洋學術協會 biên tập và phát hành.

Dưới đây chúng tôi sẽ không đề cập tới nội dung bài đó mà chỉ

xin giới thiệu những tài-liệu đã được sử gia Suzuki tham khảo mà thôi.

Những tài liệu có liên quan đến Việt-Thanh chiến-sử mà học giả Suzuki Chusei đã đề cập tới gồm có những tài-liệu của Việt-Nam, và những tài-liệu của Trung-quốc.

Về loại tài-liệu thứ nhất thì có truyện Nguyễn-Văn Huệ trong *Đại-nam chính biên liệt-truyện, Khâm định Việt-sử thông giám cương mục*, quyển bốn mươi bầy, sách viết tay nhan đề *Tây-Sơn thuật-lược* 西山述略 còn về loại tài-liệu thứ hai thì ngoài *Đại-thanh Thật-lục* và *Thanh-vũ ký* ra lại còn có bộ *Minh Thanh sử-liệu canh biên* 明清史料庚編 mới xuất bản gần đây và cuốn *An Nam Kỷ lược*. Càn Long ngũ thập lục niên sắc soạn, gồm có ba mươi hai quyển.

Cuốn sách này thấy có nói tới trong *Thanh sử cảo* 清史稿 thiên nghệ văn chí và đã được liệt vào loại sách về phương lược ở quyển tám mươi lăm bộ quốc triều cung-sử tục-biên 國朝宮史續編 với đề danh là: *Khâm định An-Nam kỷ lược* 欽定安南紀略 lại thấy chua thêm là sách đó chép việc Lê duy-kỳ mới phục quốc và việc Vua Càn-Long chuẩn cho Nguyễn Quang Bình phục tùng, sách gồm có ba mươi hai quyển.

Cuốn sách này đã chép rất xác thực về việc Vua Càn-Long chinh phạt An-Nam và việc Nguyễn Quang Bình (hay người trá làm Nguyễn Quang Bình thì đúng hơn) đi chầu vua Càn-Long ở Yên-kinh. Nhưng có điều chưa rõ là sách đó chỉ là một cuốn chép tay như thế thôi hay là đã được san-hành rồi. May thay ở Đông-dương văn khố hiện có tàng trữ được một bản *An-Nam Kỷ-lược*, viết tay, gồm có mười sáu tập, về nội dung có quyển thủ, thượng hạ hai quyển còn bản-văn thì hết ở quyển hai mươi chín. So với các sách khác thuộc loại kỷ-lược và phương lược ở đầu sách bao giờ cũng có một danh sách ban biên toản trái lại, cuốn sách này không thấy có danh sách đó. Sách mà không trọn bộ chắc chắn là gồm ba mươi hai quyển nhưng sách này sau quyển hai mươi chín là hết lại hết vào nửa chừng bồn tấu văn ngày mười bốn tháng chín năm năm mươi lăm đời Vua Càn-Long của viên Tổng-Đốc Tứ-Xuyên là Tôn-Sĩ-Nghị 孫士毅 tâu về tình trạng bọn người Việt-Nam lưu vong ở Tứ-Xuyên bấy giờ. Lại nữa, thư phong xem ra có chỗ rối loạn và lại thấy khuyết mất hai chữ *khâm định* 欽定 vốn có ở đầu bản đã viết.

Tuy nhiên, xét theo mấy điểm đó tuy chỉ là bản cảo chứ không phải là bản trọn vẹn, cuốn sách này thật là một tài-liệu rất quý khả dĩ cung cấp được cho sử giả một mớ tài-liệu vô cùng phong-phú và hệ trọng về Việt Thanh chiến-sử.

NGUYỄN-KHẮC-KHAM

Tokyo, 1971

NHÀ XUẤT BẢN LỬA-THIÊNG
ĐÃ PHÁT HÀNH:

* ĐỊA LÝ GIAO THÔNG *của LÂM THANH LIÊM*
* LỊCH SỬ HOA-KỲ *của NGUYỄN THẾ ANH*
* BÁN ĐẢO ẤN ĐỘ (từ khởi thủy đến thế kỷ thứ XVI) *của PHẠM CAO DƯƠNG*
* BẢO TỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN *của PHÙNG TRUNG NGÂN*
* ĐỊA CHẤT HỌC THỰC HÀNH *của TRẦN KIM THẠCH — NGUYỄN VĂN VÂN — LÊ QUANG XÁNG*
* VIỆT NAM DƯỚI THỜI PHÁP ĐÔ HỘ *của NGUYỄN THẾ ANH*
* LỊCH SỬ THÀNH LẬP ĐẤT VIỆT *của TRẦN KIM THẠCH — LÊ QUANG XÁNG — LÊ THỊ ĐÍNH*
* ĐỊA LÝ KINH TẾ (dầu hỏa thế giới và hơi thiên nhiên) *của LÂM THANH LIÊM*
* ĐỊA LÝ HÌNH THỂ I (địa hình thái học) *của LÂM THANH LIÊM*
* ĐỊA LÝ HÌNH THỂ II (khí hậu học nhập môn) *của LÂM THANH LIÊM*
* BÁN ĐẢO ẤN ĐỘ (từ thế kỷ thứ XVI đến 1857) *của PHẠM CAO DƯƠNG*
* CƠ LÝ HỌC THẠCH CẦU ĐẠI LƯỢC *của NGUYỄN HẢI*
* BÁN ĐẢO ẤN ĐỘ (từ 1857 đến 1947) *của NGUYỄN THẾ ANH*

Giới thiệu Sách Báo

● TẠ TỴ, *PHẠM DUY CÒN ĐÓ NỖI BUỒN*, Sài Gòn : Văn Sử Học. 257 tr.

Xa Saigon, có một bữa « xuống núi » coi cọp được trong tờ báo gì đó quên mất tên, về buổi ra mắt tập « Phạm Duy, Còn Đó Nỗi Buồn », lòng cũng thấy vui vui vì gián tiếp được biết tin tức hoạt động của người bạn chủ trương. Quyển sách mở đường thật cũng khéo chọn vì nó có tính chất bao gồm cả 2 bộ môn nằm trong danh xưng của nhà xuất bản, 2 bộ môn mà có người muốn dứt khoát tách rời ra, có người lại đề lẫn lộn mờ mịt...

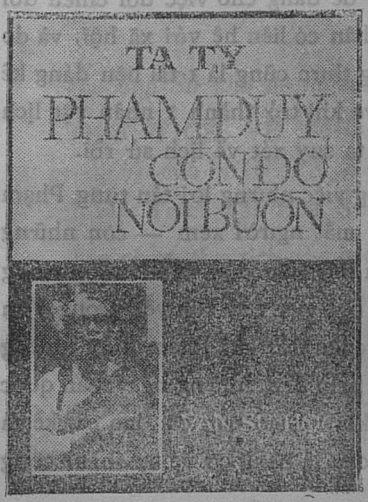

Về phần nhân vật được bàn tới trong quyển tiểu truyện này cứ kể theo một người đã dấn thân vào sinh hoạt trình diễn thì những dư luận ồn ào qua lại như vậy cũng không nhiều lắm đâu. Khen Phạm Duy gián tiếp có những tiếng hát khắp nơi, từ vụng dại đến điêu luyện. Khen Phạm Duy có những nhà văn, nhà thơ dễ mềm lòng theo sức lôi cuốn âm thanh, đặc biệt có nhà phê bình nhạc Gia-nã-đại G. E. Gauthier mà bản dịch văn cứ thấy đăng lẳng nhẳng trên Bách Khoa. Một người nổi tiếng thường khi có đời sống riêng tư. Do sự náo nức tìm biết của quần chúng, nên thấy xuất hiện những tiểu truyện về những người nổi tiếng, còn sống hay đã chết.

Viết về Phạm Duy, Tạ Tỵ đã thấy mình hội đủ một số điều kiện cần thiết công nhận bởi chính người được bàn tới trong bức thư gởi cho tác giả đăng ở đầu sách. Khác với « 10 Khuôn Mặt Văn Nghệ » đã đưa ra, khuôn mặt Phạm Duy lần này rõ rệt hơn, dồi dào sắc thái hơn và cũng được bàn tới nhiều nhiệt tình hơn bằng vào gần 30 năm duyên nợ của tác giả và nhạc sĩ (khuôn mặt Sơn Nam như *x kẻ xa lạ* trong quyển sách

trước là bằng cớ về nguyên nhân tình cảm khích động ý hướng sáng tác và là bằng cớ về lý do giới hạn khả năng phê bình của nhà biên khảo). Tạ Tỵ đã thành công trong mục đích thỏa mãn trí tò mò của quần chúng và cũng đã thành công một ít trong ý muốn biện hộ cho Phạm Duy — lời biện hộ hoặc khéo léo dấu kín, hoặc bởi có sự tương đồng ở nếp sống dẫn đến sự mặc nhiên tán đồng hành động của nhau.

Phải nhận rằng sự chia xẻ tư tưởng, tình cảm này là điều kiện đưa đến ưu điểm phán xét nhân vật. Những thiên tự truyện thường gặp khuyết điểm là tác giả hay tự thổi phồng quá hoặc vì sự dè dặt này nọ trước dư luận đối với bản thân nên phải tự cắt xén bớt đi nhiều. Chateaubriand (muốn tránh khó khăn đã phải để dành tập hồi ký của mình tới khi qua đời mới cho xuất hiện. Đối lúc còn sống thì 1 người quen thân viết cũng tránh được phần nào trở ngại trên. Đó là chưa kể sự quan sát từ một chủ thể bên ngoài có thể làm dễ dàng cho việc đối chiếu đối tượng và hoàn cảnh chung quanh. Cá nhân có liên hệ với xã hội, và do đó một quyển tiểu sử nhiều chi tiết trung thực cũng là 1 tài liệu đáng kể cho 1 giai đoạn lịch sử. Phạm Duy trước khi trở thành 1 nhân vật lịch sử thì đã thành một bằng cớ để người ta suy xét về lịch sử rồi.

Có một ý nghĩa đáng kể nào đó trong việc những lời tán tụng Phạm Duy được trình bày chững chạc dưới mắt người xem — còn những lời chê trách thì vẫn còn là những lời la hét hỗn độn hay lẫn lộn trong mớ giấy báo hàng ngày — cho dù là từ bài viết của Nguyễn trọng Văn mới đây. Chi tiết của Tạ Tỵ đưa ra về cuộc đời của Phạm Duy những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, về chuyến nam tiến, những ngày toàn quốc kháng chiến, nguyên do về Thành, các khúc quẹo tâm ca, đạo ca, kể cả tên ban nhạc The Dreamers nữa... tất cả đều là bằng cớ về sự thành công của một lối sống hợp thời.

Đã nói và nhắc lại, Phạm Duy là cái *tình cờ* để ta nhìn xét lịch sử, để hiểu rõ vai trò của tầng lớp tiểu tư sản trong kháng chiến, thái độ của người CS đối với từng lớp này — và do đó, hiểu rõ một giai đoạn KC hơn. « Mệnh nước nổi trôi » khiến cho đám tư sản tưởng phải đầu hàng Giai-cấp ở hậu phương, lại có một vùng thành thị rộng lớn để sống lại hào nhoáng hơn, nghênh ngang hơn trước. Các thành thị này lớn rộng vì nhu cầu bành trướng quốc tế của tư bản, như những cánh tầm gởi nghịch thường đặt trên mảnh đất khô cằn này mà lại tươi tốt nhờ nhựa sống

từ phương xa vung đến; chúng sống bấp bênh nên đầy những ác mộng kinh hoàng, trước mắt luôn lởn vởn những đe dọa sụp đổ. Tự mình dâng hiến trong sinh hoạt đồng bản chất đó, Phạm Duy nổi bật lên với những ưu đãi của kẻ đuổi kịp thời thế và không trách được, phải chịu những hệ lụy riêng tư vì nó.

Cho nên, trong buổi xế chiều của cuộc đời, nếu có người thay thế ngồi tính sổ lại thì *Phạm Duy còn đó*, không phải chỉ là chịu đựng cho *nỗi buồn* của Phạm Duy mà còn cho Tạ Tỵ — cho *chúng ta*, những người tiểu tư sản — với khác biệt mầu sắc, *quyền lợi*, đang sống bồng bềnh trong những thành phố *bên lề* này, của đất nước chúng ta và tội nghiệp! của cả nguồn vú sữa đã sản sinh ra chúng nữa.

6.6.71

•

Tập San Sử Địa đã nhận được các sách báo gửi tặng:

THƯ TỊCH VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM (1947-1967). của *NGUYỄN HÙNG CƯỜNG*. Sài gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Nha Văn Khố và Thư Viện, 1970. 246 trang.

Tác phẩm thư tịch này bao gồm các tiết mục chính trong bảng phân loại thập-phân Dewey về bộ môn 300 (khoa học xã hội), có cả thảy 1247 tiểu dẫn được đánh số từ 1 đến 1247. Thư tịch đã bao gồm cả sách lẫn báo, căn cứ vào những tài liệu xác thực xuất bản tại Việt Nam trong khoảng 20 năm (1947-1967). Thật rất hữu ích cho các nhà biên khảo khi khảo cứu đến những vấn đề liên quan đến Khoa Học Xã Hội tại Việt Nam trong mấy chục năm qua.

NHÀ CÁCH MẠNG NGUYỄN AN NINH (1899-1993) của *PHƯƠNG LAN BÙI THẾ MỸ* biên soạn. Sài gòn: Tác giả xuất bản, 1971. 260 trang. Giá 250$.

Tác giả là bà quả phụ ký giả cách mạng Bùi Thế Mỹ đã cố gắng sưu tập rất nhiều tài liệu về Nguyễn An Ninh. Chỉ rất tiếc tác giả chưa chú trọng nhiều đến việc phê khảo tài liệu khi sưu khảo để biên soạn. Dù sao như lời tác giả «để gọi tưởng niệm, ghi ân những bậc tiền bối cách mạng» là một cố gắng đáng kể.

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG của *LÊ TÔN NGHIÊM*. Sài gòn: *LÁ BỐI*, 1971. 315 tr. Giá 320$

Tác phẩm khảo cứu về thời kỳ khai nguyên triết lý Hy Lạp.

VĂN THI SĨ TIỀN CHIẾN của *NGUYỄN VỸ*. Sài gòn: Khai Trí 1970. Giá 500$.

Tác giả đã xác nhận trong lời nói đầu, đây không phải là một văn học sử cũng không phải là một công trình khảo luận mà là *chứng dẫn một thời đại* của một người đã bước trong lịch trình hăng say của thế hệ văn học cận đại.

Quả thật đây là một tài liệu « sống ». Tác giả đã giúp ta tìm hiểu về tinh thần và vật chất của những nhà văn nhà thơ thời Tiền Chiến.

VIỆT NAM PHÁP THUỘC SỬ (1862-1945) của *PHAN KHOANG*. Sài gòn: Tủ sách Sử Học, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1971. 488 tr. Giá 590$.

Tác phẩm này được in lần thứ hai, tăng bổ thêm và có in nhiều hình ảnh, khổ lớn, giấy trắng tốt, in rất đẹp.

Tác phẩm rất hữu ích cho học giới.

CẦU SÔNG KWAI của *PIERRE BOULLE* (*VÕ LANG và NGUYỄN HỮU TRỌNG dịch*). Sài gòn: Bừng Sống, 1968. 271 tr. Giá 140$.

Một bút ký về chiến tranh.

LỊCH SỬ CHIẾN TRANH LẠNH của *ANDRÉ FONTAINE*. (*LÊ THANH HOÀN DÂN dịch*). Sài gòn: Trẻ, 1971, 494 tr. Giá 560$.

Tác giả trình bày giai đoạn chiến tranh lạnh từ 1956 đến 1967, kế tiếp giai đoạn lịch sử chiến tranh lạnh của cuốn sách đã được xuất bản từ 1950 đến 1956.

HƯƠNG GÂY MÙI NHỚ — ĐÀO LÝ XUÂN PHONG của *ĐÔNG HỒ*. Sài gòn: Quỳnh Lâm, 1971. 123 tr. Giá 250$.

Tác phẩm gồm 2 tập thơ: *Hương Gây Mùi Nhớ* có 13 bài thơ diễn tả những tâm sự khó quên trong đời tác giả và *Đào Lý Xuân Phong* có 18 bài thơ ghi nhớ những niềm vấn vương ở khu trường Đại Học Văn Khoa Sài gòn.

Sách in giấy đẹp, trình bày trang nhã, có 4 phụ bản với những bút hoa tuyệt diệu của Đông Hồ.

HUẤN-ĐỊCH THẬP ĐIỀU nguyên tác Hán văn của Minh Mạng, bản diễn nôm của Tự Đức, do *LÊ HỮU MỤC* phiên dịch và chú giải. Sài gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1971. 370 trang.

Sách có in phần nguyên bản Hán văn và diễn nôm.

NHỚ THƯƠNG của *TOAN ÁNH*. Sài gòn: tác giả tự xuất bản, 1970. 221 trang. Không đề giá.

Tác giả ấn hành tập hồi ký này dành biếu các bạn bè quyến thuộc để kỷ niệm cái tang đau đớn của tác giả. Tác giả đã khởi tự viết hồi ký sau khi hiền nội tác giả vừa mới từ trần được một tuần lễ. Tác giả đã giải bày một tâm sự thương nhớ khôn cùng đối với người vợ hiền, đã đột ngột xa lìa dương thế.

NHƯ CÁNH CHIM BAY của *VÕ HỒNG*. Sài gòn: *LÁ BỐI*, 1971. 382 tr. Giá 380$.

Một truyện dài của Võ Hồng.

NHÀ GIÁO của *NGUYỄN VĂN Y*. Sài gòn: Viện Khoa Học Giáo Dục, 1970. 140 tr. Giá 200$.

Tác giả trình bày thiên chức nhà Giáo.

BULLETIN des AMIS DU ROYAUME LAO N⁰ 1, 2, 3.

Tam cá nguyệt san nghiên cứu văn hóa do ông *VÕ THU TỊNH* chủ biên.

Và các sách giáo khoa của Cơ Sở Xuất Bản Sử Địa:

SỬ HỌC LỚP 12 của *PHẠM CAO DƯƠNG* và *NGUYỄN KHẮC NGỮ*.

Soạn đúng theo chương trình cập nhật hóa với phần văn minh Việt Nam rất phong phú và khá chân xác.

ĐỊA LÝ LỚP 12 của *PHẠM ĐÌNH TIẾU — NGUYỄN HUY — ĐẶNG ĐỨC KIM — LÊ NHƯ DỰC — NGUYỄN ĐÔN PHONG*.

Các tác giả đã soạn rất kỹ lưỡng, và đúng theo như chương trình cập nhật hóa đã qui định.

SỬ HỌC LỚP 11 của *PHẠM CAO DƯƠNG* và *NGUYỄN KHẮC NGỮ*.

Tái bản lần 1, sửa chữa đúng theo chương trình cập nhật hóa.

Chúng tôi xin ân cần giới thiệu cùng quí bạn đọc,

tin tức đặc biệt

KỶ NIỆM ĐỆ NGŨ CHU NIÊN TẬP SAN SỬ ĐỊA

Cách đây 5 năm, ngày 27 tháng 2 năm 1966, Tập San Sử Địa số đầu tiên đã được ra mắt quốc dân tại Câu Lạc Bộ Báo Chí với sự chứng kiến của nhiều người trong giới văn hóa thủ đô Sài gòn. Ngay từ khi khởi đầu ấy, nhiều người trong giới văn hóa đã đặt nhiều kỳ vọng nơi Sử Địa như nhật báo Thần Chung số 36 trang 9 ngày 7-3-1996 với bài « MẶT TRẬN VĂN HÓA đã viết : «....*Chúng tôi chỉ kể qua vài điểm văn hóa hàng ngày đập vào mắt chúng ta, chứ có phải kiểm điểm trên mọi lãnh vực văn hóa, ta không khỏi chán ngán... nếu không có việc ra mắt của Sử Địa ngày hôm nay đem lại cho ta nhiều hy vọng*»...

Một nhóm chủ trương và thân hữu tham dự buổi họp mặt kỷ niệm *5 năm ấn hành tập san Sử Địa.* (Ảnh Phạm Văn Quảng)

Chính vì không muốn làm quá thất vọng những người đã đặt nhiều tin tưởng vào Sử Địa, nên nhóm chủ trương đã cố gắng không ngừng, mặc dù với hoàn cảnh khó khăn của đất nước, chiến tranh khốc liệt, thiếu thốn tài liệu, thiếu tài chánh, thiếu nhân sự chuyên viên và rất ít sự khích lệ...

Hồi 9 giờ,30 sáng ngày 28 tháng 2 vừa qua, một buổi họp mặt rất đơn sơ nhưng đầy thân mật đã được tổ chức tại Giảng Đường Đại

Học Sư Phạm Sài gòn, ước chừng khoảng trên một trăm người trong nhóm chủ trương, những người từng cộng tác và thân hữu của Sử Địa tham dự. Người ta thấy có mặt Ông Khoa Trưởng Đại Học Sư Phạm Sài gòn, một số nhân sĩ và nhà văn, nhà báo thủ đô.

Sau khi ngỏ lời cám ơn mọi người, bổn báo chủ nhiệm đã trình bày những khó khăn cũng như thành quả năm năm của Sử Địa với niềm hy vọng được tiếp tục trợ giúp, cộng tác và hưởng ứng tích cực để Tập San này có thể đóng góp nhiều vào công cuộc xây dựng ngành Sử Địa nước nhà và nền văn hóa dân tộc. Dịp này, nhiều người đã phát biểu ý kiến, trong đó có giáo sư Trần Ngọc Ninh, Cựu Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục thời Sử Địa mới ra đời, giáo sư Nguyễn Thế Anh, cùng quí ông Hồ Hữu Tường, Vương Hồng Sển, Sơn Nam... Tất cả đều rất ca ngợi công việc làm của nhóm chủ trương mặc dù gặp nhiều khó khăn. Đặt biệt giáo sư Nguyễn thế Anh, nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Huế đã tỏ rất xúc động khi thấy thành quả thu đạt được của Sử Địa qua 5 năm nay. Chính những thành quả thâu đạt tới nay của Sử Địa đã khiến cho giáo sư thay đổi hẳn những nhận định về Tập San Sử Địa mà trước đây đã viết bài phê bình Tập San trong Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises. Đó cũng là nhờ sự đóng góp rất lớn lao của mọi người hợp tác, trợ giúp Tập San cũng như sự ủng hộ của quí độc giả. Trong dịp này, số báo kỷ niệm 200 năm Phong Trào Tây Sơn và Tập Mục Lục Tập San Sử Địa trong 5 năm đã được phát hành.

Kỷ niệm ngày ra mắt Tập San đầu tiên cũng là dịp nhắc nhở cho những người chủ trương nhớ tới những lời vàng ngọc, những tin tưởng để Sử Địa mau sớm đạt tới những ước nguyện của mọi người.

TƯỞNG NIỆM CỐ THI SĨ ĐÔNG HỒ TẠI KIÊN GIANG

Cố Thi Sĩ Đông Hồ đã từng cộng tác với Tập San Sử Địa từ những năm đầu tiên của Sử Địa.

Cách đây hai năm, vào ngày 25 tháng 3-1969, với văn hóa Việt Nam và toàn thể sinh viên Đại Học Văn Khoa Sài gòn đã xúc động tiếc thương một nhà thơ hiền hòa, một bực Thầy đáng kính, đã lặng lẽ ra đi về chốn ngàn thu ngay khi đang dạy trong lớp học.

Ngày 28 tháng 3 vừa qua, một nhóm cựu môn sinh đã tổ chức buổi lễ Tưởng Niệm Cố Thi Sĩ tại Ty Tiểu Học tỉnh lỵ Kiên Giang.

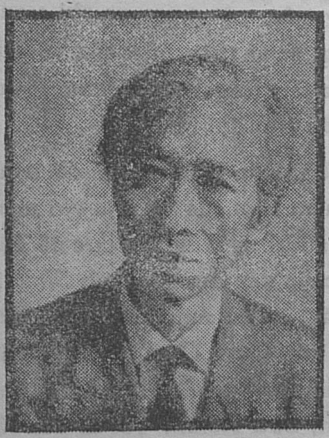

Di ảnh cố thi sĩ Đông Hồ

Cách đó mấy ngày, tại trường Trung Học Nguyễn Trung Trực Kiên Giang đã có tổ chức cuộc triển lãm về những tác phẩm thi văn, bút tích của Cố Thi Sĩ Đông Hồ.

Buổi lễ Tưởng Niệm Cố Thi Sĩ được sự bảo trợ của Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa và đã được Ông Đổng Lý Văn Phòng thay mặt Ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đến chủ tọa với sự tham dự của hơn 80 thân hào nhân sĩ, giáo chức và cùng 500 học sinh trung học tỉnh Kiên Giang.

Trong dịp lễ tưởng niệm này, các cựu môn sinh của Cố Thi Sĩ đã lần lượt lên thuyết trình về sự nghiệp thi văn Đông Hồ, dòng thơ của đất Hà Tiên từ họ Mạc qua họ Lâm và phát thanh tiếng nói của Cố Thi Sĩ. Sau đó nhiều vị quan khách đã lên phát biểu cảm tưởng. L.M. Thanh Lãng đã đề nghĩ nên đặt tên đường Đông Hồ tại tỉnh Kiên Giang và Sài gòn.

Nữ Sĩ Mộng Tuyết, bà quả phụ Thi Sĩ Đông Hồ với tiếng nói nghẹn ngào đã tỏ bày lòng cảm ơn chân thành mọi người nhứt là những quí khách đã từ nơi xa xôi đến Kiên Giang dự lễ.

TIN MỪNG

Nhận được hồng thiệp của anh Lê Trùng Khánh, giáo sư trường Sư Phạm Vĩnh Long, báo tin làm lễ thành hôn với chị Nguyễn Thị Thanh Hường vào ngày 12 tháng 7 năm 1971 tại Hội An, thành thật cầu chúc anh chị Khánh-Hường hạnh phúc lâu bền.

Nguyễn Nhã

PHỤ TRƯƠNG

QUELQUES DOCUMENTS INÉDITS SUR LA RÉVOLTE DE TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH À GÒ CÔNG (1861-63)

▽ BÙI QUANG TUNG

EXTRAIT DE LA LETTRE DU VICE-AMIRAL BONARD AU MINISTRE DES AFFAIRES ÉTRANGÈRES

Saigon le 14 Janvier 1863

«.... La dernière campagne de 1861, en enlevant les principales forteresses au roi d'Anam, en amenant la destruction de ses armées régulières ainsi que la conclusion et la signature d'un traité, a complètement changé la face de la guerre car il ne faut dissimuler que la paix écrite n'a jamais été loyalement exécutée par la Cour de Hué.

Voyant qu'il ne pouvait résister à une guerre régulière, le Gouvernement annamite a organisé, ouvertement avant la paix, clandestinement et sourdement après cette époque, sur toute la surface de la Cochinchine, une insurrection permanente qui a été repoussée partout mais n'a nulle part été dominée, faute de moyens suffisants: c'est un feu qui couve dans la cendre, prêt à se rallumer; c'est une cause imminente de ruine, si l'on continue à n'employer que des demi-moyens pour dominer la situation.

« ... Il y a à la tête des affaires de Hué et parmi les familles et les hommes influents, deux opinions en présence : le parti des gens sensés, voyant que la continuation de cette guerre ne tend qu'à ruiner et à désorganiser la Cochinchine, même celle qui est restée sous l'autorité de Hué et à la tête duquel est Phan thanh Gianh, l'un des ambassadeurs qui, en concluant et en signant le traité de paix, a fait pour ainsi dire la part du feu afin de rétablir l'ordre et la prospérité dans le reste du royaume d'Anman.

L'autre parti, aveuglé par sa haine pour les Européens, à la tête duquel figure le ministre du commerce actuel Truong [1], chargé des relations avec les étrangers, ne pèsent aucunement les désastres qui doivent être la conséquence d'une lutte prolongée et au moyen de laquelle ils espèrent nous lasser, sans s'inquiéter des pertes et des sacrifices.

En ce moment, ce parti semble prendre le dessus, la vie de Phan thanh Gianh est fortement menacée : je ne m'étonnerais pas, quoiqu'il soit encore gouverneur des provinces du sud, de le voir obligé de chercher un refuge sur notre territoire.

Le parti hostile à la France se divise en plusieurs catégories, dont les tendances commencent à se manifester clairement par leurs actes et proclamations.

Tous s'entendent contre nous, sinon dans le but qu'ils se proposent, du moins pour nous forcer à quitter la Cochinchine.

Quan Dinh, chef de l'insurrection de Go cong, quoique désavoué publiquement par le vice-roi de Vinh Long, qui l'a sommé plusieurs fois d'avoir à se retirer pour que le traité de paix fût exécuté, s'y est refusé formellement ; il est donc, en apparence en état de rebellion, même le gouvernement de Hué qui lui a donné publiquement des ordres auxquels il a désobéi mais il est soutenu clandestinement et on lui fait parvenir des armes, des munitions et même des titres et des cachets.

« ... Les chefs des centres de mouvements de la province de Bienhoa dont vous trouverez ci-joint la proclamation sont évidemment dirigés dans leurs vues par le parti à la tête duquel est le difecteur du commerce Truong... »

Asie, tome 28. Archives du Ministère des Affaires Étrangères, Paris

* * *

1. Trương Đăng Quế.

EXTRAI DE LA LETTRE DU VICE-AMIRAL BONARD AUX AFFAIRES ÉTRANGÈRES DU 27 JANVIER 1863:

A Monsieur le Ministre des Affaires étrangères
Au Quartier général à Saigon le 27 Janvier 1863

J'ai eu l'honneur de prévenir Votre Excellence par ma communication en date du 14 de ce mois n° 772 de la tournure que prennent l'insurrection et les sourdes menées d'une partie des membres du gouvernement de Hué.

La proclamation qui vient de m'être adressée par le chef de la révolte de Go cong, Quan Dinh, tend à confirmer complètement les appréciations que j'ai soumises à V.E. La Cour de Hué et les insurgés ont un même but, celui de nous forcer à abandonner la Cochinchine; le gouvernemet annamite agissant en dessous et clandestinement dirige évidemment l'insurrection de la province de Bien hoa, qui tend à remettre en possession toute la Cochinchine; le révolté Quan Dinh veut, comme la cour de Hué, nous contraindre à évacuer les nouvelles provinces françaises mais pour s'y créer un royaume: il déclare ouvertement dans sa proclamation qu'il n'obéira pas aux ordres du gouvernement de Tu Duc quand même ce dernier voudrait exécuter le traité nous cédant les trois provinees.

Jusqu'à présent, nous avons pu repousser partout les agressions mais l'insurrection générale est loin d'être apaisée. Les tribus sauvages des Moïs (habitant les territoires limitrophes de Bien hoa et de Ba ria) qui, jusqu'à cette époque, s'étaient abstenus de prendre part aux hostilités, forment la plus grande et la plus redoutable partie des insurgés de la province de Bien Hoa...»

Asie tome 28. Archives du Ministère
des Affaires Étrangères, Paris

* * *

COPIE DE LA PROCLATION DE QUAN DINH

Annexe à la lettre de Bonard du 23-2-1863
au Ministre des A. E.

«Le Généralissime des rebelles valeureux, les Pacificateur des Occidentaux, général en chef TRUONG DINH et le Pacificateur des Occidentaux en second TRÂM TOAN ainsi que les différents chefs de troupes.

Adressent une déclaration aux mandarins de Vinh long:

« Depuis la 12ème année Tu Duc (1858) que les barbares de l'Occident sont venus dans ce pays, ils n'ont cessé de combattre et se sont successivemet emparés des trois provinces de Gia-Dinh, Dinh Tuong et Bien hoa. Le peuple de ces trois provinces a éprouvé toutes sortes de calamités mais ses plaintes ont été inutiles et son état n'a pu changer car toujours il a été vaincu.

« Plus tard a eu lieu un traité conclu avec la dynastie annamite et ce traité n'a fait qu'augmenter la colère et le désespoir du peuple des trois provinces.

« Nous appelâmes alors à nous tous les anciens mandarins et les engageâmes à lever des troupes, chacun de leur côté et sur les divers territoires; on arriva de la sorte à réunir parmi le peuple une milice de plusieurs fois dix mille et l'argent volontaire qui fut offert ne s'est pas élevé à moins de mille milliers. Tout le monde a partout été très heureux de contribuer, soit en argent, soit en hommes pour combattre les brigands ? Chaque fois que nous avons eu les engagements avec eux, il y a de part et d'autre des morts et des blesssés, aussi nous ne les craignons pas.

« Depuis que deux hauts dignitaires annamites [1], en se conformant aux ordres du roi, ont conclu un traité par lequel les trois provinces sont cédées aux brigands, le peuple de ces trois provinces, désirant très vivement revenir à sa condition première, nous a mis à sa tête. Nous ne pouvons donc ne pas faire ce que nous faisons, c'est pourquoi nous sommes prêts à la guerre et à l'Orient comme à l'Occident, nous nous opposerons et nous combattrons et finirons par abattre la force de ces brigands.

« Les habitants des trois provinces se disent entr'eux que si les brigands veulent qu'on leur rachète les trois provinces, ils n'ont que dire combien ils veulent de dix mille piastres et on leur donnera, que s'il faut absolument que ces trois provinces soient séparées du royaume, nous préferons plutôt mourir, disent-ils, qu'être jamais sujets des brigands.

« Si par la voie des trạms, il vient quelqu'un envoyé de la capitale ou bien si vous expédiez quelque dépêche ayant pour but le reddition (rerour) des trois provinces, nous permetton ces communications. Mais pour peu que vous parliez de maintenir ce qui a été fait en cédant une

1. Phan thanh Giản et Lâm duy Tiếp.

partie du territoire et en venant à l'aide des soldats de ces brigande alors nous nous opposerons aux ordres du gouvernement et certainement il n'y aura plus de paix, ni de trêve entre vous et nous et vous n'aurez le droit d'être surpris des évènements.

« C'est dans ce but que vous nous adressons cette proclamation.

Tu Duc 15ème aanée, 28ème jour, 11ème mois
(17 Janvier 1863)
Les deux cachets réunis du Pacificateur général en chef et du 2ème Pacificateur général en sous-ordre.
Pour copie conforme
Le Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef
signé BONARD
Extrait Asie tome 29, Archives du Ministère des Affaires Étrangères, Paris

***

COPIE D'UNE DÉPÊCHE SECRÈTE ADRESSÉE PAR LE GOUVERNEUR GENÉRAL DE VINH LONG, PHAN À MONSIEUR LE VICE-AMIRAL, GOUVERNEUR ET COMMANDANT EN CHEF

Deuxième annexe à la lettre de du 23 Février 1863
l'Amiral Bonard aux Affaires étrangères

Vinh Long le 7 Février 1863

« Le nommé TRUONG DINH s'est établi illégalement sur le territoire de Tan Hoa (Ga cong). Là, il s'est placé dans une position hostile au gouvernement d'Annam, il a levé des troupes et depuis longtemps, n'ayant avec moi aucune sorte de relations, je ne pouvais supposer que le 18ème jour du présent mois (5 Février 1863), je vis arriver un envoyé à lui, nommé Quang, lequel m'a remis une lettre en me priant d'en prendre connaissance.

« J'y ai vu que TRUONG DINH se nomme lui-mêne le généralissime des rebelles valeureux; il dit au sujet du traité qui fait cession des trois provinces de Gia Dinh, de Dinh Tuong, et de Bien Hoa, que le peuple de ces trois provinces ayant le plus vif désir de retourner à son premier état, l'a mis à la tête afin qu'il levât des troupes et conduisit les opérations aux moments voulus; il ajoute que si par la voie des

trạms (postes) il doit venir quelqu'un envoyé de la capitale ou bien que nous avons nous-mêmes à expédier quelque dépêche relative à la reddition des trois provinces, il permettra de pareilles communications, mais que pour peu que nous voulions encore maintenir cette présente cession de territoire et aider de la sorte votre armée, alors il préfère se mettre en opposition avec les ordres du gouvernement et que certainement, il n'y aura plus entre lui et nous ni trêve, ni repos.

« TRUONG DINH a précédemment trompé le gouvernement en faisant croire qu'il mettait tout son zèle à le servir ; plus tard, il a réuni et levé uc grand nombre d'hommes parce que secrètement it méditait de coupables desseins. Il a osé profiter de ces circons-tances pour s'enrichir aux dépens du peuple, il prétend que ce sont les quảns et les dôïs qui l'ont contraint à se mettre à leur tête. Il a également osé prétendre qu'en agissant de la sorte, il obéissait aux ordres de son gouvernement ; il est allé en tous lieux pour lever des troupes et depuis longtemps, il est pour le peuple un objet de vexations, d'ennuis et de misères.

« A la lecture de la déclaration ci-jointe, j'ai pu apprécier jusqu'où vont l'orgueil et l'insolence de cet homme qui va jusqu'à méconnaître la dynastie régnante.

« Les soladats de Votre Excellence n'ayant pas encore mis cet homme à mort, son orgueil n'a fait qu'augmenter ; si donc on ne va pas immédiatement le tuer et l'exterminer, il trouvera de l'appui en tous lieux parce que sa réputation grandit tous les jours : ses mensonges et ses fourberies seront de plus en plus nombreux et les calamités du peuple n'auront plus de fin. Il faut donc lui demander compte de ses crimes je pense que c'est depuis longtemps l'intention ae Votre Excellence.

« J'ai fait saisir le nommé Quang envoyé par TRUONG DINH et je le garde sévèrement en prison afin qu'il soit ; mis en jugement.

« C'est pour ces causes que j'adresse à votre Excellence la présente dépêche secrète et c'est pour le prier aussi de vouloir bien le plus tôt possible pacifier ce territoire de Go cong : le rebelle vaincu sera dans l'impossibilité de rallier les gens qui le suivent et de la sorte le peuple ne tardera pas à voir la fin de ses maux, c'est ce que je désire du plus profond de mon cœur.

« Je joins à ma dépêche la déclaration qui m'a été adressés afin que votre Excellence peut elle-même en prendre connaissance.

« C'est ma dépêche secrète 3.

Tu Duc, 15ème année, 12ème mois, 20ème jour.
Pour copie conforme
Le Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant
en chef
BONARD
Extrait de Asie tome 29. Archives du Ministère
des Affaires Étrangères, Paris

* * *

SUR LA MORT DE QUAN DINH
EXTRAIT DUNE LETTRE DU CONTRE-AMIRAL, GOUVERNEUR DE COCHINCHINE AU MINISTE DES AFFAIRES ÉTRANGÈRES

Saigon 26 Août 1864

Monsieur le Ministre

J'ai l'honneur de vous entretenir dans plusieurs occasions de vaines tentatives faites pour s'emparer du chef des révoltés Quan Dinh dont la présence dans nos provinces était un objet constant de terreur pour nos populations.

...Je suis heureux de pouvoir annoncer aujourd'hui à votre Excellence que Quan Dinh vient d'être tué dans une expédition dirigée contre lui par Monsieur le Lieutenant de vaisseau Gougard... Prévenu le 19 courant qu'il avait quitté Phuoc Loc pour s'établir dans l'arrondissement de Tan Hoa, au village de Tân Phuoc, cet officier organisa en hâte un troupe exclusivemnt de partisans et de matas, choisis parmi les plus sûrs, en confiant le commandement au Doï Tan auquel ses services militaires ont valu la médaille militaires. Cette troupe, divisée en trois bandes, investit la nuit suivante maison où se trouvait le rebelle avec vingt cinq des siens. Le lendemain, au point du jour, une attaque fut engagée pendant laquelle Quan Dinh parvint à s'échapper et le Doï Tan, désespérant de le saisir, lui tire un coup de feu qui l'atteignit aux reins et lui causa instanténément la mort. Quatre chefs appartenant au Phuoc Loc furent également tués, un cinquième, appartenant au Tan Hoa et que l'on dit être important, fut grièvement blessé et ramené prisonnier.

Cet évènement a répandu une véritable joie parmi les populations annamites venues en foule à Go cong pour constater la mort de ce Quan si redoutable et il prive la Cour de Hué d'un agent qu'il lui sera sans doute difficile de remplacer.

Signé : De la Grandière
Asie tome 29. Archives du Ministère
des Affaires Étrangères, Paris

CƠ SỞ XUẤT BẢN SỬ ĐỊA

(bộ sách Địa Lý PHẠM ĐÌNH TIẾU và
bộ sách Sử Học PHẠM CAO DƯƠNG)

ĐÃ XUẤT BẢN:

ĐỊA-LÝ Lớp 6 *của ĐẶNG ĐỨC KIM và LÊ NHƯ DỰC*
ĐỊA-LÝ Lớp 10 *của PHẠM ĐÌNH TIẾU và NGUYỄN KHẮC NGỮ*
ĐỊA-LÝ Lớp 11 *của PHẠM ĐÌNH TIẾU và NGUYỄN KHẮC NGỮ*
ĐỊA-LÝ Lớp 12 *của PHẠM ĐÌNH TIẾU, NGUYỄN HUY, ĐẶNG ĐỨC KIM, LÊ NHƯ DỰC và NGUYỄN ĐÔN PHONG*
SỬ-HỌC Lớp 12 *của PHẠM CAO DƯƠNG và NGUYỄN KHẮC NGỮ*

ĐÃ TÁI BẢN LẦN I:

ĐỊA-LÝ Lớp 11 *của PHẠM ĐÌNH TIẾU và NGUYỄN KHẮC NGỮ*
SỬ-HỌC Lớp 11 *của PHẠM CAO DƯƠNG VÀ NGUYỄN KHẮC NGỮ*
SỬ-HỌC Lớp 11 *của PHẠM CAO DƯƠNG và NGUYỄN KHẮC NGỮ*

SẮP XUẤT BẢN VÀ TÁI BẢN:

SỬ-HỌC Lớp 6 *của PHẠM CAO DƯƠNG và NGUYỄN KHẮC NGỮ*
SỬ-HỌC Lớp 9 *của PHẠM CAO DƯƠNG và NGUYỄN KHẮC NGỮ*
ĐỊA-LÝ Lớp 9 *của PHẠM ĐÌNH TIẾU và NGUYỄN KHẮC NGỮ*

Tất cả các sách đều soạn công phu, đúng theo chương trình cập nhật hóa.

SÁCH SỬ-ĐỊA

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Đại lộ Lê-Lợi SAIGON

Việt-sử toàn thư	*Phạm-văn-Sơn*
Việt-sử tân biên	—
I Thượng và Trung cổ thời đại	—
II Trần-Lê thời đại	—
III Nam Bắc phân tranh	—
IV Tây-sơn và Nguyễn sơ	—
V Việt-Nam kháng Pháp sử	—
VI Việt-Nam cách mạng cận sử	—
VII Chế độ Pháp thuộc ở V. N.	—
Việt-Nam sử lược	*Trần-Trọng-Kim*
Lam-sơn thực-lục	*Nguyễn-Trãi*
Việt-Nam Pháp thuộc sử	*Phan-Khoang*
Việt-sử Tiêu-án	*Ngô-Thời-Sĩ*
Việt sử kinh nghiệm	*Nguyễn-văn-Hầu*
Việt-Nam Tranh Đấu sử	*Phạm-văn-Sơn*
An-nam chí lược	*Lê-Tắc*
Hải ngoại ký sự	—
Mục-lục châu bản Triều Nguyễn	—
I Triều Gia-long	—
II Triều Minh-Mạng	—
Khâm định Việt sử Thông giám Cương Mục	—
Bản Triều Bạn Nghịch liệt truyện	*Kiều-oánh-Mậu*
Hoàng Việt Giáp Tý Niên biểu	*Nguyễn-bá-Trác*
Việt-Nam Cận đại sử ca	*Huỳnh-thiên-Kim*
Đại-Nam quốc sử diễn ca	*Hoàng-xuân-Hãn*
Trung-quốc sử lược	*Phan-Khoang*
Sử ký Tư mã Thiên	*Nhượng-Tống*
Ngồi Tù Khám lớn	*Phan-văn-Hùm*
A Modern History of Việt-Nam	*Nguyễn-Phút-Tấn*
Đông-nam-Á sử-lược	—
Non nước xứ Quảng	*Phạm-trung-Việt*
Địa hình thái học	*Lâm-thanh-Liêm*
Các cường quốc kinh-tế	—
Thực trạng của giới nông dân V N thời Pháp thuộc	*Phạm-cao-Dương*
Việt-Nam thời bành trướng : Tây-Sơn	*Nguyễn-Phương*
Quốc sử tạp lục	*Nguyễn-thiệu-Lâu*
Việt xử : Xứ Đàng Trong	*Phan-Khoang*
Việt-Nam Quốc dân đảng	*Hoàng-văn-Đào*
Trung quốc toàn sử	*Nguyễn-quốc-Hùng*
Trung quốc sử đại cương	*Li-ung-Binh*
Việt-Nam máu lửa	*Nghiêm-kế-Tổ*
Người Việt gốc Miên	*Lê-Hương*
Sư Cao Miên	—
Hoa Kỳ sử lược	*Thùy-Dương*
Khí hậu Việt-Nam	*Đỗ-đình-Cương*
Non nước Khánh Hòa	*Nguyễn-đình-Tư*
Gò Công xưa và nay	*Huỳnh-Minh*
Vũng Tàu xưa và nay	—
Sa Đéc xưa và nay	—

HÃY TÌM ĐỌC

CUỐN SÁCH VIẾT VỀ CUỘC ĐỜI
NHẠC SĨ PHẠM DUY TRÊN ĐƯỜNG SÁNG TẠO

— Cuộc đời PHẠM DUY qua 30 năm sống và sáng tác với bao biến chuyển lịch sử : tiền kháng-chiến, kháng-chiến, hậu kháng-chiến thần-thánh của Dân Tộc.

— Cuộc đời đầy sống động với bao cuộc tình éo le, với bao vận nước nổi trôi, với bao khắc khoải đã được TẠ TỴ viết thành sách :

PHẠM DUY CÒN ĐÓ NỖI BUỒN
VĂN SỬ HỌC XUẤT BẢN

VĂN SỬ HỌC đã xuất bản

TRUNG QUỐC SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

In lần thứ tư (tăng bổ và hiệu đính)

— Phần Cổ sử được tác giả viết lại, rất phong phú.

— Rất bổ ích cho việc tìm hiểu nguyên ủy các tổ chức chính-trị, văn-hóa, xã-hội của Việt-Nam.

Dùng làm món quà tặng và phần thưởng thật trang nhã và bổ ích.

TÌM MUA TẬP NHẠC

10 BÀI ĐẠO CA

của PHẠM DUY

Văn Sử Học xuất bản

* Ý thơ tuyệt diệu.

* Nghệ thuật âm nhạc tuyệt vời

— Đạo Ca Một đắm chìm trong một hòa điệu mờ ảo, dị kỳ

— Đạo Ca Hai với giai điệu dịu dàng trong sáng

— Đạo Ca Ba đạt tới tuyệt đỉnh của nghệ thuật với giai điệu linh động, dồn dập...

— Đạo Ca Bốn với lời thơ cảm động, giai điệu « lang thang », buồn bã, gây cảm tưởng lạ lùng.

— Đạo Ca Năm với giai điệu vô sắc, và «thơm tho» lạ lùng với một hòa điệu chuyển hành đi lên.

— Đạo Ca Sáu với giai điệu vút lên, đơn giản và thanh khiết.

— Đạo Ca Bảy với vẻ đẹp và sức mạnh của những ý nhạc tuyệt vời

— Đạo Ca Tám với những âm hưởng trong suốt tuyệt vời và lạ lùng

— Đạo Ca Chín với một hòa điệu khá linh động, giai điệu trang trọng

— Đạo Ca Mười với giai điệu vui tươi linh hoạt nhịp nhàng.

(Theo lời phê bình của G.E. Gauthier)

M. SAKAI

Director

Maruka Machinery Co., LTD

SAIGON OFFICE
NO 13, ĐẠI-LỘ TRẦN HƯNG ĐẠO, SAIGON
P.O. BOX SAIGON
TEL : 23.898 :
CABLE ADDRESS : « MARUKA » SAIGON

HEAD OFFICE :
41, BUNGO-MACHI,
HIGASHI-KU, OSAKA.
P.O. BOX HIGASHI-350
TEL : (941) 8271-0279
CABLE ADDRESS : « MARUKA » OSAKA

THUỐC BÁC-SỸ TÍN VÌ SAO RA ĐỜI?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản thổ-nghi và dâu-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc thâu thập cái hay của người đặng nâng-cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình vãn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

Lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

ĐÃ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

- TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
  (Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- PHAN THANH GIẢN
  (Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268 trang)
- QUANG TRUNG
  (Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- NGUYỄN TRUNG TRỰC
  (Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)
- KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU (Đống Đa)
  (Sử Địa 13, 1969, 232 trang)
- VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 16, 1969, 222 trang)
- NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
  (Sử Địa số 19 và 20, 1970, 312 trang)
- 200 NĂM PHONG TRÀO TÂY SƠN
  (Sử Địa số 21, 1971, 232 trang)

SẼ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

* ĐÀ-LẠT
* NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

* Chủ Nhiệm : *Nguyễn Nhã*
* Quản Lý : *Mai Chưởng Đức*
* Thủ Quỹ : *Phạm Thị Hồng Liên*

Giấy phép xuất bản số 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-1965 *và biên lai chính thức số* 291 BTT/NBC/HCBC ngày 12 tháng 3 năm 1970.
In tại nhà in Việt Hương — 34 Lê Lợi, Sàigòn.

sử địa NĂM THỨ VI * tam cá nguyệt san — số 22, tháng 4 đến 6 - 1971

* *Lá thư tòa-soạn* 1

HOÀNG XUÂN HÃN
- *Phe chống đảng Tây-Sơn ở Bắc với tập « Lữ Trung Ngâm »* 3

BỬU CẦM
- *Giao-Châu thời Lục-Triều* 11

BÙI QUANG TUNG
- *Thủy trình đường ghe từ Huế (Thừa-Thiên) ra Nam-Định* 31

NGUYỄN NGỌC CƯ
- *Vài tài liệu Pháp về cuộc khởi-nghĩa Trương-Công-Định tại Gò-Công* 42

NGUYỄN DUY
- *Nguyễn Quyền (thời gian bị an-trí ở Bến-Tre)* 51

ĐÌNH THỤ HOÀNG VĂN HOÈ
- *Ngọc phả tướng công Đại-vương công thần đời Trưng Vương* 61

LÊ HỮU NGHĨA
- *Tìm hiểu suối nước nóng thiên-nhiên tại Bình Thuận* 69

NGUYỄN VĂN HẦU
- *Chuyến du khảo vào nông trại Thới Sơn* 70

TÔ NAM
- *Nguyên nhân vụ án Tiền-Quân-Thành* 91

ĐÔNG TÙNG
- *Cao-Đạt trước một phiên tòa lịch-sử* 130

SỞ MẬT THÁM ĐÔNG DƯƠNG
- *Tân-Việt Cách-Mạng Đảng* 138

Lạp chúc NGUYỄN HUY
- *Mỏ và tinh khoáng kỹ-nghệ ở Việt Nam Cộng Hòa* 177

MAI CHƯỞNG ĐỨC
- *Trung Việt văn-hóa luận tập* 192

NGUYỄN ĐỨC DỤ
- *Thử tìm hiểu vấn đề gia phả ở miền Nam* 198

NGUYỄN KHẮC KHAM
- *Khâm-Định An-Nam kỷ-lược* 225
* *Giới Thiệu sách báo* 229
* *Tin tức đặc biệt* 234
* *Phụ trương*

BÙI QUANG TUNG
Quelques documents inédits sur la révolte de Trương-Công-Định à Gò Công (1861-63). 237

HÌNH BÌA : *Vùng Óc Eo, nơi tìm thấy vàng (ảnh Nguyễn Huy).*

BẢN ĐẶC BIỆT